

Dẫn nhập: Với cái nhìn chủ quan của người biên soạn, tuyển tập 300 tác giả và tác phẩm đơn thuần chỉ là công việc góp nhặt sỏi đá những tác phẩm tiêu biểu một thời của những tác giả tiền chiến, hậu chiến, trước hay sau 75 của hai miền Nam Bắc, trong nước cũng như ngoài nước, già hoặc trẻ, cũ hoặc mới. Tác giả và tác phẩm được góp mặt mỗi tuần theo thứ tự họ hoặc tên qua mẫu tự *A, B, C*... Xin thành thực cảm ơn những tác giả có mặt trong tuyển tập nhưng vì trở ngại thông tin, chúng tôi đã không thể xin phép quý vị trước khi đăng tải. – Ngô Không Phí Ngọc Hùng.

Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Quang Lập (I)

Tiểu sử

Bút hiệu: Hồng Nhật, Hồng Đức, Quang Quang
Tên trên website: Bỏ Lập.

Tác phẩm

Kỷ niệm thời trai trẻ (thơ 1983), Bạn văn
Những mảnh đời đen trắng (tiểu thuyết 1989)



Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2
Đêm 30 có mỗi truyện này – 3
Một con thuyền – Phạm Thị Hoài - 7
Trường hợp Nguyễn Quang Lập, một nhà văn bất khuất – Bắc Phong – 9
Sự tích chiếc xe trâu của Phùng Quán – 10
Nguyễn Quang Lập & những tiếng kêu ca – Tường Năng Tiến - 12
Nói ra thì bảo là phản động – Phạm Thị Hoài – 15
Ngày 30 tháng tư của tôi – 26

Phụ đính:

Cưới xin thời bao cấp - Nhà văn làm giàu - Nổi chìm một thị xã - Tiếng lục lạc
Tiếng gọi phía mặt trời lặn - Bốn mươi chín cây cơm nguội
Chuyện sót lại ở thung lũng Chóp Ri - Giấc ngủ kỳ lạ của ông Lương Tử Ban
Người thổi kèn Trom-pet – Đa phu

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả



Nguyễn Quang Lập tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội. Ngoại ngữ: tiếng Nga hạng trung nhưng quên sạch, tiếng Anh hạng bét nhưng đang học. Hiện là biên tập viên Nhà xuất bản Kim Đồng, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, sống tại Hà Nội.

Tác phẩm Văn học: *Một giờ trước lúc rạng rắng* (Tập truyện ngắn, 1987), *Tiếng gọi phía mặt trời lặn* (Tập truyện ngắn, 1988) *Những mảnh đời đen trắng* (Tiểu thuyết, 1989)

Sân khấu: *Mùa hạ cay đắng* (Kịch, 1987) *Trên mảnh đất người đời* (Kịch, 1988), *Sự tích nước mắt* (Kịch, 1989), *Những linh hồn sống* (Kịch, 1992), *Sám hối* (Kịch, 1996), *Điện thoại di động* (Kịch, 2005)

Điện ảnh: *Gió qua vùng sáng tối* (Kịch bản phim truyền hình nhiều tập, viết chung, 1998), *Cảnh sát hình sự* (Kịch bản phim truyền hình nhiều tập, viết chung, 1995), *Đời cát* (Kịch bản phim truyện, 1999), *Thung lũng hoang vắng* (Kịch bản phim truyện, 2002) và rất nhiều kịch bản phim truyền hình khác.

Kịch bản phim truyện chưa được dựng: *Đảo của dân ngụ cư* (2003), *Không có Eva* (2003), *Lý Thường Kiệt* (2004), *Chuyện ở phố Hàng Thùng* (2005)

Giải thưởng chính: Giải truyện ngắn báo *Văn nghệ* (1985), Giải thơ của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (1987) Giải kịch bản sân khấu của Bộ Quốc phòng (1989), Giải kịch bản sân khấu của Hội Sân khấu (1992), Giải biên kịch xuất sắc Liên hoan phim Bông Sen Vàng lần thứ 14 (2002), Giải kịch bản phim truyện lịch sử kỷ niệm 1000 năm Thăng Long (2004)

Tác phẩm đã được dịch ra tiếng nước ngoài: Tiểu thuyết *Những mảnh đời đen trắng* (*Fragments de vie en noir et blanc*, Philippe Picquier, 1998), và trong các tuyển tập văn học Việt Nam: *The Other Side of Heaven: Post-War Fiction by Vietnamese and American Writers* (Wayne Karlin, Lê Minh Khuê và Trương Vũ chủ biên, Curbstone Press, 1995), *Love after War: Contemporary Fiction from Vietnam* (Wayne Karlin và Hồ Anh Thái chủ biên, Curbstone Press, 2003)

Đã nói là phải nói thật!, phỏng vấn (VietNamNet)

- Không thể ăn theo mãi chút hư danh, phỏng vấn (vnExpress)
- Bốn mươi chín cây cơm nguội, truyện ngắn
- Hạnh phúc mong manh, truyện ngắn
- Đêm 30 có mỗi truyện này, truyện ngắn
- Tiếng gọi phía mặt trời lặn, truyện ngắn

Đêm 30 có mỗi truyện này

Chiều ba mươi tết, Quỳ đạp xích lô ra ga, tính đón khách chuyến tàu vét rồi gửi xích lô, bắt xe đò về quê. Vừa vào sân ga, tàu chưa về đã có khách gọi, may thế. Khách là một trung niên mặt rỗ, quần bò áo thun, kính đeo gọng vàng.

- Bưởi! Gã vươn vai dựa hẳn vào thành xe, rút thuốc lá hút. Ông cho con ba chục. Quỳ chưa đi vội. Loại này hoặc công chức, hoặc ma cô, phải ngã giá trước. Gã quay lại, lật kính lừ lừ nhìn Quỳ. Quỳ cảm thấy hai tia sáng mắt gã đang soi từng lỗ chân lông da mặt mình.

- Mày định ăn thịt người ta hay sao mà thét dữ thế.

- Dạ tết nhất đến nơi. Ông gọi hàng nào cũng thế. Ày là con lấy rẻ năm ngàn.

Thì ra gã chỉ mắng thế thôi chứ không thêm bớt một hai gì. Đường phố ngày tết người ta đi như ăn cướp, như chạy giặc. Quỳ cũng lạng lách như ai, chủ yếu để người ta không coi mình là thằng nhà quê, ngờ nghếch quá. Từ từ thôi! - gã nhấc.

- Văng. Đi tử tế vào, rồi tao trả nốt năm ngàn.

-Văng. Quỳ thả lỏng, thông thả đạp. Xem ra gã cũng tử tế. Từ ngày ra phố làm ăn, cứ ba ông khách thì một ông tử tế. Quỳ thường khoe với vợ như vậy. Vợ Quỳ tròn xoe mắt: “Tử tế mà lắm thế à?”. Đàn bà suốt đời rúc xó bếp biết gì! Vợ Quỳ mặt đã to lại phèn phẹt, nhưng từ cổ trở xuống thứ nào thứ nấy không đáng yêu cũng đáng nể. Ăn uống kham khổ lắm, thế mà cái đít lúc nào cũng vồng lên. Rõ đáng tự hào.

- Ày! Gã khách kêu lên. Quỳ không kịp phanh xe, gã đã nhảy xuống lật đật chạy về phía sau nhặt lên một cái vòng. Quỳ cũng chạy tới. Vàng! Cái vòng vàng. Gã khách mân mê cái vòng vàng, cười toét một cái: “Một cây là cái chắc!”. Gã nhét ngay vào túi và nhảy phốc lên xe.

- Đi nhanh, mày. Tao tặng gấp đôi tiền cho. Quỳ thấy xót quá, nếu mình không nghĩ vẫn vợ thì mình đã thấy trước gã.

- Ông tính một mình lấy luôn cái vòng à? Quỳ hỏi giọng run run.

- Chứ sao, tao thấy trước mày.

- Con thấy trước ông nhưng con không kêu lên. Quỳ cố gắng không để lộ cái giọng run run của mình. Gã khách cười cái “rắc”, nghe như ai vừa bẻ một cành khô.

- Ai bảo mày không chịu phát biểu ý kiến! Quỳ thấy mình đuối lý. Đối đáp với người phố bao giờ Quỳ cũng là thằng đầu đất. Hôm qua có ông khách mắng Quỳ: “Tụi mày đói là vì không biết ngậm miệng ăn tiền”. Quỳ cũng thấy đúng quá. Quỳ cố nặn óc nghĩ được câu gì hòng thuyết phục gã chia cho một ít.

- Tết nhất được lộc trời, ông cho con xin một ít. Dứt lời, mặt Quỳ nóng bừng, khi không lại mở mồm xin xỏ. Gã khách lại quay lại nhìn Quỳ.

- Mày trông thế mà cũng có văn hóa đấy. Được, mày xin thì tao cho. Tao bầy mày ba, được không? Quỳ cười nịnh, cái mặt cười mới thắm hại làm sao:

- Ông cho con bao nhiêu, ơn ông bấy nhiêu. Gã khách lại cười cái “rắc”. Thằng cha cười đến hay, như chó khạc xương.

- Ơn nghĩa! Tụi mày đói mà xài sang quá. Cái vòng này cỡ một cây. Tao trả mày tiền ba chỉ, tao lấy cái vòng - Gã xĩa ra tập tiền sáu trăm ngàn, hất tay phía sau - Cầm lấy! Nhìn sáu tờ một trăm ngàn. Quỳ thấy chân tay mình cứng lại.

- Ông ơi, vàng bây giờ một chỉ gần năm trăm ngàn. Ông cho con ba chỉ mà được có... Gã lập tức rút tiền vào túi.

- Không lấy thì thôi. Vàng rụng vàng rơi, một chỉ hai trăm là quá lắm.

Quỳ định nói: “Thôi, ông cho con xin” nhưng không hiểu sao lại kêu lên:

- Một chỉ hai trăm thì thiệt con quá!

Gã khách nhảy phắt xuống, chậm rãi tiến sát chỗ Quỳ:

- Mày được voi đòi tiên. Đã bảo vàng rụng vàng rơi giá chỉ có thể thôi. Mày thích thì tao đưa tiền cho, không thích thì đưa tiền cho tao. Cũng giá đó.

Chưa bao giờ Quỳnh tính nhanh như lúc này. Một chỉ lãi ba trăm ngàn. Bảy chỉ lãi hai triệu mốt. Đạp xích lô cả năm trời cũng thế thôi. Gã khách moi cái vòng vàng ra, đưa cho Quỳnh.

- Đây, mày xem có đúng một cây không. Hay bảo tao nói phét? Quỳnh cầm cái vòng xoay xoay. Một chỉ lãi ba trăm ngàn. Bảy chỉ lãi hai triệu mốt. Cộng với ba chỉ phần mình nữa, bán vớt đi cũng được 4 triệu bạc. Chợt gã khách đập nhẹ vào tay Quỳnh. Quỳnh giật mình ngược lên. Một cô gái đang hốt hải chạy tới. Quỳnh vừa kịp dứt cái vòng vào túi quần.

- Các bác được cái vòng của cháu phải không ạ? Cô gái mặt non choẹt nhưng son phấn kỹ lưỡng lắm. Áo hồ rồn, quần bò bó căng, cổ tinh làm nổi bật cái phần cần giấu đi. Xem “phong độ” biết ngay loại ăn chơi ngoại hạng.

- Cái vòng của mẹ cháu. Các bác được thì cho cháu xin. Không mẹ giết cháu.

- Vòng vèo nào ở đây. Gã khách trợn mắt quát. Không dừng lại túm áo người ta mà hỏi. Biển đi!

- Không mà... Người ta chỉ cho cháu...

- Biển! Gã khách đẩy cô gái ngã ngời. Cô gái lồm cồm bò dậy vừa đi vừa nấc lên. Tự dưng Quỳnh muốn gọi cô gái lại quá... Cách nào thì mày giải quyết đi. Nó đi gọi công an đấy.

Quỳnh sực tỉnh, vội vàng lôi trong lưng quần ra cái bọc. Gã khách giật lấy. Bao nhiêu đây?

- Một triệu ba năm chục. Tao thiệt đơn thiệt kép. Gã khách thở ra. Thôi mày đi mau lên!

Quỳnh cầm cổ đạp xe chạy vù vù. Thình thoảng phanh kít lại, đạp tay vào túi quần: Vẫn còn! Cái vòng vẫn còn! Lại đạp xe chạy vù vù. Còi ô tô kêu cái “roét!”, mồ hôi Quỳnh túa ra, lạnh toát. Góm, không biết cách nào Quỳnh đã vọt ra tận Hồ Tây. Sờ túi, cái vòng vẫn còn, Quỳnh cười nhả một mình. Bây giờ phải quay trở lại, về Hàng Đào bán mới có giá. Ở đây Quỳnh có quen một chị hàng vàng, năm ngoái Quỳnh đưa đón con chị đi học. Chị này giàu nứt đố đổ vách lại tử tế, chắc chẳng thèm ăn bớt của Quỳnh. Một cây gần năm triệu, có cân non đi đăng giò cũng cầm chắc bốn triệu. Bốn triệu! Quỳnh chưa bao giờ cầm số tiền lớn như thế. Vợ Quỳnh cũng thế. Thị sẽ thế nào khi mình giờ bọc tiền ra nhỉ? Thị sẽ không dám cầm, ngờ vực hỏi: “Ai cho mà nhiều thế?”. Ai cho? - Quỳnh bế xốc thị lên giường - “Tưởng tớ không kiếm được ngàn ấy tiền à?”. “Ây, ây... Con đang chơi ngoài sân”. “Gọi nó vào, đem cái đĩa bảo đi mua nước mắm”. Thị đẩy Quỳnh ra, lườm: “Thị tắm rửa đi đã. Được mấy hơi mà hoảng lên thế”. Ừ thì tắm. Tắm xong tớ sẽ nghiền nát cái đít tự hào của mình ra, xem có còn khinh tở nữa không. Xong rồi, thế nào thị cũng hỏi đi hỏi lại: “Ai cho đấy, nói thực xem nào? Hay là có con đĩ nào nó cho?”. Chà thích quá rồi, còn ra về! Quỳnh kể Quỳnh gặp vận may như thế nào, cái ông khách tử tế ra sao. Thị lại tròn mắt kêu lên: “Tử tế mà lắm thế à?”. Tử tế mà lắm thế à. Rõ lũ đàn bà đàn độn ngu si. Quỳnh vừa nghĩ ra câu thơ. Quỳnh nhắm đi nhắm lại cho thuộc, mai về sẽ đọc cho thị nghe. Thị sẽ ré lên bốp cho Quỳnh một cái. Thị bốp thì đau lắm nhưng mà thích.

Chị hàng vàng tung nhẹ cái vòng mấy lần rồi ngược lên nhìn Quỳnh. Có khi cái này không phải vàng. Nhẹ lắm.

Quỳnh cười to, vui vẻ nói:

- Thị chị cứ thử đi. Trông điệu bộ đi tìm đèn khò không được nhiệt tình cho lắm của chị, Quỳnh đã thấy lo lo. Tuy vậy, Quỳnh vẫn nói cười như không.

- Vàng đang lên phải không chị?

- Ừ. Bốn chín hai.

- Em bán bây giờ là được giá, chị nhỉ?

- Ừ. Đèn khò bật lửa. Ở cái nơi tia lửa liếm vào, một thứ nước rỉ xanh túa ra. Mắt Quỳnh tối sầm.

- Đồng em ạ. Mạ vàng thôi.

Một khối nước đá từ trên đỉnh đầu đang tràn xuống chân. Quỳnh đứng trơ, nước đá từ hai ống quần túa ra, đọng thành vũng trên nền đá hoa.

Quỳnh rơi phịch xuống ghế. Và kể. Chị không hỏi, Quỳnh cũng kể. Không phải, Quỳnh đang làm nhảm như một thằng điên.

- Vàng giả sao nó dám đưa tiền cho em? Em ơi, có khi đó cũng là tiền giả. Quỳnh nuốt nước bọt, ngược lên ngẩn ngơ nói:

- Tại em tham quá. Trong tích tắc, nước mắt Quỳnh dàn dụa. Chị đưa cho Quỳnh cốc nước lọc, khế thờ dài.

- Em cũng đừng dần vặt nữa. Tham là bệnh tật của giống người. Người ta trước sau rồi cũng mắc phải, chẳng ai nói phách nói tướng được. Thôi, coi như mình vừa bị mất cắp, bị trấn lột, còn mấy tiếng nữa là hết năm, ráng kiếm vài chục, về quê còn có chút gì đưa vợ. Quỳ đạp xe ra ga, về bên xe phía Nam, vòng vèo ra tận Phà Đen, lên chợ Bưởi, cũng chẳng có ma nào gọi. Phố phường vẫn đầy người ra đầy nhưng hôm nay là ngày vui của người ta, ngày chết tiệt của Quỳ. Đêm xuống rất nhanh, gió hun hút thổi. Quỳ không rét nhưng mà đói. Đói lắm. Phố xá tịnh không ai còn mua bán gì. Khổ nỗi đường phố giờ này lại ngậy mùi xôi thịt, rúc vào đâu cũng ngậy mùi, càng hít chân tay càng rời rã. Quỳ dừng xe một góc phố, tính làm một giấc lấy sức rồi gửi xe cuốc bộ về quê. Gần 40 cây số nhưng đi mãi rồi cũng đến, cũng không hết tét đầu mà lo.

Không ngủ được, nhạc nhéo đình tai nhức óc. Nhà sát đường chừng đèn kết hoa như đám cưới, nhưng nhìn vào thời trống hoác, chỉ một đôi trai gái đang ôm nhau nhảy. Chúng nhảy như động rồ, ngoắc của nợ vào nhau chứ đâu phải là nhảy. Bỗng Quỳ đứng phắt dậy. Gã khách! Thằng quần bò áo thun! Thằng mặt rỗ! Con kia đích thị là đưa đến xin vòng. Tiên sư cha quân mất dạy! Quỳ chực xông vào nhưng hú hồn đã khựng lại được trước cổng. Đêm ba mươi vào làm âm ỉ nhà người ta thì cầm chắc tiền mất tật mang. Cứ đứng đây đợi. Thằng kia nếu là chủ thể nào cũng tiền con kia, nếu là khách thì quá lắm đến giao thừa cũng phải rút. Còn hai tiếng nữa đến giao thừa chứ mấy. Quỳ ngồi xồm, tựa lưng thành cổng, nghiêng răng chờ đợi. Con chó bẹc-giê thấy có người lạ liền đứng đĩnh đi ra, đưa mắt lừ đừ nhìn Quỳ, gừ một tiếng, ra cái điều: "Nhìn cái gì mà nhìn". Chó nào chủ nấy. Chó nhà quê nghe tiếng người cuối xóm, đầu xóm đã sửa nhặng lên, ra vẻ hung hăng lắm, nhưng người ta dậm chân một cái đã cụp đuôi mất dạng ngay tắp lự. Con bẹc-giê đến sát cổng, nằm bẹc xuống, trể nải lim dim mắt nhìn Quỳ. Rõ nó coi Quỳ bằng nửa con mắt. Quỳ cười khẩy, nghĩ bụng: "Mày là cái đéo gì. Đồ liếm cứt nhà giàu". Nó lại gừ một tiếng rồi ưỡn ngực vươn vai, đứng đĩnh đi vào, ra cái điều: "Chẳng dư hơi đôi co với lũ chúng mày".

Thế mới tức. Tự nhiên Quỳ uất lên.

"Ba-ái!". "Xí ó ghê-ên!". Rồi! Thằng kia ra rồi. Quỳ vụt dậy. Gã vừa ra khỏi cổng, Quỳ đã túm chặt

lấy tay gã.

- Ông! Đây là cái vòng giả! Ông cho con xin lại tiền.

Gã từ tốn nhìn Quỳ, không lộ một chút gì tức giận hay sợ hãi. Tuồng như gã đã biết trước thế nào cũng gặp Quỳ, thế nào cũng nghe Quỳ nói thế. Thì buông ra đã nào. Tao có chạy đi đâu mà sợ.

- Con đã thử rồi. Đây là cái vòng đồng mạ vàng.

Quỳ đưa cái vòng cho gã. Gã cầm cái vòng ngắm nghía. Giả à?

- V-âng. Ừ, nếu giả thì tao đưa lại tiền cho. Coi như tao không được cái gì.

Gã nháy lên xích lô, vui vẻ nói:

- Đi! Đi thử một lần nữa cho chắc. Rồi mày chở tao về Bưởi, tao lấy tiền đưa mày. Mau lên, giao thừa sắp đến rồi.

Quỳ định nói: "Thôi, không thử nữa, ông cho con xin lại tiền", nhưng lại nghĩ bụng: "Thử thì thử, sợ gì! Lần này có ông nội mày cũng không lừa được ông nữa đâu, con ạ".

Gã bảo Quỳ dừng lại trước cửa hàng vàng cách hàng vàng quen của Quỳ có mấy trăm mét. Chủ nhà đã đóng cửa nhưng thấy gã thì vui vẻ lắm, nhanh nhẩu tìm đèn khò ra xít. Ừa, nước vàng chảy ra tươi rói! Thế là thế nào nhỉ?

- Mày thử kiểu gì lạ thế? Làm mất thời gian tao! - Gã vừa đi ra cửa vừa càu nhàu và nhét cái vòng vào túi.

Quỳ leo đẹo theo sau, nói giọng thiếu tự tin hẳn:

- Con thử nhà người quen hẳn hoi.

Lập tức gã quay ngoắt lại.

- Đâu? Nhà người quen mày ở đâu?

- Đó kìa! Có một đoạn.

Gã rút cái vòng ra đưa cho Quỳ:

- Cho mày thử lại. Không bảo tao hợp đồng nhà người quen lừa mày. Đi mau lên, Quỳ co cẳng chạy. Không kịp bấm chuông, cứ thế lao thẳng vào nhà.

Chị hàng vàng cầm cái vòng lật đi lật lại. Đâu? Vết thử của người ta đâu? Mỗi vết thử của chị đây này.

- Vừa thử xong mà. - Quỳ thử hất ra.

Chị hàng vàng bỗng tái mặt kêu lên:

- Thôi rồi! Nó thử cái vòng thật của nó. - Chị đẩy Quỳ, hối hả giục. - Ra đi! Khéo không cái xích lô của em...

Quỳ lao như tên bắn. Ôi cha mẹ ơi, họa vô đơn chí! Cái xích lô lấy lại của người ta, còn chưa trả hết tiền. Quỳ ngã sấp xuống mặt đường, mãi sau gượng ngược lên đã thấy chị hàng vàng ngồi trước mặt. Chị đỡ Quỳ dậy, nói như rên:

- Về quê mà làm ăn em ạ. Ía vào phố với phèo. Quỳ biết mình khóc nhưng không dừng được.

- Chị ơi, bao giờ em mới hết ngu?

Chị nhét năm mươi ngàn vào túi Quỳ, giọng nghèn nghẹn:

- Em đừng mơ tưởng viễn vông nữa. Mình hết ngu thì người ta mưu mẹo lên gấp năm gấp mười.

Cũng coi như mình ngu như cũ. Thôi, về đi em.

Không! Không về! Phải đến nhà con kia! Nó cùng duộc với thằng mặt rỗ. Không lấy được tiền thu được của thì cũng xé tan xác chúng nó ra.

Cô gái vẫn thức, đang ngồi ngắm nghía, nấn nấn ngực mình

- Cô gì ơi! Ra tôi bảo! - Quỳ nói như quát. Cô gái thủng thẳng đi ra, vênh mặt lên, hất hàm hỏi:

- Gì thế? Tự nhiên Quỳ tịt ngòm, không biết nên tiếp tục thế nào.

- Cô mất cái vòng phải không? - Phải. Đây là cái vòng giả! Cô lừa tôi!

Cô gái cầm lấy cái vòng, bất ngờ ném thẳng vào trán Quỳ.

- Đồ ăn cướp! Đây mà cái vòng của tao à?

Cô gái nhào tới túm chặt lấy cổ áo Quỳ, kêu to:

- Mẹ ơi! Đây rồi! Thằng ăn cắp đây rồi! Quỳ há hốc mồm, không biết nên làm gì, nói năng thế nào.

Trong nhà đi ra một người đàn bà chừng năm mươi tuổi, mặt mày xem ra phúc hậu lắm.

- Thằng này giật cái vòng của con. Bắt được, nó lại trả lại cái vòng giả.

- Không phải! Cô lừa tôi! - Quỳ vặc lại và giật tay cô gái.

- Thôi, thôi. Đừng ồn. Nhà chị đang có khách. Có gì vô nhà nói. Chuyện đâu có đó em ạ.

Bà cất tiếng dịu dàng, nghe êm như tiếng Phật bà từ trời xanh rót vào tai Quỳ. Bà tự tay mở cổng, nhẹ nhàng kéo Quỳ vào.

Vào thì vào! Cây ngay không sợ chết đứng. Chừng nào còn chưa lấy được tiền và cái xích lô thì ông còn nằm ỳ ra đấy, chúng mày không cho ông ăn thì ông ỉa ra cho mà dọn.

Bà nhẹ ấn vai Quỳ xuống ghế bành. Cái ghế to đến nỗi Quỳ thấy mình như đang tụt xuống một cái hố. Bà xăng xái đi lấy nước, rất lâu sau cầm cốc nước đi ra ấn tận tay Quỳ, ân cần nói:

- Con bé nhà chị nó cũng hư lắm. Em uống nước đi, rồi kể chị nghe đầu đuôi thế nào. Quỳ tu một hơi, quẹt mồm, nói:

- Chiều nay con đi chờ khách... Thì uống nước đi đã nào. Chuyện đâu có đó mà em. Bà tươi cười cắt ngang lời Quỳ. Vô lễ bà này lại để ra con khốn nạn kia? Quỳ uống thêm ngụm nước, đang nghĩ xem mình nên bắt đầu thế nào cho vừa gọn vừa rõ ràng thì một chiếc xe Jeep đỗ xích trước cổng. Ba người đàn ông bước vào. Hai người trẻ, một người đã đứng tuổi có cái mũi cà chua. Hai người trẻ chẳng nói chẳng rằng ập đến bẻ quặt tay Quỳ.

- Ô, sao lại thế này? - Quỳ kêu lên.

- Câm mồm! - Người mũi cà chua quát khế. - Lôi cổ nó ra ngoài! Quỳ ra sức trị lại nhưng không được. Tuyệt vọng, Quỳ quay mặt về phía bà chủ kêu to:

- Bà! Bà ném cho Quỳ một nụ cười khinh bỉ rồi quay lại người mũi cà chua, thờ ra:

- Tét nhất... phiền các chú quá.

Người mũi cà chua cụp mắt xuống, cố gắng lễ phép với bộ ngực xấp lúc nào cũng muốn nhào ra khỏi cổ áo của bà.

- Dạ có chi... Anh đâu chị?

Bà nhỏ giọng: Anh có khách.

Người mũi cà chua liền co vai, rụt cổ, nói khế:

- Thôi, em chào chị, em về đây. Chị cứ yên tâm đi, thế nào em cũng lấy lại cái vòng cho cháu.

- Thôi, khỏi phiền các chú đến thế.

Bà nói và tiễn người mũi cà chua ra cổng.

Xe jeep biến khỏi cổng. Bà quay lại lờm cô gái này giờ vẫn ườn ra trên đi-văng.

- Cái vòng đâu rồi, con chó?

Cô gái cười rúc rích. Mẹ cũng quá lắm. Máng nhà quê xơi xới. Cứ làm như mẹ không phải ở quê ra. Bà ngồi xuống, hực ra một tiếng cười khô khốc.

- Là tao nói thế, chứ không có chúng, bố con mày bốc cứt mà ăn. Nói rồi bà vươn vai ngáp dài.

- Khách với khứa. Giờ này còn ngồi thăm thăm thì thì.

Bà uể oải lên cầu thang. lát sau đã nghe tiếng bà ngọt như tiếng tơ đồng:

- Ấy không. Về là thế nào. Anh đến giờ này là lộc trời ban cho nhà em đó.

Cô gái ngửa cổ cười dài, thò tay nhỏ một nhúm lông ném lên phía cầu thang.

Xe Jeep chờ Quý đến ngã tư thì dừng lại. Người mũi cà chua tự tay cởi trói cho Quý.

- Thôi, cho về ăn tết với vợ con.

Quý chẳng thấy vui sướng gì, cứ ngồi lì không chịu xuống xe. Ngồi tù còn đỡ nhục hơn về nhà kể cho vợ chuyện này.

- Con không về.

- Sao?

- Chúng nó là bọn lừa đảo.

Người mũi cà chua cười phì:

- Mày bây giờ mới biết à?

Rồi anh vỗ vai Quý, dịu giọng:

- Về đi em, giao thừa rồi đó.

- Nhưng, chúng nó là bọn lừa đảo! - gần như Quý rú lên.

- Bé mồm thôi! Mày còn nói nữa, tao lại bắt mày bây giờ!

Xe Jeep biến mất, Quý đứng trơ giữa ngã tư đường. Bốn ngã đường vắng hoe. Không một bóng người, cả bọn mất dạy lẫn người tử tế.

Bắc Linh Đàm 11-2001

Một con thuyền Phạm Thị Hoài



Năm ngoái, anh Lập đề nghị tôi đứng tên phụ trách *Quê Choa*. Đó là thời điểm Nghị định 72 chuẩn bị có hiệu lực. *Quê Choa* đã tự điều chỉnh, như nhiều lần trước đó. Lúc chỉ đăng bài của chính Bộ. Lúc tạm đóng phần bình luận của độc giả, rồi mở lại, rồi đóng hẳn. Lúc thêm chế độ đánh giá bài, rồi lại bỏ. Lúc tạm dừng đăng bài, chỉ điểm tin từ báo chí nhà nước và một số hãng tin lớn quốc tế. Lần này, chủ trang thận trọng kèm lời ghi xuất xứ: "Bài của tác giả gửi *Quê*

Choa” và tin cậy vào sự ủng hộ của bạn bè. Trang của anh, ngoài nội dung thông tin, còn có thể coi là một hàn thử biểu đo thời tiết chính trị ở Việt Nam. Thời tiết thoáng đãng hơn, không khí cởi mở hơn, *Quê Choa* xông pha hơn, đăng lại cả bài của những tác giả bị nhà nước Việt Nam khóa chặt trong danh sách đen. Mây mù bắt đầu kéo lên, *Quê Choa* nhẹ nhàng lui lại một bước, hai bước, có khi cả ba bước. Anh Lập là tất cả, chỉ trừ cực đoan.

Tôi thật sự thấy vinh dự, nhưng đã từ chối. *Quê Choa* sẽ không còn là nó, nếu do một người khác điều hành, nhất là điều hành từ hải ngoại, dù chỉ trên danh nghĩa. Thành công của trang tin này gắn với chủ nhân của nó, một nhà văn nổi tiếng, sống trong nước, có một sự nghiệp sáng tác thuộc hàng đầu trong văn chương đương đại nước nhà. Tác phẩm của anh đứng trong dòng chính. Sách của anh bán chạy. Kịch của anh đắt hàng. Anh viết sinh động, hóm hỉnh, thiên về hướng dân dã mộc mạc, gần đây pha đậm chất khẩu văn tếu táo, vốn không phải sở thích lâu dài của tôi, song ở những trang xuất sắc nhất tôi có cảm giác rằng các mẫu kí ức vụn của anh về những mảnh đời đen trắng trong cái thời màu xám của chúng ta có thể diễn đạt nhiều hơn bao nhiêu nhận định, phân tích, nghiên cứu, tuyên ngôn hùng biện... Nếu tôi không nhầm, anh cũng là đảng viên và giao du thân mật với một số nhân vật trong chính quyền. Một chức quan văn khá khá trong vô số các hiệp hội văn học nghệ thuật ở Việt Nam là chuyện trong tầm tay, ở đó anh hoàn toàn có thể trở thành một Mạc Ngôn trừ đi phần huyền giác huyền ảo thêm vào phần hài hước, một lúc nào đó cũng trúng cơ cấu Giải thưởng Nhà nước rồi bước vào sách giáo khoa, thêm vài giải thưởng trong khu vực nữa là mãn nguyện một sự nghiệp. Nhưng ngay từ đầu, trong những buổi trò chuyện đầy cảm hứng ở thời Đổi Mới hai mươi lăm năm trước, tôi đã nhận ra không làm rằng anh sẽ chẳng bao giờ trở thành một quan chức văn nghệ, dù chỉ quan chức hờ chờ phát biểu lấy lệ và sở hươu. Anh trở thành một blogger.

Chuyển *Quê Choa* sang Berlin thì vô nghĩa, dù hai phần ba người Việt ở đây nói giọng bọ, tôi đùa. Chuyển Ba Đình sang Boston hợp lí hơn, giới quý tộc đồ – hoặc đã chuyển màu huyết dụ – nhập hộ khẩu ở duyên hải miền Đông Hoa Kỳ ngày càng đông đảo. Nhưng giọng người bạn cách nửa vòng trái đất thì đầy lo ngại. Chỉ cần nó phạt hành chính, hôm nay vài chục triệu, ngày mai vài chục triệu, mình viết văn chứ có buôn cổ phiếu đâu. Rồi nó gọi lên gọi xuống, mình chân tay người ngợm thế này, đứng lên ngồi xuống còn vất vả, rồi làm khổ cả gia đình... Tôi gợi ý, thuê máy chủ bên này, kĩ thuật viên bên này, lỡ có sự cố gì thì *Quê Choa* vẫn tồn tại. Song lại nhận ra rằng đề nghị đó cũng vô nghĩa nốt. *Quê Choa* gắn với bọ Lập. Không có tác nhân hội tụ là anh, *Quê Choa* chỉ còn là cái xác trên một server an toàn. Tôi bảo, trăm triệu thì không có ngay, chứ chục triệu chẳng lẽ mấy trăm ngàn độc giả của anh không góp được để trả tiền phạt? Rồi cũng lại nhận ra, đó là chuyện không tưởng. Chúng ta có thể chờ đợi tất cả ở người Việt – và ở đây đang nói đến những người còn quan tâm đến thế sự thời cuộc -, chỉ trừ sự đóng góp cụ thể và bèn bĩ về tài chính. Tất cả, dù chia rẽ trong mọi quan điểm, đều đồng thuận trong tinh thần hưởng thụ miễn phí. Tự do, dân chủ, nhà nước duy pháp quyền là những thứ rất tốn kém. Vấn đề đầu tiên của một nền báo chí độc lập cho Việt Nam là tiền đâu. Chừng nào còn né tránh nó, chúng ta còn giằm chân trong giới hạn cuối cùng mà những thành tựu thiện nguyện và tài tử có thể đạt tới. *talawas* trước kia đã đi hết giới hạn đó.

Phương án này, phương án kia. Song chúng tôi biết rằng cuối cùng vẫn không có gì khác. Anh biết rằng tôi không thể nhận lời. Tôi biết rằng anh không thể không tiếp tục. Ừ, để mình tính, dám làm thì dám chịu, hi vọng tình hình khá lên, anh Lập kết thúc vụ âm mưu xuyên biên giới, giọng thì cười nhưng người thì không.

Tình hình có vẻ khá lên, với sự ra đời liên tiếp trong một thời gian ngắn của Ban Vận động thành lập Văn đoàn Độc lập Việt Nam và trang *Văn Việt*, Hội Nhà báo Độc lập Việt Nam và trang *Việt Nam Thời báo*. Cũng liên tiếp trong một thời gian ngắn, các nhà báo và nhà hoạt động dân chủ nổi tiếng Cù Huy Hà Vũ, Nguyễn Tiến Trung, Vi Đức Hồi, Đỗ Thị Minh Hạnh, Điều Cày Nguyễn Văn Hải và một số người khác được trả tự do trước thời hạn. *Quê Choa* dường như bình an. Anh

Lập còn tuyên bố rút hẳn khỏi tất cả các hội văn nghệ mà anh là thành viên, để tập trung vào trang blog đã trở thành địa chỉ truy cập hàng đầu của báo chí tự do, làm một cá nhân độc lập, một “người lái đò nhỏ chở con thuyền sự thật”, vẫn ôn hòa và thận trọng như xưa.

Gần hai tháng nay, tôi để ý thấy *Quê Choa* chủ yếu đăng lại tin từ báo chí nhà nước và các hãng tin quốc tế, thỉnh thoảng có bài từ các blogger và Facebooker danh tiếng, song là những người không hề bị coi là *persona non grata* đối với chính quyền. Từ khi blogger Hồng Lê Thọ bị bắt, *Quê Choa* càng thêm thêm hơn. Song điều duy nhất có thể đoán trước ở một chế độ chuyên chế là sự không thể đoán trước của nó, kể cả sự sụp đổ. Và điểm tích cực duy nhất, nếu có thể dùng từ này, trong sự kiện anh Lập bị bắt, là nhận thức – vâng, nhận thức miễn phí cho tất cả, chỉ rất đắt cho anh và gia đình – rằng mọi bí quyết để an toàn tương đối trong một nhà nước chuyên chế là tuyệt đối vô nghĩa.

Chúng ta lại đoán già đoán non vì sao người này bị bắt, người kia không. Chúng ta lại lần mò ranh giới an toàn giữa một bãi mìn. Chúng ta lại đi tìm tín hiệu từ những hộp đen. Chúng ta lại nghe ngóng thế cuộc trên thượng tầng quyền lực. Chúng ta lại đổ tất cả lên đầu Trung Quốc và đặt tất cả hi vọng vào Hoa Kỳ. Chúng ta lại cảm thán, bằng cả văn vần, về một con người đầy khí phách vừa lâm nạn. Và tất nhiên chúng ta cầu cho anh bình an. Vâng, bình an, nghe mà phát điên, nhưng chúng ta vẫn không thôi nói như thế. Điều duy nhất chúng ta không làm là những hành động cụ thể, ở quy mô đủ rộng để có một tác động thực. Hàng trăm nghìn độc giả của anh sẽ quên rất nhanh khoảng trống anh để lại trên không gian ảo, như hàng trăm nghìn độc giả của Anh Ba Sàm.

Con thuyền của anh Lập, dập dìu sóng vỗ khi nào, là một con thuyền lẻ loi. Lập bởi sự tồi tệ của thể chế chính trị. Chìm bởi sự đơn độc của chính nó giữa vài ba con thuyền đơn độc khác. Đắm bởi sự bực bẻ của phần lớn chúng ta.

Nguồn: © 2014 pro&contra

Trường hợp Nguyễn Quang Lập, một nhà văn bất khuất Bắc Phong

Lúc bị công an bắt khẩn cấp, Bộ Lập bình thản dặn vợ:

“yên tâm, nếu sau 9 ngày không thấy về thì chắc khoảng 3 năm”

rõ ràng nhà văn vẫn có máu lạc quan dù sáng thứ Bảy đang ngồi viết tiểu thuyết thì bị công an lấy cớ kiểm tra hệ thống chống cháy xông ập vào nhà khám xét tịch thu máy vi tính rồi bắt giải đi

mà thực nhà văn nếu không lạc quan thì làm sao có thể vừa viết văn vừa làm blog *Quê Choa* ngoài đăng những tác phẩm trí tuệ của mình còn đăng những bài vạch trần sự thật về những chính sách sai lầm của chế độ CSVN

về âm mưu bành trướng của nòi Đại Hán và hiểm họa TQ xâm lăng

về quan chức mọi cấp nhà nước lộng quyền tham nhũng

về giới lãnh đạo kém khả năng các ngành giáo dục y tế giao thông...

về đạo đức luân lý xã hội suy đồi

về thảm cảnh dân oan mất đất mất nhà...

trong khi chính mình nữa người đang bị liệt có người nói thực ra Bộ Lập đã phải trả giá đắt cho việc chuyển tải sự thật trên blog từ lâu nhiều mục báo thường xuyên của nhà văn bị cắt bỏ nhiều kịch bản không cho diễn

Bộ Lập cũng biết trước mình sẽ bị bắt nhưng vẫn can trường làm blog *Quê Choa*

thế mới biết dũng khí nhà văn mang họa vào thân vẫn không chịu khuất bảo sao chế độ CSVN

không rúng động không lo

các bạn cứ nghiệm xem mới nghe tbt Nguyễn Phú Trọng tuyên bố:

“phải giữ cho được chế độ, bảo đảm cho được Đảng lãnh đạo”

là đám công an đã làm ngay nhiệm vụ chó săn thật lạ trong khi Ủy ban Bảo vệ Ký giả Quốc tế lập tức lên án hành động đàn áp của chế độ CSVN đòi thả vô điều kiện Bộ Lập và những người tù bất đồng chính kiến khác thì chủ tịch và ban chấp hành hội Nhà văn trước chuyện bắt giam một hội viên kỳ cựu vẫn miệng cam như hến là sao

tính toàn hiện của Internet trên toàn cầu và sức mạnh của các cộng đồng ảo đúng là nỗi lo mất ngủ của Bộ Chính trị đảng CSVN bọn họ sợ tầm ảnh hưởng lớn của các trang mạng dân chủ nên ra lệnh cho đám công an văn hóa dựng lên tường lửa mở các cuộc tấn công từ chối dịch vụ chưa đủ còn phải dùng tin tặc cài thêm mã độc và huy động lực lượng đồng đảo dư luận viên cho bỗng lộc để chúng phản biện om xòm nhưng chó sủa mặc chó đoàn lũ hành vẫn cứ đi họ sợ những thách thức độc quyền lãnh đạo của đảng CSVN nên dùng mọi thủ đoạn kiểm duyệt thông tin điều này càng làm nhân dân tìm đọc thêm sự thật hàng chục ngàn người mỗi ngày vẫn tìm cách vượt tường lửa truy cập Quê Choa cho đến khi blog bị niêm phong

nếu thực nhà nước CSVN bắt Bộ Lập để răn đe thì họ đã làm to thêm lần nữa

vì trước đó khi bắt các blogger khác với cùng mục đích những người viết blog có nao núng tinh thần đâu họ vẫn nỗ lực đấu tranh cho nhân quyền và tự do dân chủ càng bị đè nén họ càng tăng sức bật sự thành lập các hội đoàn xã hội dân sự là một thách thức hiển nhiên với chế độ Cộng sản độc tài

câu hỏi sau blogger Hồng Lê Thọ và Bộ Lập sẽ đến phiên ai bị bắt nghe thật buồn sao không là câu hỏi những nhà văn nhà báo nào nữa sẽ nhập cuộc đấu tranh vì không thể sống hèn chuyện công an lấy cớ kiểm soát hệ thống chống cháy để vào nhà bắt Bộ lập, tôi chạnh nghĩ cũng đúng thôi vì họ sợ ngọn lửa đấu tranh tự tưởng sẽ lan nhanh đảng CSVN sẽ bị thiêu thành tro bụi

Bộ Lập “bị bắt quả tang” lúc đang ngồi viết tiểu thuyết thế là thế nào?

chẳng lẽ lúc nhà văn đang tán vợ cũng có thể “bị bắt quả tang” lợi dụng các quyền tự do dân chủ ai cũng biết sự mơ hồ của điều 258 bộ luật hình sự là để công an tùy tiện bắt người

bài cuối Bộ Lập đăng trên blog Quê Choa trước khi bị bắt:

Vì sao cần cảnh giác với Viện Khổng Tử?

các bạn có cần suy luận gì thêm? nhà văn chống gậy đi mới vững còn đảng CSVN phải chống gậy TQ đến bao giờ?

Sự tích chiếc xe trâu của Phùng Quán

Những năm tám mươi mình ở quê, mỗi lần ra Hà Nội mình thường trọ hai nơi, một là nhà Phạm Xuân Nguyên, hai là nhà Phùng Quán. Chỉ hai nơi đó là mình cảm thấy hoàn toàn tự do như ở nhà mình.

Nhà thằng Nguyễn bằng cái lỗ mũi, chưa đầy chục mét vuông. Vợ chồng nó còn trẻ, có mình chúng nó như bị cấm đoán chuyện vợ chồng, rất khổ nhưng chúng nó vẫn vui vẻ. Mình cũng ái ngại lắm. Thường trước khi ngủ mình nốc rượu thật say, một là để ngủ cho ngon, khỏi phải tưởng tượng lung tung, hai là ngằm thông báo cho chúng nó là mình say rồi, “chết” rồi, muốn làm gì thì làm, hi hi.

Lúc đầu cứ ra Hà Nội là mình tấp vào nhà thằng Nguyễn. Một hôm anh Quán đến chơi nhà thằng Nguyễn gặp mình ở đấy. Tàn cuộc anh kéo mình ra ngõ, nói mày vô nhà lấy đồ anh chở lên nhà anh. Mình ngạc nhiên, nói rằng rửa anh. Anh cười, vỗ nhẹ vai mình, nói mày có vợ rồi mà tồ lắm.

Mày nằm chềnh ềnh ra đó, tụi nó biết mần ăn ra răng. Minh ok liền, vui vẻ theo anh về nhà. Bây giờ mình mới để ý chiếc xe đạp của anh Quán, nó to quá cỡ, trông thô kệch kinh hồn, chưa bao giờ mình thấy chiếc xe đạp nào to kềnh càng và thô kệch như xe này, ống tuýp khung xe to hơn cổ tay, nan vành xe chiếc nào chiếc nấy to bằng đầu đũa, không thềm nói ngoa.

Anh Quán nói đó là xe trâu, người Nga dùng nó làm xe thồ, chở vài tạ vẫn chạy tốt. Minh hỏi sao anh mua xe này. Anh cười cái hặc, nói tiền đâu mà mua, có tiền cũng chẳng có mà mua, xe này khắp Hà Nội bóí không ra một chiếc. Minh nói ủa, rứa rằng anh có. Anh nói người ta tặng. Minh hỏi ai tặng, anh nói Lê Nin. Minh cười phì, nói anh không biết nói trượng. Lê Nin chết năm nào, anh sinh năm nào mà bảo Lê Nin tặng anh chiếc xe đạp này. Anh cười hi hi, nói rứa mới tài.

Minh không hỏi nữa vì biết thế nào anh cũng kể, tính anh thích kể có đầu có đuôi, ít khi kể gọn lỏn một câu. Anh hay kể mấy chuyện liên quan đến sự viết của anh. Anh kể cái truyện Vượt Côn Đảo tất nhiên anh bịa, hồi đó nghe người ta kể lại một phần anh bịa ra chín phần. Cho đến ngày anh ngồi kể cho mình nghe, khoảng năm 85- 86 chi đó, anh vẫn chưa biết Côn Đảo méo hay tròn. Trong đó có mấy câu anh tả con đường từ nhà tù ra bãi dương (trường bắn) được lót xương của các tù nhân bị án tử hình. Là anh bịa ra thế để nâng cao lòng căm thù Đế quốc thực dân chứ xương người làm sao lót được đường. Chẳng ngờ trong hồi ký của một ông ở tù Côn Đảo về (ông này nổi tiếng lắm, không dám nêu tên, hi hi) khi viết về con đường này cũng tả y chang như anh tả, cũng con đường lót xương các tù nhân, he he.

Cũng chuyện tù Côn Đảo, trong *Trường ca Võ Thị Sáu* (thực ra là bài thơ dài, in nguyên một trang báo Tiền Phong) anh viết tuổi 16 chị Sáu vẫn hái hoa Lêkima cài tóc. Buổi sáng ngày bị hành hình, chị đã ngắt một nhánh hoa Lêkima cài lên mái tóc, trên đường ra pháp trường chị vừa đi vừa hát. Anh đâu biết Lêkima là cây gì, nghe cái tên đẹp thì tưởng hoa của nó chắc đẹp lắm. Sau này mới biết Lêkima thực ra là cây Quả trứng gà, hoa đã xấu lại đầy nhựa, “ngắt một nhánh hoa cài mái tóc” có mà dở hơi. Ai dè bác Nguyễn Đức Toàn lấy cảm hứng từ bài thơ của anh để viết bài *Biết ơn Võ Thị Sáu* (chắc khi đó bác Toàn cũng không biết cây Lêkima là cây gì): Mùa hoa lê-ki-ma nở ở quê ta miền đất đỏ/ Thôn xóm vẫn nhắc tên người anh hùng/ Đã chết cho mùa hoa lê-ki-ma nở... Chị Sáu đã hi sinh rồi./Giọng hát vẫn như còn vang dội vào trái tim... Anh Quán cười khà khà, nói sau này hễ viết về chị Võ Thị Sáu thì người ta lại bê nguyên chi tiết này vào, vui quá là vui.

Đến ngày thứ ba anh Quán mới kể sự tích chiếc xe trâu. Bữa đó trời mưa, anh đi đâu về, chạy rật rật vào nhà, miệng nói tay chỉ, nói Lộp Lộp mày bê chiếc xe đạp vào nhà cho anh. Minh chạy ra, vừa nhắc lên đã lè lưởi, nặng quá là nặng. Minh vừa thở vừa nói xe này đúc bằng sắt hay sao, nặng như chiếc xe máy. Anh Quán cười nhẹ, nói thì bằng sắt chứ sao, có tí nhôm nào đâu, có rứa mới gọi là xe trâu. Anh lôi chai rượu vừa kiếm đâu về rót ra hai ly, nói uống đi. Xe này anh kiếm được thời viết văn chui đây, chuyện hay lắm.

Anh kể đâu như năm 69-70, bé Đỗ Quyên, con gái đầu của anh, đang học cấp I. Mùa hè thì không sao, cứ đến mùa đông là nó thường xuyên đi học muộn. Trời rét mướt cả nhà ngủ khi trong chăn ấm, đến khi tung chăn vùng dậy đã bảy, tám giờ rồi. Con gái bị cô giáo phê bình liên tục, anh xót lắm, nghĩ bụng không biết làm thế nào kiếm được cái đồng hồ báo thức. Đồng hồ báo thức Liên Xô hồi đó bán phân phối giá 20 đồng, đối với anh Quán là cả một món tiền to. Nhưng giá có kiếm được 20 đồng cũng chả đến lượt anh, sỗ gạo còn hồi hộp sợ có ngày bị cắt mất, anh đâu dám mơ được phân phối đồng hồ. Đến chơi nhà Trần Dần, anh thấy có tờ họa báo *Phụ nữ Liên xô*, vừa lật vài trang chợt thấy thông báo thể lệ cuộc thi viết về Lê Nin. Ngó xuống phần giải thưởng, giải khuyến khích là đồng hồ báo thức, bút máy và một vài thứ khác.

Lộp tức anh về nhà viết ngay, quyết giành cho được cái giải khuyến khích. Chừng hai ngày anh viết xong cái truyện *Như con cò vàng trong cỏ tích*. Tất nhiên anh không lấy tên thật. Anh thư vào Nghệ An cho chú em họ đang làm công nhân lâm trường gì đấy, xin phép được lấy tên anh ấy. Sờ dĩ anh lấy tên chú em họ, vì chuyện thi cử anh không dám mượn tên mấy ông bạn nhà văn

anh vẫn mượn tên, hơn nữa lấy tên một người thuộc giai cấp công nhân chắc người ta sẽ ưu tiên hơn. Mới gửi thì thấp thỏm lắm, thỉnh thoảng có bưu tá gọi ra ngõ lấy thư, trống ngực đập to hơn trống làng, cứ tưởng bỏ thư chú em họ báo tin giải thưởng. Hơn nửa năm vẫn biệt vô âm tín, tuyệt vọng luôn. Trách mình to đầu mà dại, tự nhiên đơm đó ngọn tre, đấu với các anh tài của cả 12 nước XHCN, cái giải rút cũng đừng có mà mơ.

Một hôm rượu say anh ngủ như chết, chị Trâm, vợ anh, véo cho cái rỗ đau. Anh giật mình mở mắt, chị Trâm cầm tờ giấy báo trúng giải chú em họ vừa cầm ra đưa qua đưa lại trước mắt anh, ối cha mẹ ơi giải nhất! Anh tự véo đùi mình hai ba cái để xem mình tỉnh hay mơ. Chú em họ mặt nhăn như bị, nói anh mần ri chết em rồi. Anh hỏi sao. Chú em họ kể giấy thông báo về buổi sáng, buổi chiều đã ồn khắp lâm trường, một ngày sau thì ồn ra cả tỉnh. Một ông công nhân ở nơi khi ho cò gáy bỗng nhận cái giải nhất của Liên Xô, lại giải nhất viết về Lê Nin thế mới kinh. Đài lâm trường, đài huyện, đài tỉnh đua nhau nói râm ran. Các nhà báo kéo nhau về Lâm trường ầm ầm, chú em họ hãi quá, nửa đêm nhảy tàu ra nhà anh.

Chuyện nghiêm trọng. Việc này nếu lộ ra chẳng những anh mất toi cái giải nhất mà việc viết văn chui của anh hơn chục năm qua nhất định bị lật tẩy, khéo không tù tội như chơi. Anh lạy lục chú em họ đã thương thì thương cho trót, cố làm sao đừng để chuyện này lộ ra. Anh diễn giải phân tích cái truyện, đặt ra đủ loại câu hỏi rồi trả lời, để chú em họ đối phó với đám nhà báo. Chú em họ cay đắng ra về, thôi thì đâm lao phải theo lao, nếu lộ ra anh Quán chết thì anh cũng chết theo, chẳng phải chuyện chơi.

Được hơn một tuần, nửa đêm chú em họ lại mò ra, lòi trong bị ra cái đồng hồ báo thức và 50 chục đồng đưa cho anh Quán, nói của anh đó, anh cầm đi rồi tha cho em, hai ba tuần nay vợ chồng em mất ăn mất ngủ, kiểu này rồi cũng “tăng xông” đứng tim mà chết, chẳng sống được đâu. Hỏi thì chú em họ kể, hết lâm trường mít tinh biểu dương đến huyện, sở hội họp khen ngợi. Lại còn Tỉnh ủy gọi lên chiêu đãi, tặng 50 đồng; Ủy ban tỉnh gọi lên chiêu đãi, tặng đồng hồ báo thức. Hai vợ chồng chú em họ sợ hết hồn, cứ mỗi lần có trát gọi là tìm họ nhảy lên sau gáy, mặt mày xanh như đất nhái. Rồi cũng qua. Ngày anh Quán đưa chú em họ đến Đại sứ quán Liên Xô nhận chiếc xe đạp là ngày cuối cùng trong suốt ba tháng trời căng thẳng hồi hộp. Anh nấp sau gốc cây bên kia đường, đối diện cổng Đại sứ quán, căng thẳng đến độ mồ hôi đầm đìa toàn thân, ướt sũng cả áo quần, chỉ sợ đến phút chót mọi việc bị lật tẩy. Chờ suốt ba tiếng đồng hồ mới thấy chú em họ đẩy chiếc xe đạp đi ra. Anh ôm chầm lấy chú em họ nghẹn ngào không nói được. Hồi lâu mới nắc lên, nói em ơi, ơn em đời đời kiếp kiếp. Anh theo Vệ quốc quân vào sông ra chết không biết bao nhiêu lần, chưa lần nào anh sợ như lần này.

Nghe đến đây tự nhiên mình muốn khóc.

(Trích Tạp văn Chuyện đời vợ vẫn của Nguyễn Quang Lập do NXB Văn học ấn hành)

Nguyễn Quang Lập & những tiếng kêu ca Tưởng Năng Tiên

Có nhiều người, nhất là những người khác phái – thỉnh thoảng – vẫn chê ông chê eo tui là “cái thằng khô khan tình cảm.” Hồng dấm “khô” đâu. Thiên hạ, chà qua, vì hiểu lầm mà tưởng vậy (và tưởng vậy là tưởng năng thối) chớ thiệt tình là tui “ướt át” và cải lương muốn chết luôn. Nói thiệt tình là tui đa cảm và mong manh như một cánh lá me non vậy đó. Chuyện nhỏ xíu xiu cũng có thể khiến tui bị bồi hồi xúc động, và dư âm của sự xúc cảm thì cứ âm ỉ kéo dài (có khi đến cả chục năm!

Cách đây đã lâu, vào ngày 28 tháng 12 năm 2007, tui có đọc trên báo Công An Đà Nẵng một viết

ngắn (“Ấm Lòng Tình Đảng Chứa Lòng Dân”) về chuyến đi thăm của ông Nông Đức Mạnh – tại huyện Hòa Vang, Đà Nẵng – mà tuốt tới bây giờ những dòng chữ (“đằm ắm đến nao lòng”) vẫn còn cứ như in trong trí nhớ:

“Bà con ùa ra, vây quanh Tổng Bí Thư, chân tình, ngây ngất như đón người thân trở về gia đình. Những cái bắt tay, những nụ cười rạng rỡ. Tất cả tạo nên sự đằm ắm đến nao lòng.”

Thiệt là cảm động hết biết luôn!

Đảng với dân – rõ ràng – tuy hai mà một, hay nói cách khác là dân với Đảng tuy một mà hai, nên tình cảm mới mặn nồng và thắm thiết (tới) cỡ đó. Còn tình đồng chí giữa những người trong Đảng với nhau thì (ôi thôi) thiết tha, khăng khít và gắn bó biết chừng nào mà nói:

Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá
Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau.
Súng bên súng, đầu sát bên đầu
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ
Đồng chí!

...

Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay!

Bỏ qua cái vụ dư luận dị nghị về chuyện “nắm lấy bàn tay” (ngó bộ hơi *gay*) thì ai cũng phải công nhận bài thơ “Tình Đồng Chí” của thi sĩ Chính Hữu rất hay. Lời bàn thêm (và bàn vô) của nhà văn Hoa Quỳnh cũng hay không kém:

“Tình đồng chí, tình thiêng liêng rất riêng của ‘Anh Bộ đội Cụ Hồ’ ấy được gìn giữ và thăng hoa trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, trên con đường Hồ Chí Minh trên biển hay đường Trường Sơn huyền thoại, trong mỗi trận đánh can hay bên cánh võng trong dải rừng U Minh xanh ngút mắt, trong cả mỗi lời ca giữa hai trận đánh ‘Cùng mắc võng trên rừng Trường Sơn/ Hai đứa ở hai đầu xa thẳm/ Đường ra trận mùa này đẹp lắm’... Tình đồng chí hun đúc thêm vẻ đẹp của lí tưởng tất cả vì độc lập tự do của Tổ Quốc. Và hôm nay, trên chiến tuyến bảo vệ sự bình yên của Tổ quốc, tình đồng chí thiêng liêng ấy vẫn chảy nồng nàn trong mỗi cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang Quân đội nhân dân Việt Nam. Và chúng ta có quyền tin vào sự vững bền muôn thuở của giang sơn Tổ quốc.”

Giang sơn tổ quốc không chỉ “vững bền muôn thưở” mà mỗi lúc còn một thêm giàu mạnh và tươi đẹp, nhờ vào sự dẫn dắt của những đồng chí lãnh đạo vô cùng anh minh và tài đức – theo như nhận định của báo giới Canada:

“Từ khi Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng nhận chức vào năm 2006, ông đã khiến xã hội Việt Nam thay đổi đáng kể. Việt Nam, từ một nước thế giới thứ ba tù túng, đã trở thành ‘Con rồng châu Á’ mới và tiếp theo là ‘Điều kỳ diệu Châu Á.’ Điều đó xảy ra chỉ trong chưa đầy một thập kỷ... Nhân dân Việt Nam đã kiên định vượt lên khỏi những tàn tích của ‘chiến tranh chống Mỹ’, cuộc chiến mà chúng ta vẫn được nghe nói đến.”

Bởi vậy, không phải là vô cớ mà khi còn tại chức đồng chí Chủ tịch Nước Nguyễn Minh Triết đã từng tuyên bố: “Ngày nay, chúng ta ngẩng cao đầu, sánh vai cùng cường quốc...” Người kế nhiệm, đồng chí Trương Tấn Sang cũng không không nên được sự hân hoan: “Những thành tựu

to lớn, có ý nghĩa lịch sử của gần 30 năm đổi mới mà nhân dân ta đạt được khiến chúng ta hãnh diện và tự hào, bạn bè quốc tế ngưỡng mộ.”

Đây không phải là những nhận định (chủ quan) của riêng những đồng chí lãnh đạo quốc gia mà là đều là những sự thực (khách quan) đã được phản ánh từ thế giới bên ngoài.

Theo Business Insider: Việt Nam đứng thứ 16 trong top 20 điểm đến đáng sống nhất, cao hơn Nhật Bản và Bỉ.

Tổ chức News Economics Foundation (NEF) cũng xếp hạng Việt Nam vào top 5 nước hạnh phúc nhất thế giới.

Dựa trên những dữ kiện này, cùng với công trình nghiên cứu nghiêm túc, Tiến Sĩ Viện trưởng Nguyễn Xuân Kiên (Viện Chiến lược Phát Triển Kinh Tế – Xã Hội Việt Nam và Đông Nam Á) khẳng định: “Với tiềm năng sẵn có của các doanh nghiệp hiện nay, chỉ 20 -30 năm nữa, Việt Nam sẽ là một trong 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới. 40 năm nữa, Việt Nam sẽ đứng trong top 15 nền kinh tế lớn nhất thế giới.”

Tất nhiên, không phải tất cả mọi nỗ lực phát triển đất nước đều xuôi thuận cả. Chúng ta vẫn còn đang gặp phải một số trở ngại và khó khăn nhất định vì tàn dư thối nát của chế độ cũ, vì âm mưu phá hoại của bọn thù địch nước ngoài, và (đôi khi) cũng vì sự chưa hoàn toàn chưa nhất trí giữa những đồng chí đảng viên trong công việc phân chia chiến lợi phẩm hay lợi nhuận.

Lúc “áo anh rách vai quần tôi có hai miếng vá” chả ai lại thêm muốn có thêm một mảnh y phục tả tơi của anh bạn đang cùng chiến đấu (kề bên) nhưng đến khi mỗi người làm chủ vài cái ngân hàng thì tình đồng chí, tất nhiên, phải khác. Tuy nhiên, dù có ở vào tình huống nào chăng nữa những người cộng sản Việt Nam vẫn không quên những đồng chí của mình.

Qua cuốn băng ghi âm giữa ông Hà Văn Thắm và nghĩa muội (bàn về việc “thâu tóm ngân hàng Bảo Việt”) anh em họ Hà vẫn nhắc đến những đồng chí vắng mặt một cách rất ân cần:

- Mà em có gặp mấy đồng chí đấy (Vietnamnet) không? Bọn nó định xử lý mấy đồng chí đấy thật nhưng mà không sao, em bảo không sao đâu, các bác ấy không ủng hộ, các bác ấy bảo vệ, công an nó còn có 1 đồng chí...

- Thì em phải bịa, em gọi điện để mà là mai kia gì đấy em sang, nhưng nghe giọng nó có vẻ hơi ngại ngại, có vẻ e dè, hay là mấy ông ấy sợ bị ai theo dõi.

- Thực ra thì có 1 cái văn bản 1 đồng chí nguyên công an gửi cho Thủ tướng đề nghị là điều tra, xem xét động cơ của Vietnamnet về chuyện viết ảnh hưởng đến uy tín của tài chính ngân hàng nhưng mà Bộ Chính trị phản ứng rất căng cái vụ đấy mà nên không sao, em bảo các anh ấy thế.

- Em gọi định nhờ vụ TOSY thôi nhưng mà có vẻ dè chừng quá.

- Thì có thể là nó cứ bảo là là anh nhờ các bác các đồng chí ấy, nên các đồng chí ấy ngại, có thể thế, cái thứ 2 nữa là là vụ này anh Sơn anh bảo vệ quyết liệt lắm, anh Sơn Bộ trưởng, trực tiếp anh Sơn ảnh chỉ đạo.

...

- Cái người ta quan tâm đến là chiêu chính trị đảng sau đấy ở việc thôn tính ấy,

- Chiêu chính trị là chiêu gì?

- Tức là đảng sau đấy là sẽ gồm nhưng thế lực nào đấu đá nhau như thế nào.

Ngay cả khi chuyện “đấu đá” không còn giữ kín được trong nội bộ, quý vị lãnh đạo quốc gia vẫn cứ còn (cố) giữ được cái tình nên không hài tên ai trước công luận mà chỉ lịch sự gọi (nhau) là đồng chí Y hay đồng chí X... thôi. Thiệt là tế nhị và quý hoá hết sức!

Sở dĩ Đảng ta giữ được mối thâm tình này là hoàn toàn nhờ vào di chúc (thiên lương) của Bác, trước lúc đi xa:

“Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.” (*Hồ Chí Minh Toàn Tập*, Tập 12, NXB CTQG, H.2002, tr. 510).

Câu nói thường được nhân gian truyền tụng (“Kính thưa các đồng chí trong chi bộ. Kính thưa các đồng chí chưa bị lộ”) đã phản ánh rõ ràng tinh thần đoàn kết, và truyền thống về tinh đồng chí muôn năm vững bền của những đảng viên C.S. Việt Nam.

Cả nước, kể cả đứa bé lên năm, đều biết như thế – trừ nhà văn Nguyễn Quang Lập:

“Trong một thời gian dài, ông Nguyễn Quang Lập đã viết và đăng tải lên mạng rất nhiều bài gây chia rẽ nội bộ lãnh đạo Đảng và Nhà nước ... cơ quan An ninh điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã bắt quả tang, sau đó ra lệnh khám xét khẩn cấp và tạm giữ hình sự đối tượng Nguyễn Quang Lập, sinh năm 1956, hộ khẩu thường trú tại căn hộ B505 – Lô B2 – Chung cư Hoàng Anh – Gia Lai, 37 Nguyễn Văn Hưởng, phường Thảo Điền, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.”

Coi:

Theo Business Insider: Việt Nam đứng thứ 16 trong top 20 điểm đến đáng sống nhất, cao hơn Nhật Bản và Bỉ.

Tổ chức News Economics Foundation (NEF) cũng xếp hạng Việt Nam vào top 5 nước hạnh phúc nhất thế giới.

Và trong khi toàn dân, toàn đảng đều nỗ lực không ngừng để giữ vị thế của một “con rồng Châu Á” của Việt Nam được “vững bền muôn thưở” mà Nguyễn Quang Lập lại “gây chia rẽ nội bộ lãnh đạo Đảng và Nhà nước” thì thằng chả bị bắt – theo điều 258 Bộ luật hình sự – là đúng người đúng tội rồi, chớ có oan ức gì đâu (mà kêu la um xùm vậy) mấy cha?

Trước sau bạ Lập xin làm một người lái đò nhỏ chở con thuyền SỰ THẬT đến với dân, chỉ vậy thôi, không có gì khác. Sống ở nước C.H.X.H.C.N.VN mà lại nặng nề đòi “chở con thuyền SỰ THẬT đến với dân” thì đi tù là cái chắc! Ở xứ sở này những đồng chí lãnh đạo đâu có sợ hãi bất cứ điều gì, ngoài sự thật!

Nói ra thì bảo là phản động

Phạm Thị Hoài thực hiện



talawas: *Thưa anh Nguyễn Quang Lập, anh vừa dự Liên hoan phim (LHP) Việt Nam lần thứ 14 tại Ban Mê Thuột?*

Nguyễn Quang Lập (NQL): Nói đi dự là nói cho oai, thực ra chẳng ma nào mời tôi. Nguyễn Thanh Sơn và Phạm Xuân Nguyên rủ tôi đi chơi. Ban Mê Thuật tôi chưa đến bao giờ, tưởng là thế nào, hóa ra chẳng khác gì một thị xã miền Trung. Chết Tây Nguyên tuồng như không còn. Nhà sàn xây, mái tôn nhựa, chán lắm. Ở đây người ta làm du lịch rất tinh tế. Tôi đến Buôn Đôn là đất voi nổi tiếng, dự định sẽ cưới voi chụp ảnh về khoe với con. Lên đây mới ngao ngán. Vài cái nhà sàn lều tều làm theo kiểu đời mới, chất đầy đồ lưu niệm được sáng tác theo lối văn nghệ quần chúng. Hỏi cô phục vụ, cô bảo: „Chờ bốn chục phút“. Ok, bốn chục phút cũng chờ. Hơn một tiếng vẫn không thấy voi đâu, cô phục vụ đi vô đi ra đùng đỉnh, hỏi lại cô thì cô bảo: „Đâu có, em bảo chờ bốn tiếng!“. Bảng quảng cáo to đùng ghi rành rành: Khu văn hóa nhà mồ. Đến Tây Nguyên mà không biết nhà mồ méo hay tròn coi như chưa đến Tây Nguyên. Đến nơi thấy giống hệt một bãi mộ hoang. Ba bốn cái nhà mồ xây bằng gạch, trát vôi trắng xóa. Tượng mộ là một vài con chim cò hay hạc gì đấy được đẽo gọt bằng bàn tay chuyên nghiệp „thợ vườn“. Đến Hồ Lắk cũng vậy. Chạy xe hơn một giờ, thấy một cái hồ nông chèo, dài ngoẵng. Một cái nhà hàng nổi trên hồ. Cô bán hàng nói: „Các anh muốn ăn gì thì phải đăng kí trước, chúng em xuống phố đi chợ, trưa mới có ăn.“ Từ Đà Nẵng lên Ban Mê Thuật, đi máy bay nhỏ, nó kêu roac roac suốt cả hành trình, sợ đến thót tim. Trả giá cái sợ bằng một cái hồ không ra hồ, một cái bến đò được các nhà du lịch Tây Nguyên thiết kế y hệt bến đò Bắc Kì!

talawas: *Du khách Nguyễn Quang Lập nghiêm khắc với Ban Mê Thuật như vậy, còn nhà biên kịch Nguyễn Quang Lập với LHP Ban Mê Thuật thì sao? Chậm nhất là từ Đồi cát với đạo diễn Nguyễn Thanh Vân và Thung lũng hoang vắng với đạo diễn Phạm Huệ Giang, anh nổi lên như một trong những nhà biên kịch sáng giá nhất của điện ảnh Việt Nam hiện nay...*

NQL: Chết! Đừng nói thế, tôi sợ lắm. Tôi không muốn chìm cũng không muốn 'nổi lên', càng không muốn nhận bất kì cái nhất nào người đời trao tặng. Tôi thích lửng lơ con cá vàng. Ở đâu không biết chứ ở ta cứ lửng lơ con cá vàng là an toàn nhất. Thông minh giỏi giang chỉ tổ người ta ghét. Ông Hoàng Ngọc Hiến nói rồi: „cái nước mình nó thế“, cứ ngu ngu hiền hiền là đắc lợi, ai cũng thương, quyền chức cũng dễ có, chứ lấu tấu ló cái tài của mình ra trước mắt thiên hạ thì khuyhng gia bại sản có ngày.

talawas: *Nhưng điện ảnh là show biz, người ta bắt buộc phải nổi lên mới trụ lại được.*

NQL: Lê Hoàng nổi lên như một đạo diễn làm phim ăn khách nhất Việt Nam. Hai phim *Gái nháy* và *Lọ lem hè phố* đã đem về cho Hãng phim *Giải phóng* một món tiền khổng lồ, bản thân Lê Hoàng cũng ôm được một mớ tiền nhiều người làm phim năm mơ cũng không có. Thế là Lê Hoàng ăn đòn từ bốn phương tám hướng, đến nỗi phải khóc rưng rức tại Hội thảo ở LHP 14. Một cú khóc của Lê Hoàng khiến báo chí nước Nam mừng rú. LHP nhạt thếch không biết nói gì, bỗng vớ được trận khóc của Lê Hoàng như vớ được vàng, tất cả đều giật tít to đùng, báo chí được phen đất như tôm tươi. Lâu nay văn nghệ sĩ xuất hiện trên báo chí mặt mày hớn hờ, ra cái vẻ hạnh phúc vô biên, bây giờ vớ được một anh đứng tám tức khóc, lại một anh nổi tiếng cả tiền lẫn tài thì lạ quá, hay quá. Tôi nói với Nguyễn Thanh Sơn: „Lê Hoàng nhà quê, khóc cái gì. Ai bảo tài cho lắm vào, thông minh cho lắm vào, người ta đánh cho là phải. Mình làm mình chịu kêu mà ai thương!“ Hồng Ánh đoạt giải diễn viên nữ chính xuất sắc nhất, trừ khán giả và anh em trong đoàn phim đến chúc mừng, còn lại tuyệt không có một đồng nghiệp nào nhìn cô bằng nụ cười thân thiện. Ra sân bay, đồng nghiệp ngồi hai hàng ghế ở phòng chờ, Ánh tí ta tí tởn chạy đến chào thì gặp ngay những đôi mắt mang hình viên đạn, sợ quá đứng nép một xó. Lên máy bay không ai thèm ngồi chung, cứ trơ khắc suốt cả hành trình. Thanh Vân cũng thế, anh là đạo diễn duy nhất nước ta ăn liền hai giải Châu Á-Thái Bình Dương, hai giải Bông sen vàng cả cho phim lẫn cho đạo diễn xuất sắc nhất. Tôi để ý xem có ai ngoài đoàn phim đến chúc mừng anh không thì thấy có hai người, đó đạo diễn Hải Ninh, bố anh, và Lê Hoàng, người vừa bị no đòn hai năm

qua. Chấm hết. Sau đêm bế mạc, mọi người đi ăn đêm ở đường Y Juk - ăn đêm ở vỉa hè Ban Mê thích lắm, dân điện ảnh ngồi đầy cả vỉa hè. Thanh Vân cầm chai rượu hí hửng chạy đến, tuyêt không một ai gọi, đứng đực như ngỗng ỉa. May có nhà văn Phạm Ngọc Tiến gọi đến bù khú cho đến sáng, không thì xách rượu về khách sạn uống một mình. Cho nên thương nhau thì xin tha tặng nhau cái „nhất“, cái „nổi lên“, cực lắm. Cái nước mình nó thế, ông Hoàng Ngọc Hiến quá tài!

talawas: *Chuyện đố kị, sự bất công của những thành công hay thất bại ở đâu cũng có, vấn đề là những cách xử sự mà anh vừa kể hơi thiếu tinh thần chuyên nghiệp. Nhưng cũng có ý kiến cho rằng việc trao giải vàng cho Người đàn bà mộng du trong LHP lần này không làm giới điện ảnh tâm phục khẩu phục, cả giải nữ diễn viên chính xuất sắc nhất trao cho Hồng Ánh cũng vậy?*

NQL: Tôi cho rằng người ta đã trao đúng người đúng của. Có năm phim có thể tranh giải vàng với *Người đàn bà mộng du*, đó là *Mùa len trâu*, *Mê Thảo*, *Thời xa vắng*, *Lưới trời* và *Nguyễn Á Quốc ở Hồng Kông*. *Mùa len trâu* không kịp làm thủ tục để dự thi. *Thời xa vắng* mặc dù quay rất khéo, cái kết thông minh và chọn được người đóng anh Sài khá tốt nhưng cứ lờn nhõn nửa phim nửa ti vi, xem rất mệt. Thêm vào đó phải nghe thử nhạc dờ quá trời, chịu không nổi. *Mê Thảo* làm khá kì khu nhưng đó là thứ xi nê bị sân khấu hóa, mới lạ thế nào tôi không biết nhưng tôi không thích và tôi biết chắc BGK cũng không thích. Người ta bảo *Mê Thảo* không được giải gì vì có Đơn Dương đóng, tôi e rằng không phải. Bây giờ người ta quên Đơn Dương rồi, chẳng ai để tâm lâu như vậy. Hơn nữa, đối xử với Đơn Dương thế là quá đủ, dần thêm nữa sẽ bị hổ với dư luận. *Nguyễn Á Quốc ở Hồng Kông* làm khá tử tế. Phim về Bác Hồ không làm tử tế có mà bốc cám. Nhân vật Bác Hồ do Trần Lực thủ vai cũng được, tương đối nhuần nhuyễn và tránh được cứng nhắc. Quay phim cũng khá. Tuy nhiên cứ thấy Bác ho hoài, khạc cả ra máu thì khó tin quá. Bác lúc đó còn trẻ, khỏe cơ mà? Cứ thủ vai lãnh tụ là phải ho hực hực và uống thuốc bắc ư? Tôi cảm thấy phim này ca ngợi Bác thì ít, ca ngợi Trung Quốc thì nhiều. Việc Đảng Cộng sản Trung Quốc giúp đỡ Bác trong những ngày tháng cam go là việc nên nhắc tới. Nhưng nhắc vừa thôi, nhắc quá thì không ổn vì đây là phim ca ngợi bản lĩnh Bác Hồ giữa bầy lang sói nhằm bảo toàn cách mạng Việt Nam cơ mà! Trần Đăng Khoa ngồi cạnh tôi, rỉ tai tôi: „Đáng ra Trung Quốc phải bỏ tiền ra làm phim này mới đúng“. Phim này được giải đặc biệt là tốt quá rồi. Nếu là giám khảo, tôi sẽ loại phim này một giờ như gió, dù tôi rất thương hai năm trời lặn lội vì nó của ông giám đốc Hãng phim Hội nhà văn. Có một điều làm tôi hơi ngạc nhiên: tên phim tiếng Việt ghi rành rành: *Nguyễn Á Quốc ở Hồng Kông* trong khi tiếng Tàu trên phim lại ghi: *Đào tẩu khỏi Hồng Kông*. Chẳng hiểu ra làm sao. Mấy bác quản lí văn hóa nhà ta rất nhạy cảm với chữ nghĩa, tiếng Tây tiếng Tàu đều biết cả, lại bỏ qua cái tên phim thế kia thì cũng lạ. Riêng phim *Lưới trời* tôi rất cảm tình, nó là phim đề tài đương đại, chuyện chống tham nhũng được làm khá mạnh tay, nhuần nhuyễn chứ không lên gân, rập khuôn như các phim ta khi vớ phải đề tài này. Cái ông tiêu cực, Đào Bá Sơn thủ vai - tôi quên mất tên nhân vật- được dựng và diễn rất người. Nếu là giám khảo, tôi sẽ trao giải vàng cho phim này cùng với *Người đàn bà mộng du* để khuyến khích đề tài hiện đại, khuyến khích sự dũng cảm trong khi hành nghề của đạo diễn Phi Tiến Sơn. Về Hồng Ánh, cô không khá hơn chính mình trong hai phim *Đời cát* và *Thung lũng hoang vắng*, nhưng trong LHP này cô không có đối thủ. Tôi đã nói với Hồng Ánh đúng như vậy trong khi người ta đang chấm. Có người thắc mắc sao không trao giải nữ chính xuất sắc nhất cho Kim Khánh, Minh Thư? Một số cô chú nhà báo hình như chưa phân biệt nổi ti vi với xi nê!

talawas: *Còn những bộ phim từng được dư luận chú ý vì nhiều lí do khác nhau như Kí ức Điện Biên, Vua bãi rác hay Cửa rơi?*

NQL: Cả ba phim này tôi đều xem cả, thậm chí xem không dưới hai lần. Chúng ở trong tình trạng suyt hay. Vương Đức và Đỗ Minh Tuấn tuy tính khí khác nhau nhưng có một điểm chung là cả hai đều lao động nghệ thuật nghiêm túc, tuy nhiên họ rất thích trưng diện các ý tưởng và ngôn ngữ mới lạ. Điều đó cũng tốt thôi nhưng nếu quá đi sẽ làm cho người ta khó chịu, từ đó số toẹt cả

những cố gắng chân thành của họ. Phim nào của họ cũng vậy, đang kể với một ngôn ngữ tả thực hay ho thế, họ bỗng đưa ra những ẩn dụ khá khiên cưỡng, làm mọi người cứ ngẩn ra. Nó tuồng như không ăn nhập gì vào câu chuyện họ đang kể và điều họ gửi gắm. Giả dụ anh đang đọc thơ, bỗng nhiên anh chen ngang một đoạn triết luận, dù thứ triết luận kia là mới lạ, là hay ho thì cũng làm cho tôi rất mệt và bức mình. Ô kìa tôi đang nghe anh đọc thơ kia mà, hay chưa? Sở dĩ tôi rất yêu Thanh Vân, Huệ Giang vì cặp vợ chồng này biết làm theo lời Bác Hồ dạy: „Tuổi nhỏ làm việc nhỏ/ Tùy theo sức của mình“. Tôi vốn dốt nát, thuở chiến tranh không được dạy dỗ cẩn thận nên rất hay mặc cảm. Một đứa trẻ sáu tuổi vỡ sạch chữ đẹp tôi còn kính trọng hơn các ông nhà văn vô có xô ra một mớ ngôn ngữ rối mù.

talawas: Muốn thế nào, chúng ta cũng phải thấy rằng điện ảnh là ngành nghệ thuật có tốc độ tự đổi mới nhanh nhất so với mọi ngành khác trong thế kỉ vừa rồi trên thế giới. Cứ dăm ba năm là xuất hiện một thế hệ đạo diễn với cương lĩnh nghệ thuật mới, tham vọng và những mục đích nghệ thuật mới. Dù rất vững vàng và thành công trong dòng điện ảnh tả thực và luận đề vốn là dòng truyền thống và chủ đạo của điện ảnh Việt Nam, Nguyễn Thanh Vân và Huệ Giang có nên tiếp tục như vậy không? Giới hạn của loại điện ảnh này rất rõ, vì đơn giản là nó quá phổ biến.

NQL: Muốn cưỡng lại cái phổ biến, cũng là cưỡng lại cái nhàm chán, anh phải có tiềm lực. Tiềm lực văn hóa và tiềm lực kinh tế. Tiềm lực kinh tế thì khỏi phải nói vì đối với điện ảnh nó là chuyện đương nhiên. Tôi xin nói một chút về cái gọi là tiềm lực văn hóa. Hầu hết những người làm phim nước ta, trong đó đương nhiên có tôi, đều thiếu một gốc gác văn hóa cơ bản. Thiếu thầy, thiếu sách và quan trọng là thiếu những nỗ lực cá nhân nhằm tìm kiếm tích trữ một năng lượng văn hóa đủ để tiếp nhận các sáng tạo không có trong kinh nghiệm. Ngày xưa đang ở nhà quê, tôi tích cực học hành vì sợ mình thua quá xa những bạn bè ở Hà Nội. Nghe tên tuổi những đại danh Hà Nội, tôi hãi lắm. Nhưng khi ra Hà Nội tôi mới vỡ ra rằng, quá nửa trong họ đã trưởng thành từ *nền văn hóa nghe lỏm*. Bây giờ đến lượt tôi, tôi cũng đang rơi vào nền văn hóa đó.

talawas: Xin anh nói rõ hơn...

NQL: Đó là thứ văn hóa nguy hiểm, chỉ tổ làm cho người ta mau chóng sống trong hoang tưởng, ngoài ra nó còn hủy diệt sáng tạo ghê gớm. Đừng mơ mộng xa vời một khi anh chưa thoát ra khỏi thứ văn hóa giả cày đó. Tôi xem phim của một số đạo diễn trẻ Trung Quốc, mới chỉ Trung Quốc thôi nhé, đã hãi lắm rồi. Họ đã thay đổi gần như hoàn toàn diện mạo điện ảnh Trung Quốc, nhẹ nhàng bước qua các đàn anh lừng lừng Thái Sơn như Trương Nghệ Mưu, Trần Khải Ca. Trong khi ở nước ta vẫn ngồi thềm nhỏ dãi làm được như hai ông kềnh Trung Quốc này. Một số đạo diễn trẻ Ấn Độ, Iran - chính trị và kinh tế các nước này cũng gặp nhiều vấn đề lắm - đã bước những bước dài và cao làm tôi choáng ngợp. Vì sao thế? Vì họ có tiềm lực văn hóa, cả năng lượng cá nhân cả nền tảng văn hóa quốc gia họ. Ta chưa có, chưa thể có. Đừng vội vàng đổ tội cho một mình chính trị, chẳng qua văn hóa chúng ta còn quá mỏng mà thôi. Những người làm phim nước ta mấy ai thấm được điện ảnh Iran, điện ảnh hiện đại Trung Quốc, điển hình là Ông Gia Vệ? Không hiểu và thích cái mới làm sao làm ra nó?

talawas: Cặp vợ chồng đạo diễn Thanh Vân-Huệ Giang thuộc một thế hệ nhạy cảm với cái mới...

NQL: Thanh Vân và Huệ Giang rất nung nấu đổi mới. Họ đã chán thứ điện ảnh kể chuyện từ lâu. Tôi nhớ sau khi làm phim *Đời cát* trở về, sau câu đầu tiên thăm hỏi tôi, câu thứ hai anh nói làm tôi mừng suýt khóc lên được: “Đây là phim cuối cùng em làm theo kiểu này”. Nhưng từ bấy đến nay anh vẫn làm phim theo kiểu cũ. Có lẽ Vân chưa chuẩn bị xong phần năng lượng văn hóa để làm một cuộc cách mạng xi nê cho riêng anh. Thêm vào đó, nhà nước ta chỉ thích đặt hàng cho loại xi nê tả thực và luận đề có lợi cho cách mạng mà thôi. Những tìm tòi tuy vẫn được cổ vũ

nhưng chỉ cổ vũ mồm chứ nhà nước đâu có thời giờ và tiền bạc để đầu tư cho những thứ phập phù, lại rất dễ bị lực lượng hư trí ngày càng đông đảo và giới cựu chiến binh phản ứng. Không chỉ nước ta đâu, nước nào cũng thế, đầu tư cho những tìm tòi nghệ thuật đều phải lụy vào những nhà giàu. Tất cả trông chờ vào tài trợ của các nhà giàu có, yêu mến xi nê và hào hiệp. Khổ thay cho đến nay vẫn rất khó tìm được những tài trợ để làm phim kiểu đó. Sở dĩ Iran trở nên một cường quốc xi nê trong khu vực châu Á vì họ có nhiều nhà giàu dám đặt cược tiền bạc và niềm tin vào các nhà làm phim nước họ.

talawas: *Anh có lí tưởng hoá yếu tố Mạnh Thường Quân trong nghệ thuật lắm không? Điện ảnh là một công nghiệp. Khác với Ấn Độ, nơi có nền dân chủ lâu đời nhất châu Á, công nghiệp điện ảnh ở Việt Nam hoàn toàn mang tính chất quốc doanh, nhà nước đặt hàng, nhà nước chỉ đạo, nhà nước quản lí; dù tư nhân có bỏ chút vốn vào đó thì cũng chỉ là hương hoa, không thay đổi được tính chất quốc doanh này. Không nhà đầu tư độc lập nào bỏ tiền vào một sản phẩm mà quyền kiểm soát nằm trong tay người khác.*

NQL: Đó là câu chuyện của ngày hôm qua, hiện tại nhà nước ta đã có những thay đổi đáng khích lệ. Dũng cảm giết chết thứ điện ảnh bao cấp là cách đúng đắn nhất để cho điện ảnh thứ thiệt ra đời và phát triển. Thôi thì muộn còn hơn không. Chỉ có mấy ông xếp hàng bao cấp là lo sốt vó, còn thì ai cũng khắp khởi mừng thầm. Nói ra thì bảo là phản động, chứ tôi thấy hề thứ gì nhà nước thả ra, cho sống tự do thì thứ đó tự khắc phát triển. Ngày xưa, ta sống nhờ vào sự phát chặn của nhà nước, sống lâu quá đến nỗi tưởng rằng nếu nhà nước ngưng phát chặn thì chắc chết cả lũ. Đến khi nhà nước thu hồi tem phiếu, sổ gạo, thả tự do cho “sống chết mặc bay” thì cả nước bỗng như ông Phù Đổng vươn vai, sướng quá là sướng. Nhớ lại cái thời bao cấp đến rùng mình, không hiểu tại sao mình sống được đến bây giờ, lại còn ca hát ngất trời ca ngợi lung tung, chết cười. Tuy nhiên sự thay đổi của nhà nước vẫn nửa vời. Bảo rằng cho cổ phần hóa nhưng nhà nước giữ lấy 51% thì vẫn còn khó lắm. Với 51%, ông nhà nước có quyền quyết định mọi thứ, vẫn như cũ có khác gì đâu. Nhưng cứ từ từ, miễn là nhà nước ý thức được sự thả ra của mình là có lợi cho cái toàn thể thì trước sau ông cũng thả ra cả. Ông không ôm nỗi đâu, càng ôm ông càng bí, càng dễ cáu, bực mình ông thả ra cả thế là sướng! Nhà nước vẫn tưởng mình là bố mẹ, coi đám lê dân như con cái không bao giờ trưởng thành. Như thế là làm khổ lẫn nhau thôi.

talawas: *Ta trở lại chuyện khó sống vì „nổi lên“, bản thân anh đã ném mùi kinh nghiệm ấy chưa? Kịch bản Đảo của dân ngụ cư dựa theo truyện ngắn vô cùng độc đáo của Đỗ Phước Tiến, anh viết xong đã lâu mà vẫn nằm chờ, kịch bản Không có Eva cũng vậy. Đó là tình hình chung hay trường hợp đặc biệt?*

NQL: Nói ra buồn lắm, sợ người ta cho rằng mình không được dựng phim, cay cú nên nói càn. Cả hai kịch bản đó viết ra đã khá lâu, cái thì sáu bảy năm, cái thì ba bốn năm, đến nay chẳng có tín hiệu nào cho thấy sắp được dựng. Tôi không hề lên Cục, lên Hãng để hỏi, tôi chán cái chốn u mê ấy quá rồi. Chỉ nghe Thanh Vân, Nhuệ Giang nói lại, các kịch bản đó chẳng ai chê dờ, nhưng thời điểm này đưa ra không hợp. Tôi mãi một viết văn, chẳng biết quái gì chính trị, nghe người ta nói vậy mình cũng chịu. Nhưng tôi tin hai kịch bản đó thế nào cũng được dựng thành phim. Đặc biệt *Đảo của dân ngụ cư*, nếu Thanh Vân làm thật cẩn thận, nhất định nó sẽ có một cái gì đó khiến nhiều người bất ngờ. Chỉ sợ khi phim ra tôi đã chết rồi, sức khỏe của tôi không có khả năng chờ đợi sự tinh ngộ văn hóa của mấy ông mấy bà duyệt phim. Kịch bản của tôi mà người ta còn đối xử thế - vì nghe nói các vị duyệt phim rất quý hóa tôi - thì kịch bản người khác chắc “chết” oan cũng nhiều.

talawas: *Câu: „thời điểm này đưa ra không hợp“ phổ biến trong đời sống văn nghệ Việt Nam hàng chục năm nay, được truyền từ thế hệ quản lí văn nghệ này đến thế hệ quản lí văn nghệ khác. Già*

sử anh được hay bị ngò ở vị trí quản lí ấy, anh có tin rằng mình sẽ hoặc có thể nói khác không? Rút cuộc thì nào có phải những ai xa lạ đang ngò tại các vị trí đó, toàn là „anh chị em văn nghệ sĩ chúng ta“, toàn là „người nhà“, „chỗ thân tình“ cả. Cục phó Cục Điện ảnh hiện nay là nhà thơ Nguyễn Thị Hồng Ngát...

NQL: Chị Ngát rất đáng yêu, nếu chị bé đi chừng mười tuổi tôi sẽ yêu chị cho bằng được. Chính chị đã lấy kịch bản *Đời cát* trong hồ rác của Hãng phim truyện Việt Nam đem ra dùng, cũng chính chị đã ra sức bảo vệ Cho *Thung lũng hoang vắng* ra đời không bị sút mẻ. Nhưng từ khi chị lên làm cục phó, câu chuyện lại hoàn toàn khác. Bây giờ chị cũng phải giống như bao nhiêu quan chức tôi đã gặp và ón đến tận cổ. Cái nước mình nó thế, người ta sợ mất cái ghế còn hơn cả mất bố mẹ. Chả hiểu ra làm sao. Ghế cũng hay, cũng có tiền nhưng đâu chỉ có cái ghế mới tạo ra hay ho, tiền bạc? Có ngàn cách để kiếm tiền mà lòng dạ thanh thoi, không mất bạn mất bè chứ đâu phải chỉ có cái ghế là nhất. Khổ, cái ghế còn chứ sang trọng gì đâu mà ham hố. Tôi không hình dung ra nếu ở vị trí đó tôi sẽ như thế nào, khó lắm. Làm sao có thể hình dung mình đang sống và viết thế hay ho thõ, bỗng rơi vào một trại chăn nuôi, nơi mà người ta nói và nghĩ theo một thứ ngôn ngữ giả cây.

talawas: *Có một điều đáng chú ý là giới viết văn, đặc biệt là các nhà thơ, hiện diện nổi bật trong điện ảnh Việt Nam. Các nhà thơ Phan Huyền Thư, Nguyễn Thị Hồng Ngát, Nguyễn Quang Thiều, Đỗ Minh Tuấn, các nhà văn Nguyễn Quang Lập, Dương Thu Hương... Và phần lớn các phim truyện đều dựng trên tác phẩm văn học chuyển thể, phần lớn các ý kiến phê bình điện ảnh đều xoáy vào tính văn học của kịch bản. Dường như điện ảnh Việt Nam chưa ý thức được rằng nó phải là một vương quốc độc lập, trong đó văn học chỉ là một trong nhiều khách mời? Vì sao sự chế ngự của văn học trong điện ảnh Việt Nam lại dai dẳng thế?*

NQL: Tôi nghĩ đơn giản đó là vì các thầy Liên Xô dạy thế.

talawas: *Nhưng điện ảnh Liên Xô còn có Sergei Eisenstein, Alexander Dovzhenko, Andrei Tarkovski..., đâu phải những bậc thầy dở nhất?*

NQL: Tôi không có ý nói thầy Liên Xô dạy sai. Có điều thầy chỉ dạy một thứ, và đến khi thầy chết rồi, trò cứ dính ninh thứ thầy dạy là duy nhất đúng, các thứ khác là sai bét. Tôi biết văn học và điện ảnh kể chuyện đã có những tác phẩm vĩ đại nhưng đã đến lúc ta phải biết chán nó. Đến nay người ta vẫn quan niệm tính văn học là gốc gác của một tác phẩm điện ảnh. Người ta vẫn chưa thể hình dung một tác phẩm điện ảnh sẽ được xây dựng ra sao nếu không có cái móng vững chắc là tính văn học. Lí luận điện ảnh nước nhà hầu như là zê-rô thì làm sao nói chuyện đổi mới nó? Các nhà phê bình điện ảnh hầu hết là các nhà văn. Nhà văn chỉ thạo mỗi cái tính văn học thôi, lại quan niệm tóm được cái tính văn học là tóm được một tác phẩm xi nê, thành ra nhan nhản trên báo chí người ta phê bình điện ảnh mà không thèm đếm xỉa đến ngôn ngữ điện ảnh, chỉ chú mục lôi tính văn học ra bình. Nếu thế thì chẳng cần đi xem phim, chỉ cần ở nhà đọc kịch bản là được rồi. Xứ ta làm gì cũng khác người, nếu giống thì chỉ giống thầy Liên Xô, bác Trung Quốc những năm 60, 70 chứ chẳng giống ai. Từ xưa đến nay vẫn tồn tại cái gọi là kịch bản văn học. Các nhà biên kịch viết ra kịch bản văn học, các đạo diễn căn cứ vào kịch bản văn học để viết ra kịch bản phân cảnh - cái này mới gọi là kịch bản điện ảnh (!) Nhìn vào kịch bản văn học thấy nó được viết ra na ná một truyện vừa, chỉ có khác là người ta đã loại các câu văn không quay được, ví dụ: “chị bỗng thấy xôn xao” chẳng hạn. Viết ra một kịch bản điện ảnh như tôi viết bây giờ, chỉ xét riêng về hình thức thôi, vẫn còn xa lạ với hầu hết các biên kịch nước nhà. Họ vẫn nghĩ, viết như vậy đơn giản là thay đổi cách trình bày mà thôi, không quan trọng.

talawas: *Ngay từ đầu anh đã nghi ngờ cái tính văn học ấy?*

NQL: Không, cách đây mấy năm tôi vẫn tin rằng không có văn học thì điện ảnh bốc cám. May có mấy ông thầy Úc dạy cho mấy tháng cộng với việc băng đĩa lậu tràn ngập nước nhà, xem được khá nhiều phim, dần dần tôi mới vỡ ra được chút ít. Hình như điện ảnh hiện đại không quan tâm lắm đến tính văn học. Nền móng của một tác phẩm điện ảnh là ngôn ngữ của nó, văn học chỉ dự vào như một thành phần của điện ảnh, thậm chí không phải là thành phần không thể thiếu. Tôi đã xem vài phim mà tính văn học hầu như đặt vào hàng thứ yếu, nó còn không quan trọng bằng âm nhạc. Đó là những phim chỉ một tâm trạng, một xao xuyến, một ám ảnh, thế thôi. Bối cảnh đóng vai trò là nhân vật, con người qua lại nói năng hoàn toàn không có nhiệm vụ mang vác tính văn học, nó thuần túy chỉ là những kí hiệu của ngôn ngữ điện ảnh. Xứ ta ngày nay đã bắt đầu làm quen với xem tranh không có tính văn học rồi, còn điện ảnh thì chưa. Loại trừ văn học với tư cách là nền móng ra khỏi điện ảnh, coi điện ảnh là một vương quốc độc lập thì còn quá xa lạ ở xứ ta. Ở cái nơi người ta còn nhầm điện ảnh với ti vi, giống Hà Tây bây giờ vẫn có người nhầm tôm với tép, Hội điện ảnh Việt Nambao gồm các nhà ti vi và các nhà điện ảnh, thì điều chúng ta đang bàn vẫn là chuyện kì khôi. Tiện đây nói thêm, tập thơ *Đàn* của Dương Tường là để *xem* (chứ không phải *đọc*, có chữ ma nào mà đọc!) nhiều người không hiểu là cái gì. Bởi vì người ta chắc chắn, thơ tất nhiên phải có tính văn học và phải được xây dựng bằng ngôn ngữ văn học. Ở đây Dương Tường làm thơ bằng ngôn ngữ hội họa và có thấp đuốc bầy ngày cũng chẳng mò ra tính văn học ở đâu. Thế là điên, là chập mạch rồi... Còn việc chuyển thể các tác phẩm văn học cho điện ảnh là chuyện khác. Với ai không biết, với tôi đơn giản chỉ là sự tiện lợi. Tôi chuyển một tác phẩm văn học ra điện ảnh không phải vì tính văn học của nó. Một khi tôi tìm thấy một tác phẩm văn học đậm đặc chất điện ảnh thì tôi lấy chuyển cho khỏe. Việc các nhà văn tham gia nhiều vào điện ảnh có lẽ vì sự quyến rũ của điện ảnh, hoặc là vì mưu sinh, đơn giản chỉ thế thôi.

talawas: *Anh cũng từng nổi lên – xin lỗi anh, lại phải dùng từ này – như một trong những nhà văn đặc biệt của phong trào Đổi Mới. Trên bìa 4 bản dịch tiếng Pháp của cuốn Những mảnh đời đen trắng có những dòng so sánh anh với Borges và Kafka. Nhiều năm gần đây, nhà văn Nguyễn Quang Lập không xuất hiện với một tác phẩm mới có tiếng vang nữa...*

NQL: Đó là người ta quảng cáo bìa bốn cho vui chứ tôi làm sao sánh được với mấy ông đó. Đến văn họ viết ra tôi còn không hiểu nữa là... Tôi không bỏ văn chương, thậm chí yêu nó hơn bao giờ hết. Sở dĩ tôi ngừng viết văn lâu ngày vì có nhiều lẽ. Ngày xưa mình điếc không sợ súng viết lằng nhằng thế, bây giờ khi sắp chết rồi lại vỡ ra rằng cái thứ mình viết ra thiên hạ đã bỏ qua từ tám hoánh. Tôi muốn viết một thứ mới mới mà không biết viết thế nào. Đọc Bùi Hoàng Vị, Nguyễn Bình Phương tôi cứ thèm được như họ. Thèm là thèm trẻ như họ, văn hóa như họ, quyết liệt như họ. Hơn nữa, tôi có một gia đình lớn mà tôi cần phải gánh vác. Hai mươi năm qua chưa khi nào tiếng gọi của đồng tiền ngưng réo bên tai tôi, cho tôi yên được một vài ba tháng, thế thì làm sao viết văn? Bảo Ninh, Trung Trung Đĩnh mắng tôi: “Mày ngu lắm, mày tưởng viết mấy thứ báo biếc, kịch kiếc, phim phiếc mà có tiền à. Thời buổi đổi thay rồi, viết văn hay bây giờ không giàu thì cũng không nghèo đói đâu!” Tôi không ngu, tôi bán lúa non vì nếu không bán thì con tôi đói. Nói thế chứ tôi cũng đã viết xong một tiểu thuyết, gọi là *Tinh cát*, đúng 450 trang, định đưa in thì cháy ổ cứng. Tôi dốt vi tính nên mới thế. Chán quá, định bụng bỏ quách văn chương thì Trung Trung Đĩnh khích tôi: “Mày nói phét, mày không viết được cái gì, ngưng, nên ai hỏi thì bảo cháy ổ cứng, tao còn lạ gì!”. Tức khí tôi quyết chí viết lại, đến nay đã được trăm trang.

talawas: *Tinh cát có nhiệm vụ thực hiện mong ước viết khác đi so với trước của anh không? Anh có tin rằng một nhà văn có thể khác với chính mình, miễn là hắn có nhu cầu tự đổi mới? Và nói chung, anh có cho rằng những quan tâm hàng đầu của văn học thời Đổi Mới đã được giải quyết, Hậu Đổi Mới đòi một loại văn chương khác?*

NQL: Nếu không khao khát viết khác đi thì tôi chẳng cạy cục viết nó làm gì. Có điều văn chương nó nghiệt lắm. Cái mình viết chơi, viết đùa thì lại thành, cái mình đắm đuối thì hồng, khó nói trước

lắm. Chẳng nhà văn nào không có nhu cầu đổi mới, hầu như đó là mong ước hàng ngày của họ, hôm nay muốn thật khác hôm qua. Tất nhiên đó phải là loại nhà văn biết văn là cái gì, thực lòng yêu nó và biết viết ra nó. Còn đám nhà văn giả cây thì lại khác. Đám này vui lắm, chỉ chăm chú giữ gìn hư danh và ra sức khai trương cật lực thứ hư danh mà bạn bè anh em thương tình thí cho. Đổi mới đối với họ là viết thật dày và triển khai bìa bốn thế nào cho thật ấn tượng. Đạo này xứ ta không biết ở đâu ra cái *Từ điển danh nhân thế giới* -loại từ điển đánh trống ghi tên, nghe nói chỉ cần một ngàn đô là người ta sẵn sàng điền tên anh vào- mà lắm anh ra sách, chết sống cũng cố ghi lên bìa bốn một dòng thật óách: “Có tên trong *Từ điển danh nhân thế giới*”. Sao mà khổ thế không biết! Tôi lại nói lạc đề rồi phải không?

talawas: *Không sao, anh cứ tự nhiên.*

NQL: Bây giờ trở lại câu chuyện nhu cầu tự đổi mới và đổi mới. Không phải nhà văn nào có nhu cầu đổi mới là đổi được ngay. Muốn đổi mới thì anh phải thực tài, nếu không anh sẽ chuyển từ cái cũ rích này sang cái cũ rích khác mà thôi. Mà tài là cái trời cho, trời không cho thì dù cố mấy cũng chịu. Thêm vào đó xã hội phải có thái độ tiếp nhận đúng đắn cái đổi mới kia. Anh có thể phê phán, có thể dè bĩu nhưng đừng vui đập nó, cấm đoán nó. Cái mới thường không có trong kinh nghiệm của anh, anh dị ứng cũng là chuyện thường tình. Nhưng anh thừa biết có những cái mới hôm nay anh ghét cay ghét đắng, anh tởm đến buồn nôn lên được thì vài chục năm sau con cháu anh, và cả anh nữa nếu còn sống, lại háo hức đón nhận nó như một báu vật trời cho. *Lá cỏ* của Whitman là một ví dụ. Vậy thì anh sấn sổ quy chụp cấm đoán nó làm gì. Làm thế anh chỉ bị Hôm Nay nhếch mép cười thầm, quá lắm chỉ văng tục vài câu, còn Ngày Mai sẽ phỉ nhổ anh. Khi đó anh chết rồi anh chẳng biết đâu, nhưng con cháu anh vẫn còn sống nhăn ra đấy, chúng nó phải hứng một đồng tử hỏ, liệu anh có sung sướng không? Ngay bây giờ tôi đã nhìn thấy một số bạn văn của mình phải cúi gầm mặt vì những thứ bố mẹ họ đã làm khi còn sống chứ chẳng nói đâu xa. Quy chụp, cấm đoán có thể làm cho anh được chút ít lợi lộc ngày hôm nay, nhưng ngày mai coi chừng anh sẽ bị lịch sử tung xẻo. Anh ìa vào cái mới hôm nay, nhất thời anh sướng cái lỗ đít nhưng coi chừng ngày mai anh sẽ bị người ta ìa vào mặt anh đấy! Tôi thích nói tục thế mới đã.

talawas: *Văn học đổi mới thường được đồng nhất với văn học nói sự thật...*

NQL: Tôi nghĩ xứ ta cứ nói thật, không nói dối tức là đổi mới rồi. Ai viết được như thế thiên hạ phục lắm. Cho đến tận bây giờ đa số vẫn không đọc văn mà đọc vấn đề. Văn học cơ chế vẫn còn đang được chào đón, nhưng tôi nghĩ thứ đó bây giờ rõ ràng là đã lạc hậu. Ngày xưa, thời mới vào đổi mới, người ta háo hức viết thẳng viết thật, đã phá món cơ chế đã lỗi thời. Chính tôi vì hăng máu vọt nên mới viết *Những mảnh đời đen trắng*. Bây giờ tôi nghĩ, cơ chế không phải là việc của văn học, đó là việc của báo chí. Kể cả việc đã phá thứ đạo đức xã hội do cơ chế sinh ra, suy cho cùng cũng không phải việc của văn học. Dùng văn để viết về lũ tham ô tham nhũng thì cũng được đấy, hay là đăng khác nếu anh có tài. Có điều tôi vẫn cảm thấy hình như chúng ta đang sa vào cái cụ thể, cái riêng biệt, cái địa phương của xứ ta. Nhân loại nếu quan tâm đến những đề tài đó thì tìm trong các sách trinh thám, vụ án mà thôi. Ví von thế này thì sai bét nhưng tôi có cảm giác một thời ta bỏ bóng đá người, việc đó có thể có ích nhất thời, nhưng bây giờ thì nên thôi, nên nhè bóng mà đá. Thiên hạ đá bóng cả, mình cứ đá người thì chẳng ra làm sao. Văn học hình như sang trọng hơn cái chúng ta đã làm nhiều. Quả bóng của chúng ta là văn. Nó quý lắm, hay lắm. Nó thuộc về cả nhân loại chứ không riêng xứ ta. Ý tôi muốn nói bây giờ ta làm văn đi, đừng làm vấn đề nữa.

talawas: *Anh muốn nói nên chấm dứt việc dùng văn học làm công cụ cải tạo xã hội? Vậy văn chương nên có vị trí gì trong xã hội Việt Nam hiện đại? Vì sao chúng ta cần đến nó? Vì sao nó vẫn được coi là địa hạt quan trọng đến mức phải có một Hội đồng lý luận phê bình văn học trực thuộc Trung ương Đảng CSVN?*

NQL: Cái đó động đến thứ lí luận văn học đã được đóng đinh nửa thế kỉ nay rồi, tôi không đủ trình độ để nói cho ra nhẽ. Và lại muốn nói cho ra nhẽ, để không ai bắt bẻ, phải cả một cuốn sách chứ dăm bảy câu không ăn thua. Tôi chỉ xin nói vài nhận thức vu vơ của mình thôi. Ngày bé, nghe anh tôi đọc ra rả „Dùng cán bút làm làm đòn xoay chế độ“, tôi cứ băn khoăn: cán bút có một mẫu, xã hội to thế xoay làm sao được nhỉ? Mon men đến hỏi thì anh tôi trợn mắt quát: “Ngu! Ra ngoài chơi!” Câu hỏi ấy cứ ám ảnh tôi mãi nhưng không dám hỏi ai. Thời đó kẹt lắm, hồi lằng nhằng sợ không khéo bị qui cho là xét lại, là phản động. Mãi khi ti toe viết văn mới thấy sướng cái lỗ rốn cái câu đó. Văn chương oai thế, oách thế. Bỏ mà có bút văn đây nè, bỏ mà xoay một cái thì bốt cám. Thình thoảng cấp trên gọi lên khen ngợi mấy câu, động viên mấy câu: cố gắng! cố gắng! Tuyệt không có cấp trên nào gọi nhà văn bằng thằng, hết thầy đều gọi bằng đồng chí. Tết nhất gọi đến cho quà, hoặc gửi quà về tận nhà. Có vị còn đến nhà, đỗ xích xe con trước ngõ, thiên hạ lác mắt. Thật vinh dự tự hào quá! Trong các hội, từ Hội Nuôi ong đến Hội Chữ thập Đỏ thì Hội Nhà văn là quan trọng nhất. Bằng chứng là các hội khác đại hội ở đâu thì tùy, chứ Hội Nhà văn nhất nhất cứ phải Hội trường Ba Đình mới oách. Có anh đi dự Đại hội, cứ khư giữ lấy cái phù hiệu, vênh vênh vang vang dạo khắp phố phường, thật đã. Đến khi già rồi, sắp chết rồi, lại băn khoăn cái câu hỏi thuở lên ba: Bút có xoay được không nhỉ? Có khi nó chẳng xoay được cái quái gì, chẳng qua người ta xoa đầu mình thế thôi chứ bút văn thì xoay được cái gì, nếu có thì là bút báo chứ đâu phải bút văn. Bút văn chẳng qua là công cụ để ghi chép tâm sự, nỗi niềm của mình, họa may kiếm được vài cái xuýt xoa chứ xoay làm sao được mà xoay. Văn chương đâu làm cái việc to tát thế. Thực ra mình có quan trọng gì đâu. Quan trọng là người dùng công cụ chứ đâu phải công cụ.

talawas: *Vậy văn chương để... mua vui?*

NQL: Đúng, để mua vui thiên hạ như cụ Nguyễn Du đã than, mấy trăm năm nay rốt lại chỉ có thế. Anh mua vui được thì anh quan trọng, anh được tặng quà, được khen ngợi, được gọi bằng đồng chí. Nhược bằng anh làm hồng cuộc vui của người ta thì coi chừng, khi đó nghĩ xem anh có còn quan trọng nữa không? Người ta chẳng túm tóc lôi ra ngoài ngay tấp lự: „ Ngu! Ra ngoài chơi!“ Người ta còn cần đến anh là vì anh biết mua vui, thế thôi, chứ anh đừng có tưởng bở mà cao giọng góp ý này nọ. Ngày xưa các cụ nhà ta gặp chuyện đời cảm động thì viết ra vậy thôi. Các cụ làm văn chứ có định làm gì đâu. Gặp lúc người ta cần, người ta hô hoán lên, đẩy các cụ tít tận mây xanh. Rồi bảo lũ trẻ phải viết như các cụ. Muốn viết được như các cụ thời phải có quan điểm này, quan điểm nọ, phương pháp này, phương pháp nọ. Mệt quá trời. Thôi, đã đến lúc ta ra ngoài chơi văn với nhau, có chữ bới hằm hè thì cũng chỉ trong cuộc văn với nhau, có khi thế mà hay, biết đâu vì thế văn lại được bền hơn chẳng? Tôi bây giờ mệt mỏi lắm rồi, xin không làm chiến sĩ nữa, tôi làm văn, thế thôi. Văn là văn, không có sắt thép xi măng gì sắt, từ nay tôi nguyện làm thứ văn đó. Hay dở còn nhờ trời chứ tôi tuyệt không làm thứ văn khác, cả thứ văn mà Hội đồng Lí luận Phê bình ghét cay ghét đắng và thứ văn mà họ quan tâm khích lệ tôi đều không thiết.

talawas: *Xin hỏi sang một điểm khác: Chưa bao giờ văn học đương đại thế giới được giới thiệu nhiều ở Việt Nam như trong khoảng thời gian một thập niên gần đây. Dường như các nhà văn Việt Nam ngày càng đánh mất độc giả vào tay những đồng nghiệp nước ngoài của mình, đặc biệt là đồng nghiệp Trung Quốc và Mỹ, cũng giống như việc điện ảnh Việt Nam đã thua điện ảnh Mỹ, Trung Quốc, Đài Loan và Hàn Quốc trong trận đấu giành công chúng điện ảnh. Là biên tập viên tại Nhà xuất bản Kim Đồng, anh có thể chứng kiến cảnh thị trường sách thiếu nhi ở Việt Nam rơi vào tay truyện tranh Nhật Bản...*

NQL: Mình thua người ta vì người ta tài hơn mình, ấy là một nhẽ. Buồn lắm nhưng biết làm thế nào? Tài như ông Thiệp viết được một lúc rồi cũng tịt. Ông Bảo Ninh thì từ khi ra cuốn *Nỗi buồn chiến tranh*, gật gù gật gù mãi, hơn chục năm rồi vẫn không thấy cuốn nào mới. Ông Thiệp xoay

sang viết tiểu thuyết. Cuốn *Tuổi hai mươi yêu dấu* mỏng lé, chưa in đã thấy tuyên bố rầm trời. Làm *marketing* thế cũng khá nhưng tôi nói thật, cuốn ấy dở quá là dở. Nghe nói Cục xuất bản không cấp giấy phép cho ông Thiệp. Nếu đúng thế thì Cục xuất bản làm sang cho Thiệp. Sách ấy mà ra thì ông Thiệp mất ổi độc giả. Văn học lúc thịnh lúc suy là chuyện bình thường nhưng cứ thấy ta suy mãi mà không có cửa nào để hi vọng có ngày nó sẽ thịnh. Nghĩ thế mà buồn. Chúng ta mất dần độc giả vì chúng ta mất niềm tin nơi họ. Quanh năm chẳng thấy viết gì cho ra hồn lại cãi nhau như mổ bò. Chán lắm. Bên chính trị người ta biết bơm nhân vật nào mà họ cần. Bên văn thì trái lại, hễ anh nào vừa nhoi lên, không biết khiêm tốn kịp thời, trước sau cũng bị bôi tro trát trấu vào mặt. Lại thêm hễ có cuốn nào đọc đường được là đã nghe ồn, là có vấn đề rồi, trước sau không cấm cũng thu hồi. Cuốn *Đi tìm nhân vật* của Tạ Duy Anh, tôi đọc cũng được, cũng được thôi chứ bảo hay thì tôi không chịu, một hôm ngồi nhậu với ông giám đốc xuất bản, ông nói: “Đang méo mặt vì cuốn đó đây. Trên đời thu hồi!” Tôi nghĩ mãi không ra vì sao cuốn đó lại thu hồi, có gì đâu mà thu hồi? Hỏi ông giám đốc, ông thờ ra nói: “Tôi cũng có biết đâu, trên bảo thì mình phải chấp hành thôi.” Cuốn *Chuyện kể năm hai ngàn* cũng vậy, tập 1 chỉ thuần túy hồi kí nhưng tập 2 thì quá hay, đang sướng thì lại nghe cấm, thu hồi. Chán mớ đời. Thế thì kiếm đâu ra độc giả!

talawas: *Trong khi tác phẩm văn học của nước ngoài được tự do hơn nhiều...*

NQL: Thế đấy! Cuốn *Phong nữ phi đồn* của Mạc Ngôn thì Trung Quốc cho xuất bản ầm ầm. Nước ta cũng cho in ầm ầm, chẳng thấy ai thắc mắc gì. Nếu Mạc Ngôn mà ở xứ ta thì sách ấy đến mỏng thất cũng đừng hòng đến tay độc giả. Ngay cái tên sách không thôi, người ta đã tát cho vỡ mặt. Nếu hỏi: nước ta có ai viết được như Mạc Ngôn không, tôi bảo có đấy. Không tin cứ làm như bác Trung Quốc, cũng là nước xã hội chủ nghĩa đấy thôi, ứng xử với Mạc Ngôn và sách của Mạc Ngôn, làm được như thế thì loại sách *Phong nữ phi đồn* không phải không có, thậm chí có khi hay hơn. Trung Quốc mấy chục năm trước, văn học cũng trắng phau như ta bây giờ thôi, mười năm vừa rồi người ta đổi mới ầm ầm, đổi mới thứ thiệt, thế là sách người ta đổ bộ vào ta là lẽ đương nhiên. Văn hóa bao giờ chẳng chảy từ thế năng cao đến thế năng thấp. Tôi nhớ có lần Nguyễn Bình Phương đưa tôi đọc bản thảo cuốn tiểu thuyết mới. Đọc xong tôi bảo: “Không in được đâu, tao thách mày in ra được đấy. Muốn in được chỉ có một cách...” Nguyễn Bình Phương hỏi: “Cách gì?” Tôi bảo: “Mày ghi tên tác giả là A-lếch-xăng-đơ gì đó và ghi ‘Nguyễn Bình Phương dịch’ thì sách ra ngay tấp lự!” Nguyễn Bình Phương cười to bảo: “Đắc sách! Đắc sách!” Từ bấy đến nay gặp tôi, anh cứ tùm tùm cười, chẳng hiểu anh có làm theo cách của tôi không mà cứ tùm tùm thế không biết. Tôi biên tập cuốn *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam* của Vũ Ngọc Phan, rút gọn lại cho các cháu đọc. Trong đó có bài: “Đêm trăng vàng vạc/ vác cặc đi chơi...” Một bà già viết báo mắng cho: làm sách cho trẻ em mà thô tục thế à? Sở Văn hoá Thông tin TP. HCM gọi lên gọi xuống, bắt giải trình này nọ, mệt quá là mệt. Độc giả nước ta sướng lắm, phàm là sách Tây đều đọc được tuốt. Còn sách ta thì cẩn thận đấy, không phản động cũng đòi truy, khéo không ngộ độc mà chết, đừng đọc, chúng tôi không cho chúng đến tay quý vị đâu, quý vị yên tâm. Trăm cái sự ấy dẫn đến việc Ta mất dần độc giả vào tay Tây, chỉ còn trọc lóc mỗi cái khẩu hiệu: “Giữ gìn bản sắc dân tộc” treo lên làm vì, thế thôi.

talawas: *Anh có cho rằng tình trạng không thể nhoi lên được ấy cũng xuất phát từ không khí trật tự quen thuộc của làng xóm, tỉnh lẻ không? Trong một cái làng, ai vĩ đại đột xuất, vĩ đại ngoài kế hoạch, đều dễ bị lòi ra ngay như một kẻ gây rối, phá hỏng trật tự. Sở dĩ các nhà văn vĩ đại nước ngoài vào làng ta vẫn được tương đối yên ổn vì họ là khách, không tham gia vào hệ tôn ti trật tự đó, không phải cúi xuống cho thấp hơn ông lí trưởng... Làm cách nào để chúng ta thoát khỏi sợi dây trói vô hình của cái trật tự này?*

NQL: Ngày xưa, thời Tố Hữu còn làm thơ và còn coi sóc trường văn thì cái câu: “Tố Hữu, con chim đầu đàn của làng thơ Việt Nam” mặc nhiên được coi là chân lí không cần phải bàn cãi. Tôi

nhớ có người bình thơ Tố Hữu, cứ mỗi lần chuyển ý chuyển đoạn là đều lặp lại y xì câu đó trước khi nói hươu nói vượn. Tôi không hề coi thường hay dè bieu thơ Tố Hữu. Nó đã góp phần nuôi dưỡng tâm hồn đồng quê của tôi. Nhưng đội ông lên đầu mấy chục năm không biết chán thì thật đáng xấu hổ. Nếu đúng Tố Hữu luôn là con chim đầu đàn mấy chục năm liền thì thơ Việt Nam mấy chục năm liền giẫm chân tại chỗ ư? Vô lí! Một nền văn học phát triển phải như nước thủy triều chứ. Lớp sóng này đè lớp sóng kia. Có mỗi một cây cao bóng cả ngồi chọc ngóc giữa hồ phẳng lặng thì nền văn học ấy là nền văn học chết. Nói trắng ra, nó là cái gì chứ không phải là *nền*. Năm tám bảy, cụ Trần Dần nói: cần phải chôn *Tiền chiến* là ý nói không thể ăn theo các bậc *Tiền chiến* mãi được, cần phải làm khác đi. Đến trẻ con chúng cũng hiểu như thế. Vậy mà cụ Trần Dần khốn khổ vì câu đó. A, mày định phủ nhận tiền nhân à? Mày là cái đéo gì, đồ *Nhân văn-Giai phẩm* phản phúc! Nay cũng vậy, mấy ông bạn trẻ của tôi đòi đổi gác này nọ là lập tức bị ăn đòn. Khổ, người ta đòi đổi gác chứ có đòi ăn trộm ăn cướp gì đâu. “Cũng là công việc cách mạng giao cho” cả thôi mà. Chẳng qua cũng là chiến sĩ với nhau, tụi em muốn thể hiện tinh thần cách mạng thì nói thế thôi. Nếu các bác nói: chúng tao vào sống ra chết mới có được ngày nay, chúng mày hỗn láo dám đòi đổi. Đổi là đổi thế nào, ra ngoài chơi! Dạ vâng, thì ra ngoài chơi! Ra ngoài chơi thì tốt quá. Các bác tưởng tụi em không có chỗ chơi chắc? Các bác nhầm to. Tôi nói thật, trong thế hệ chống Mỹ, người nào làm văn được, người nào thực sự có công với văn học cách mạng thì rất hiếm hoi, ít khi nói năng gì. Chỉ mấy ông ba lạng nhặng, ngày xưa không biết đánh đấm có ra cái đéch gì không mà bây giờ hoảng huýt quá. Ai động đến thế hệ chống Mỹ của ông thì ông lồng lên như sói. Chẳng qua ông muốn bảo vệ ông thôi, ông nhân danh một thế hệ để bảo vệ cái thứ văn vút đi của ông thôi. Văn chương nó nghiệt lắm các bác ơi, nếu nó là thứ đáng vứt đi thì các bác có bảo vệ đàng gò. Vài bài phê bình xào đi nấu lại, thế gọi là sống mãi ư? Các bác đừng lấy nê người này người nọ ra để bảo vệ thứ văn vút đi của các bác nữa, nhục lắm. Phàm là nhà văn ai chẳng lo văn mình rồi có ngày bị người đời bỏ quên. Đến như cụ Nguyễn Du còn lo ba trăm năm nữa chẳng còn ai nhớ cụ nữa là. Nhưng lo thì phải làm thế nào chứ không phải đi tìm kẻ khác, số toẹt kẻ khác, đặc biệt là lớp trẻ kế tiếp sau mình. Lũ trẻ bây giờ, hễ có anh lớp trước vỗ vai khen: “Chú mày khá lắm” thì phải biết đàng sau câu đó còn có câu: “Tuy vậy chú mày còn lâu mới bằng anh!” Đừng có tưởng thật, dú lên tuyên bố lằng nhặng, vỡ mặt có ngày. Tôi lại nói lạc đề mất rồi?

talawas: *Còn bây giờ, khi “chim đầu đàn” đã bay đi...*

NQL: Bây giờ chẳng có ai làm “chim đầu đàn” thì cũng mệt quá. Bất kì cuộc rượu nào cũng thấy các ông nhà văn phân định ông này số một, ông này số hai... Nói chơi vui thì được chứ nghiêm trọng nó quá thì buồn cười! Văn chương đâu phải con cá mớ tôm mà dễ dàng đo đếm thế. Phàm là nghệ thuật đều phải lụy vào thời gian. Ngày trước văn Nguyễn Công Hoan được coi là độc đắc, thiên hạ vô lấy đọc, bàn tán xôn xao, trong khi Nam Cao ôm bản thảo đi rao bán chẳng ai mua. Bây giờ ai cũng thấy văn ông Nam Cao ăn đứt văn Nguyễn Công Hoan. Anh cứ viết đi, nếu anh có giọng riêng thì anh là một giá trị. Tất cả những giá trị văn chương đều bình đẳng. Chớ thấy ít ai nhắc đến anh mà buồn, cũng chớ thấy thiên hạ tôn mình lên làm số một mà vênh vang. Có ông được tôn làm số một đâu được chục năm, nay thấy không ai nhắc đến nữa, sót ruột sợ người ta quên mình là số một bèn tự viết bài, kí tên người khác, nhắc với thiên hạ rằng mình vẫn là số một. Vô duyên! Anh về quê, thấy bà con mình ngồi tính xem “họ mình hơn họ chúng nó” những gì một cách rất nghiêm trọng thì anh bịt miệng cười thầm, nhưng ở phố anh cũng vậy thôi. Văn hóa làng nó để ra mấy thứ mệt người mà tôi vừa nói. Bao giờ văn hóa thông thương, ta ra khỏi làng ta thì chắc chắn sẽ biết cái thứ lâu nay ta vẫn nghiêm trọng chỉ tổ để thiên hạ bịt miệng cười thầm. Khi đó ta mới thấy xấu hổ. Rồi tự khắc ta sẽ không còn mấy thứ mệt người đó nữa.

talawas: *Anh có cho rằng, chẳng hạn mở cửa cho xuất bản tự nhân cũng là một hình thức thông thương văn hoá?*

NQL: Nó đúng là một hình thức để thông thương văn hoá. Nhưng vẫn còn khó lắm. Luật xuất bản sắp ban hành có nhiều điểm rất tiến bộ. Nhưng tôi sợ đây cũng chỉ là hình thức, khó lòng đi vào thực tiễn. Bởi vì chúng ta đã quá quen với luật bất thành văn mất rồi. Một khi luật mờ, luật telephone, luật rỉ tai vẫn tồn tại như một nhu cầu không thể thiếu đối với những người quản lí chợ văn thì văn bản dù hay ho đến mấy rốt cuộc cũng chỉ là thứ nói dzậy mà không phải dzậy.

talawas: *Và câu hỏi cuối cùng: nếu nhà văn Việt Nam được phép ước một điều như trong truyện cổ tích, anh sẽ ước điều gì?*

NQL: Ước gì mình viết được cái mình muốn viết, in được cái mình muốn in.

talawas: *Xin cảm ơn anh Nguyễn Quang Lập.*

Tháng 12.2004

© 2004 talawas

Ngày 30 tháng tư của tôi

Trong chứng minh nhân dân của tôi, phần *Dấu vết riêng hoặc dị hình* có ghi: *Sẹo chấm 0,3 cm dưới sau đuôi mắt trái*. Đây là dấu vết ghi nhận ngày tôi ra đời đau đớn, khó khăn thế nào. Đơn giản vì đầu tôi quá to. Nó to gần bằng cái nồi ba, lại có ngạnh nhô ra hai bên như hai cái sừng bò, bây giờ người ta mới biết đó là u máu, hồi đó thì chẳng ai biết là cái gì, sợ lắm.

Ca đẻ kéo dài bốn tiếng, từ bốn giờ chiều đến tám giờ đêm, tôi vẫn không chịu ló đầu ra. Mẹ tôi đang nằm thở thoi thóp sau khi đã la hét kiệt sức. Bà đỡ vẫn nhai trầu bồm bồm, cười nói như không, kì thực mặt bà đã tái mét. Bà nghi đây là ca đẻ ngược nhưng không dám nói, vẫn cứ nhai trầu bồm bồm, thỉnh thoảng ho khan mấy tiếng, nói rặn đi em!... y chang người ta giục con nít đi ỉa.

Bà ngồi kể chuyện cười cốt để mẹ tôi buồn cười cho phớt tôi ra nhưng chẳng ai cười, mình bà hết he he he lại hơ hơ hơ, vô duyên như mấy màn tấu hài đương đại.

Đã sốt ruột lắm rồi nhưng bà chẳng biết làm gì hơn là tằm trầu, nhai trầu, thỉnh thoảng ho khan và nói rặn đi em. Lâu lâu bà vuốt mép, nói ua châu, có chuyện ni hay lắm đây!... Ngó liếc chẳng thấy ai hưởng ứng, mặc kệ bà cứ kể, đầu chuyện cười he he he, cuối chuyện cười hơ hơ hơ. Tất cả ngôn ngữ chuyên môn của bà chỉ có thế.

Chừng đã phát chán, bà gấp dài, vỗ mông mẹ tôi cái bốp, nói con ni l. to răng để khó ri hè!

Chẳng ai cười. Bà cũng không cười, nhả miếng trầu này nhét vào miếng trầu khác, nói rặn đi em, câu cửa miệng đã nhảm tai chính bà cũng chẳng buồn nghe.

Bà thuộc trường phái *câu liêm*, tức dùng câu liêm cắt rốn. Trường phái này tồn tại bao đời nay đã bắt đầu nhường chỗ cho trường phái dùng kéo mẹ kền cắt rốn, gọi là trường phái *kéo mẹ kền*.

Duy nhất bác Đông gái một mình một trường phái *kéo mẹ kền*, được dân Thị trấn Linh Giang ngưỡng mộ và tin cậy.

Thật không may cho tôi, vào lúc tôi chui ra đời thì bác Đông gái đang sốt rất cao, uống hết một rổ lá nhọ nồi sắc đặc vẫn không giảm. Bác Đông gái là người hàng xóm tuyệt vời, bác luôn có mặt những lúc nhà tôi cần bà có mặt, hết lòng giúp đỡ nhà tôi, cả những việc đòi hỏi phải có sự hy sinh lớn mới hòng thu được kết quả bác cũng sẵn sàng.

Bác Đông gái là bà đỡ vĩ đại nhất mọi thời đại của Thị trấn Linh Giang. Từ năm mười sáu tuổi cho đến khi bà nhắm mắt xuôi tay, gần hai ngàn người đã ra đời dưới tay bà, tỉ lệ tử vong 0%, tôi không thèm nói ngoa một tí nào. Quá nửa trong số hai ngàn người này đến nay vẫn còn sống, số còn lại đã chết vì rất nhiều lí do, sẽ làm chứng cho quả quyết của tôi.

Không phải ai được bác Đông gái đỡ đỡ cũng đều trở thành người tử tế. Khoảng 10% những kẻ vô tích sự, 10% bọn lưu manh trộm cướp, 10% những kẻ giả danh và bè lũ đạo đức giả (bọn này đích thị cũng là lũ lưu manh), nhưng nhờ vào đôi tay thần diệu của bà, thị trấn quê tôi phát triển được như ngày hôm nay, đó quyết không phải là lời tăng bốc quá đáng.

Bác Đông gái được học hành cẩn thận, nghe nói học lớp hộ sinh Pháp dạy ở trong tỉnh, còn bà mẹ của tôi thì không. Bà này cực xấu, trên ba chục tuổi vẫn không chưa chồng.

Xưa bà bán đúc ở chợ Thị trấn. Một hôm bán hết, bà ngồi đến tối om, chợ tàn hết rồi vẫn còn nguyên nửa gánh. Chợ chỉ còn ông gác chợ, ông cũng ế vợ, người ta chê ông nghèo không ai thèm lấy. Bà đang soạn gánh ra về thì ông đi đến, tụt quần cười hề hề, nói tui có cái ni em có đổi bánh đúc không?

Bà chửi cha ông gác chợ. Ông gác chợ đê bà ra. Bà lại chửi cha ông gác chợ. Ông gác chợ tụt quần bà ra. Bà lại chửi cha ông gác chợ. Rồi bà kêu á á á... ó ó ó. Rồi bà kêu ừ ừ ừ... ừ ừ ừ. Cuối cùng bà chẳng kêu được nữa chỉ hức hức hức... hừ hừ hừ.

Ông gác chợ kéo quần lên, đứng dậy cười khi khi, nói hay không?... Hay không? Bà cũng kéo quần lên, ngồi dậy cười hi hi hi, nói hay hề... hay hề! Ông gác chợ vỗ đít bà phát, nói hay thì về nhà tui! Bà gánh bánh đúc về theo ông liền, nói về thì về, sợ chi.

Đêm trở dạ bà ôm bụng rên hừ hừ, nói ông ơi... ông ơi... đi tìm cho tui bà mẹ! Ông gác chợ say, nói tìm mô ra, mà tiền mô mà tìm? Bà ôm bụng chửi cha ông gác chợ. Ông gác chợ cho bà mấy bộp tai, nói ngu! Xoạc háng thò tay vào túm cổ nó mà lôi ra, chi mà kêu! Cùng đường bà làm theo ông, thế mà mẹ tròn con vuông. Bà cười, nói té ra đỡ đỡ để không à! Từ đó bà trở thành bà mẹ.

Lâu nay chỉ đỡ đỡ cho bà con quanh Thị trấn, lần đầu được gọi đến đỡ đỡ cho vợ "ông to" trong huyện, ba tôi chỉ là ông phó ban tuyên giáo huyện ủy cũng được gọi là "ông to", bà sợ lắm tính không đi nhưng tiếc một đồng hai tiền công cũng liều.

Bà quá ngạc nhiên khi đứng trước cửa nhà tôi, nó là cái chuồng bò bỏ không, bà không sao tin nổi.

Thực ra ba mẹ tôi cũng đã cất được một ngôi nhà ba gian hai chái, nhà tranh vách đất thô nhưng cũng đủ ấm áp cho sáu anh chị của tôi. Khi ba tôi bị bắt giam vì tội gián điệp Quốc dân đảng và tiểu tư sản phản động cũng là lúc cả nhà tôi bị lừa vào cái chuồng bò bỏ hoang. Ngôi nhà ấy được trưng dụng làm nơi hội họp của cả xóm Cầu Phố.

Chỉ ba ngày sau, ba tôi được thả ra, được trả lại thành phần, từ bỏ thành phần tiểu tư sản phản động, vinh dự trở về thành phần cùng đinh, nói chửi là thành phần dân nghèo thành thị, thành phần mà bất cứ ai sinh ra và lớn lên ở đây cũng phải mơ ước.

Thành phần được trả nhưng ngôi nhà thì không. Ngôi nhà ba gian hai chái không hề phản ánh đúng thành phần cùng đinh, nó là nhà của thành phần trung nông. Nếu ba tôi dám từ bỏ thành phần cùng đinh, nhận lấy thành phần trung nông, lập tức chúng tôi sẽ vĩnh biệt cái chuồng bò rách rưới hôi hám trở về ngôi nhà yêu quý của mình. Nhưng ba tôi không ngu cũng không điên, ông thà ở cái chuồng bò khốn khổ khổ nạn đó chứ không bao giờ rời bỏ thành phần cùng đinh, thành phần quý hơn vàng.

Thực tế chứng minh ba tôi hoàn toàn đúng đắn. Nhờ vào thành phần cùng đinh, anh Cả tôi là người đầu tiên của tỉnh được đi học Liên Xô – sự kiện chấn động Thị trấn Linh Giang, nửa thế kỷ sau vẫn có người nhắc đến với niềm tự hào lẫn ghen tị. Thế mới biết vì sao không một ai tỏ ra ân hận vì sự đánh đổi của ba tôi, dù ròng rã hai năm trời gia đình tôi phải sống trong cái chuồng bò chật chội, hôi hám. Sự đánh đổi quá to lớn, có thể nói đó là sự đánh đổi trời cho, không dễ gì có được.

Chỉ có tôi là ghê rợn khi biết mình phải sống chung với nó.

Từ trong khe hẹp, tôi mở mắt nhìn ra đời, tức là cái chuồng bò.

Lúc đầu tôi không nhìn thấy gì ngoài cái háng bà đỡ đang dặng ra choán cả tầm mắt. Bà vẫn nhai trầu bồm bồm, nói nín thở, rặn mạnh đi em! Đang thiu thiu ngủ mạ tôi choàng tỉnh, gào thét điên cuồng, hình như tôi vừa làm gì đó khiến mạ tôi rất đau.

Tôi không biết phải làm sao để mạ tôi đỡ đau. Một mớ dây dợ đang cuốn chặt lấy tôi, không cách nào thoát ra khỏi chúng. Tôi đạp chân phải một cái, cốt để rút chân ra khỏi hai sợi dây ruột đang bó quanh cổ chân. Mạ tôi hét một tiếng thất thanh.

Tôi buộc phải dừng lại, mở mắt nhìn ra khe hở hẹp. Vẫn cái háng to bè của bà đỡ, nhìn rõ những sợi chỉ vá đũng quần đã đứt tung rời ra, để lộ một vệt da trắng nhõn.

Tôi không thích cái háng bần thỉu ấy một chút nào.

Cổ đạp một cái nữa, tôi nhận thấy cả hai sợi dây ruột buộc cổ chân đã tuột ra, mừng quá là mừng. Bà đỡ cúi xuống sẫm soi, mắt sáng lên, nói đầu nó ra đây rồi nì!...

Bà vẫn kiên quyết không chịu xếp háng lại, thậm chí mỗi lúc mỗi dặng ra, cái vệt da trắng nhõn dường như nứt toác, chạy thẳng xuống bẹn, bóc trần một nhúm lông quần queo ghê tởm.

Đời không phải là cái háng thô bỉ ấy, tôi biết chắc như vậy và quyết tâm đưa tầm mắt mình vượt ra khỏi nó. Nhưng chịu, tưởng như háng bà mỗi lúc mỗi xoè ra.

Tôi ưỡn ngực rướn lên. May mắn làm sao sợi dây ruột cuốn quanh bụng bồng bung ra, tuy vẫn đeo chặt lấy rốn, làm cho tôi khoan khoái vô cùng. Bây giờ chỉ cần thoát khỏi sợi dây ruột cuốn quanh cổ là tôi có thể thoải mái chui ra Đời, chí ít cũng thoát khỏi cái háng mông muội ghê rợn án ngữ tầm mắt rất khó chịu.

Mạ tôi cũng đã bót kêu la, bà chỉ thoi thóp thờ và rên ư ử, có lẽ bà đã quá mệt. Tôi bình tĩnh xem xét lại tư thế của mình sao cho chỉ cần đạp mạnh một cú nữa là nhào ra Đời.

Chừng tám giờ tối, mạ tôi vận mình liên tục. Tôi hết đảo bên này lại đảo bên kia. Trạng thái rơi tự do làm tôi nôn nao khó chịu. May thay khi tôi hết chịu nổi cũng là lúc hai giầy chằng quần quanh bụng bung ra.

Tuyệt vời! Nhẹ nhàng thoải mái quá! Có một niềm phấn khích chui từ hậu môn, vào khoang bụng, qua cổ họng rồi lên đầu. Niềm phấn khích màu đỏ nâu, mát rượi.

Ngắm lại lần nữa thành bụng đầy dây nhợ của mạ tôi trước khi vĩnh biệt chúng, tôi cố lật nghiêng người, dùng hết sức bình sinh đạp mạnh.

Mạ tôi rú lên: Ôi con ơi! Tiếng rú đau đớn và tuyệt vọng.

Tiếng rú làm tôi giật mình, nhưng không vì thế tôi từ bỏ ý định chui ra đời, thậm chí còn quyết tâm hơn. Cần phải nhanh chóng thoát khỏi khoang bụng chật hẹp tăm tối, chiếm lấy một phần không gian rộng rãi giữa đời.

Thực thì điều đó cũng không quan trọng lắm. Tôi không hình dung được và cũng không muốn hình dung mình sẽ được Chúa Trời bố trí ở vị trí nào, cao thấp rộng hẹp ra sao. Tôi nỗ lực ra đời là để mau chóng thoát khỏi cái háng mông muội che khuất tầm nhìn, ít ra phía sau cái háng mông muội kia cũng có cái gì đó dễ chịu.

Sau này lớn lên, tôi nhận ra suốt cuộc đời tôi luôn luôn bị những cái háng mông muội che lấp tầm nhìn. Lúc nào tôi cũng bận rộn với chúng nhưng chưa bao giờ say đắm chúng. Càng ngày tôi nhận ra mối nguy hiểm và giá trị của những cái háng: bần thỉu và hấp dẫn, tầm thường và thiêng liêng – lý do tôi ghét chúng nhưng chưa bao giờ đủ can đảm rời bỏ chúng. Chuyện này nói sau.

Mạ tôi kêu la rú rít mỗi lúc mỗi dữ dội hơn, thậm tệ hơn. Bà vừa van xin tôi đừng làm khổ bà nữa vừa kêu rên đời bà thực chẳng ra làm sao. Đặc biệt bà chửi ba tôi như chửi chó. Khi lên cơn kịch phát, mạ tôi mang tên cúng cơm ba tôi ra réo, điều mà ngày thường không bao giờ bà dám hé môi. Không khào mà xưng, bà nức nở rú rít khai man tội trạng của ba tôi đã làm bà ra nông nỗi này, cứ như tôi là kết quả sự hiệp đáp vô lương.

Trong đau đớn cùng cực, mạ tôi vẫn còn nhớ cần kể ra những gì và giấu đi những gì, chủ yếu bà lờ tịt cái việc chính bà luôn luôn gợi ý thúc giục ba tôi, một cách tinh vi ranh mãnh, làm ra “cái nông nỗi này” là tôi đây.

Tôi thấy hơi tự ái, có lẽ tử thân thì đúng hơn. Dù thế nào tôi cũng là kết quả của tình yêu, chí ít cũng là tình vợ chồng, tệ nhất cũng là kết quả một thỏa thuận lâu dài hay tức thời. Chuyện này chỉ ít nữa tôi sẽ kể, bây giờ mọi người hãy cứ tin tôi đi.

Bây giờ là giây phút quyết định, chỉ cần rướn thêm một chút nữa là đầu tôi sẽ tọt hẳn ra ngoài. Tôi thu mình lại chút ít, dùng hai đầu gối tì mạnh vào thành bụng mẹ tôi, một hai ba... tôi ưỡn mạnh. Chị Ba reo lên, vỗ tay bém bép, nói a em ra rồi!... Em ra rồi mẹ ơi! Tiếng reo cô bé mười ba tuổi mới trong trẻo làm sao. Tôi yêu chị tôi ngay từ giây phút đó.

Tôi cảm thấy phần khởi vô cùng, muốn bay ra ngay lập tức. Niềm phấn khích lại xuất hiện, cuộn cuộn chui vào hậu môn, vào khoang bụng, chui qua cổ rồi lên đầu. Niềm phấn khích màu đỏ nâu mát rượi, nguồn năng lượng cần thiết giúp tôi hoàn tất giai đoạn cuối cùng: vượt qua cửa tử cung chật hẹp, phóng thẳng ra đời.

Hoàn toàn đúng như vậy nếu tôi không thấy con chuột nhắt, không phải, ba bốn con chuột nhắt từ dưới đồng rơm lót nền chuồng bò chui ra. Có lẽ không phải nốt, hình như chúng chui ra từ cái háng mỡ muối đáng ghét kia.

Những con chuột bé tí, chỉ bằng đầu ngón tay út lại có những đôi mắt rất to, ánh lên vẻ lác lác xơ xiên ngay khi chúng vừa sinh ra, đang thao láo nhìn tôi. Tất nhiên tôi không sợ, không việc gì phải sợ lũ súc sinh có trọng lượng nhỏ hơn một ngàn hai trăm lần trọng lượng của tôi.

Trong tôi dâng lên một nỗi căm hờn và khinh bỉ chúng, nỗi căm hờn và khinh bỉ vô lối vì lũ chúng chẳng động gì đến tôi cả, có khi chúng cũng giống chị Ba đang tự nguyện làm cổ động viên cho sự ra đời chính đáng của tôi. Mặc kệ, tôi không thích chúng, thế thôi.

Tôi diễn đạt sự chống đối lũ chuột nhắt bằng việc co mình lại tụt sâu vào cái xà lim tăm tối của mình.

Tất cả lập tức phản đối. Mẹ tôi rên rỉ, nói ra cho mẹ với con ơi! Bà đỡ há hốc mồm, hai tay ôm đầu kêu lên, nói rằng lạ ri hề?... Răng lạ ri hề? Bà dớn dác tính tháo lui, bắt gặp cái nhìn nghiêm trọng của ba tôi, bà bèn bẽn lẽn ngồi xuống cười chừa thẹn, nói thẳng ni rồi ghé gớm lắm đây! Buồn cười bà đã gọi tôi bằng thẳng khi tôi chưa kịp phơi bày chứng chỉ đàn ông của mình.

Ba tôi ngồi xuống cạnh bà đỡ, nói con tui đứa mô cũng lì rứa đó. Chị cứ yên tâm. Cùng lắm tui thọc tay vào kéo cổ nó ra. Câu này y chang câu chồng bà đã khuyến dụ bà khiến bà tự tin hơn. Bà lom lom nhìn vào hõm sâu, nói anh coi nì, mờ to ri răng nó vẫn không chịu ra?

Chị Ba ngồi tựa cột khóc thút thít, thỉnh thoảng lại bỏ tọt vồ vồ nhẹ vào bụng mẹ tôi, nói ra đi cho rồi, mẹ khổ lắm em nờ...

Một tiếng sấm đánh gọn xoẹt qua nóc chuồng bò, tiếp liền là một trận mưa dữ dội kéo dài hơn một tiếng đồng hồ, mưa như xối, có lẽ hơn 100 li, Thị trấn hiếm khi có một trận mưa to như thế. Tiếng mưa cùng với tiếng sấm làm cho tôi sợ, mặc mọi người ra sức thúc dục tôi vẫn chẳng dám chui ra.

Bác Đông gái hiền lành phúc hậu hay tin tôi không chịu chui ra đời cũng phản đối quyết liệt. Từ trên giường bệnh bác phát lệnh truyền khẩu cho bà đỡ là phải bóc – xép khẩn cấp.

Bóc-xép là gì? Đó là một từ tiếng Tây, dịch ra tiếng Việt là cưỡng chế các phần tử chống đối ngay trước cửa tử cung. Bác Đông gái trao cho chị Ba một cái kẹp sắt mạ kền có đính miếng cao su hay bọt biển gì đấy ở hai đầu kẹp, đó là vũ khí chuyên chế sinh sản.

Khi có vũ khí trong tay, đáng ra bà đỡ phải biết trước sau tôi cũng phải đầu hàng vô điều kiện, không việc gì phải vội vã, thế mà bà đã hành động điên rồ như một kẻ thua cuộc. Không thèm nhúng nước sôi tiệt trùng, bà xọc vũ khí đầy mỡ hôi tay vào âm đạo, kẹp lấy hai thái dương của tôi. Bà kẹp rất mạnh, lôi ra cũng rất mạnh, dù tôi đã hoàn toàn chấp nhận thua cuộc trong cuộc đối đầu “ai thắng ai” giữa tự do một mình và tự do hổ lốn.

Một tiếng “phoạt” vang lên cùng với tiếng reo ồ tất cả những ai đang vây quanh âm hộ đẫm máu của mẹ tôi.

Tôi khóc thét. Tiếng khóc đau đớn và tức giận vang lên trong cái chuồng bò mười bốn mét vuông chẳng làm ai động lòng. Người ta tranh nhau đoán trọng lượng của tôi là hai cân chín hay ba cân ba, tranh nhau đoán mặt tôi giống mẹ tôi, ba tôi, hay ông bà cụ kị tôi. Rốt cuộc tất cả đều khẳng định mặt tôi giống ba tôi như lột, rõ thói xu nịnh truyền kiếp!

Chưa hết, người ta còn tranh nhau ca ngợi tiếng khóc vang dội của tôi như một tín hiệu tốt lành về một tương lai cực kì tươi sáng dành cho tôi. Vớ vẩn! Tôi đang đau chết đi được. Hành động

khủng bố trắng trợn của bà đỡ nhân danh chuyên chính sinh sản đã làm tôi bị thương, một vết xước 0.3cm dưới sau đuôi mắt trái đang chảy máu.

Chẳng có ai thèm quan tâm, vả, nếu có quan tâm cũng chẳng có ai phân biệt được máu của vết thương dưới sau đuôi mắt trái với máu sinh sản đang tràn ngập cơ thể tôi. Bà đỡ lấy câu liêm đã nung đỏ cắt nhúm rau cái xoẹt. Cái rau được ba tôi nhanh chóng chôn vào bình rượu bốn lít với đôi mắt sáng ngời. Nhờ nó ông có thể chạy bộ trên mười ki lô mét, gánh nặng trên năm mươi cân, ngồi họp trên bốn tiếng đồng hồ, làm tình trên ba mươi phút. Giời ạ, thế mà thơ ca khi nào cũng nức nở về nơi chôn rau cắt rốn của con người!

Tôi đang đói chỉ muốn ăn, thế thôi. Trong tôi hoàn toàn không có cảm xúc chào đời.

Mạ tôi đã lịm đi sau bốn tiếng đồng hồ sinh nở. Ba tôi đang đào rãnh nước quanh chuồng bò, ra sức chống cự với đám nước đá bò lúc nào cũng sẵn sàng tràn vào nền chuồng bò. Mưa lớn làm nước từ ngoài đường cái quan tràn xuống chuồng bò. Ba tôi cuốc cuốc đào đào đến kiệt sức, nước từ đường cái quan vẫn không thôi đổ xuống, mối nguy hiểm làm cả nhà tôi lo lắng. Khéo không mạ tôi sẽ bị nhúng trong nước lạnh, điều kiêng kỵ vô cùng đối với đàn bà vừa qua cơn vượt cạn.

Bà đỡ vui mừng thoát qua một ca đẻ khó, nhận một đồng hai tiền công ra về cùng với cái háng mông muội và vĩnh viễn không bao giờ trở lại. Bà đã chết khi lội qua một quãng nước ngập, tụt xuống hố sâu.

Khi người ta tìm thấy thì bà đã trắng nhợt, tay cầm chặt khư một đồng hai tiền công, giá phải trả cho sự ra đời của tôi.

Có một ngẫu nhiên tuyệt vời, buổi tối tôi bị bóc-xếp, tức bị chuyên chính sinh sản, thuộc về ngày 30 tháng 4, “Ngày đất nước hòa bình thống nhất, non sông thu về một mối!” – câu cảm thán chân thật nhất của giới chính trị mà tôi nghe được.

Tôi sinh ngày 20 tháng 3 năm Bính Thân, tra *Lịch thế kỷ* đúng ngày 30 tháng 4 năm 1956. Lúc đầu tôi có tên là khác, vì hay đau ốm quá mạ tôi “bán” cho thầy, thầy đặt cho tên là Quang. Thầy là ông cu Nông, chẳng hiểu sao người ta gọi ông là thầy vì ông không làm thầy thuốc cũng chẳng làm thầy cúng. Trẻ con trong Thị trấn đũa nào khó nuôi đều “bán” cho ông, rất lạ đũa nào được ông “mua” cũng đều khỏe mạnh, đến già vẫn khỏe mạnh, chưa ai chết dưới năm mươi tuổi.

Tôi vẫn gọi ông cu Nông bằng bọ cho đến năm 18 tuổi, tuy ông không nuôi tôi ngày nào. Hồi tôi mới hai, ba tuổi, mỗi lần qua ngõ nhà tôi, ông đều dừng lại vén quần đá, ho mấy tiếng, nói cu Quang mô rồi... con bọ mô rồi? Lập tức tôi lon ton chạy ra.

Ông hỏi ngoan không? Tôi nói ngan! Ông hỏi giỏi không? Tôi nói chỏi! Tôi nhón chân rướn cổ xem chim ông, há hốc mồm không hiểu vì sao lại có thứ chim to đen lông lá rậm rì như vậy. Ông cho tôi cầm chim ông, nói ngoan rồi ngày mô bọ cũng cho vọc cu bọ nghe không? Tôi dạ và rụt rè cầm chim ông, sượng râm ran.

Lớn lên một chút, chừng chín, mười tuổi ông không cho tôi cầm chim ông nữa. Lâu lâu gặp, ông bắt tôi kéo quần ra cho ông xem. Ông ngồi xổm, ngó nghiêng soi rất kĩ, rồi búng một phát, nói chưa được! Chưa hiểu chưa được cái gì, vì sao chưa được. Nhưng thôi, chuyện đó nói sau. Tôi đang kể ngày 30 tháng tư của tôi.

Vàng, đó là ngày đẹp nhất, cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, trong tổng số những ngày tôi sống được giữa đời.

Tiền sinh họ Chế nói rằng những ngày ông sống là những ngày đẹp nhất ấy là ông nói phét, kì thực đời ông cũng khổ bỏ bà. Tôi bóc phét rất rất nhiều thứ, riêng chuyện này thì không. Với tôi, ngày 30 tháng 4 năm 1975 mãi mãi là ngày đẹp nhất. Vì thế tôi phải dừng lại hơi lâu về ngày này. Đó là ngày nắng vàng tươi, tôi đình ninh như vậy vì tất cả các tán lá cây nhãn khu tập thể sinh viên Bách Khoa đều ánh lên một màu vàng tươi rói, đến 4 giờ chiều thì cái màu vàng tươi rói ấy tràn xuống tận các gốc nhãn.

Chiếc xe đạp Diamond của Ái Vân dựng ở cạnh gốc nhãn sát nhà B8 cũng toả ánh vàng. Đôi mắt đẹp như mơ của cô đang ngược lên lấp lánh ánh vàng, sáng tươi như mắt tiên nữ.

Lần đầu tiên tôi nhìn thấy Ái Vân ngoài đời, ngôi sao điện ảnh duy nhất tôi hâm mộ đến phát cuồng, bất kì lúc nào hể nhắm mắt lại là thấy cô đang cúi xuống sửa dép, ngời lên cái gáy trắng ngần trong phim *Chị Nhung*.

Đêm xem phim *Chị Nhung* cũng là đêm đánh dấu tôi đã trở thành chàng trai như thế nào. Năm đó tôi tròn 17 tuổi, đêm xem xong phim giấc ngủ của tôi chập chờn hình bóng Ái Vân, cả trong phim lẫn cả những gì tôi tưởng tượng. Khi Ái Vân cúi xuống sửa dép, ngời lên cái gáy trắng ngần, tôi rùng mình hai ba lần và phóng phụt trong một niềm cảm khoái vô biên.

Ái Vân đang đứng cạnh gốc nhãn, cái cổ cao ba ngón óng ánh vàng, đôi mắt sáng tươi lấp lánh vàng, cả cái răng khềnh xinh xinh cũng lóng lánh vàng tươi. Tôi đứng nép bên cửa sổ tầng ba nhìn trộm cô, không hiểu sao thấy cô đang đăm đăm nhìn mình. Cô cười rất tươi, nói anh gì ơi!...

Cho em hỏi anh Quang có nhà không ạ?

Lập tức tất cả các cửa sổ nhà B8 các chàng trai đều nhô đầu ra tranh nhau nói – Anh đây Ái Vân ơi, anh là Quang đây! – Xinh quá Ái Vân ơi. – Ái Vân ơi chúng mình yêu nhau nhé. – Ái Vân ơi bỏ quách cái thằng Quang đi, thằng đó đú ra cái gì đâu...

Tôi biết Ái Vân hỏi một anh Quang nào đó ở tầng tư, nhưng điều đó cũng không ngăn được niềm vui sướng trong tôi đang trào vọt.

Tôi đứng nép bên cửa sổ, rưng rưng một điều gì đó không thể phân tích nổi, tự nhiên ước mình hoá thành chim, hoặc con giun con kiến con muỗi hoặc con gì cũng được, sà xuống bàn chân nhỏ xíu trắng muốt của Ái Vân, cứ thế bò lên, bò lên mãi...

Có ai đó nói Ái Vân ơi hoà bình rồi, em còn đi tìm ai?

Cả nhà B8 lặng phắc chừng nửa phút rồi vỡ oà chói tai. Tiếng đập bàn ghế soong nồi, ca chén lẫn với tiếng la hét, tiếng reo hò ba miền Trung Nam Bắc, nói hoà bình rồi!... Độc lập rồi!... Thống nhất rồi!... a ha ha đủ má sướng quá trời!

Tôi lao xuống cầu thang, chạy như điên, không còn nhớ Ái Vân, không còn nhớ ai hết, cứ thế lao một mạch ra đường.

Chạy đến khu chuyên gia Kim Liên tôi mới đứng sững, ngỡ ngàng không biết mình định chạy đi đâu. Cả bốn dãy nhà 4 tầng khu chuyên gia tây đen tây trắng cầm cờ đỏ sao vàng chạy rất rất khắp tất cả hành lang, vọt lên cả tầng thượng, ngậy ngát cầm cờ phất, nói Việt Nam chiến thắng!... Việt Nam chiến thắng!

Mười chín tuổi tôi mới biết được hai tiếng Việt Nam quan trọng đến thế nào.

Một ngày tuyệt vời. Ba cánh cửa trường đại học Bách Khoa Hà nội mở toang, kẻ vào người ra đông như hội, hầu hết là sinh viên và bạn bè của họ. Những gương mặt rạng ngời khó có thể tìm thấy ở bất kì ngày nào trong thế kỉ 20. Không phải những gương mặt hóa trang hay buộc phải hóa trang của đám đông khi đối diện với những ngày lễ bắt buộc, đó là những gương mặt rạng ngời chân thật đến phát khóc.

Lần đầu tiên tôi biết thế nào là vị ngọt của hòa bình. Bởi vì tôi, bạn bè tôi và vô số những ai có mặt trong ngày này đã tin đến phát cuồng rằng phía sau nó là cánh cửa tự do sẵn sàng mở toang chào đón mọi người. Đây mới là điều hệ trọng, nó quyết định thân phận của tôi sau mười chín năm loay hoay giữa Đồi. Nếu không có một sự cố nào làm thay đổi căn bản và mãi mãi cuộc sống hiện thời, tôi dám chắc ngày 30 tháng 4 năm 1975 là ngày ngọt ngào nhất mọi thời đại. Tuyệt không có một ông bảo vệ nào lăm lăm dao kéo cắt quần loe, chẻ guốc mộc của sinh viên. Tất cả được nghỉ ngơi xả láng. Bốn nhà ăn mở cửa đón sinh viên vào ăn uống thả cửa. Không cần phải nhìn tiêu chuẩn hai cái bánh mì một mâm cơm dành cho bốn sinh viên ra quán nước đổi thuốc lá cuộn, đã có thuốc lá Đồ Sơn nhà trường phát không cho hai thằng một gói.

Trai gái được ôm vai hót cổ thoái mái trước mắt bà Đ., người đàn bà suốt đời bèn gan tiêu diệt libido của người khác, trừ chồng bà, dĩ nhiên. Tôi được ôm vai hót cổ một thằng Tây, xì xỏ với nó

bốn năm câu tiếng Nga, ngoại ngữ sang trọng quý phái nhất thời này, tất nhiên sang câu thứ sáu thì tịt ngỏm.

Thậm chí tôi đã cả gan thò tay vọc chim thằng Tây, thứ suốt đời mơ tưởng của tôi, mà không hề sợ các “cơ sở” của bà Đ. báo lại cho bà. Nếu có báo lại chắc chắn bà cũng bỏ ngoài tai. Bà và các “cơ sở” của bà đang lo sốt vó chuẩn bị tám ngàn lá cờ giấy cho sinh viên đi diễu hành. Toàn thể libido được tha bổng. Bảo đảm nếu có người tụt quần chạy rông giữa phố, vừa chạy vừa hô “muôn năm” cũng không ai bắt phạt hoặc kết tội. Tất nhiên nếu “đả đảo” lại là chuyện khác.

Đó là ngày bà chị vợ anh Cả tôi, người đàn bà suốt đời thờ phụng Lôi Phong, quyết định mua một con cá chép ba cân khao cả nhà. Tiến sĩ họ Hà quyết định chiêu đãi cả tầng tư nhà A4 khu tập thể Vĩnh Hồ bữa tiệc một trăm năm mươi con ếch ông nuôi cho sinh viên thực tập. Tại đây ông đã cao giọng hát chín bài hát hai mươi năm bị cấm. Những bài hát đêm nào ông cũng thắm thì nước nở trong chần.

Mạ tôi nghẹn ngào nhận được tin anh Tư, anh Năm đã thoát qua cuộc chiến bình an vô sự với hai tấm huân chương chiến công hạng ba. Đặc biệt ông bác Vĩ, ông bác của tôi vẫn sống ở Sài Gòn.

Ông bác Vĩ vốn giàu có nhất Thị trấn, dinh tề vô Sài Gòn năm 1953, làm ba tôi luôn phải ghi hai chữ “đã chết” trong lí lịch của ông và tám đứa con ông, nay là triệu phú số một Sài Gòn. Ông bác tôi đón chào Cách Mạng bằng tám yến vàng ròng, bốn nhà bốn tầng, hai nhà máy dệt, sáu xí nghiệp lắp ráp nông cụ kiêm sản xuất hàng rào dây thép gai cho các “Áp tân sinh”, sáu trăm ngàn dollar chưa kịp gửi ngân hàng Thụy Sĩ. Ông đang náo nức chờ ba tôi vào để san bớt ít của cải, mua lấy tiếng thơm là bác ruột một gia đình bảy đảng viên cộng sản.

Ngập trong niềm vui sướng ngất ngây, mừng hòa bình thống nhất, mừng hai anh trai tôi thoát chết trở về, mừng dòng họ Phạm đói rách làm than bỗng đâu có một đại gia số một Sài Gòn, tôi chạy ù về Ngã Tư Sở, nơi anh Cả tôi cũng đang vui sướng ngất ngây.

Đến quá nửa đêm tôi mới trở về trường. Phố xá tuồng như vẫn như chưa có ai muốn ngủ.

Đường phố vẫn rợp cờ hoa, đông đúc người qua lại, lúc lúc có ai đó hét lên như cuồng.

Tôi gặp cô giáo dạy toán xác suất ở chân cầu thang nhà B8, cô ôm lấy tôi, nói ôi trời ơi, cả ngày nay Quang đi đâu?

Cô kéo tay tôi chạy ù về nhà cô.

Cô hơn tôi năm tuổi, yêu quý tôi ngay từ những ngày đầu nhập trường, chẳng hiểu vì sao. Thịnh thoảng cô rủ tôi đi ăn chè, đi xem phim. Tôi đạp xe chở cô đi, cô ngồi sau líu lo những chuyện gì tôi không mấy quan tâm. Vốn dĩ xưa nay vẫn được các cô giáo yêu quý, tôi không thấy có gì đặc biệt khi được cô quan tâm chiều chuộng.

Duy nhất một tối mùa đông, ngồi sau xe cô chọt ôm lấy tôi, áp ngực sát lưng tôi, nói lạnh không? Tôi nói không và cảm thấy hơi ấm từ bộ ngực non của cô đang râm ran toả khắp cơ thể. Cô nói gì đó, tay từ từ tuột dần xuống dưới... Tôi hết vâng rồi vâng, nơm nớp lo con cu tôi đang dựng lên đụng phải tay cô.

Một lần đó rồi thôi, chưa có khi nào lặp lại.

Lúc này cô kéo tôi vào căn hộ 8 mét vuông của cô. Một đĩa thịt heo quay đầy vun, món nhậu sang trọng bậc nhất thời này, cùng với nồi miến lòng gà đã nguội.

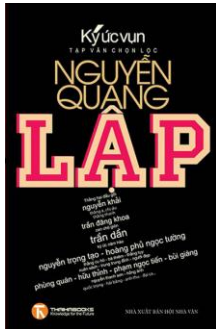
Chúng tôi không ăn, đứng hơn chưa kịp ăn. Khi cô cúi xuống nhắc lòng bàn, cái gáy trắng muốt của cô đã làm tôi mờ mắt. Ái Vân cúi xuống sửa dép, ngời lên cái gáy trắng ngần. Ái Vân cúi xuống sửa dép, ngời lên cái gáy trắng ngần... Như một con gấu hung dữ, tôi bế xốc cô ném lên giường.

Cô vít cổ tôi xuống, áp mặt tôi vào bộ ngực cô đã bóc trần từ lúc nào. Bản năng của giống đực dạy cho tôi cần phải làm gì. Tôi làm tình cô giáo tôi trong niềm hoan không phải lần đầu trong đời biết thế nào là làm tình khiến tôi cứ chọc lung tung, sốt ruột cô phải cầm lấy nhét thẳng vào

hôm xác suất luôn bằng một, mà vì niềm sung sướng vô biên ngày trọng đại, không biết phải làm gì để giải tỏa cho hết niềm sung sướng.

Xong. Cô kéo tôi vào mâm, lấy chai rượu cam rót ra hai ly, nâng ly lên nhìn tôi mắt lóng lánh, nói chúc mừng sinh nhật Quang! Đến bây giờ tôi mới nhớ hôm nay là ngày sinh nhật của tôi.

Phụ đính :



Cưới xin thời bao cấp

Bạn bè cùng lứa với mình, bây giờ đưa nào cũng đến lúc phải cưới vợ gả chồng cho con cái. Có ngày mình phải chạy xô ba đám cưới, một bã người.

Đám nào cũng hăm hở bỏ phong bao, loanh quanh cho gia chủ thấy mặt mình, rồi chuồn. Chẳng biết người khác thế nào chứ mình sợ nhất phải ăn cỗ cưới và cỗ đám ma. Cứ sáu người một mâm, chẳng ai quen ai, nói cười nhàn nhạt, chán mớ đời. Đám ma bây giờ ít ai bày biện ăn uống, chỉ cần đến viếng xong là về. Nhưng đám cưới vẫn phải ăn. Chẳng hiểu từ khi nào lễ cưới được gọi là ăn cưới, hề cưới là ăn, không ăn không xong. Ngay bây giờ tại Hà Nội, làng gì đó quên mất tên rất gần Ngã Tư Sở, ăn cưới phải đủ 3 ngày 3 đêm, lệ làng xưa nay vẫn vậy, đám cưới nào cũng phải đủ trăm gà ba heo. Kinh.

Nói vậy thôi, cưới xin bây giờ không là vấn đề lớn, chỉ một người thôi chứ tiền nong cũng chẳng phải lo lắm. Tiền mừng thường vẫn nhiều hơn tiền bỏ ra làm đám cưới. Ngày xưa khác, ít người mừng tiền, giả có mừng tiền cũng vài đồng chiếu lệ. Đa số chỉ tặng quà, sang thì phích Trung Quốc, chậu nhôm Liên Xô, hèn thì cuốn sổ tay, cuốn lịch, tấm tranh, thế thôi. Thành thử đa phần tiền đám cưới bỏ ra đều không thu về được. Làm cái nhà tốn kém vài chục ngàn, đám cưới cũng tốn cỡ đó, có khi hơn.

Ba mẹ mình có 8 đứa con, 6 trai 2 gái, lo cho xong 8 đám cưới cũng đủ sạt nghiệp. Cứ xong một đám cưới cho con, ba mẹ mình lại ôm một cục nợ. Ba mình nợ nần suốt đời, trước khi mất chừng một năm ông mới trả xong nợ. Mình nhớ hôm tuyên bố hết nợ ông vui lắm, nói cười suốt ngày. Ông làm một con gà ăn mừng. Làm xong gà thì sức nhớ trong nhà không còn gì cả. Ông chạy sang nhà hàng xóm vay tạm mấy đồng cho mẹ mình đi chợ. Ra đến cổng ông đứng sững lại rồi đi vào, nói lược gà chấm muối, không nợ, kiên quyết không nợ. Lần đầu tiên trong đời ông rót rượu mời mình, chạm cốc với mình, thúc dục mình uống. Trước đó thì dửng hờ, ông luôn hăm hè chuyện rượu, thuốc của mình. Ông chạm cốc cái cạch, ngửa cổ cạn chén rượu, khà một tiếng khoan khoái, nói tám đứa con đã có gia đình, ba mẹ trả hết nợ, rứa là ba chết được rồi con ạ. Tưởng ông nói cho vui, ai ngờ mấy tháng sau thì ông mất.

Kể vậy để nói ngày xưa chuyện cưới xin là cả một vấn đề. Ba mình còn vay nợ được chứ nhiều người chẳng cho ai cho vay, vay được cũng chẳng biết lấy gì mà trả. Chuyện trai ế vợ vì nhà nghèo không có tiền cưới xin ngày xưa thì nhiều lắm. Mình có thằng bạn học cấp 2, 35 tuổi rồi vẫn chưa vợ. Nó yêu ba bốn cô, cô nào đến đoạn cưới xin đều tắc tị. Một hôm nó ngồi với mình, nhắc đến chuyện vợ con nó thở hắt ra, nói ề he, ề vô vợ con mần chi cho nhọc. Mình hỏi rằng rứa, nó nói tao đã chọn mấy con xấu đui, ế cầm ế cây, rứa mà vẫn không lấy được. Mình lại hỏi rằng rứa, nó lại thở hắt ra, nói ề he, tiền để mần một mâm cau trầu ăn hỏi cũng nỏ có, nói chi chuyện cưới xin.

Năm sau mình về làng, nó rủ đi xem mặt một cô đẹp cực. Mình nói mấy con xấu đui còn không lấy được, rặng mi đòi lấy con ni. Nó ngồi đực mặt, nói trời bắt tao lấy, tao chết héo vì yêu nó mi ơi. Nó ngồi im hồi lâu, nhìn xa ra bãi cát sau làng, nói con ni mà tao không lấy được thì tao tự tử. Nhìn mặt nó biết nó nói rất thật mình đâm lo. Lâu lâu lại viết thư về mấy đứa bạn cùng làng, hỏi xem nó đã chết chưa. Chẳng dè cuối năm về, nó tới nhà đưa thiệp tết mời đám cưới. Mình quá ngạc nhiên, nói rằng mi có tiền cưới vợ, tài rứa. Nó cười he he he, nói trời bắt tao cưới vợ thì trời phải cho tao tiền chớ. Nó kể đêm đó đem nàng ra bãi cát mần một trận đã đời, đưa nàng về nhà xong, lộ bộ bãi cát về nhà lòng buồn như chấu cắn vì biết chắc rồi sẽ không cưới được nàng. Khi bên nàng thì ba hoa xịt bộp, nói anh sẽ anh sẽ anh sẽ, rồi khỏi nặng mới sực nhớ nhưng nhà nghèo rớt mồng tơi, biết lấy gì để mà sẽ. Nó đứng tựa gốc phi lao đứng đái, bỗng lòi ra cái gì sang sáng, cầm lên hoá ra một cái nhẫn vàng hai chỉ. Rõ là trời cho, may quá là may. Hai chỉ vàng đủ làm một đám cưới to, xôm trò ra phết, cái thằng thế mà tốt phúc.

Thời bao cấp đám cưới nào cũng giống nhau. Phong chính giữa hôn trường cất dãn đôi bồ câu cấn mổ nhau bay trên chữ phúc to đùng, bên kia là tên cô dâu chú rể lồng nhau treo dưới cái đèn lồng. Luôn luôn có hai khẩu hiệu, một là *Vui duyên mới không quên nhiệm vụ*. Câu này không thể thiếu ở bất kỳ đám cưới nào, thường được treo ở phong chính như một huấn thị của cấp trên. Chẳng biết nhiệm vụ gì, cứ phải không được quên, hi hi. Câu thứ hai là *Thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn*. Câu này đám có đám không, thường treo bên vách hoặc ở cuối hôn trường.

Lễ cưới thời bao cấp nửa hạp nửa mét tinh, thường có năm mục. Thứ nhất MC giới thiệu cô dâu chú rể và lý do có đám cưới, đại loại được sự nhất trí của các cấp chính quyền và gia đình hai bên, trong không khí vui tươi phấn khởi đón chào Đất nước vào xuân... Bất kỳ cưới mùa nào thì ông MC cũng nói Đất nước vào xuân. Kế đến là lãnh đạo lên phát biểu ý kiến, giao nhiệm vụ cho cô dâu chú rể. Sau đó là cô dâu chú rể lên hứa xây dựng hạnh phúc gia đình. Tiếp theo là đại diện họ nhà trai lên cảm ơn lãnh đạo và bà con hai họ. Cuối cùng là liên hoan văn nghệ.

Đầu tiên ông MC ra miệng nói tay khua, nói năng như tép nhảy, hết đọc ca dao đến đọc thơ, đám nào ông cũng chùng đó câu thơ, chùng đó câu ca dao, rồi ghép tên cô dâu chú rể vào, bất kể thất vắn trật âm cũng cố ghép cho bằng được. Mình nhớ đám cưới cái Tâm bạn mình, nó cưới anh Địch bộ đội phục viên ở xóm dưới. Cái vắn ịch rất kẹt vì dân Quảng Bình thường nói âm ịch ra âm ịt, vì thế chưa bao giờ mình nói quân địch, khi cần phải nói thì nói quân thù, hi hi.

Hôm đó ông MC tay khua miệng nói, ngâm nga câu ca *Ôi hạnh phúc có khi nhiều khi ít/ Tâm xinh tươi cùng Địch đẹp trai*, mọi người cười ầm ầm.

Thỉnh thoảng mình gặp cái Tâm lại trên nó, nói “cùng địch đẹp trai”, thích nhỉ. Nó cười he he he đấm mình, nói tao bắt lão đổi tên Địch rồi, tên Địch nhiều khi bị hiểu lầm, tức lắm. Nó kể cưới xong nó ra Phủ Lý học trường Trung cấp truyền thanh. Một hôm vào phòng giáo vụ khai báo chuyện gì đó. Ông giáo vụ hỏi chồng cô tên gì, nó nói dạ Địch. Ông này trợn mắt đập bàn, nói tôi hỏi chồng cô tên gì chứ không hỏi cô cưới chồng để làm gì, rõ chưa!

Lãnh đạo càng to đến dự thì đám cưới càng sang. Thời này chắc cũng thế nhưng người ta chỉ đến dự thôi chứ chẳng phải nói năng gì. Thời bao cấp lãnh đạo đến để phát biểu và giao nhiệm vụ, dứt khoát phải như vậy. Thường thì bí thư chi bộ lên phát biểu là oách rồi, được bí thư Đảng ủy xã đến phát biểu ý kiến là mơ ước của bất kì gia đình nào có đám cưới.

Hồi mình ở làng Đông, đám cưới chị Hoa là con gái của một ông đội trưởng. Cả làng xôn xao về việc nhà chị Hoa mời được Bí thư Đảng ủy xã đến dự. Nhà chị Hoa đứng bồn chồn trước ngõ ngóng ông, mặt mày ai nấy vô cùng nghiêm trọng, chỉ lo ngộ nhờ có chuyện gì ông không đến được. Giấy mời đám cưới lúc 8 giờ sáng, chừng 10 giờ trưa ông đến, khi đó đám cưới mới bắt đầu. Hôn trưởng đang ồn ào náo nhiệt, ông bước vào cái là im phăng phắc, tất cả ngoảnh mặt nghiêm trang nghe ông nói. Ông này có tật nói dai kinh khủng. Mới đầu thì bảo tôi xin phát biểu đôi câu nhưng rồi ông nói cả đôi trăm câu. Vừa nói điểm thứ hai, xong rồi lại điểm thứ hai, rồi lại điểm thứ hai, cứ điểm thứ hai liên tù tì cả giờ chưa dứt.

Đang nói ông bỗng dừng lại ngoảnh mặt xuống hôn trưởng, nói hạnh phúc là chi bà con. Mọi người im thin thít, không ai dám ho he. Ông cười cười nói câu hỏi đơn giản rứa mà không ai trả lời được là răng hè. Rồi ông mạnh tay chém gió, nói hạnh phúc là vô cùng sung sướng, rứa thôi, đơn giản rứa thôi. Ông ngửa cổ cười khe khe khe, chẳng ai cười cả, chỉ mình ông cười khe khe khe. Đến khổ.

(Trích Tạp văn *Chuyện đời vợ vẫn* của Nguyễn Quang Lập do NXB Văn học ấn hành)

Nhà văn làm giàu



Tối qua ngồi nhậu với Ngọc Tư ở bờ kè kênh Nhiêu Lộc, nó từ Cà Mau lên Sài Gòn dự đám cưới. Nó nhìn mình cười cười, nói anh Lập sắp về nhà mới à. Nhà anh có trồng hoa lài không đó. Mình cười khi, nói hồng dâm đầu, nhà anh toàn trồng hoa đồng tiền.

Vừa dứt lời bỗng nhớ anh Sinh, xưa gọi là Sinh bia khổ, Sinh ốc bươu vàng, giờ gọi là Sinh Vina. Anh làm báo viết văn, lấy bút danh loạn cả lên, chẳng bút danh nào đọng lại trong trí nhớ bạn đọc, bạn bè chẳng ai nhớ anh viết cái gì, chỉ nhớ những chuyện làm kinh tế đại bại của anh mà thôi.

Hồi ở Huế, năm 85, 86 chi đó, mình có đến nhà anh chơi. Nhà anh ở trong làng Vĩ Dạ, nói thiệt nó giống cái chuồng trâu, rách nát nhếch nhác, nhưng tràn ngập hoa đồng tiền. Hoa đồng tiền trồng ở cổng, dọc hai lối đi, tràn ra cái vườn nhỏ bằng hai chiếc chiếu, chui vào bếp, leo lên cả bàn thờ. Mình ngạc nhiên, nói anh trồng hoa đồng tiền chi lắm. Anh mặt mày nghiêm trọng, gật gà gật gù, nói mày biết tiền là gì không, đó là giấc mơ của anh, khát vọng của anh. Bọn trẻ con

mới “đêm qua em mơ gặp Bác Hồ” đã khoe khoang hát hò ôm tởi, tao đêm nào cũng mơ thấy Bác, cả đời tao mơ thấy Bác. Anh nói nghiêm túc đến nỗi mình không dám cười, chỉ mong về nhà cười một phát cho đã đời, he he.

Anh kể vì sao anh về Huế ở cái nơi chật chội thế này. Ở quê, anh có nhà ngôi cây mít đằng hoàng, ba mẹ anh để lại cho. Một hôm anh được đi thăm quan Trung Quốc, đến cái chợ gần biên giới, anh thấy người ta bán ốc bươu vàng, con nào con nấy vàng hươm, trông rất ngon lành. Máy người bán nói loại ốc này vô cùng bổ béo, sinh trưởng rất nhanh, chỉ cần bỏ xuống ao chục con, tháng sau đã có mấy rổ ốc rồi, vô cùng kinh tế. Anh nói khi đó tao nghĩ ngay bài toán kinh tế làm giàu bằng ốc bươu vàng. Tao mua ngay một bao tải, về nhà đổ ra nửa bao làm đồ mời mời bà con hàng xóm đến nhậu. Mình nói ốc bươu vàng ăn được a. Anh nói chứ sao. Chọn những con ốc to, còn sống, ngâm vào nước vo gạo, cho thêm vài quả ớt giã nhỏ trong vài giờ để ốc nhả hết nhớt và phân. Luộc chín ốc, chọn lấy phần thịt ngâm vào dấm chua nguyên chất, thêm một chút muối để vài phút cho ngấm, sau đó rửa sạch. Thái miếng vừa ăn, đem xào sả ớt hoặc nấu với chuối đậu, nghệ, ớt, hạt tiêu... Ua châu châu, ngậm mà nghe.

Bà con ai cũng khen ngon, hỏi mua ốc này ở đâu. Anh bốc phét, nói nông dân Trung Quốc đang phát lên nhờ ốc bươu vàng, xuất khẩu ra thế giới mỗi năm mấy triệu tấn, ai cũng trợn há mồm trợn mắt. Vài người hỏi xin, anh làm bộ quan trọng, nói tôi phải mua một nghìn hai một con ốc giống này, để tôi gây giống rồi bán lại cho bà con, mỗi con chỉ một đồng hai thôi. Nói rồi anh đổ nửa bao tải xuống ao trước mắt mọi người, nói bà con ghi lại ngày này nhé. Một tháng sau tới đây xem tôi thua hoặc được mấy gánh.

Tháng sau anh thu được cả chục rổ ốc bươu vàng, đúng là loại ốc này đẻ như ăn cướp, bà con cũng tranh nhau mua như ăn cướp, anh thu được một mớ tiền to. Nghĩ bụng chỉ cần một năm là mình thành triệu phú, ai dè mấy tháng sau anh phải bỏ cửa chạy lấy người. Ốc bươu vàng chẳng những phá nát đồng làng anh mà còn tràn sang phá nát các đồng làng khác. Huyện chỉ đạo truy tìm kẻ nào đem ốc bươu vàng về làng. Nửa đêm anh đem vợ con ra bến xe chạy thẳng vào Huế, bỏ lại tất cả, chỉ kịp mang theo mấy bộ áo quần. Hi hi.

Ở Huế hầu như ngày nào mình cũng gặp anh, thường vẫn kéo nhau lên Trường Đảng uống bia khổ. Bia khổ là loại bia hơi đóng chai, mùi khẳn khẳn, hôi hôi, nồng nồng, ai không quen chỉ nhấp vào một ngụm là oẹ liền. Uống say thì nhức đầu kinh khủng khiếp. Được cái giá cực rẻ, mỗi chai có 600 đồng. Hồi đó bia Huda chai ba ngàn sáu, bia này chỉ có 600 đồng, vẫn biết là bia dỏm, rất độc hại nhưng dân nhậu nghèo như tụi mình không ai chê, chiều nào cũng kéo nhau lên Trường Đảng nhậu nhẹt say sưa.

Đang nhậu, anh bỗng vỗ vai, nói tao nghĩ ra bài toán kinh tế rồi. Tao sẽ sản xuất bia khổ, lấy tên là bia Vạn Hạnh. Trung Quốc có bia Vạn Lực tao có bia Vạn Hạnh, kém chi. Mình nói bài toán kinh tế của anh thế nào. Anh nói tao nghiên cứu rồi, vốn bỏ ra cho mỗi chai bia khổ là 400 đồng, tức là mình lãi 200 đồng một chai. Chỉ cần sản xuất 1000 chai một ngày, nghĩa là mỗi sớm tao lật gó lên là thấy 200 ngàn đồng, bằng nhuận bút vở *Mùa hạ cay đắng* của mày, hiểu không em. Mình cười khi khi, nói hiểu rồi, nhưng nếu bia ế, anh huy động đâu ra người tu cho hết nghìn chai bia? Anh cười cái hặc xua tay, nói mày ngu lắm em ạ. Bài toán kinh tế của anh được tính toán rất chi ly, bỏ vào cối đâm cũng không trật.

Mình vẫn cười khi khi, nói vụ ốc bươu vàng anh chưa tròn sao. Anh cáu, nói mày im đi, đừng có phá ngang để anh làm ăn, phát lên anh mua tặng mày cái xe đạp. Bẵng đi ba bốn tháng không thấy mặt anh, ra quán thấy có bia Vạn Hạnh, chỉ vài quán bày bán thôi nhưng mình cũng đã phục lắm. Tính anh nói là làm, làm lấy được, thế mà thành. Một đêm mưa gió anh bỗng gõ cửa nhà mình, nói mày có tiền không cho anh vay vài chục nghìn, trăm nghìn càng tốt. Mình hỏi sao cần tiền gấp vậy anh? Anh nói hồi chiều có hơn chục người ngộ độc thức ăn cấp cứu bệnh viện

Trung ương Huế, ai cũng khai vì uống bia Vạn Hạnh, công an đang tìm tao. Tao không dám về nhà, mày cho anh vay tiền để anh nhảy tàu vào Sài Gòn, vợ con vào sau.

Từ đó gần hai chục năm sau không biết tin anh, đầu năm ngoái mình vào Sài Gòn, tình cờ gặp anh ở chợ Bến Thành. Anh nói cười hỉ hả, nói mày vào đây hay rồi, cứ yên tâm đi, anh sẽ bày cho cách làm giàu. Bài toán kinh tế của anh lần này chỉ có giàu trở lên, muốn nghèo cũng đéo được. Mình hỏi anh làm gì, anh nói nuôi yến. Tao đã xây nhà nuôi Yến ở Gò Công. Mình lại cười khì khì, nói liệu yến Gò Công có giống ốc bươu vàng không. Anh nói bậy nào, tao tham quan nhà Công Khế rồi. Nó bây giờ mỗi tháng thu hơn trăm triệu tiền yến, gấp mấy lương tổng biên tập ngày xưa của nó.

Anh đưa mình về Gò Công, chỉ cái nhà xây thô, lắp hộp gỗ dưới trần nhà, tạo các lỗ thông hơi, mở giếng trời, trang bị hệ thống phát "nhạc" yến gọi bầy, hệ thống phun sương, làm ẩm, gắn tổ giả, tạo "mùi yến" thu hút bầy đàn... nói chung đủ hết, chỉ chim yến là chưa có. Anh nói nhà này mới làm hơn một tháng, phải ba tháng sau chim yến mới về. Nhà Công Khế phải chờ đến nửa năm yến mới về nhưng anh chỉ cần ba tháng.

Anh kể cả tháng nay hai vợ chồng hồi hộp lắm, đêm nào cũng nín thở chờ chim yến. Hai vợ chồng không dám ở trong nhà, sợ có tiếng người, mùi người yến không vào. Họ khuôn cái chõng tre ra gốc vườn, ngồi thu lu dòng tai trượng mắt chờ yến. Một đêm thấy vùn vụt hơn chục con bay qua, vợ chồng ôm nhau trào nước mắt. Sáng ra vào nhà thấy cứt yến rơi vãi trên nền, vợ chồng thi nhau ngửi ngửi, hạnh phúc vô biên. Hoá ra không phải, đó chỉ là cứt dơi. Dơi về chứ yến không về.

Mình cười khì khì, nói đó, thấy chưa, bỏ ra cả đống tiền để nuôi dơi, có phải dại không. Anh trợn mắt xua tay, nói bậy nào, chiều qua đã có bốn năm con bay về rồi đấy. Chúng nó chỉ về khảo sát thôi, chưa làm tổ. Mình nói bác xem lại có nhầm không, có khi yến nhà ông Công Khế bay sang chơi đấy. Anh sững lại giây lát rồi cười to, cười rất to, nói phải rồi, yến nhà Công Khế. Để rồi xem, anh mày sẽ hút hết yến nhà Công Khế sang nhà anh mày. Anh mày giàu to, Công Khế trở mép, kha kha kha. Anh ngửa cổ cười, mặt đỏ rục, mắt long lanh y chang ông Lưu Bị vừa đã xong trận Xích Bích. Hi hi.

(Trích Tập văn *Chuyện đời vợ vẫn* của Nguyễn Quang Lập do NXB Văn học ấn hành)

Nỗi chìm một thị xã

Như thành phố Bôlônha của ý, Ôđexa của Nga, Coventry của Anh, thị xã Quảng Trị hơn hai mươi năm về trước-năm 1972-được thế giới biết đến như một "thành phố tuần đạo". Đạo ở đây là đạo lớn của đất trời non sông nước Việt bốn nghìn năm tích tụ, đạo của kiếp người khát sống tự do. Một thị xã chưa đầy sáu cây số vuông, một thời đã đưa ngực ra đỡ đạn cho Tổ Quốc, đã gánh chịu trên lưng mình một khối lượng bom đạn bằng bảy quả bom Hiroshima. Suốt 81 ngày đêm, hơn hai vạn quân tinh nhuệ chính quyền Sài Gòn đã không thể nào kéo được lá cờ của họ lên trên Thành Cổ. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã tăng ngân phiếu từ 100 ngàn đồng lên 500 ngàn đồng cho bất kỳ ai cầm được lá cờ lên đấy nhưng cũng phải bó tay. Mỹ đã triệu trung tướng tư lệnh Frederick Abrams-"Người hùng nước Mỹ" về nước và thay thế bằng tướng Frederick Weyand, người được báo chí Mỹ cho là một cố vấn huyền thoại... và là một chuyên gia giỏi nhất nước Mỹ về Việt Nam". Vậy mà tướng Frederick Weyand cũng không cách gì xoay được tình thế. Được thua trong trận huyết chiến ở Thành Cổ Quảng Trị có ý nghĩa to lớn trên bàn hội nghị Paris. Vậy nên tổng thống Nguyễn Văn Thiệu cùng với hai tướng Khiêm và Viên tất bật ra tận Quân khu I để khảo sát tình hình rồi lui về họp suốt đêm với bốn tư lệnh quân khu, nháo nhác ra Vũng Tàu cùng với 20 tỉnh trưởng tính kế bày mưu, cũng không làm gì nổi. Chủ Mỹ phải ra tay. Họ khẩn cấp

thành lập : "ủy ban hành động" do Kissinger đứng đầu. Năm hàng không mẫu hạm: Kitty Hank, Constellia, Oklahoma city, Midway Saroya-toàn những cái tên mới nghe đã sờn tóc gáy, được tập trung về biển Việt Nam. Cùng một lúc Mỹ đã huy động trên một ngàn máy bay, trong đó có 140 B52 và 60 chiến hạm, rốt cuộc cũng không làm gì xong. Thị xã Quảng Trị đã chiến thắng, nó hoàn toàn xứng đáng là "thành phố tuần đạo".

Tôi kể vội vàng và sơ qua như vậy vì sợ có người lại kêu: "Biết rồi khổ quá nói mãi!". Vàng, giờ tôi xin kể nổi truân chuyên của Thị Xã suốt 20 năm qua từ ngày Tổ Quốc thống nhất, có thể ai đó trong chúng ta chưa biết được chăng?...

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy thắng lợi của tỉnh Quảng Trị và sau đó là cuộc tử thủ đẫm máu bảo vệ Thành Cổ Quảng Trị là một tập dượt vĩ đại để ba năm sau đó, năm 1975, chúng ta tiến công vào Sài Gòn trong một cuộc hành quân thần tốc có một không hai trong lịch sử vệ quốc, có thể ví với cuộc hành quân thần tốc của Hoàng đế Quang Trung năm xưa. Vì thế, Quảng Trị chỉ còn gạch vụn và đất đỏ. Trường Bồ Đề, ngôi nhà còn lại duy nhất sau cuộc chiến cũng không còn nguyên vẹn, nó nham nhở vỡ nát, mang trên mình hàng ngàn vết đạn bom. Từ đó cỏ bắt đầu mọc. Cỏ mọc từ ngã ba sông Thạch Hãn tràn vào Thành Cổ, bò lây lan từ Nhan Biều đến Trí Bưu. Trên cỏ là cỏ lau, như rừng cỏ xưa, trắng xóa. Hai mươi năm sau, khi tôi về ở men Thành Cổ, cỏ vẫn mọc xanh um thị Xã như là một mảnh hoang sơ từ thửa hồng hoang rơi xuống thời hiện đại. Thỉnh thoảng vẫn nghe tiếng rần bò vào chuồng gà. Phía sau nhà tôi là một rừng cỏ lau lút đầu người. Đạo diễn Vương Đức về làm phim Cỏ lau đã nói đùa: "Chẳng cần lên rừng mới thấy cỏ lau, chỉ cần ra sau nhà ông là đủ."

Sau hòa bình, cái tên Thị xã Quảng Trị bỗng dưng biến mất. Nó biến đi một cách lạ lùng. Từ ngày nhập tỉnh, nhập huyện, nhập xã năm 1976, chẳng ai gọi đây là thị xã nữa. Nó là vùng đất không tên gọi. Không một văn bản nào ra quyết định xóa tên nó, chỉ vì chính quyền sở tại bỗng dưng không gọi nó nữa, vậy thôi. Đến nổi bến xe An Hòa, bến xe tỉnh lỵ Bình Trị Thiên, trên tuyến đường Huế về Quảng Trị, trơ trên một cái biển đề: Huế- Hải Trí. Hải Trí là một xã ven Thành Cổ, cũng vừa có tên sau cuộc nhập tỉnh trớ trêu kia. Thị xã Quảng Trị bỗng biến mất trong cỏ, và vì vậy suốt hai mươi năm, nhiều người dân ở đây vẫn cay đắng gọi Thành Cổ là Thành Cổ. Năm 1989, tôi và anh Hoàng Phủ Ngọc Tường đến chơi nhà anh Lê Vũ Bằng, một cán bộ kỳ cựu của Quảng Trị. Khi nhắc đến "Thành cổ anh hùng", anh Bằng khẽ thở dài, không nói gì. Anh Tường nói rằng cần phải làm một việc gì đó để khôi phục Thành Cổ, một di tích lịch sử vô giá. Anh Bằng gật đầu nói:

-Có. Có đây. Có ba đợt kỷ niệm, vào những năm 1984, 1985, 1987, các đơn vị từng chiến đấu ở Quảng Trị đã vào đây, tất cả đều đòi hỏi phải xây dựng một viện bảo tàng tại Thành Cổ. Mười một vị tướng về đây đã không cầm được nước mắt khi nhìn thấy cỏ và gạch vỡ trong Thành Cổ. Bộ quốc phòng đã cho công binh vào rà mìn, chở theo 80 tấn xi măng, các tư lệnh Quân Đoàn I và Quân đoàn II đều về dự, và có kế hoạch đóng góp xây dựng "một cái gì đó" cho Quảng Trị, Nhưng dùng một cái, tỉnh Bình Trị Thiên ra quyết định đình chỉ tất cả. Lý do là Bộ văn hóa cấm dựng tới khu Thành Cổ này, đây là di tích xếp hạng A1 quốc gia, huyện không được nhúng tay vào.

-Ai quyết định đình chỉ?-Tôi và anh Tường cùng kêu lên.

Anh Bằng nói:

- Theo tôi biết là sáng kiến của ngành Bảo tàng tỉnh, biến thành chủ trương của Bộ văn hóa và chủ tịch tỉnh Bình Trị Thiên lúc đó ra pháp lệnh.

Anh Tường nhăn mặt hỏi:

-Thế Bộ và Tỉnh đã đưa ra kế hoạch thế nào, làm gì?

Anh Bằng cười chua chát:

-Họ chỉ có một kế hoạch, là im lặng suốt mười mấy năm để mặc cho cỏ mọc.

Vậy thì cỏ mọc. Cỏ hiện giờ đang trùm lên nhà lao Quảng Trị, xây từ thời Pháp, dùng để giam tù cộng sản, nơi mà đồng chí Lê Duẩn đã từng bị cầm cổ. Cả hàng chữ quyết liệt và lãng mạn tuyệt

vòi của những người tu cộng sản viết bằng sơn trên đá: "Hãy hát lên, anh em ơi!" cũng bị cỏ phủ mờ, nay chẳng còn dấu tích.

Chiến tranh đã để lại trong lòng đất Quảng Trị hàng chục ngàn nhân mạng, hàng chục ngàn nhân mạng trên một diện tích chưa đầy sáu cây số vuông. Có thể nói bất kỳ một thước đất nào ở đây cũng chứa đầy xương người và đạn pháo. Cứ chiều chiều, thường là vào buổi cơm chiều, thỉnh thoảng lại có tiếng mìn nổ. Tiếng mìn do những người dân nghèo đào sắt vụn chạm phải. Hẳn nhiên sau đó là cái chết thảm thương của những người dân tội nghiệp kia. Có trên ba mươi buổi chiều tôi đã bỏ cơm, uống rượu thật say để quên đi những thảm khốc sau chiến tranh kia. Ấy là một chuyện. Chuyện khác cũng đau đớn không kém, là cứ hai nhà đào móng xây nhà thì thế nào cũng có một nhà đào được xương người. Có nhà đào móng xây nhà mình xong cũng gom đủ bảy bộ xương người. Đất ở đây đã biến chất, và dù biết có thể mắc bệnh truyền nhiễm, có thể chết bất đắc kỳ tử, dân ở đây cũng phải đào giếng lấy nước uống. Hệ thống nước máy đã bị phá hủy hoàn toàn sau chiến tranh. Hai mươi năm sau vẫn nguyên xi sự phá hủy không một ai tái thiết.

-Năm 1984- Anh Lê Vũ Bằng rầu rĩ kể cho chúng tôi chuyện cũ-Hội Đồng Nhà Thờ Thế Giới có liên lạc với chính phủ ta, đề nghị viện trợ cho thị xã Quảng Trị 400.000 đô la dùng để trang bị hệ thống cung cấp nước cho thị xã, đổi lại, họ mong muốn có một đoàn sứ giả sang tới thăm nhà thờ La Vang để quan sát mức độ tàn phá của chiến tranh. Trung ương nhất trí, huyện Triệu Hải đã làm luận chứng khoa học, phân tích mẫu nước, thiết kế hệ thống lọc định đặt ở Tích Tường. Công trình đang tiến hành khả quan thì một lần nữa, lệnh của Tỉnh đưa ra: Phải đình chỉ ngay tức khắc. Đề án cấp nước bị bãi bỏ.

Cỏ đã mọc xanh rờn như lãng quên và phi lý. Ngay cả khi tách tỉnh, thị xã Quảng Trị được tái lập, người ta cũng quên mất nơi đây là tỉnh lỵ có từ thời Pháp-một chọn lựa nghiêm túc về nhân hòa và địa lợi- để kéo nhau ra Đông Hà, một vùng đồi núi trập trùng hi hục xây tỉnh lỵ mới, gây ra không ít bất bình trong nhân dân.

Trên cỏ là nước. Mùa lũ sắp đến rồi. Bây giờ tôi đang sống ven Hồ Gươm, nghĩ đến mùa lũ Quảng Trị còn giạt mình đánh thót. Một trăm năm trước thị xã Quảng Trị không có lụt, đúng hơn là không có những trận lụt ghê gớm như năm 1983 cuốn trôi hàng trăm nóc nhà, không có trận lụt như năm 1984, cả thị xã gần như chìm hẳn trong nước. Không thể chối cãi việc làm con mương dẫn nước xuyên đồng Triệu Hải đã làm cho đồng đất Triệu Hải liên tục bội thu, Nhưng cũng vì thế dòng chảy sông Thạch Hãn bị đổi dòng và bị nghẽn lại. Vậy là lũ. Nước ngập mặt một vạn hai dân ở đây. Nhà nào nếu không quét vôi đi, ắt hẳn còn nguyên xi ngấn nước lũ vàng khè ở trên vách cửa, trên xà, cả đến gần nóc cũng có. Người dân ở đây sợ lũ còn hơn sợ giặc. Bởi vì giặc thì có thể cầm súng mà chống lại, còn với lũ thì vô phương. Năm 1989, tôi vinh dự được bầu vào Hội đồng nhân dân thị xã khóa I, khóa đầu tiên sau ngày Thị Xã được tái lập. Ngay kỳ họp đầu tiên đã bị bỏ dở vì lũ đến, toàn bộ Hội đồng táo tác đi chống lũ. Hai tuần sau mới họp lại và ra được một kiến nghị thống thiết kêu gọi hết Bộ này đến Bộ khác tìm mọi cách xóa lũ cho thị xã. Bốn năm sau mới có hồi âm, Bộ thủy lợi rót cho ít tiền làm hệ thống giản lũ. Giảm chứ không phải xóa. Bởi vì muốn xóa phải có một món tiền ít nhất là 10 tỉ. Mười tỉ đồng chứ không phải bốn. Thôi thì một vạn hai cư dân ở đây cứ chịu khó ngập lặn trong nước, bao giờ có 10 tỉ đồng hẵng hay. Tôi là dân ngụ cư, lại chỉ sống với Thị Xã chừng bốn năm, nhưng hễ mùa lũ đến, thấy bà con ngồi trên thuyền cấp cứu di tản về ngôi nhà ba tầng duy nhất của thị xã để tránh lũ, nhớ đến mười tỉ đồng, cứ ước mong mình được xê-ri giả độc đắc, rồi chọt trong lòng mình dâng lên một điều gì đó như là oan ức và phi lý.

Bây giờ thị xã đã có tên, cái tên có từ thời Đinh, Lý, Trần, Lê, Mạc...bây giờ đã có. Mừng quá! Hệ thống nước uống cho thị xã đã khởi hành nhưng không biết năm nào năm nào thì xong vì kinh phí cứ từng giọt nhỏ về. Thành Cổ đã được xây cất một tượng đài, rờn rã hai năm vẫn chưa xong vì kinh phí lúc có lúc không, nom chưa ra hình gì, chỉ chắc chắn là rất sâu sắc! Điện đường

đã có nhưng mỗi đêm thì đổ ba tiếng vì thiếu tiền trả cho Sở điện lực. Tất cả chỉ vì thiếu tiền, thiếu đến nỗi ông chủ tịch thị xã đi công tác mà chánh văn phòng phải chạy đi ký nợ từng lít xăng. Mỗi năm tỉnh chỉ rót về một hai trăm triệu, chưa đủ chi tiêu văn phòng, trả lương cho cán bộ đã sạch túi. Túng thì tính. Hội đồng nhân dân thị xã làm một chuyện liều: thu tiền đất không nộp lên trên, lấy đó xây dựng cơ sở vật chất cho thị xã. Được đâu chừng ba tỉ, hí hửng xây nhà trẻ Hoa Mai, xây khu văn hóa đa chức năng, tu sửa và nâng cấp các trường tiểu học. Được ít lâu, Viện kiểm sát phát hiện ra cái tội "cố ý làm trái", đòi bỏ tù ông chủ tịch và kỷ luật toàn bộ thường vụ Đảng ủy Thị Xã. May Tỉnh ủy Quảng Trị biết rõ mười mười các ông này vì dân mà làm liều chứ không phải tham ô tham nhũng gì, bèn xử hòa bằng cách khiển trách Thị ủy, cách chức chủ tịch Thị xã. Thế là phải lắm. Phải lắm, nhưng vẫn thấy cay cay đầu sổng mũi cái buổi chiều anh Nguyễn Minh Chương, chủ tịch Thị xã, chia tay với Hội đồng nhân dân lên nhận nhiệm vụ ngồi chơi xơi nước trên tỉnh. Cũng buổi chiều ấy, anh Văn Hàn Thuyên phát bệnh ung thư, chết sau đó một tháng. Ngày xưa, ông bà ta không biết ung thư là cái gì, vẫn gọi đấy là "cục uất".

Thị xã Quảng Trị của tôi, xin mạo muội được nhận mình là đứa con của Thị xã, dù bây giờ đã khởi sắc, vẫn chưa thoát cơn chìm nổi giữa lãng quên và phi lý. Thị xã Quảng Trị của tôi thừa đức hy sinh, lòng dũng cảm, trí thông minh để "rủ bùn đứng dậy sáng lòa" như bao nhiêu vùng đất khác của Tổ Quốc, nhưng tuồng như đã không đứng dậy nổi sau nhiều cố gắng bất thành, chỉ đơn giản nó thiếu tiền, đúng hơn là nó thiếu một cơ chế tạo ra những đồng tiền lành mạnh cho nhân dân. Có lẽ vì thế cỏ vẫn phủ đầy Thị xã và bài hát "Cỏ non Thành Cổ" cứ một lần cất lên lại làm cho những ai đau đáu với mảnh đất này không cầm được nước mắt.

Tiếng lục lạc

Quá nửa đời người anh chị mới gặp nhau. Ấu đó cũng là chuyện thường tình. Sau hai mươi mốt phát đại bác vang trời báo tin ngày toàn thắng, có hàng ngàn cặp vợ chồng cách biệt hàng chục năm đã tìm gặp lại nhau. Chồng Bắc vợ Nam, chồng vợ trong ngoài song sắt nhà tù Mỹ - Ngụy, trên rừng dưới biển... ôm nhau mừng mừng tủi tủi. Thế là may mắn lắm rồi, còn bao nhiêu cặp vợ chồng cách nhau một thước đất mà gọi hoài có nghe tiếng nhau đâu!

Anh tìm chị ở Nha Trang, không có, ở Phan Thiết, không có. Ra Đà Nẵng, mất mười ngày long đong, tất tả ngược xuôi thì gặp chị ở khu tập thể ban quân quản phường Minh Hiếu. Chị đang đứng giữa sân, tay ôm một đứa bé lên hai. Hình như chị đang nói gì với nó. Anh đứng sừng sững ở lại cổng, ngực như bị kim châm hỏa đập mạnh. Ngày anh chị xa nhau, hai người nào đã có con...

Nhưng anh đã bước lên - từng bước chậm và chắc. "Tiến lên đi, không có gì đáng sợ cả", đó là khẩu hiệu của riêng anh suốt ba mươi sáu năm mặc quần áo lính. Chị chưa nhận ra anh - "Lại một ông nào đến ban quân quản đề nghị, hợp đồng, trách móc, kiện cáo chi đây". Anh thấy rõ chị lắm. Chao ôi, chị vẫn trẻ, trắng xanh thế kia.

- Lành! - Anh kêu khẽ.

Chị mở to mắt nhìn. Chị lúng túng đặt đứa bé xuống đất, vừa sửa lại mái tóc vừa nhìn anh chăm chăm. Anh dừng lại, cúi đầu xuống sửa lại quai dép - "Khi! Tại sao mình lại làm cái trò này nhỉ?" - Anh ngược lên.

- Ô! Trời!

Chị nhận ra anh, kêu lên và đứng ôm mặt khóc. Anh chạy bổ tới, dang tay ôm ghì lấy chị. Chị bỗng giật mình đẩy mạnh anh ra. Anh kinh ngạc, ngẩn ngơ... Chị ngẩng lên: "Ơ, chồng mình kia mà, chồng mình đó chứ ai!". Thì ra đó là phản ứng tự vệ bản năng của chị - hai mươi một năm rông có ai ôm ấp chị đâu! Chị sà vào ngực anh nức lên: "Anh ơi! Sao lâu... thế". Ngày chia tay anh hứa với chị chỉ hai năm là gặp nhau thôi mà...

Anh đưa chị về khu gia binh sư đoàn. Anh là đại tá tham mưu trưởng sư đoàn. Còn chị, rông rã hai mươi một năm xa anh, chị vẫn là cấp dưỡng của các binh trạm 17, 26, 34... Tin anh tìm được chị, chỉ một ngày sau tất cả cán bộ, chiến sĩ trong đoàn đều biết, đến chúc mừng. Sư trưởng Hùng, người cùng anh chiến đấu mười năm nay, đến chơi liên tục chín mười tối liền. Ông không giấu giếm tình cảm đặc biệt của mình đối với vợ chồng người cán bộ cấp dưới này. Một lần, ngàn ngàn mãi, ông hỏi anh: "Hỏi thực, chị vẫn còn có thể... có con chứ?". Anh mỉm cười: "Còn, anh ạ. Cũng lạ... nhà tôi đã bốn sáu tuổi rồi!". Sư trưởng nắm hai bả vai anh lắc lắc: "Tốt quá! Tốt quá!..."

Chị vẫn còn sinh nở được nhưng sức yếu lắm rồi. Mười sáu năm ở rừng chị bị nhiễm bệnh sốt rét kinh niên. Da chị xanh nhợt, tóc rụng nhiều, vàng ợt. Đêm đêm, anh ôm chị vào lòng. Chị lắng nghe nhịp tim anh còn khỏe không. Anh cũng đã già rồi, năm nay đã năm mươi bảy tuổi chứ ít đâu. Rất nhiều lần chị ngược lên, thấy kẻ sát mình khuôn mặt già nua của anh, những nốt sần của tuổi già cùng với mồ hôi cộm lên... Chị ôm anh, sờ thấy da lưng anh trơn khô - những lớp tế bào chết mỗi ngày một dày thêm. Chị thở dài, chỉ một năm nữa, nếu anh chị không có con, coi như hết. Tuổi sinh nở của phụ nữ mấy ai tới được năm mươi.

Sáu tháng trôi qua, vẫn chẳng có dấu hiệu gì báo cho anh chị rằng sẽ có một đứa con. Anh mệt mỏi nhìn chị mỏng như tờ giấy, ngủ khó nhọc. Một đôi lần chị kêu chóng mặt, buồn nôn. Và nôn thật. Nôn thóc tháo. Anh cuống lên, nhưng cũng khắp khắp mừng thầm....

- Không phải đâu anh ạ- Chị buồn rầu nói: - Em đã sáu lần ngộ độc chất độc hóa học của Mỹ thả dạn em còn ở "xanh", từ đó em vẫn hay bị thế này!

Cổ họng anh nghẹn tắc.

Sư trưởng Hùng vẫn đến thăm anh chị thường xuyên. Ông hay nói về những bài thuốc bắc "kéo dài tuổi trẻ, hạn chế tuổi già". Ông tự đánh xe ra viện 17 mời trung tá bác sĩ Lê Giàu, bạn chiến đấu của ông thời kháng Pháp, một chuyên gia có tiếng về khoa sản, vào khám bệnh cho anh chị. Bác sĩ Giàu là một người hiền lành, đa cảm. Nghe sư trưởng kể lại hoàn cảnh của anh chị, ông vui vẻ nhận làm một "bác sĩ riêng" cho chị. Ông tỉ mỉ kê đơn tất cả các loại thuốc có thể có trong thành phố này để chị uống, gia tăng thêm sức khỏe. Anh cảm thư giới thiệu và đơn thuốc của bác sĩ đi lùng khắp nơi và kiếm được không thiếu một thứ thuốc gì kể trong đơn, kể cả những thứ thuốc quý hiếm nhất.

Đêm đêm, anh vẫn ôm chị vào lòng. Mỗi đêm trôi qua chị càng thấy sự bất lực của hai người trước hy vọng của mình. Có đêm chị đã để tay lên mũi anh, cố tình đánh thức anh dậy, rồi chị lại nằm ôm anh khóc. Chị đâu nỡ đẩy đọa anh như thế nếu trước khi chia tay anh kịp để lại cho chị một đứa con. Một đứa con! Thiếu nó mà nỗi nhớ thương xót xa của chị về anh suốt bao nhiêu năm đã tăng lên gấp bội. Những ngày ở rừng, cứ nghe tin có một đoàn cán binh nào sắp đi qua là chị lại thắc thỏm mong chờ. Mong chờ và ngồi khóc với bếp lửa rừng. Có một lần, dạo chị còn cấp dưỡng ở binh trạm 26, nghe tin anh đang nghỉ chân ở binh trạm 34, chị gói cơm, một mình cật rừng, đi suốt hai ngày đêm. Đến nơi, chị kiệt sức và ngất xỉu đi vì người đàn ông tên Chi đó không phải chồng chị. Anh ấy cũng có một người vợ xa cách như chị. Anh ấy đã cầm tay chị nói một câu mà chị không thể quên được: "Thôi chị về đi. Vui vẻ mà về chị ạ. Chị cứ coi như đã gặp

anh ấy rồi. Và tôi, tôi cũng coi như đã gặp vợ tôi rồi. Chị ơi! Trong chiến tranh đôi khi cũng phải có những giả sử huyền hoặc như thế để mà sống, để mà trụ vững được...". Chị về, cố gắng níu kéo cái niềm vui "giả sử" ấy để vượt qua 30 cây số rừng. Cánh rừng chị đi qua vừa bị chất độc hóa học dội xuống, lá rừng bắt đầu rụng. Chị chạy sấp ngựa và ngã sấp bên một con suối. Tỉnh dậy, chị gặp ngay ánh mắt của người binh trạm trưởng: "Có... gặp không?" Chị ứa nước mắt, khẽ gật đầu: "Gặp rồi". Mới đó đã mười một năm... Có lẽ vì chất độc ma quỷ ấy mà chị không có con chàng? Câu hỏi đột ngột ập đến cuối ký ức của chị làm chị bất ngờ ngồi dậy, mồ hôi ướt đầm.

Nhưng cuối cùng chị đã mơ hồ nhận thấy hạnh phúc đã về với anh chị. Khi đó, chị ngược lên, vẫn khuôn mặt già nua của anh lấm tẩm mồ hôi. Chị rơm rớm nước mắt, tự nhiên chị khẽ rùng mình. Một cảm giác mát rượi chạy từ gót chân lên môi chị. Chị níu anh xuống, hôn đến nghẹn thở và chị òa khóc. Một chút ngỡ ngàng của anh. Mặc kệ. Chị rúc đầu vào nách anh, mỉm cười.

Hạnh phúc đã thực sự đến với chị. Nhưng chị chưa thông báo cho anh hay. Chị phấp phỏng chờ đợi cho đến khi nó hoàn toàn chắc chắn. Một tháng sau, chị vén áo lên, thấy hai núm vú của mình đã chuyển màu tím sẫm. Chị ngấm say sưa bầu vú của mình đang căng dần... lúc đó chị mới nở nụ cười mãn nguyện. Chị ốm bệnh, nôn và nhiệt độ tăng cao. Anh phải nghỉ việc một ngày. Trong sự mệt mỏi, nhức nhối của cơn bệnh, chị nhận ra đứa con thân yêu của chị đang thành hình. Đến ngày thứ ba, chị tỉnh dậy, ngồi tựa lưng vào anh, thì thầm.

- Em... đã... có... mang...

Anh rú lên, ôm chặt chị, hỏi:

- Có đúng không? Xem nào!

- Xem gì kia? Vô duyên - Chị đỏ mặt đẩy anh ra.

Anh ngượng ngịu ngồi bên, ôm vai chị lắc lắc:

- Đúng thế hả em?

Chị không trả lời, lặng lẽ hôn đôi gò má nhô gầy của anh. Đêm đó, anh ngồi hút thuốc cho đến sáng, chị giục anh mấy chục lần anh cũng chẳng chịu chớp mắt.

... Cuối buổi giao ban hàng ngày, anh quay sang nói với sư trưởng:

- Anh Hùng này, vợ tôi... có thai rồi!

Sư trưởng Hùng ngửa người ra sau:

- Thế hả? Có chắc không? Anh đã kiểm tra chưa?

Anh cười, gãi đầu:

- Tôi biết thế nào mà kiểm tra. Vợ tôi nói thế... chắc đúng. Một tháng năm ngày rồi...

Ông Hùng đưa tay giật giật cổ áo, mỗi lần xúc động ông thường làm thế.

- Tốt quá! Tốt quá rồi!

Ông quay sang thông báo "tin mới nhận được trong ngày" cho các sĩ quan dự giao ban:

- Tin mới toanh: Đại tá Chi sắp có con!

Mọi người ò lên. Bắt tay. Bắt tay. Cười. Cười râm ran. Anh cười ứa nước mắt.

Ngay sau đó, khu gia binh râm ran chuyện vợ chồng đại tá Chi sắp có con. Vợ các sĩ quan kéo nhau đến chia vui với chị. Chị ngồi lặng lẽ nghe các chị đã có con bày vẽ cho cách giữ gìn thai: ăn thứ gì, kiêng thứ gì, đi đứng, ngủ ngáy ra sao... Chị nghe rồi mừng rỡ tưởng thấy đứa con của mình: khôi ngô, bụ bẫm, nó chập chững lần thành giường đi về phía ba nó. Chợt nó kêu: "Pa! Pa" và vẫy vẫy tay nhờ ba nó dắt qua một quãng khó đi... Tiếng người nói quanh chị nhỏ dần, quện lại bỗng bèn trôi mơ màng như một bản nhạc nhẹ, nhàng, êm dịu...

Đêm khuya, khi chị đã chợp mắt được một lúc, tỉnh dậy thấy anh đang lục lọi va li riêng của mình "Tìm gì vào lúc này nhỉ?". Chị nghiêng người nhìn anh. Anh ngẩng lên, hớn hờ:

- Đây rồi!

Anh chìa ra cho chị xem tấm ảnh của anh thời còn bé:

- Thành con của chúng ta sẽ giống như tôi... như thế này.

Chị lườm anh:

- Biết là "thằng" hay "con" mà đã...

Anh ngẩn người "ờ nhỉ !" rồi cười xòa.

- Nhưng thế nào nó cũng giống tôi.

Tháng sau, tháng sau nữa... Chị bắt đầu đi lại khó khăn. Da chị đã xanh lại càng tái xanh hơn. Anh tích cực bồi dưỡng cho chị. Sư trưởng Hùng tặng chị một lít mật ong trộn rượu trắng với lòng đỏ trứng gà. Bác sĩ Giàu vẫn thường xuyên đạp xe đến thăm thai cho chị. Chị đang sống trong thời kỳ sung mãn nhất của hạnh phúc thì đột nhiên đổ bệnh. Lần này nặng hơn, đến nỗi sư trưởng Hùng có đêm phải thức trắng với anh ngoài hành lang phòng hồi sức. Bác sĩ Giàu trực tiếp chạy chữa cho chị. Ông nhận thấy khát vọng của chị đã trở thành nhiệm vụ khắc nghiệt đối với ông. Bệnh của chị khá trầm trọng. Không chỉ suy dinh dưỡng, thiếu máu vì tuổi già như một số ca bệnh thường gặp, chị còn có một bệnh đáng sợ hơn, đấy là chất dioxin của chất độc màu da cam đã ngấm toàn thân chị. Tất cả các bảng phân tích hóa nghiệm về chị đã cho ông khẳng định như vậy. Cố nhiên điều này thì ông giấu mọi người. Ông bình tĩnh chống trả quyết liệt với căn bệnh nguy hiểm của chị. Tin tưởng ngay vào tay nghề của mình, không bao giờ ông mất hy vọng.

Và rồi chị cũng đã khỏi bệnh. Chị ra viện, tuy có yếu hơn, vàng vọt hơn. Khi sắp đến ngày sinh nở, hầu như chị không đứng vững nữa. Anh dành tất cả thời gian rảnh ở bên chị. Anh trở thành cái nạng chống thực sự của chị. Mỗi ngày mỗi mệt nhọc, uể oải hơn nhưng trên nét mặt vẫn không hề giảm đi niềm hân hoan của một phụ nữ đến cuối kỳ sinh nở bỗng nhiên có một đứa con.

Đêm. Anh vén áo chị lên, ghé tai nghe tiếng đập của con mình. Anh nghe một cách nghiêm túc và kiên nhẫn. Rồi anh nằm xuống, ngó lên cái lục lạc treo ở trần nhà. Cái lục lạc đã theo anh mười

bốn năm nay khắp tất cả các chiến trường. Một người bạn chiến đấu trước lúc hy sinh đã trao lại cho anh: "Cứ mỗi lần thắng trận mảy rung lên cho tao nghe thấy, tao mừng". Anh đã làm theo lời dặn dò chưa lúc nào quên. Cái lục lạc bằng sừng dê, được chuốt, chạm trổ bằng bàn tay nghệ nhân, mỗi lần rung lên nghe như tiếng trẻ con cười. Sau ngày toàn thắng nó được treo lên ở trần nhà. Ngày mai, thằng con anh - không hiểu sao anh cứ nghĩ đó là "thằng" - lớn lên, chỉ cần một tuổi thôi là anh đã giao lại cái lục lạc cho nó rồi. Nó có nghĩa vụ phải giữ cái lục lạc cho hết đời mình. Để khi bố mẹ nó đã yên nghỉ dưới "suối vàng", mỗi lần thành công việc gì, nó phải rung lên cho bố mẹ nó mừng...

Anh lại nhồm dậy, vén áo chị, ghé tai nghe tiếng con mình.

- Thôi mà! Chị dịu dàng phản đối: - Anh làm phiền con quá.

Anh không chịu:

- Yên nào! Để anh xem con nó có ý kiến gì không?

Chị phì cười. Rồi chị cũng tự nhiên tò mò:

- Nó có "ý kiến" gì không?

Anh ngẩng lên, đáp tỉnh khô:

- Không. Nó nhất trí hoàn toàn. Nhưng tại sao anh lại nghe "te- ề, te-ề"... hay nó đang thổi kèn?

Chị đập khế vào vai anh:

- Ông già ơi... ma bắt ông đi cho rồi.

Anh cười khà:

- Ngày mai anh sẽ giao cái lục lạc cho nó, nó không cần phải thổi kèn, mệt.

Và anh ôm hôn chị.

- Lão già này sẽ hỏi vợ cho thằng con lúc nó mười sáu tuổi.

- Lại "thằng".

- Nhất định là "thằng", lão già này đã nằm mơ thấy lão và con lão đến nhà bố vợ nó rồi!

Ngày đưa trẻ ra đời đã đến. Chị run rẩy bước vào phòng hộ sinh. Hai nữ y tá dìu chị từng bước một lên bậc tam cấp. Bác sĩ Giàu đứng chờ ở cửa. Ông trực tiếp đỡ đẻ cho chị, bởi vì ông biết chắc đây là một ca đẻ khó. Sau lưng chị là anh, sư trưởng Hùng và gần sáu mươi sĩ quan cùng sư đoàn. Họ hồi hộp ngóng theo bóng chị. Bác sĩ Giàu khép cửa, ông giơ tay chào, ra hiệu cho mọi người "cứ yên tâm".

Một giờ... hai giờ... ba giờ... Anh đã uống liền mấy cốc nước đầy. Sư trưởng Hùng thỉnh thoảng lại đưa tay rung cổ áo. Một vài sĩ quan ghé tai vào khe hở căn phòng chờ nghe tiếng trẻ khóc. Bốn giờ... năm giờ... một nữ y tá mở cửa bước ra, lập tức chị bị giữ lại:

- Ra sao rồi?

- Chị Lành sinh rồi. - Chị y tá mỉm cười, nói run run - Con trai.

- A, hoan hô.

Mọi người nhảy lên. Sư trưởng Hùng ôm lấy anh lắc rất mạnh. Anh quay cuồng trong niềm vui sướng tột độ. Chợt anh nghĩ đến cái lục lạc mà anh đã nhớ mang theo khi đưa vào viện...

Trong buồng hộ sinh, chị nằm lịm đi sau khi đã hỏi "trai hay gái" và mỉm cười sung sướng được bác sĩ Giàu cho biết: con chị là con trai. Đứa trẻ đã được đưa sang phòng hồi sức thai nhi. Người hộ sinh già đang "tắm cho thai nhi trong bể nước hấp nhiệt. Bác sĩ Giàu đứng dựa lưng vào tủ thuốc thờ dốc. Điều mà ông cố gạt đi trong tiềm thức có lý của ông đã đến... Đứa bé là một con - người - dị - dạng! Chân trái cháu bị bẻ gập ra sau, cứng ngắc. Mặt cháu bị bóp méo đến ghê gớm: mi mắt trái phình ra rất lớn, kéo xuống bịt kín toàn bộ gò má. Mũi dưới cháu cũng phình to, trệ xuống quá cằm. Không! Tạo hóa không tàn nhẫn như vậy. Chỉ có chất độc màu da cam đã ngấm với một nồng độ rất cao trong cơ thể người đàn bà tội nghiệp kia, mới gây ra như thế.

Người hộ sinh già làm việc với một thái độ điềm tĩnh kỳ lạ. Tự nhiên ông thấy ghét người hộ sinh kia. Ông cảm thấy bức bối, khó thở:

- Nước! Cho tôi ly nước.

Ông kêu to. Một trợ tá từ phòng trực vội vàng cầm ly nước bước vào. Đi ngang qua đứa bé, chị đứng sững lại, giật lùi... Choang! Ly nước vỡ tan tành. Chị ngồi thụp xuống, lạng lẽ ngước lên nhìn bác sĩ Giàu.

Ông không nói gì, khẽ thở dài, đi về phía cửa sổ.

Ông mở hé cửa nhìn ra. Ngoài sân, mấy chục người lính đang quây tròn bên bố của đứa trẻ mới sinh. Anh đang giơ cao cái lục lạc rung rung, nói như reo:

- Tôi sẽ hỏi vợ cho nó lúc mười sáu tuổi.

Tiếng lục lạc vang lên, nghe như tiếng trẻ con cười./.

Huế, tháng 10 năm 1984

Tiếng gọi phía mặt trời lặn

Chỉ mỗi khe núi hẹp chừng ba mươi bước nhảy của một chú nai con mà nó cũng chần chừ. Nó đứng run rẩy trên một nhánh cây lim cao nhất ở mỏm núi bên này, nhìn sang cây lim cao nhất ở mỏm núi bên kia với ánh mắt đầy lo sợ. Bây giờ đã sức tàn lực kiệt, nếu cái đập cánh đầu tiên không nâng nó lên cao quá cây trám trước mặt thì nó sẽ vấp phải đám dây nhợ lũng nhùng và mắc kẹt ở đó. Ba mươi bước nhảy của một chú nai con, cái khoảng cách thật vô nghĩa ở cái thời nó còn là một chú vẹt tơ đầy sức lực: khỏi cần một giây tính toán, nó đập cánh thật nhanh vút ngược lên cao và chao mình nhẹ nhàng như một chiếc lá bay... Thế đấy, cái thời phung phí sức lực đã qua rồi bây giờ thì phải tính toán thật kỹ lưỡng sao cho mọi lần đập cánh đều có nghĩa trên đường bay.

Trời đã sẫm tối. Gió từ khe núi thổi thốc lên làm mấy cái lông ngực của nó gần rụng đứng. Đã thấy sương mù từ từ kéo xuống. Nó sẽ chết rét nếu ngủ lại ở mỏm núi bên này, dù sao cũng phải gắng gỏi đập cánh sang được phía bên kia: Nó ngẩng đầu kêu to một tiếng: "Kan Mây... về" rồi liều mạng đập cánh bay vút lên. Nó thoát qua đám dây nhợ lủng nhùng mắc ở ngọn cây trám, đập cánh ngược chiều gió thổi rướn về cây lim ở mỏm núi bên kia.

Đêm nay nó sẽ ngủ lại ở đây.

Đêm nay là đêm thứ bao nhiêu phải lang thang trong các cánh rừng lạ? Nó chẳng còn nhớ nữa. Có thể đã một năm. Có thể đã một đời. Nó chỉ nhớ cái buổi chiều chia tay với Kon Long, chủ nó thôi. Kon Long cho nó ăn nhiều hơn, cứ mỗi lần trao cho nó một hạt thóc, lại nhắc:

- Kan Mây... về!

"Kan Mây... về!". Nó nhắc lại và há mỏ chờ đợi hạt thóc từ bàn tay chủ nó được búng cái "tách", lọt vào. Nó đã học tiếng gọi này rông rã ba tháng trời. Trước đó thì không, Kon Long chẳng bắt nó nói tiếng người, suốt ngày chỉ theo chủ nó lang thang nơi này sang nơi khác. Chủ nó là một chàng trai tốt bụng và vui tính, nó nhận định, đây là chàng trai có một không hai của loài người mà nó được may mắn sống gần. Kon Long ít nói, nhưng đã nói thì rất dịu dàng, ầm áp.

- Hơ-rê này! - Kon Long nhìn nó thì thầm.

Nó ghéch mỏ lên, nghiêng nghiêng nghe chủ nó.

- Mà có biết tao sắp xa mày không, Hơ-rê?

Tiếng người rất khó, nó cố gắng hết mức vẫn không sao hiểu được. Đây là chỉ mới nghe thôi, nói càng khó hơn, nó tập mướt mồ hôi mới phát âm chính xác cụm từ "Kan Mây... về!"...

- Tao không muốn xa mày Hơ-rê - Chủ nó nói - Tao thương mày, Hơ-rê.

Nghe giọng điệu và nhìn vào ánh mắt Kon Long nó mừng tượng có một chuyện gì đó thật nghiêm trọng sắp xảy ra đối với nó.

- Mà có thương Kan Mây không, Hơ-rê?

Câu này thì Hơ-rê hiểu bởi vì chủ nó nhắc đi nhắc lại rất nhiều lần, có đến hàng nghìn lần, từ ngày người đàn bà có cái tên Kan Mây không sống cùng với chủ nó nữa. Cố nhiên Hơ-rê cũng chỉ hiểu lơ mơ thôi. Nó gật gật tỏ rõ cho chủ nó biết: "Thương chứ, ồ..."

- Đúng, phải thương Kan Mây, Hơ-rê ạ. Kan Mây tội lắm. Kan Mây thương tao, yêu tao... Kan Mây chưa chết đâu, tao không tin Kan Mây đã chết. Tao còn thì Kan Mây không chết.

Hơ-rê nhìn vào mắt chủ nó và hiểu là Kon Long đang khẳng định một điều gì đó có liên quan tới người đàn bà tên là Kan Mây.

Kan Mây thì nó nhớ. Làm sao Hơ-rê có thể quên được người đàn bà đáng yêu đó.

Nó nhớ như thế này.

Gần như Kan Mây xuất hiện thật bất ngờ bên một bờ suối vắng, vào buổi sáng. Hơ-rê nghịch

chơi mãi trong vòm lá của cây cổ thụ, vừa sà xuống tìm Kon Long thì thấy một người đàn bà đang nép mình bên chủ nó, mắt lim dim. Một tay nàng cầm cái gì như là hòn sỏi, còn tay kia thì giữ chặt tay chủ nó đang tìm gì trong áo của nàng. Nó nghiêng đầu ngấm nghĩa. Đó là một người đàn bà trắng, cái môi đỏ và hay cười, lúc lúc nàng lại mỉm cười, ngược lên âu yếm nhìn Kon Long. Hình như nàng nói với chủ nó là chẳng có gì trong áo mà tìm. Kon Long sung sướng áp má mình bên má nàng. Sau đó họ bắt chước loài chim trao thức ăn cho nhau. Kan Mây mặt đỏ ửng mắt nhắm nghiền. Bất thần nàng đẩy chủ nó ra xa, ngồi quay lưng. Chủ nó lại quàng tay ôm ghì lấy nàng, lại bị đẩy ra. Chủ nó đang muốn ăn cái gì đó trong ngực nàng nhưng bị từ chối. Loài người có một từ rất hay, nó biết được sau rất nhiều lần cùng Kon Long theo các đoàn "tải lương" xuống núi, đó là: ngược. Nếu người ta vừa thích lại vừa sợ người khác biết cái thích của mình, thì họ ngược. Trong ngôn ngữ loài chim không có từ này. "Ngược" khác với "vui", "buồn", "yêu", "thích"... nếu không chú ý sẽ rất dễ nhầm "ngược" với "buồn" và "giận", hoặc ngược lại, có thể nhầm với "vui" và "thích". "Ngược" là từ trùm lên tất cả các từ này, và hình như chỉ dành riêng cho đàn bà con gái... Nói chung tình cảm loài người rất phức tạp, phải theo dõi thật kỹ mới biết được. Lúc này Kan Mây đang ngược. Nàng cương quyết không cho chủ nó tìm cái gì đó trong áo nàng. Kon Long không chịu, tỏ ra rất vội vàng, hấp tấp trong khi tìm kiếm, có lẽ chủ nó sợ không tìm gặp thì "cái gì đó" sẽ biến mất. Kon Long tìm, tìm liên tục. Hơ-rê ngạc nhiên khi thấy Kan Mây đã cởi hết áo mà chủ nó cũng cứ tìm không ra. Chủ nó hết tìm chỗ này lại tìm sang chỗ khác. Còn Kan Mây thì mặt đỏ như, nàng kêu lên những tiếng kêu lạ, không biết sung sướng hay đau khổ. "Chao ôi nếu loài chim cũng biết ngược như loài Người nhỉ?" - Hơ-rê nghĩ thế và bay đi.

Kể từ buổi sáng hôm đó, Kan Mây luôn luôn ở cạnh Kon Long. Họ thì thầm với nhau nhiều điều, toàn những điều khó hiểu, Hơ-rê không biết được. Nó đoán chắc hai người sẽ là chồng vợ của nhau khi họ đã gùi xong gạo cho "bộ đội". Hai người nhập vào đoàn "tải lương", lén lút vượt qua nhiều vùng có "địch", ngày nghỉ đêm đi rất vất vả... Đôi khi trong đoàn người lại có vài người trúng đạn hoặc ốm rồi chết. Lại xuất hiện thêm những người mới. Lại đi. Đoàn người cần rằng đi hết ngày này sang tháng khác. Hơ-rê thật sự khâm phục loài Người. Họ vô cùng kiên nhẫn, khi đã định làm một việc gì là họ làm đến cùng, dù đổ máu họ vẫn cứ làm. Thật là khủng khiếp. Loài chim đúng là chẳng ra gì, phút trước định làm cái này, phút sau đã quên bém, cũng chẳng ân hận gì cứ tý ta tý tởn suốt ngày như một lũ ngốc. Loài Người khác, họ có "kế hoạch" của họ - lại một từ mới mà loài chim không có, nó hiểu là ý định hoặc mơ ước được lần lượt kể ra có thứ tự - và khi đã vạch ra "kế hoạch" thì tất cả mọi người phải tuân theo cho kỳ được. Họ có một nhóm chuyên môn vạch "kế hoạch". Ví như trong đoàn "tải lương" của chủ nó, có ba người, mỗi lần ba người chụm đầu lại, các vẻ mặt đều nghiêm trọng, ấy là họ đang vạch "kế hoạch". Khi tất cả đều giơ nắm tay lên, đồng thanh hét một tiếng gì đó, nghĩa là "kế hoạch" đã vạch xong. Loài Người luôn luôn bận rộn vì những "kế hoạch" như thế. Hầu như không khi nào thấy họ nghỉ ngơi. Họ chia ra hai phe: "TA" và "địch". "Ta" cũng rất đông mà "địch" cũng không ít, vờn nhau suốt ngày như trò chơi cắn đuôi nhau của loài chim. Họ chơi trò này không biết mệt mỏi, đôi khi tỏ ra say mê, quyết liệt và cay cú. Ngày nào họ cũng chia ra hai phe "ta" và "địch" để chơi. Đội "tải lương" của chủ nó thuộc phe "ta", chuyên môn chơi trò gùi gạo. Dần dần Hơ-rê hiểu ra đó không phải là trò chơi, đó là một cuộc đánh nhau dữ dội, loài Người gọi đó là chiến tranh. Chiến tranh được xảy ra rất lâu trước khi nó có mặt trên đời. Có một nhóm người nào đó ở rất xa hè nhau khuôn súng đạn cùng với các đồ vật biết bay và chạy sang đây đòi chiếm các cánh rừng... Thế là xảy ra các cuộc đánh nhau và chửi bới, vừa đánh vừa chửi tức là chiến tranh. Loài chim cũng có từ này, nhưng rất ít sử dụng, lâu ngày cũng quên đi.

Kon Long, Kan Mây và Hơ-rê đều tham gia chiến tranh. Hơ-rê làm nhiệm vụ trinh sát cho đoàn "tải lương". Nó bay trước một quãng xa, hề thấy người thì kêu lên. Sau đó Hơ-rê còn có nhiệm vụ đưa thư. Nhiệm vụ này quả là khó khăn, nó ít khi hoàn thành, nhiều lần bị chủ nó quở mắng. Dù vậy, nó cũng phải làm, chẳng ai làm thay cho Hơ-rê cả. Người quý Hơ-rê nhất là Kon Long, chủ

nó. Sau là Kan Mây... Kan Mây yêu nó với một tình yêu nồng nhiệt, ngây thơ chứ không trầm lặng như chủ nó. Nàng luôn nhớ Hơ-rê và gọi nó về mỗi khi kiếm được thức ăn ngon. Buổi tối, nàng thích được ấp nó vào lòng để ngủ. Hơ-rê không thích lắm, nó thấy gò bó và ngứa nhưng vì quý Kan Mây nên không bao giờ nó phá bĩnh trong các giấc ngủ như thế. Đôi lúc vui vẻ, thường là vào các buổi sáng trong lành, nàng gọi Hơ-rê ra suối vừa tắm vừa hát cho nó nghe. Nàng hát những bài ca yêu đương của loài người, ngọt ngào và ấm áp. Những khi Kon Long đi vắng, nàng xin cho Hơ-rê được ở nhà, suốt ngày nàng nói với nó những điều gì đó thật dài có liên quan tới Kon Long. Đôi mắt nàng mở to, ấy là khi nàng đột nhiên im lặng ngược lên vòm lá, có những tia sáng từ trong đôi mắt kia đọng thành giọt cứ rơi xuống, rơi xuống...

Một ngày mưa, đoàn "tải lương" đang xuống dốc. Mặt mày ai nấy đều méo xệch, họ níu vào các nhánh cây thận trọng bước từng bước. Lúc lúc có một người trượt chân, gùi gạo bỗng xoay ngược về phía trước, sau đó là một tiếng kêu đau đớn... Hơ-rê vẫn cố bay lên trước làm nhiệm vụ trinh sát. Mưa tạt vào người nó làm cho các đám lông của nó dúm lại, hai cánh như bị ngăn đi, cứng hẳn đi. Rõ ràng là nó không thấy một người nào ở phía trước, thế mà bỗng nhiên có tiếng súng nổ dữ dội từ phía sau. Hơ-rê vút lên, đảo nửa vòng, sẽ sàng sà xuống một lùm cây. Người và người và người... nháo nhác tất cả. Súng nổ âm âm và những tiếng hét kinh hoàng như một đám vỡ chợ.

Nửa giờ sau, yên ắng trở lại, Hơ-rê bay chòn vờn trong các vòm lá tìm Kon Long và Kan Mây. Nó phát hiện ra Kan Mây ở phía sau một hòn đá đen, cạnh gốc lim lớn. Nàng nằm sấp, gùi gạo văng ra xa, máu từ bả vai Kan Mây phun ngược lên từng tia nhỏ. Nó kêu lên. Kan Mây quờ tay tìm nó. Nó nhảy vào lòng bàn tay của nàng. Nàng rên rỉ nói từng tiếng rời rạc... Hơ-rê hiểu là Kan Mây muốn tìm ai, nó đập cánh bay lên. Hơ-rê lúng lúng khắp cánh rừng, vừa bay vừa kêu to. Khi nó đã đói lắm rồi, định sà xuống đất kiếm một cái gì ăn rồi bay tiếp thì từ trong đám lá mục bỗng có tiếng Kon Long.

- Hơ-rê! Hơ-rê!

Không thể tưởng tượng nó mừng như thế nào. Nó kêu to một tiếng, lập tức vụt đến phía có tiếng chủ nó. Kon Long xòe hai tay đầy máu đón nó. Hơ-rê không dám đậu lên đó, nó sợ chủ nó đau. Nó gúc ngắc cái đầu, mắt long lanh - Hơ-rê đang xúc động mạnh.

- Hơ-rê! Kan Mây đâu?... Kan Mây đâu, Hơ-rê?

Nó hiểu chủ nó muốn biết Kan Mây đang ở đâu. Nó vỗ cánh, chủ nó mắt sáng lên, hấp tấp chạy đuổi theo...

Nhưng Kan Mây đã không còn nữa, chỉ còn một vũng máu nhỏ ở cái nơi nó gặp Kan Mây. Kon Long quỳ xuống dăm dăm nhìn vũng máu rồi đưa tay nâng lên ngang mày một sợi tóc dài. Hơ-rê im lặng nhìn chủ nó lẩm bẫm những điều gì đó rất lâu. Nó buồn, nó rất buồn.

Thật không ngờ, một tiếng hét vang lên từ phía sau. Nó giật mình đập cánh.

Hơ-rê nhìn xuống, có những họng súng đang chĩa vào ngực chủ nó. Rất nhiều người...

- Kan Mây... về! Kan Mây... về!

Hơ-rê vỗ cánh ba lần và kêu lên, nó vút theo một đường gần thẳng góc với mặt đất. Đó là tiếng kêu đầu tiên sau khi từ giã chủ nó. Hơ-rê không ngờ kể từ đấy nó mãi mãi vắng bóng Kon Long. Trước khi chia tay, Kon Long hôn khắp mình Hơ-rê, vừa hôn vừa khóc. Rồi Hơ-rê bị nhốt vào một

túi vải bịt kín. Khoảng nửa ngày, cái túi vải được mở, Hơ-rê nhảy ra ngó quanh: chủ nó đã biến đi đâu mất. Bốn xung quanh là điệp trùng những cánh rừng lạ. Hơ-rê kiên nhẫn chờ Kon Long quay lại. Chờ mãi. Khi các tia nắng chuyển động rất nhanh gần như trượt dài trên các lá cây thì Hơ-rê cầm chắc Kon Long đã vĩnh biệt nó bằng những cái hôn và những giọt nước mắt kia. Hơ-rê phải đi gọi Kan Mây trở về làng. Kon Long đang đợi, đó là nhiệm vụ suốt đời của nó.

Hơ-rê bay và gọi. Bay và gọi, Hơ-rê không còn nhớ nó đã bay bao lâu thời gian đã chìm chìm trong các "ô nhớ" của nó. Hơ-rê chỉ còn nhớ, khi nó đập cánh bay vút lên vào lúc nó tin rằng Kon Long không bao giờ quay lại nữa thì nó hãy còn dồi dào sức lực và hy vọng sẽ có ngày gặp Kan Mây hãy còn đầy ắp trong ngực nó. Bây giờ thì không còn gì nữa, gần như Hơ-rê đã đánh rơi tất cả. Thời gian và sức lực, ngôi nhà và những cánh rừng quen thuộc, Kan Mây và Kon Long... Hơ-rê chẳng còn gì nữa đâu, ngoài tiếng kêu tuyệt vọng mà nó đã tự nguyện mang theo suốt đời...

Kan Mây ở đâu? Tại sao Kan Mây lại bỏ làng mà đi? Trong ký ức xa vời của Hơ-rê về nàng, ở khoảng đầu, Kan Mây từ đáy suối mọc lên, sà vào ngực chủ nó, rạn vỡ như một thiên thần; ở khoảng cuối, Kan Mây là một vũng máu nhỏ và một sợi tóc dài.

Hơ-rê nghĩ là Kan Mây đã chết như tất cả các cái chết nó đã chứng kiến trong đoàn "tải lương". Nhưng chủ nó không tin. Từ ngày Hơ-rê cùng chủ nó ra tù trở về làng, đúng lúc người ta treo lên những lá cờ đỏ sao vàng, bảo với nhau chiến tranh đã chấm dứt, nó luôn luôn thấy chủ nó rầu rĩ. Một buổi sáng, Hơ-rê theo chủ nó tìm về con suối mà Kan Mây đã "mọc lên". Kon Long đứng im lìm nhìn con suối. Hơ-rê đứng trên một nhánh cây, chính là nhánh cây nó đã đứng nhìn hai người từ cái buổi sáng xa xưa ấy. Nó buồn rầu nhìn những viên cuội nhỏ lăn lăn, lác lác dưới đáy suối. Kon Long từ từ quỳ xuống, rút trong túi áo ra một sợi tóc và lẩm rầm nói với sợi tóc. Cái sợi tóc mỏng mảnh kia chắc cũng ngốc nghếch như nó thôi, sẽ chẳng hiểu gì cả. Hơ-rê lờ mờ nhận ra: hình như Kan Mây không chết, nàng còn lẩn khuất đâu đó trong các cánh rừng bạt ngàn, ngút tầm mắt này thôi. Nó không thể giải thích nổi tại sao lại như thế. Bởi vì nó không biết...

Nó làm sao biết Kan Mây đã trở về làng như thế nào.

Sau khi Hơ-rê đập cánh bay đi tìm Kon Long theo yêu cầu của Kan Mây, năm phút sau có một người đến dìu nàng chạy trốn. Nàng đã được cứu sống và trở về làng. Làng của Kan Mây và Kon Long đã dời về dưới chân Con Mũi. Từ đó, nàng không được đi gùi gạo cùng với đoàn "tải lương" nữa. Những già làng đã buộc nàng phải rời khỏi làng sau đó một tháng. Người ta phát hiện ra nàng đã mang thai với ai đó. Đây là một tội nặng xếp hàng thứ ba sau tội giết người và phản bội. Một luật lệ khắc nghiệt của làng đã định ra nhiều đời nay dành cho tội này: người đàn bà chửa hoang phải rời khỏi làng sống cô độc bất cứ ở chỗ nào mà những người làng không còn gặp được nữa. Nếu một người bất kỳ trong làng tình cờ bắt gặp thì kẻ có tội phải dời đi chỗ khác xa hơn. Kan Mây buộc phải đi, đó là điều không cách gì tránh được. Nàng vật vờ lang thang như một bóng ma cả tháng trắng. Nàng đứng tần ngần trước một con suối lớn, nhìn đăm đăm từng cọng lá khô đang dập dềnh. Nàng sẽ lao xuống suối... Vĩnh biệt, vĩnh biệt, vĩnh biệt... Chợt nàng bỗng giật thót, mắt trợn ngược, ôm bụng quằn quại. Đứa con trong bụng nàng đã lên tiếng đòi được sống. Nàng nằm vật xuống bên bờ suối, lịm đi... Từ đó, người làng không còn thấy nàng nữa. Kon Long trở về, cầm dao rượt đuổi những người đã đuổi Kan Mây ra đi.

- Kan Mây là vợ tôi! Ai đuổi? Người nào đuổi? Nói! Nói!

Tất cả những cặp mắt của người làng đều nhìn Kon Long, buồn rười rượi.

Có ai đuổi đâu, luật lệ của làng đấy thôi...

- Kan Mây về! Kan Mây ơi...

Đó không phải là tiếng gọi của Hơ-rê. Đó là tiếng thét đau buồn của chủ nó. Hơ-rê nhớ mãi cái buổi sáng bên bờ suối chủ nó cầm sợi tóc vật vã, kêu lên những tiếng kêu khùng khiếp như thế nào...

Hơ-rê tin rằng rồi có một ngày nào đó, một ngày thật đẹp trời, sau tiếng gọi khẩn thiết của nó, Kan Mây sẽ từ một dòng suối nào đó mọc lên. Nàng ngửa mặt tươi cười, xòe hai bàn tay như hai chiếc lá hồng ra đón nó. Hơ-rê nhẹ nhàng sà xuống đậu lên những ngón tay xinh xắn của nàng. Nàng sẽ hôn nó, vừa hôn vừa khóc như Kon Long... Nó sẽ kể cho nàng nghe từ ngày xa nàng, Kon Long đã sống khổ sở như thế nào. Nó đã cùng Kon Long đi tìm nàng hết cánh rừng này sang cánh rừng khác mà nàng vẫn biệt vô âm tín. Cuối cùng, khi đã tuyệt vọng, Kon Long bỗng nhớ đến chút tài nhỏ mọn của Hơ-rê và nhờ nó đi tìm nàng. Nó đã nhận lãnh nhiệm vụ đó không một chút do dự và đập cánh bay đi. Mùa đông lại mùa đông. Đói và rét. Những cơn lũ lớn. Những trận bão khùng khiếp. Đói, đói, đói, đói, đói... nàng có biết không? Nó nói với nàng là nó sắp chết rồi, nó già rồi, nó đã hoàn thành nhiệm vụ. Tất cả sức lực của nó đã rụng dần cùng với những tiếng kêu vô vọng ở khắp nơi trong các cánh rừng, dưới tầng tầng lá mục. Nó sắp chết rồi, hình như thế, Hơ-rê sắp chết rồi, Kan Mây có biết không?

Nhưng liệu nàng có tin không, lời của một con vẹt? Loài Người rất buồn cười, không hiểu sao họ lại gán cho nó những tính xấu trong giống loài của họ. Trong các sách giáo khoa của học trò, la liệt những bài viết khẳng định nó là loài vật dốt nát và dối trá. Nó không hề biết nói dối bao giờ, cũng chẳng dốt nát như loài Người đã tưởng. Nó là một trong những con chim thông minh nhất trong loài chim. Thế đấy nhưng loài Người đâu có tin. Nó mặc nhiên trở thành một biểu tượng của dốt nát và dối trá. Thậm chí loài Người đã không tiếc công sức để viết ra bao nhiêu là sách vở, những cuốn sách dày và đẹp, để cố gắng chứng minh điều đó họ nói là đúng. Dốt nát và dối trá không có ở loài Người đâu chỉ có ở những con vẹt thôi, thật đấy - nói mãi cuối cùng người ta cũng phải tin. Ngay trong loài chim cũng tin điều đó là có thật, nên thường thường Hơ-rê không có bạn, nó phải sống cô đơn như thế đã nhiều năm rồi nếu như không gặp Kon Long...

Kon Long yêu nó, tin nó. Xứng đáng là chủ nó. Nhưng Kan Mây có tin nó không? Nếu nàng cũng nghĩ nó chỉ là con vật dốt nát và dối trá thì toàn bộ sức lực và tất cả cuộc đời của nó dồn vào cuộc tìm kiếm nàng thật vô nghĩa biết bao! ý nghĩ ấy nhiều lúc làm cho nó mệt mỏi, rời rã trong các cuộc bay đường trường... Nhưng niềm tin về con người của Hơ-rê đã thắng thế, Kon Long nói với nó trước lúc chia tay, kể từ đây Hơ-rê không phải là con vẹt nữa, Hơ-rê là trái tim của chủ nó. Trái tim đã từ lồng ngực Kon Long đập cánh bay đi, bay mãi, gọi tên nàng vang vang khắp các cánh rừng. Trái tim người không bao giờ biết dối trá. Hơ-rê là trái tim người!...

- Kan Mây... về! Kan Mây... về! Kan Mây... về!

Hơ-rê cất tiếng gọi. Nó cảm thấy hạnh phúc nhất trần đời.

Rất nhiều lần nó nhằm những người đàn bà khác với Kan Mây. Phải hơn một trăm lần chứ không ít. Lần thứ nhất, khi chia xa Kon Long được mấy ngày, Hơ-rê thấy một người đàn bà đứng lóng ngóng trong nương ngô. Từ độ cao bốn mươi mét, nó sà xuống nhanh như một con cắt.

- Kan Mây... về!

Người đàn bà giật mình quay lại. "Vẫn không thấy xòe bàn tay ra", nó nghĩ thầm. Người đàn bà rón rén tiến lại. Hơ-rê nghiêng đầu chờ đợi. Đến khoảng vài bước chân, người đàn bà lao vào nó. Thật khùng khiếp, nó tụt ngược lên trời. Một hòn đá bay đuổi theo. Nó đảo nửa vòng lượn, đập

cánh bay đi. Trống ngực đập thình thình...

Lần thứ hai, Hơ-rê phát hiện trong đám đông những người phát rẫy có một phụ nữ rất giống Kan Mây. Chị đang ôm một bó dây nhợ xuống suối.

- Kan Mây... về!

Hơ-rê kêu to và liệng vòng quanh chị. Tất cả đám đông kia đều ngược mắt lên. "Giống quá! Giống quá!" nó nghĩ thầm.

- Kan Mây... về!

Một tràng cười bỗng rộ lên. Họ cười. Họ vỗ tay. Cái đám đông kia nhao nhao bàn tán, họ thích thú ngắm nghía nó đang bay chập chờn trên đầu họ. Thế là họ ném đá và gậy gộc. Người phụ nữ kia cũng tham gia trò vui của họ.

Nó không sà xuống. Nó bay đi. Chao ôi là họ cười! Hình như cái đám người kia coi cuộc kiếm tìm Kan Mây và tiếng gọi khản tiếng của nó là một trò hề rất buồn cười. Ôi con người! Con người... Họ thật khác nhau. Nom bề ngoài, họ cũng giống như loài chim, chẳng mấy khác biệt. Thế mà trông họ lại rất khác nhau. Loài chim không như thế, mỗi loại chim chỉ có một vài đức tính đơn giản và bất biến. Loài Người thì thật không hiểu nổi. Mỗi người có rất nhiều đức tính, mỗi đức tính lại được phân ra nhiều loại đối chọi nhau. Chính vì vậy mà họ đã gây ra cho chính họ không biết cơ man nào là đau khổ, tai họa... Có phải thế không nhỉ?

Hơ-rê tiếp tục vỗ cánh, dù sao nó cũng không được nản chí. Cái chết sẽ dành cho nó ở chặng đường cuối cùng, thế thì có gì mà nản chí? Nó ráng sức vỗ cánh bay đi. Lại nhầm lẫn. Lại bay đi... Liên miên những lần nhầm lẫn. Chẳng sao cả, miễn là ở chặng cuối cùng nó không nhầm. Nó là chim, nhầm lẫn ắt là chuyện thường. Đến con người họ còn nhầm lẫn nhau nữa là...

Tiếc thay, ở chặng cuối cùng nó vẫn nhầm lẫn. Thật đáng buồn.

Cạnh một con suối lớn, có một túp lều nhỏ nằm chênh vênh bên một hòn đá dựng đứng, nom như cái đầu lợn rùng. Đã khoảng chập choạng tối, Hơ-rê sà xuống đậu trên nóc lều, định bụng nghỉ một chút để có thể tiếp tục đập cánh về dãy núi đá trước mặt. Nó dí mỏ rĩa lông ngực, lông cánh, kiểm tra độ bền của từng chiếc lông. Tội nghiệp những chiếc lông của Hơ-rê, chúng cũng đã già lắm rồi. Bỗng từ dưới suối có một chú bé chạy lên, trong tay chú bé cầm một hòn đá. "Kan Mây... về!", nó hốt hoảng tung cánh. Nó bay chập chờn trên không, vừa bay vừa theo dõi hòn đá trong tay chú bé. Lại từ dưới suối chạy lên một người đàn bà nữa, trong tay chị cầm một cái que rất dài... "Kan Mây... về!" - Ôi, nó sợ quá, Hơ-rê vụt ngược lên cao, gắng sức bay thật xa...

- Hơ-rê! Ê... Hơ-rê!

Người đàn bà đuổi theo Hơ-rê. Chị gọi tên nó, gào lên tưởng có thể đứt cuống họng mà nó vẫn không nghe thấy. Tóc xõa ra, hai tay chị bươn cào trong đám lá ngô vàng nhạt...

- Hơ-rê! Ê... Hơ-rê!

Hơ-rê không còn nghe nữa, nó đã về bên kia dãy núi đá. Nó đâu biết có một người đàn bà đang đứng ôm đầu nhìn theo bóng nó bây giờ như một hạt đỗ đen chấp chới trước hoàng hôn...

Đã tờ mờ sáng, ánh sáng từ các chiếc lá của cây lim già nghiêng xuống, sáng dần. Hơ-rê mừng

quá. Bây giờ thời gian đối với nó thật cực kỳ quan trọng. Hơ-rê vỗ cánh bay lên. Từ già cây lim già nhé, tôi qua mà đã cho tao một giấc ngủ tuyệt vời. Mà là một giống cây phúc đức, luôn luôn biết che chở cho kẻ khác. Từ già nhé, có thể không bao giờ mà thấy tao nữa. Mà càng già càng vững chãi, còn tao, càng già càng đuối sức. Giá tao là mà nhỉ, càng già càng vững chãi! Ôi... Hơ-rê thì thầm với cây lim trong vòng lượn từ biệt của nó. Hơ-rê vỗ cánh nặng nề chui qua một đám bụi nước trắng nhợt bay lững thững trên những ngọn cây lim. Nó không biết bay về đâu, về đâu sẽ có Kan Mây, làm sao Hơ-rê biết được. Ngay cả hương trở về nơi Kon Long đang sống nó cũng không còn nhớ nữa. Một đôi lần Hơ-rê đã tính quay về để thú thật với Kon Long là nó đã bắt lượm. Nó sẽ cúi đầu chịu tội. Như thế còn tốt hơn là nó phải đập cánh trong một nỗi tuyệt vọng như thế này. Cho dù ý nghĩ ấy chỉ xảy ra trong những khoảnh khắc cay đắng nhất của Hơ-rê, thì đó cũng vẫn chỉ là một ý nghĩ tuyệt vọng vì nó chẳng còn nhớ được lối về. Hơ-rê đã hoàn toàn mất phương hướng, trí nhớ của nó đã teo lại, rụng dần như những chiếc lông cánh già cỗi trên mình nó. Vì thế Hơ-rê đã đập cánh, theo đuổi những vòng lượn đơn độc, mãi một đuổi theo mục đích ban đầu của nó. Có thể ở phút cuối cùng, biết đâu đấy, trước khi nó tắt thở thì Kan Mây sẽ hiện ra... Biết đâu đấy, ở phút cuối cùng... Nó vỗ cánh bay bay...

"Phải tìm cho được Kan Mây", Hơ-rê luôn luôn nghĩ thế và dù chỉ còn chút sức lực cuối cùng nó cũng không có quyền được quên. Mặt trời đã mọc lên dưới đáy một cái nồi xanh ở đằng đông. Một ngày mới lại đến. Một ngày mới lại đến, Hơ-rê đập cánh bay lên...

Nắng bắt đầu gay gắt, Hơ-rê cảm thấy bức bối. Hình như có một khối lửa đang bốc cháy trong ngực Hơ-rê. Bỗng nhiên nó hoa mắt. Tất cả như đang bay lên còn nó thì đứng yên. Nó rơi dần, rơi dần. Hơ-rê bỗng sực tỉnh, vỗ cánh.

Nhờ thế nó đã hạ xuống bằng hai chân. May quá! Hơ-rê đứng thở dốc, run rẩy nhìn xung quanh. Chẳng có ai cả. Nó lê từng bước về phía một cây ngô đã héo, hy vọng sẽ kiếm được một hạt ngô rơi. Chẳng có một hạt ngô nào dành cho nó. Hơ-rê đứng bần thần nhìn những chiếc lá ngô cong đang rung lên nhẹ trước gió. Chợt nó sững sốt thấy trên một lá ngô có một sợi tóc dài đang bay phơ phất. "Kan Mây... về!", Hơ-rê sung sướng kêu lên. Một sợi tóc! Không thể tưởng tượng Hơ-rê đã sung sướng như thế nào... Hơ-rê có thể quên tất cả những ký ức về cái sợi tóc của Kan Mây mà chủ nó đã nâng lên ngang mày làm rằm gọi tên nàng bên bờ suối kia thì không thể nào quên được.

Nó ngậm sợi tóc đập cánh bay lên. Phải giữ lấy sợi tóc! Hơ-rê có thể mất tất cả nhưng sợi tóc của Kan Mây thì không thể để mất, không bao giờ...

Hơ-rê đập cánh bay trong một niềm sung sướng không thể nói được bằng lời. Sợi tóc, chao ôi sợi tóc của Kan Mây! Nó phải giữ lấy cho kỳ được... Miên man trong những ý nghĩ sung sướng về sợi tóc, nó bay bay bay... Khi sực tỉnh, Hơ-rê hoảng hốt thấy nó đang ở giữa một cái hồ rộng mênh mông. Để có thể vượt qua hồ nước này, nó phải có một sức khỏe gấp đôi. "Kan Mây... về" Hơ-rê kêu lên đầy tuyệt vọng. Tiếng kêu to đến độ các vách núi xung quanh hồ đều nhắc lại vu hồ. Sợi tóc bay khỏi miệng nó, bay lên cao một chút rồi liệng những vòng liệng quanh nó. Nắng ngập tràn trên đôi cánh già nua của Hơ-rê. Trên dưới đều xanh biếc, đều long lanh. Mặt trời - mặt trời - mặt trời... khắp nơi đều mọc lên những mặt trời đỏ chói. Sợi tóc! Nó đập cánh đuổi theo. Nó và sợi tóc. Những vòng lượn tuyệt vời. Sợi tóc lật nhẹ theo gió, chao liệng trước mắt nó. Hơ-rê rướn đuổi theo. Sợi tóc chợt ánh lên những tia sáng lạ và hóa thành một sợi nắng màu diệp lục, bay ngược lên. Hơ-rê rướn cao thêm và lật mình, lật mình. Chỉ còn một khoảng cách cũng nhỏ như sợi tóc kia mà Hơ-rê không sao với tới được. Nó và sợi tóc. Cái khoảng cách như một sợi nắng xanh... nó và sợi tóc. Cả hai đã đứng lại, còn tất cả đang bay lên. Tất cả đang bay lên: những đám mây xốp và mặt trời dưới đáy hồ, những đỉnh núi, những con cá phôi bụng trắng hếu trên mặt nước... Tất cả đang bay lên, chỉ có nó đang dừng lại ở cái khoảng cách như một tia

sáng xanh kia...

- Kan Mây... về!

Tiếng kêu của Hơ-rê đập vào vách núi dội vang xa, bay vào tận những cánh rừng xa nhất mà Hơ-rê không còn kịp vươn tới.

- Kan Mây... về!

Tiếng kêu của nó trở thành những vòng sóng tròn, tỏa rộng dần, lan xa, xa mãi...

Không ai nói cho Hơ-rê rằng nó là con chim tuyệt vời nhất các loại chim, nó đã hoàn thành nhiệm vụ.

Tối hôm trước, đáng lẽ Hơ-rê phải ngủ lại ở một khe núi nhưng không hiểu vì sao nó cứ đập cánh bay hoài. ánh sáng của đêm trăng rằm bị sương núi làm nhòa đi, chuyển động theo từng khối mờ ảo, làm cho Hơ-rê có cảm giác nó đang bay trong chính những giấc mơ hãi hùng của nó. Nó ưỡn oải nhìn xuống những cánh rừng đã tối sẫm. Có cái gì đó bí hiểm đến ghê rợn nằm dưới đáy những cánh rừng kia? Hơ-rê khẽ rùng mình, một vật gì đó đột nhiên búa vào đầu các ngón chân của nó, lạnh toát... Chợt nó thấy có một đồng lửa ở cách nó không xa đang cháy sáng dần lên. Hơ-rê ưỡn ngực đập cánh. Đây là lễ đâm trâu, nó biết. Nó hạ dần xuống, lượn một vòng tròn khá rộng phía trên đám người kia. Rất nhiều người, cả già trẻ gái trai đang nhảy như điên bên một con trâu chết và đồng lửa. Những người đàn bà cầm tay nhau vừa xoay quanh đồng lửa, vừa lắc mình, tóc xỏa ra. Thịnh thoảng họ vỗ tay thật đều và cất lên những tiếng í a kéo dài. Những người đàn ông thì hung tợn hơn, họ nhảy hùng hục và rống lên nghe đến phát khiếp. Số còn lại nằm la liệt dưới chân cầu thang, hình như họ là những kẻ say rượu hoặc đê mê trong một niềm hoan lạc nào đó... Chỉ có lũ trẻ con là hình như không chú ý gì lắm các vòng lượn, chúng tranh nhau vốc từng nắm xôi to bỏ vào mồm, đánh nhau chí chöhe. "Chà, giá được sưởi ấm một chút!". Hơ-rê ao ước. "Kan Mây... về!", nó kêu lên rồi hạ dần xuống chỉ cách đồng lửa vài sải tay, "Kan Mây... về!", Hơ-rê lại kêu lên. Cái đám người kia hầu như không ai nghe tiếng kêu của nó. Bởi vì họ đang sung sướng một cái điều gì đó, đến nỗi họ chỉ biết nhảy và hét, không còn ai nghe ai... Hơ-rê được đồng lửa hun nóng, nó cảm thấy toàn thân ấm dần lên, có một sức mạnh nào đó đã bổ sung vào cơ thể già nua của nó làm cho Hơ-rê đột nhiên lao thẳng lên. "Từ biệt nhé, cái đám người sung sướng!..." Hơ-rê nghĩ vậy và bay đi. Không ai trông thấy Hơ-rê, con chim tuyệt vời nhất của loài chim đã không nhìn thấy trong vòng quay của những người đàn bà có một nàng tên là Kan Mây. Kan Mây, cái người mà Hơ-rê đã dành trọn đời mình để đi tìm đang ngây ngất trong hạnh phúc đoàn tụ mà nàng đã có được kể từ khi nghe tiếng kêu của Hơ-rê. Nàng đã trở về. Nàng đang tươi cười nhìn chồng mình và đứa con trai. Chồng của nàng, Kon Long, chủ của Hơ-rê, đang cùng với thằng con trai nhập vào những vòng nhảy hung tợn của đám đàn ông. Tất cả đang tràn trề hạnh phúc. Tất cả đang say... Không ai nghe tiếng gọi của Hơ-rê, không ai còn chú ý gì ngoài những vòng lượn hạnh phúc của chính mình. Còn Hơ-rê, con chim tuyệt vời nhất của loài chim, vẫn cứ mãi miết đập cánh, mãi miết gọi tên nàng...

Chính vì thế, tiếng gọi của Hơ-rê mãi mãi nở thành những vòng sóng tròn, tỏa rộng dần, lan xa.. xa mãi.

Bốn mươi chín cây cơm nguội

Chỉ bớc khoảng vài mơi bớc chân, từ cái cổng sắt gỉ của một ngời bạn gái, chị đã giạt mình nhận ra sai lầm của mình. Tại sao lại ngang nhiên rảo bớc trên đờng ma vào lúc gà sắp gáy nh thế này? - Chị đứng khựng lại, ngoái cổ về phía sau vào đúng lúc câu hỏi ấy vang lên trong chị. Có cái gì rung bần bật trên cao, trong vòm lá còm nguội làm một khối nớc mỏng rơi ào xuống vai. Trong vòm lá cây còm nguội ở bên kia đờng cũng có cái gì vừa rung lên bần bật... Chị nghĩ là đã ngóc lên nhìn vào hai vòm lá cây còm nguội, nơi có tiếng rung bần bật đó, ngay khi vừa nghe thấy, nhng định thần một chút mới biết mình đã bớc lùi hơn mơi bớc từ lúc nào và mắt cũng vừa mới mở ra. "Có cái gì đâu, trò con nít của thiên nhiên!" - Tự trấn an bằng một định nghĩa mà chị cảm chắc là không đời nào mình lại nghĩ ra loại từ ngữ hay ho nh vậy. Có thể ai đã nói từ cái thừa xa lác, hoặc một ngời nào vừa "thối" vào tai phải chị. Thốt nhiên chị cảm thấy tai phải nóng nóng. Chị bớc lên. Một bớc, hai bớc, ba... bốn... năm... sáu... bảy - "Đấy, đúng cha? Có cái gì đâu, trò con nít của thiên nhiên! Đã bảo mà...". Rõ ràng có một ngời nào đã "thối" vào tai trái chị, bởi vì, bớc thứ bảy vừa dứt thì tai trái bỗng nóng rục lên!... Rốt cuộc cả hai tai cũng đã nguội lạnh khi chị dần thêm vài mơi bớc nữa. Bắt đầu thấy an tâm hơn, da bụng cũng không còn rung lên nh mặt trống Jazz lúc phải dùi nữa, tuy chị vẫn không thôi rửa thắm cái tính tự ái vật đã đẩy chị ra khỏi căn phòng còn có một cái giường không vào lúc không có một phụ nữ táo tợn nào dám bớc ra đờng. Ngời bạn gái cùng tuổi bốn mơi với chị chẳng có lỗi gì to tát, chỉ là cái sự vô tâm khi luôn mồm than phiền rằng cô vừa bị cắt hai suất lao động tiên tiến - giữa và cuối năm - vì đã đề "ngoài kế hoạch" hai đứa nữa. Chỉ hai suất đề mà có bốn đứa con, đáng lẽ phải phồng mũi lên trớc thiên hạ rằng bố mẹ của cô, ông bà của cô, ông bà của ông bà của ông bà của ông bà... của cô ăn ở có phúc đức nh thế nào trời mới ban cho cái đặc ân đợc tiết kiệm số lần đẻ tối thiểu để có bốn đứa bé kháu khỉnh đến mê ngời, lại ở "tỷ lệ vàng" nhiều ngời nằm mơ cũng không thấy: hai trai hai gái, thế mà cô ta cứ rên rỉ mãi về số tiền thưởng hai suất lao động tiên tiến - giữa và cuối năm - tính theo tỷ lệ tiền lương kiểu nào đó không biết, có tổng số mất đi là chín trăm mơi bốn đồng hai hào chẵn!

Chín trăm mơi bốn đồng hai hào, thật là vớ vẩn. Nếu chị đề đợc chị sẽ đề 100 đứa dù có mất đi một trăm lần chín trăm mơi bốn đồng hai hào chẵn ấy. Chị không đề đợc không phải bởi vì chị không đề đợc... Chị thừa sức làm cái công việc tối thiểu ấy của phụ nữ một cách dễ dàng, không một chút kêu ca nh ngời bạn gái lúc nào cũng "loa! loa! loa! loa!" về hai suất lao động tiên tiến. Giá cô ấy ngời lặng lẽ bên chị, đa cặp mắt u sầu ngóc lên nhìn chị, khế khàng cầm lấy hai bàn tay xanh gầy của chị, thì thắm: "Đã có ai cha? Có cha..." thì lúc đó chị thờ dài, khế lác đầu, hoặc sẽ gục vào vai cô ấy mà khóc, khóc tức tởi... nhng chị sẽ ngủ lại với cô ấy. Chị sẽ nằm giữa bốn đứa trẻ để ngửi cái mùi sữa hơi hơi và mùi nớc tiểu của chúng. Và hát. Đúng nh vậy, chị sẽ hát nh một ngời mẹ đang có bốn đứa con, hai trai hai gái, vừa hát vừa hít lấy hít để cái mùi sữa hơi hơi và mùi nớc tiểu của lũ trẻ cho tới khi bật khóc. Thà phải khóc nh thế còn hơn là bây giờ đang một mình lủi thủi giữa đờng đêm hiu hắt đây ma...

Chị dừng lại một chút trớc khi vọt qua quăng đờng tối nhất, để sau đó chị cần rẽ vào một lối hẹp chừng ba mơi mét là đến khu tập thể nơi chị sống với mơi chín cô gái tơ suốt ngày thổi kèn đồng (tức là hát và cời ré lên) cùng với những câu chuyện chị cho là ngờ ngẩn, vô bổ về các anh chàng đàn và nhát gái đợc họ vừa tranh nhau kể vừa cời vừa chép miệng... Bây giờ "mời chín cái kèn đồng" đã ngủ, chỉ mỗi mình chị lủi thủi giữa đờng ma. Nh thế này còn thú hơn phải ngồi giữa dàn hỗn tấu vô bổ, ngờ ngẩn ấy. Sống với họ, chị thấy mình lạc lõng, vô duyên, y nh một kẻ không biết uống rượu buộc phải ngồi giữa một lũ say. Chị buộc chặt tấm áo ma, nịu lại quai nón, hít một hơi thật sâu và bớc. Mới đầu chị bớc từng bớc ngắn và nhanh, nhng sau đó, khi ma dần dần về phía sau để lại phía trớc từng đám ma rây bột, thì chị bớc dài hơn và chậm lại. Phía sau, tiếng ma nghe nh tiếng chân của một đám đông trẻ con đang chạy, chị nghĩ thế và bớc chậm lại, thật chậm để chờ lũ nhóc thích nghịch nớc ấy tiến lên. Chốc lát, ma có vẻ lắng lại chút ít rồi chợt vỡ òa ra, tràn trề ở phía sau. Chị thấy mình rạo rục hẳn lên, bớc từng bớc thông thả, đầy tự tin, pha một chút kiêu hãnh - kiêu hãnh nh "mời chín kèn đồng" mỗi bận bớc ra đờng - chỉ vì bỗng

nhìen chị tởng tởng có một triệu chàng trai đàng lẻo đẻo sau lng chị. Họ vừa bớc vừa đa mắt thăm dò nhau, rồi họ bớc nhanh dần, tranh nhau bớc... Chị mỉm cười. Thì chị cũng đã có một thời nh vậy, tất nhiên không lấy đâu ra một triệu, chỉ năm bảy chàng trai lợc lợng lẻo đẻo theo chị trên những nẻo đờng rờng. Lúc đó chị còn là một cô gái xinh tươi và nghịch không thể tả. Chị đi, mãi mốt đuổi theo những gì cha có trong sự thật, để lại cho anh chàng cứ việc lẻo đẻo theo sau, thỉnh thoảng nói vớ vẩn vài câu không chủ vị. Và chị mỉm cười, y nh bây giờ chị đang mỉm cười. Rồi số ngời đuổi theo chị tha dần. Không phải họ đã nản: ngời này xuống đờng bằng và hy sinh, lại ngời khác, lại hy sinh... Chỉ còn một ngời, cái anh chàng cù lần có cái nốt ruồi to nh hạt đỗ đen đậu thản nhiên trên mép trái, chóng mắt đến độ nhiều lần chị kêu toáng lên: "Ồi chết, con ruồi...!" Làm mặt anh chàng bỗng nh một miếng cơm cháy, thì vẫn còn cảm lạnh kiên trì luôn cách cái gáy trắng muốt của chị năm bớc chân - chỉ năm bớc không hơn. Rốt cuộc chị đã yêu anh, đúng hơn là chóng yêu, đúng hơn nữa là khi môi chị run run sắp chạm vào môi anh thì một tiếng háng giọng rõ to từ sau gốc cây lim trắng bỗng vang lên, đó là tiếng háng giọng "oai hùng" của ông thủ trưởng binh trạm. Thờng thờng ông chỉ dùng tiếng háng giọng ấy để báo hiệu bắt đầu vào cuộc họp, và bao giờ cũng hiệu quả nh một phát súng hiệu báo đến giờ G, nên sau đó đúng một buổi chiều, khắp binh trạm ngời ta kháo nhau rằng anh chị chuẩn bị "họp" thì ông thủ trưởng háng giọng... Ng-òì ta ôm bụng cười còn chị thì bị kiểm điểm vì tội "làm cách mạng nhng cha triệt để", hạ từ "đổi t-ợng" xuống "cảm tình". Anh thì đọc điều xuống K11, ít lâu sau nghe nói vớng mình clâymo và chết. Chị nhớ mãi đôi mắt hơi lờ của ông thủ trưởng đã nghiêm khắc nhìn hai ngời nh thế nào khi ông xuất hiện bất ngờ từ sau gốc lim trắng. Sau đó, đôi mắt hơi lờ của ông thủ trưởng lại nghiêm khắc nhìn chị một lần nữa, không phải, lần này ông nghiêm khắc nhìn hết ngời trong binh trạm chứ chẳng riêng gì chị, để kiểm tra xem có ai dám tung tin ông đã ăn nằm với một nữ dũng sĩ diệt Mỹ chuẩn bị ra bắc báo cáo thành tích, hay không. Cấp ủy của binh trạm đã ra nghị quyết "về việc cảm tung tin này để bảo vệ uy tín cho lãnh đạo". Chị im re. Tất cả đều im re, trừ anh chàng thủ kho ngựa mồm, nhân vác con lợn nái xuống trại chăn nuôi của một đơn vị bộ đội gần đấy xin lấy giống, bô bô chuyện đờng trời này cho mọi ngời, bị "cạo" bốn ngày hai đêm vì tội "bôi nhọ lãnh đạo" đến nỗi một năm sau anh ta nh một kẻ câm, chỉ thỉnh thoảng bật ra một tiếng cười gằn. Chị sợ quá đôi mắt hơi lờ của ông thủ trưởng binh trạm, một ngời luôn luôn nói rành mạch và khẳng khái cách mạng thế giới diễn ra mấy giai đoạn, giai đoạn nào thì nhảy vọt, giai đoạn nào thì nhảy qua... Đáng lẽ chị chẳng nhớ đến đôi mắt hơi lờ ấy vào lúc ma gió thế này đâu nếu chị không để ý đến những cái bong bóng nước chọt phình lên - dọc các mép đờng ở những chỗ có ánh điện - lấp lóe, lấp lóe rồi phụt tắt, lại phình lên... làm cho chị rùng mình. Chị còn thấy những cái bong bóng nước nữa, những ảo ảnh về nó vẫn còn, chị thấy sờ sờ, cảm hứng hoang tởng về một triệu chàng trai đuổi theo bỗng tan biến! Chị bớc nhanh, gần nh chạy...

Ma đã quạt trở lại, từ phía sau dồn nhanh lên phía trước, ào ào. Chị rút cổ sâu vào tấm áo ma, thành thử cái nón nh một vật thừa, xoay tứ bề phía trên chỏm tóc. Một đợt gió nhẹ, rất nhẹ, đã làm nó bật ngựa rơi chéo ở phía trái sau lng chị. Chị quay lại, vừa cúi xuống bỗng há miệng nhảy lùi xa đến mấy bớc. Một bóng đen nh mọc lên từ những rễ cây cơm nguội cạnh đấy, lừ lừ bớc ra. Bóng đen giơ tay chào rồi cúi xuống nhặt cái nón đội lên đầu, tiến về phía chị. Chị lùi dần, lùi dần. Chị muốn hét lên, hét thật to nhng cổ họng cứng ngắt...

- Đ-ừng! - Cuối cùng chị đã hét lên. Ngay sau tiếng hét ấy, một sự bật nút chai, toàn thân chị đâm dập một thứ nước nóng, có lẽ là mồ hôi.

- Tôi đây mà - Bóng đen đã lên tiếng, đó là tiếng của đàn ông.

Chị hoảng hốt giật lùi mấy bớc nữa ngời đàn ông đã tiến lại gần, chị kêu lên run rẩy:

- Đ-ừng, trời ơi! Tại sao cứ tiến lại!... Tại sao cứ tiến lại!

- Không tiến lại thì tôi sẽ ốt nh chuột... Tôi xin đọc trú nhờ tấm áo ma của chị một lát, một lát thôi, nhà tôi ở gần đây rồi.

Vừa nói ngời đàn ông vừa gỡ nút ni lông trong tay phải chị, nhanh nhàu và bình thản nh ngời nhà, hất ni lông qua vai chị, đội cái nón lên đầu chị.

- Đi! Nhanh lên ốt hết cả bây giờ! Ôi, tôi may quá... Tấm áo ma đọc ngời đàn ông giăng rộng, khéo léo khép hờ bên trái kia một chút làm cho chị lọt thỏm vào phía trong, sau nách trái ngời đàn ông một vài phân. Đầu chị hoàn toàn trống rỗng, chị chỉ biết bớc theo, bớc bớc bớc bớc...

- Cúi đầu xuống một tý! Đừng sợ, tiến lên. Nhanh...

- ...

- Ma kiểu này cá bóng nhiều lắm đấy. úi chà chà... ếch! Tiên s mấy con ếch, bớ mà mà có cái đèn!...

- A ha ha... Cái nón!

Cái nón bật ra, lăn mấy vòng xuống lề đường. Ngời đàn ông buông ni lông quay lui. Khi đó, đúng một tích tắc, chị định vùng chạy. "Chạy nhanh lên! Chạy nhanh lên!" - Vang vang trong chị tiếng kêu nh tiếng còi cứu hỏa. Thế mà chị cứ đứng im cho đến khi ngời đàn ông quay lại, chui vào tấm áo ma.

- Tiếp tục.

- ...

- Cẩn thận mấy cái vòi sắt! A ha ha... cái nón! Tiên s bớ nó chứ.

Ngời đàn ông lại buông ni lông quay lui về phía cái nón khi đó đang xoay tít ở phía sau. "Chạy nhanh lên"... chị run rẩy... "Chạy nhanh lên"... Chị cắn chặt môi, nín thở...

- Đi thôi, lần này đừng có hòng mà bay nữa nhé. Chị cầm hộ tôi đầu này... Đấy! Tốt ! Đi!

Chị lăm xăm theo từng bớc dài, gập gáp của ngời đàn ông, cảm giác nh mình bị lôi đi xềnh xệch chứ không phải đang bớc. Chị mù đi trước sức cuốn táo tợn và vui vẻ của ngời đàn ông, chỉ có b-óc, vậy thôi, ngay cả việc ớc tính khoảng bao lâu nữa sẽ tới nhà chị cũng không nghĩ tới.

- Đến rồi! Tốt rồi. Giờ phút chia ly đầy nước... ma đã tới. Chị cầm lấy mảnh ni lông. Tốt. Tạm biệt!

Ngời đàn ông rời tấm áo ma vụt chạy, đọc mấy bớc chợt phá lên cười:

- A ha ha... cái nón! Suýt nữa tôi ăn cắp cái nón.

Ngời đàn ông quay lại, vui vẻ đặt cái nón lên đầu chị rồi vụt chạy, đọc vài bớc lại kêu lên và cười:

- Cha cảm ơn! A ha ha... thằng đàn!

Ngay lúc đó, hoặc trước đó, hoặc sau đó, đầu chị bỗng dúi dụi. Một cái hôn bất ngờ đặt xuống đúng lúm đồng tiền bên má trái. Chị sững ngời, toàn thân run lên, một cảm giác mát rợn và ran rát

từ lúm đồng tiền má trái chạy lân lan khắp cơ thể chị. Ngồi đàn ông biến mất, hình nh đã rã vào một lối nhỏ bên trái...

Chị rũ xuống trong giây lát rồi ngẩng phất lên, chạy. Chị chạy tới bờ giữa một trời ma gió...

Rất lâu, sau khi vấp phải bức tường đen nhem chắn ngang trước mặt, chị mới đứng khựng lại, ngờ ngác ngó xung quanh: một đám cây rới, một tháp chuông cao, một lạch nước nhỏ. Thôi rồi chị đã lạc vào ngõ nhà thờ! Không biết chị chạy nh thế nào để có thể lạc vào một ngõ nhỏ heo hút nằm sau phía tây thành phố. Chị đứng dựa vào bức tường, thờ dốc.

Ma đã có phần giảm đi, qua một khoảng sáng đục phản chiếu nhờ ánh lửa của mấy cái lò nung vôi nhỏ gần đây, chị thấy rõ từng đám ma cất chéo đang tha dần. Đành phải trở lại, chẳng có cách nào hơn. Chị vừa kéo lại tấm áo ma, xốc ngực lên, chuẩn bị bực thì nhận ra cái nón đã bay từ lúc nào. Một cái nón mới, quai nhung màu nước biển mới sẫm hôm qua, bây giờ biết nó bay về lối nào để mà tìm? Phải quay trở lại theo đúng con đường đã chạy tới đây may ra mới tìm thấy nh làm sao nhớ được khi chị chạy nh một con điên mịt mù những ảo giác? Chị bỗng thấy oan ức quá, một nỗi oan ức không thể gọi tên cứ liên tiếp ập xuống trên từng bậc đường đời, đã toan hất tấm áo ma gào lên một tiếng thật to và khóc, không hiểu sao chị chỉ khẽ nấc lên một tiếng nặng và trầm, nước mắt dần dần...

Ma đã ngớt. Tháp thoảng trên cao những vì sao nhỏ xíu đang nhấp nháy. Gió mạnh dần lên, mát rượi. Chị tháo tung tấm áo ma, thong thả bực. Chẳng việc gì phải vội vàng khi đã quá khuya - quá muộn mằn không thể vớt vát. Tai họa phải sợ bắt gặp coi nh đã gặp, còn một khoảng vắng cuối cùng dùng để nghỉ ngơi, nếu không ngủ được thì hãy thả bực. Chị không thấy sợ hãi nữa, thậm chí còn ngạc nhiên không hiểu vì sao mình lại sợ run lên khi mới rời cái cổng sắt gỉ nhà ngõ bạn gái. Nếu bình tĩnh nh lúc này, có thể chị đã nói ra được dăm ba câu thật có duyên với người đàn ông kia và dễ dàng tránh được cái hôn cưỡng bức đã làm cho chị phát cuồng chạy lạc vào tận ngõ sâu hút này. Sẽ kể chuyện này cho ai nghe? Có nên cho "mời chín cái kèn đồng" biết hay không? Không nên. Nếu chị kể họ sẽ cời vảng nhà rồi mấy giây sau là quên bống. Đêm đêm, vào khoảng chập choạng tối, "mời chín cái kèn đồng" xướng lên sấm sủa áo quần lao về các câu lạc bộ vũ quốc tế, nhảy đến toát mồ hôi, rồi từng đôi, từng đôi... rút lẹ làng đến quán quanh các góc cây côm nguội, bình thản nhận và bứt từng cái hôn, để rồi sáng mai lại tha hồ vừa tranh nhau kể vừa cời vừa chép miệng... về các anh chàng đàn và nhát gái. Chị ở phía sau tâm hồn của "mời chín cái kèn đồng", lặng lẽ gạt những nỗi oan ức để mà bực, bực nh bây giờ đang bực, nh ngày xa trên những nẻo đường rừng. Kể từ khi môi chị run run sắp chạm phải môi anh, chuẩn bị đón cái hôn đầu mà từ lâu thỉnh thoảng chị đỏ mặt hỏi thầm "không biết nó sẽ ra sao?", và bị chặn đứng lại vì cái háng giọng rõ to từ sau gốc lim trắng... đã trọn 20 năm. Nhanh thật. Thì chị cũng chỉ bực bực bực... thế này thôi thế mà đã 20 năm. Hai mươi năm ừ nhỉ... "Không biết nó sẽ ra sao?"...ừ nhỉ... té ra mát rượi và ram ráp... Chao ôi, buồn cời chết đi được cái anh chàng cù lần có nốt ruồi to nh hạt đỗ đen đậu thản nhiên trên mép trái... "A ha ha... cái nón!"... Khiếp, đôi mắt hơi lồi của ông thủ trông... "Tiên s mấy con ếch, bố mày mà có cái đèn!...", Chao ôi, buồn cời chết đi được, thế mà mình lại khóc... Những liên tưởng rối rắm quay tít mù trong đầu khiến chị cảm thấy chóng mặt. Chị đứng lại hít sâu vài hơi, lại bực. Quảng đường ma có những hàng cây côm nguội chạy dài đã hiện ra trước mắt. Chị cảm thấy mình nhẹ hẳn, khỏe khoắn hẳn, bực nhanh hơn, khoan khoái và hứng thú. Con đường ma đây rồi. Lối rẽ vào khu tập thể kia rồi. Ôi giờ sao sáng sủa thế này? Có lẽ đã rạng sáng. Chị dừng lại chút xíu ở lối rẽ vào khu tập thể rồi bực thẳng. "Cần phải tìm cái nón chứ chắc là nó rơi gần đây thôi. Chắc thế". Chị ngóc lên nhìn những vòm lá cây côm nguội. Phía trên vòm lá là những vì sao nhỏ xíu, mọc tha thớt, nhấp nhánh... "Cần phải tìm cho ra cái nón", chị luôn nhắc nhở mình để tiếp tục đi nốt quãng đường ma mà chị đã bị người đàn ông "lôi đi xênh xệch". Cuối cùng, chị tần ngần đứng lại ở chính cây côm nguội, nơi chị đánh rơi cái nón lần đầu,

nghĩ mãi vẫn không hiểu ngời đàn ông đã nấp ở chỗ nào khiến chị đi qua mà không thấy. Thờ thần dọc hàng cây côm nguội, chăm chú nhìn từng gốc và đếm, chị đếm từng gốc cây. Có bốn mươi chín cây côm nguội tất cả, kể từ cây chị đánh rơi cái nón lần đầu, cho tới cây ngời đàn ông cời ha ha "suýt nữa tôi ăn cắp cái nón". Bốn mươi chín cây không hơn đúng nh vậy, không hơn bốn mươi chín cây, đừng có hồng mà sai, bốn mươi chín cây tất cả. Chị đứng tựa vào gốc cây cuối cùng nhìn thẳm thẳm phía dòng sông, cố tìm xem trong lớp sóng mù vờng vắt bờ bên kia còn một con thuyền nào không. Không có, tuyệt nhiên không, chỉ có mặt dòng sông đục mờ thấp thoáng... Chị gục đầu vào cây côm nguội đây là cây côm nguội thứ bốn mươi chín, kia là lối rẽ trái của ngời đàn ông, một lối mòn nhỏ chạy ngoằn ngoèo xuống dòng sông đang chảy. Lối ấy không có nhà, những con thuyền cũng không... áp nhẹ má mình vào thân cây, thốt nhiên chị rùng mình ngỡ ngác. Một cảm giác mát rượi và ram ráp từ vỏ cây xù xì, ớt nước đang lây lan khắp cơ thể chị. Kỳ lạ quá. Dòng sông không một bóng thuyền. Đây là cây côm nguội thứ bốn mươi chín. Kia là lối rẽ trái kia nữa, kia nữa... "A ha ha... Cái nón" mới đó mà đã hai mươi năm cái anh chàng cù lần... Chị áp má vào gốc cây, dúi dụi. Mát rượi và ram ráp, chị mỉm cời. Mát rượi và ram ráp. "Đừng!" - chị kêu lên thảng thốt - "thôi, kia!..." Chị tùm tùm cời về tiếng kêu ngốc nghếch của mình - "may mà không ai nghe thấy" - rồi nhắm nghiền mắt. Mát rượi và ram ráp. Mát rượi và ram ráp. Mát rượi và ram ráp. Mát rượi và ram ráp... Chao ôi buồn cời chết đi đọc cái anh chàng cù lần có nốt ruồi to bằng hạt đỗ đen đậu thản nhiên trên mép trái.

Huế mùa thơ Nguyễn Bình

Chuyện sót lại ở thung lũng Chớ Ri



Buổi chiều, đáng lý thằng Chơn phải đi thăm bầy nhím và đặt bẫy gà ri nhưng nó không đi. Nó nằm gác chân lên cái bàn con đặt ở đầu giường (đúng hơn là một tấm ván rộng tám tấc) hai tay buông thõng xuống đất, toàn thân bất động. Như thế là nó đang buồn. Những lúc như vậy không bao giờ tôi dại dột đến cà kê bên nó. Nó sẵn sàng đập tôi một cái văng tận cổ xay, rồi mặc cho tôi máu máo khóc, vẫn ở tư thế "chết giả" ấy, nó nằm cho đến khi cô Thương đi dạy học về mới lật đật nhảy xuống kéo tay tôi, nịnh:

- Ra suối tao nướng cá cho mà ăn, mau!

Dĩ nhiên là tôi theo nó. Không phải tôi thích cá nướng, mà tôi khoái nó. Đối với tôi, nó là một anh hùng. Nó khỏe lắm, vạm vỡ như một ông thợ sơn tràng cự phách thu nhỏ lại. Chân tay nó cứng như đinh, chạm vào đâu cũng "tung tung" chứ không mềm nhũn như tôi, mặc dù tôi với nó bằng tuổi nhau, mới chín tuổi chứ mấy. Thằng Chơn chỉ có một điểm yếu là học dốt, còn mọi chuyện khác nó đều tài giỏi, hơn người. Nó thông thạo tất cả các loại bẫy thú và có thể giảng giải hàng giờ liền cho tôi nghe ưu nhược điểm của các loại bẫy đó. Nhìn một bãi phân lợn rừng, nó có thể

nói chắc bấp rằng con lợn đó vừa qua đây khoảng mấy tiếng và sẽ đi về hướng nào. Nó tỏ ra thần đồng trong việc bẫy gà ri và nhím. Tất cả những đứa người Chứt ở đây đã mấy đời săn thú. Thế mà nó là người miền xuôi. Tôi cũng vậy, tôi cũng là người miền xuôi. Chúng tôi cùng lên thung lũng Chóp Ri vào thời gian ác liệt của cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Cả hai chúng tôi đều là con nuôi của cô Thương. Cứ biết thế đã, còn vì sao thì tôi sẽ kể tỉ mỉ ở vào khoảng giữa chuyện.

Bao giờ thằng Chơn buồn, mặt nó cũng thảm hại như một kẻ thất cơ lỡ vận. Khi tôi chạy xộc vào nhà để nhắc nó đã đến giờ vào rừng, đã thấy mặt nó như vậy. Tôi lặng lẽ đến góc học tập của mình tìm sách đọc. Tôi cúi gầm vào trang sách nhưng chẳng nhìn thấy một chữ nào. Tâm trí tôi đang hướng về mấy cái bẫy nhím thằng Chơn đặt chiều hôm qua ở trước rẫy săn tím của cụ Thoong. Chắc chắn sẽ có con mắc bẫy vì lần này thằng Chơn đã dò được vết đi mới của lũ nhím và cam đoan với tôi: "Chúng nó chạy đến hà bá thiên vương cũng không thoát". Chà, lũ nhím ấy cứ sa vào bẫy là cuống quýt lên như ruồi sa mạng nhện. Chúng co rúm mình rồi ngay lập tức bắn toàn thân ra phía trước, hàng chục cái lông nhọn hoắt văng ra rơi lả tả. Bẫy càng ngoạm chặt chúng càng giãy mạnh. Cho đến lúc trên mình chỉ còn vài chục cái lông non trắng ợt thì chúng nằm run rẩy như kẻ bị cảm lạnh. Những cái lỗ chân lông sâu hoắm, thâm tím, dần rúm lại. Hai con mắt chúng mở to đầy kinh ngạc và khiếp sợ. Chúng tôi tóm cổ lồi lên, chúng giãy giãy một cách yếu ớt, đôi mắt trợn ngược, tuyệt vọng, rồi từ từ khép lại. Chốc chốc như sự nhớ ra đã sắp đến giờ chết, chúng giãy giãy được mấy cái liền, lớp da nhăn nhúm cứ giật giật...

Cô Thương rất thích ăn thịt nhím. Mỗi khi chúng tôi xách được vài con chạy ù về nhà, cô hớn hở như người bắt được vàng, cười cười nói nói, vui lắm. Tôi nhắm mắt tưởng tượng ra cái cảnh chiều nay đi thăm bẫy "trúng số" như thế nào, rồi ngồi cười một mình.

- Chú Dũng vừa gửi thư về!

Thằng Chơn bật dậy nhanh như sóc giật mình, hai tay chống thẳng xuống thành giường, ngược lên nhìn tôi, nói. Tôi quay lại:

- Thế à? Lại thắng thêm một trận nữa chứ?

- Đúng, một ép-bốn-hát, một ép-một-linh-năm.

- Tuyệt! Ha ha!...

Hai tay tôi đánh rụp xuống mặt bàn, cười khoái chí. Thằng Chơn cười theo, nhưng nhìn kỹ thì thấy có một phần mếu trong miệng cười của nó. Một lát sau, mặt nó nhăn lại, làu bàu:

- Chú Dũng vẫn không nói chi đến chuyện súng lục!

- à... ở nhĩ!

Nó và tôi nhìn nhau bần thny. Chú Dũng đã hứa vào trung tuần tháng tám này sẽ gửi theo đường bưu điện cho chúng tôi một khẩu súng lục. Rửa mà đã qua tháng chín, vẫn chẳng thấy tăm hơi súng siếc ở đâu.

- Chú Dũng rửa mà tệt nhĩ, mày nhĩ?

Tôi than thở với nó. Nó lặng lẽ nhìn tôi, buồn rầu đáp:

- Có thể chú Dũng sợ bị phê bình nên lờ tịt luôn. "Trẻ con không được nghịch súng", hôm qua tao nghe đài họ nói... Đài nói thì chú Dũng phải sợ, chắc chắn là như vậy.

Thằng Chơn rất bênh chú Dũng. Mặc dù rất bực mình vì chú thất hứa nhưng hễ tôi mở mồm trách chú là nó "đính chính" ngay. Nó thương chú Dũng nhất trần đời, cả cô Thương nữa. Chuyện thế này...

Chú Dũng là người yêu của cô Thương - mẹ nuôi của chúng tôi. Trước, hai người học cùng một trường sư phạm 10 + 2 và yêu nhau. Ra trường chú Dũng đi bộ đội, cô Thương nhận lệnh lên thung lũng Chóp Ri dạy cấp một. Khi chúng tôi đã trở thành những đứa con nuôi của cô Thương thì hai người yêu nhau được hai năm. Bây giờ tôi không còn nhớ dạo đó, thời chúng tôi chín, mười tuổi, tôi và thằng Chơn đã quan niệm tình yêu như thế nào. Chỉ nhớ là chúng tôi coi như đã hiểu sâu sắc và đầy đủ về chuyện đó và hỏi hớp theo dõi mối tình của hai người qua các bức thư. Thằng Chơn tỏ ra bậc đàn anh khi giảng giải cho tôi nghe như thế nào là tình yêu, như thế nào là vợ chồng và không phải như thế...

- Mày đứng cách tao một bước - nó bắt đầu giải thích cho tôi về tình yêu - Mày phải ngoảnh mặt vào tao và nhìn tao thật chăm chú...

Tôi làm theo, không hiểu nó định làm cái trò gì. Nó sửa các tư thế ở chân, tay cho tôi và hỏi:

- Bây giờ mày nói: "Li-li-a, anh yêu em!" nói đi!

- Nhưng để làm gì? - Tôi ngờ ngác.

- Cứ nói đi! - Nó trợn mắt.

- "Li-li-a, anh yêu em!" - Tôi đáp và cảm thấy ngượng khủng khiếp.

Nó ngheo đầu, đưa ngón tay trở vào miệng, thân dung đưa:

- "An-đờ-rây, làm sao em có thể tin điều đó là sự thật"...

- Ha ha! Mày làm cái trò gì thế - Tôi cười toáng lên.

Nó vẫn thản nhiên:

- Bây giờ mày tiến lại nắm lấy tay tao và đưa lên mồm. Sau đó mày phải nói nhỏ, thật nhỏ kia: "Ồi, đó là tiếng gọi con tim của anh..." Nào, làm đi.

- Nhưng tại sao lại đưa tay mày lên mồm tao?

- Làm đi! - Nó quát.

Tôi mím môi tiến một bước, cầm tay nó đưa lên miệng của mình. Chợt tôi phát hiện tay nó thơm mùi cá kho.

- A! Thằng này ăn vụng cá kho của mẹ! - Tôi kêu lên - Tao sẽ mách mẹ Thương!

- Im đi! Mày ngu bỏ cha... Tao ăn vụng cá kho khi nào? - Nó chống chế bằng việc quát nạt giọng đầy vẻ dọa dẫm.

Tôi nín thính, lệ làng cầm bàn tay sặc mùi cá kho của nó đưa lên miệng mình:

- "Ồi, đó là tiếng gọi của con tim anh...." - Tôi thì thào. Nó ngoảnh miệng cười và sà vào ngực tôi. Nhưng vì tôi đứng thẳng quá, nó thì nặng hơn và sà quá mạnh vào tôi, thế là ngã chổng khèo cả hai đứa. Nó đứng dậy, phủi dít quần, trịnh trọng tuyên bố:

- Tình yêu là như vậy đó. Tao đã thấy mẹ Thương và chú Dũng nói với nhau như vậy.

Tất nhiên là nó bốc phét. Bởi vì trước đó chúng tôi chưa hề biết chú Dũng vương trôn ra sao. Chỉ biết chú đang đóng quân ở cửa Giang, chú là bộ đội pháo năm - bảy - li. Đứng trong thung lũng không thể nhìn thấy cửa Gianh. Muốn nhìn được, phải men theo suối Roóc đi ngược lên đầu nguồn. Đến chân núi Chóp Ri thì dừng lại, ở đó có một cây hồng leo rất cao, đó là "trạm theo dõi tiền tiêu" của chúng tôi. Cứ chiều chiều, vào những ngày có nắng, chúng tôi leo lên ngọn hồng leo, ngồi vắt vẻo ở chạc năm, ngó về cửa Gianh.

Cửa Gianh trước mắt chúng tôi là một vệt xanh thẫm, tua tủa những cọc đen mọc ngược lên chọc vào những đám mây màu tro. Chúng tôi ngồi đợi chú Dũng đánh nhau với giặc Mỹ ở nơi có cái vệt xanh thẫm ấy, và tranh thủ nhai luôn những quả hồng leo đầy nhựa. Khi nào ở trên những đám mây trắng nhỏ xíu như những quả trứng gà thì chúng tôi đứng cả dậy.

- Đánh nhau to rồi! Có tám chiếc ép-bốn-hát và mười sáu chiếc ép-một-ling năm! - Thăng Chơn bắt đầu thuyết minh, mặc dù cũng như tôi, nó chẳng nhìn thấy gì cả. Chỉ thấy những đóm bông trắng nhỏ xíu và tiếng lục đục rất nhỏ, không rõ là tiếng gì.

- Chú Dũng đã phát còi! - Nó hét lên - Hai loạt, bốn loạt... Cháy! Một chiếc ép-bốn-hát đi toi... Hoan hô! - Nó rống lên.

- Oánh mạnh vào chú Dũng ơi! - Tôi bắc loa tay gọi.

Chú Dũng ra lệnh hai khẩu pháo di chuyển sang bên trái. Một loạt bom!...

- Chú Dũng không việc gì! Hoan hô! - Nó vừa vỗ tay bém bép vừa nhả cái hạt đầy nhựa của quả hồng leo văng cả vào mặt tôi.

- Hoan hô!

- Hoan hô! Oánh mạnh vào chú Dũng ơi!

- Oánh mạnh và-à-ào!

Chúng tôi rung cành hét khản tiếng. Sung sướng chảy nước mắt.

Thời đó ở thung lũng Chóp Ri trẻ con đứa nào cũng căm thù giặc Mỹ, tất nhiên, nhưng không có đứa nào căm thù ghê gớm như thằng Chơn. Ở đây hình như không có chiến tranh. Thỉnh thoảng có hàng đoàn máy bay Mỹ liệng qua thôi, không thả bom. Trừ thằng Chơn, không có đứa nào cha bị chết vì bom đạn cả, tôi cũng thế. Thằng Chơn thì khác. Quê nó ở Quảng Thuận cách cửa Giang chín ki-lô-mét, một quả bom giội trúng hầm, nhà nó chín người chết tám, chỉ mình nó sống sót. Đạo đó nó mới năm tuổi. Sau trận bom, người ta chạy đến. Tan tác tất cả. Thằng Chơn đang cựa quậy dưới bụng mẹ nó. Người ta lôi nó lên. Nó ngoảnh nhìn cha mẹ anh em... nằm ngổn ngang trên mặt đất. Không ai còn trọn vẹn, mặt ai cũng nhăn nhó, thâm tím, hình như rất đau

đón. Thấy một chân của mẹ rời ra, nó chạy đến, kéo cái chân rời tới gần, hí hoáy lấp vào cho mẹ. Nhiều người trông thấy, đứng ôm mặt khóc rú lên. Còn nó nó không để ý đến ai nữa, nghiêng răng cố lấp chân mẹ cho bằng được. Cho đến khi hoàn toàn bất lực, nó gục đầu vào bụng mẹ òa khóc. Nó lăn xả vào ôm hết người này lay gọi, lại người kia... Toàn thân thấm đầy máu những người đã khuất...

Nó theo cô Thương lên thung lũng Chóp Ri và trở thành con của cô từ dạo đó.

Lên đây, càng lớn nó càng khao khát trở thành bộ đội. Nó có một cái ba-lô rách, không biết nhặt ở đâu về, được cô Thương giặt thật sạch, vá lại, treo ở góc học tập. áo quần, giày dép, những hòn đá hình thù kỳ quái, những thanh sắt nhọn, và rất nhiều quả lựu đạn rỗng... chất đầy cứng ba-lô.

Đó là chiếc ba-lô "đi đánh thẳng đế quốc Mỹ" của nó. Nó sắp sẵn đấy và rí tai tôi:

- Chú Dũng lên thăm mẹ Thương là tao xin mẹ, tao đi...

- Xi! Mày bé thế, ai cho mày vào bộ đội? Mẹ Thương cũng không cho mày đi đâu!

Nó nhìn tôi, mặt nhơn nhơn: "Mày thì biết quái gì đồ con nít!".

- Mà chú Dũng cũng đừng hòng lên đây, chú đang bận đánh Mỹ. - Tôi cãi.

Nó cười oang oang, cái cổ giật giật:

- Mày ngu ơi là ngu... Bốn cái thư của chú Dũng gửi cho mẹ Thương đều nói "Sẽ có ngày anh lên thăm em", đấy nhé!...

Thế rồi chú Dũng lên thật. Chú lên vào một buổi chiều tháng tư. Khi chúng tôi đang ngồi vắt vẻo trên chạc năm cây hồng leo vừa nhai quả hồng leo vừa hét toáng lên "Oánh mạnh vào chú Dũng ơi!" thì chú đã có mặt ở thung lũng Chóp Ri. Trời đất ơi, thật không ngờ. Từ đầu ngõ, thẳm Chơn thấy thấp thoáng một chú bộ đội trong nhà, nó nhảy căng lên:

- Chú Dũng! Chú Dũng đây rồi!

Chúng tôi lao vào nhà. Chú Dũng bước ra dang rộng tay đón chúng tôi. Thằng Chơn vọt vào trước. Ngay lập tức nó nhảy tót lên ngực chú ôm chặt. Còn tôi chịu thiệt thòi, đành túm áo chú, lằng xằng quanh chân chú.

- Tao đã nói mà - Thằng Chơn cúi xuống nhìn tôi - Chú Dũng rằng rồi cũng lên đây. Tao đã nói mà...

Cô Thương đứng nép vào thanh gỗ chống giàn bầu tùm tùm cười. Mặt cô đỏ tươi, thỉnh thoảng cô lại sửa tóc. Chú Dũng nhìn cô, nói vui:

- Em thật may, sinh đôi được hai đứa con trai thật ngoan...

Cô lờm chú, không nói gì, đầu cúi cúi.

- Chú Dũng lên đây cười mẹ cháu à?

Thằng Chơn hỏi, mặt nó hoàn toàn nghiêm túc. Chú cười vang nhà. Cô Thương chạy tới véo vào má nó:

- Nói bậy nào! Nói bậy nhá!...

Nó nhăn răng cười:

- Mẹ không tin thì thôi, chú Dũng lên cưới mẹ đó. Chú Dũng viết thư rồi, "chúng ta sẽ là vợ chồng của nhau trong một thời gian không xa", đó! Đúng chưa?

- Ha ha ha!...

Tất cả cùng cười, chỉ có cô Thương là mặt đỏ rục lên. Cô phát vào má thằng Chơn mấy phát rồi chạy thẳng vào bếp. Nó thì thăm với chú:

- Mẹ cháu nhớ chú lắm! Đêm mô cũng ngồi viết thư cho chú, viết đầy cả cuốn sổ tay.

- Đôi khi mẹ cháu khóc, kêu tên chú nữa - Tôi mách thêm.

Chú xoa đầu chúng tôi, kéo chúng tôi ngồi xuống giường. Từ đó cho đến tối, thằng Chơn lục vấn chú đủ điều, toàn là chuyện chiến đấu. Chú kể cho chúng tôi nghe đơn vị chú đã đánh bao nhiêu trận. Những cuộc hành quân gian khổ. Những trận thắng giòn giã. Chúng tôi sướng run người, nổi cả da gà. Thằng Chơn tót lên góc học tập, khệ nệ xách ba-lô "Đi đánh thằng đế quốc Mỹ" của nó, đặt trước mặt. Nó chưa dám nói với chú Dũng chuyện quan trọng số một mà nó đã dự định gần một năm nay. Nó len lén nhìn cô Thương, đợi cô chạy vào đun lửa, nó chồm lên bá cổ chú, rỉ tai rất lâu. Tôi thừa biết nó nói chuyện gì.

Chú Dũng cười, không nói gì. Nó ngồi bệt xuống thừ người.

Đến tối, cả nhà quây quần bên đống lửa. Thằng Chơn nói liến thoắng, không để cho ai chen vào:

- Bọn cháu leo lên cây hồng leo, thấy rất rõ các chú. Bọn cháu gào to: "Oánh mạnh vào chú Dũng ơi!". Chú có nghe thấy không? Không à?... Bọn cháu thấy máy bay cháy nữa, toàn ép-bốn-hát với ép-một-linh-năm... sướng lắm!

Trong khi thằng Chơn liến thoắng như thế, tôi thấy chú Dũng và cô Thương đưa mắt nhìn nhau. Các đôi mắt đều cười. Chú nắm tay cô. Cô cúi đầu, mắt chớp chớp. "Li-li-a, anh yêu em"... nắm tay đưa lên mồm... "An-đờ-rây, làm sao có thể tin điều đó là sự thật"... nói thật nhỏ "Ôi, đó là tiếng gọi con tim của anh". Tôi len lén nhìn hai người và so sánh các bài giảng về tình yêu của thằng Chơn, thấy sai bét cả.

Chú Dũng ra đi vào lúc hai giờ sáng, đi bộ. Chú cương quyết không cho thằng Chơn đi mặc dù nó đã không hề chớp mắt, ngoác sẵn quai ba-lô lên vai, lừ lừ nhìn mọi người.

- Muốn đánh thằng đế quốc Mỹ, phải học cho giỏi. Học giỏi thì nhất định sẽ cho đi theo. - Chú Dũng khuyên răn nó.

- Nhưng cháu học giỏi rồi, học kỳ một vừa rồi cháu không bị điểm hai nào! - Nó phụng phịu.

Chú Dũng giảng giải, rất lâu các lý do nó chưa thể theo chú được. Nó rú lên, khóc như cha chết và níu áo chú Dũng chặt đến nỗi chú không cách gì đứng dậy được.

- Thôi được - Cô Thương nói. - Anh nhớ gửi cho Chơn một cái súng lục thật, nghe!

- A, đúng rồi! Chú sẽ gửi cho Chơn ngay lập tức một cái súng lục - Chú Dũng khẳng định thêm.

Biết không thể nào theo chú Dũng được, thằng Chơn đành buông áo, mếu máo:

- Nhưng ai sẽ đưa lên cho cháu?

- Chú sẽ gửi bằng bưu điện, khoảng trung tuần tháng tám là cháu sẽ có.

Chú Dũng nói xong thì bế xốc thằng Chơn lên, ra lệnh cả nhà:

- Ta đi thôi...

Cô Thương khoác ba-lô của chú Dũng, cả nhà theo con đường đá sỏi chạy thẳng tới chân núi Chóp Ri. Đi được một quãng rất xa, đến bên này bờ suối Roóc thì dừng lại. Khi đó ở trong xóm đã nghe gà gáy le te. Khuya lắm rồi mà chúng tôi chẳng buồn ngủ gì cả. Chú Dũng ôm cô Thương nói gì rất lâu. Tôi và thằng Chơn đứng ở gốc cây chò, căng tai hết cỡ vẫn không nghe rõ. Thằng Chơn bầm tôi thì thào: "Li-li-a, anh yêu em!". Chúng tôi cười khúc khích.

Vào lúc thằng Chơn báo tin có thư chú Dũng thì phía đỉnh Chóp Ri cầu vồng xuất hiện...

Một chiếc cầu vồng cực lớn, màu lá mạ viền màu tím sẫm mọc từ đầu nguồn suối Roóc, uốn một đường lượn tuyệt vời, vươn tới đỉnh Chóp Ri. Nền trời màu tím than, lơ thơ vài đám mây màu tro. Phía đỉnh cầu vồng, một đám mây hình con cá trắm rất lớn, xuất hiện chỉ cách cầu vồng một gang tay. Bao giờ có cầu vồng cũng có đám mây hình con cá trắm. Đầu tiên cầu vồng mới lờ mờ một đường viền tím, "con cá trắm" còn khuất sau đỉnh Chóp Ri, chỉ nhô cái đầu đen của nó lên một chút xíu. Rồi cầu vồng bỗng nhiên rực rỡ như một cái cổng chào hình cánh cung, sáng lấp lánh đủ thứ đèn màu thì "con cá trắm" nổi hẳn lên, nằm lặng lẽ giữa nền trời màu tím than. Phía dưới bụng nó có một vệt sáng, như là một lân tinh của nước biển. Lấp lánh, lấp lánh... khoảng một giờ sau, gió bắt đầu nổi lên "con cá trắm" từ từ quay đầu về phía biển. Cầu vồng bỗng đổ chúi lỵ thường. Các đám mây lơ thơ quanh đó dần chụm lại thành những tảng mây lớn. "Con cá trắm" bắt đầu chuyển động về phía biển. Nó "bơi" một cách thư thả, hờ hững với xung quanh. Khi nó đã trôi cách cầu vồng quãng khá xa thì cầu vồng dịu lại, mờ dần và tan biến. "Con cá trắm" trôi tận cửa Gianh, nhỏ xíu như ngón tay út, khi đó từ phía thung lũng gió nổi lên ầm ầm, mưa gió.

Đó là chuyện xảy ra thường xuyên ở thung lũng Chóp Ri vào cuối mùa hạ.

Thằng Chơn rất khoái cái cầu vồng và "con cá trắm". Rất nhiều lần nó cầm quả thủ pháo trong tay (thực ra là một quả thủ pháo rỗng), chỉ về phía cầu vồng:

- Tao mà có phép tiên, tao trèo lên cầu vồng. Xong, tao nhảy lên ngòi trên "con cá trắm". Xong, máy bay Mỹ đi qua, tao thả quả thủ pháo xuống đầu thằng phi công. Hấp, máy bay cháy! Ha ha... Xong, tao theo "con cá trắm" về cửa Gianh với chú Dũng.

Nó nói xong, đưa lưỡi liếm quanh vành môi, trông ngon lành như vừa chén xong một bữa thịt nhím xào.

Nhưng bây giờ không kể chuyện cầu vồng với "con cá trắm" nữa, sắp mưa lớn đến nơi, phải vào

rừng thăm bầy nhím ngay lập tức.

Thằng Chơn khoát tay: - "Tiến!" và ôm cái súng gỗ chạy lom khom. Tôi ôm cái túi, cúi gập người chạy theo sau. Chúng tôi nghiêng người men theo suối Roóc, rón rén bước qua từng tảng đá.

- Nằm xuống! - Thằng Chơn quát khế.

- Nhưng chỗ này có nước! - Tôi ngược lên thì ào.

- Suyt! Nằm xuống...

Cả hai nằm sấp. Nín thở. Một phút trôi qua căng thẳng. Nước suối chảy róc rách, tràn qua mồm, tràn cả vào ngực mát rượi. Tôi thì tay cầm hòn cuội, liếc sang thằng Chơn. Nó đang dán mắt vào một hốc tối của rừng dẻ.

- Trườn!

Thằng Chơn hạ lệnh. Chúng tôi bắt đầu rườn mình qua từng tảng đá, lặng lẽ, lặng lẽ...

- Rẽ trái, tiến!

Chúng tôi nhảy vọt lên bờ, chui qua một đám gai lùng nhùng. Thằng Chơn chống mông lên cao, thò tay vào túi lấy cái còi:

- Toe! Toe! Xung phong!...

Chúng tôi lao lên phía trước đầy quả cảm. Thằng Chơn mặt đỏ bừng, giờ phút "lâm chung" đã tới. Nó rút thủ pháo ra ném cực mạnh.

- Hù... oàng!

- Xung phong!

Tôi xách quần rượt theo thằng Chơn. Trận chiến đấu không có đối phương kết thúc thắng lợi khi chúng tôi đến rẫy sắn tím của cụ Thoong.

Có tám bầy nhím đặt quanh rẫy sắn tím của cụ Thoong thì sập sáu chiếc, ba chiếc có nhím. Chúng tôi tống cổ lũ nhím tù binh vào túi, lục tục ra về, không đặt thêm bầy gà ri vì sợ mưa lớn, nước suối Roóc dâng cao, không qua được. Lợi qua suối Roóc, tôi hỏi thằng Chơn:

- Mẹ đưa thư chú Dũng cho mày đọc à?

Thằng Chơn quay lại, gật gật.

- Có. Lúc trưa, tao lại phàn nàn tại sao ba tháng rồi chú Dũng vẫn không gửi thư lên...

- Mẹ bảo sao?

- Im để tao kể đã nào! - Thằng Chơn nhăn nhó - Lúc đầu mẹ bảo: "Cũng không rõ tại sao, có lẽ chú Dũng chuyển đơn vị". Tao bảo: "Chuyển đơn vị thì cũng phải gửi thư cho mẹ chứ!" Mẹ: "Ờ..." rồi nói lảng sang chuyện khác. Đến xế chiều, lúc mày đi họp ban chỉ huy liên đội ấy, mẹ đi họp hội

đồng về, đưa thư chú Dũng cho tao. Thư chú viết dài, toàn kể chuyện thằng Mỹ chứ không nhắc chi chuyện súng siếc gì cả.

- Có thể chú Dũng quên.

- Quên thế nào được! Chú Dũng mà quên à...

Nói đến đây nó đứng lại, dáng mệt mỏi. Tôi cảm giác như nó không thể bước thêm một bước nào nữa. Nó ngồi sụp xuống, lăn ra vệ cỏ.

- Mà xách nhím về trước cho mẹ làm. Tao về sau...

- Thôi mà... Về cho rồi! Sắp có mưa lớn rồi đó.

- Tao không về!

Bỗng nhiên nó hét lên. Tôi ngồi xuống bên nó. Trời đã sẫm tối, đám mây hình con cá trắm đã trôi về phía cửa Gianh. Thằng Chơn nằm sấp, hai tay cào cào đám cỏ.

- Về nhà bây giờ... Lại gặp thầy Hoài cho mà coi.

- Kệ thầy chớ, ơ cái thằng này! Tôi nói.

- Tao không thích cái đồ trốn bộ đội! - Thằng Chơn dấm dản. Nó "hầy" một tiếng giống đúc như tiếng người lớn. Và thở dài...

Đối với nó, ở thung lũng Chớp Ri này chỉ có hai loại người. Một loại người tốt, rất tốt, đó là những người đi bộ đội hoặc sẵn sàng xung phong đi bộ đội. Loại thứ hai, cực kỳ xấu, những người trốn nghĩa vụ quân sự. Loại thứ nhất, rất đông, nghĩa là tất cả thung lũng Chớp Ri này. Loại thứ hai, chỉ mỗi thầy Hoài.

Thầy Hoài người Thổ Khanh, dạy lớp 4C, cao lớn vạm vỡ như một đồ vật thế giới. Trước, thầy dạy ở Thổ Khanh, dạy giỏi hẳn hoi. Thầy có giấy báo đi bộ đội được một ngày thì chuồn đi Thanh Hóa chơi với ông anh ruột. Người ta lên đường nhập ngũ được mười ngày thầy mới bò về. Dĩ nhiên thầy bị kỷ luật: cắt sổ gạo, buộc thôi dạy. Rồi không rõ vì sao, một năm sau người ta thấy thầy về dạy học ở thung lũng Chớp Ri. Chuyện thầy trốn nghĩa vụ quân sự cả trường đều biết. Đứa nào cũng ghét thầy, mặc dù thầy luôn luôn ngọt ngào với học trò, không bao giờ thầy quở mắng ai.

Thằng Chơn ghét thầy ra mặt. Chưa bao giờ gặp thầy mà nó chào. Hoặc nó cầm đầu chạy ù qua, hoặc nó vòng sang một lối khác, coi như không thấy. Đôi khi bất ngờ gặp thầy sát mặt, không kịp tránh, nó ngoảnh mặt rống to:

- Em... dạ thưa... th... ày!

Mặt nó vênh lên như mặt thằng ăn cướp. Thầy Hoài không nói gì, cười cười, đứng đĩnh đi. Người ta bảo sổ thầy là sổ sượng vì bao giờ cũng đứng đĩnh.

Thầy Hoài vẫn đến thăm cô Thương luôn luôn. ấy là chuyện thường. Hễ thầy lấp ló ở đầu ngõ là thằng Chơn nháy tôi téch ra cửa sau chuồn đi chơi. Dạo này thầy hay đến chơi vào buổi chiều, lại ngồi chơi rất lâu, tôi và thằng Chơn sốt ruột phát điên lên, thầy vẫn cười nói như không.

Thằng Chơn nằm thẳng đuột trên vệ cỏ, mắt nhắm nghiền. Nó lại buồn. Tôi bó gối ngồi cạnh, ngó về xóm Thần Lăn. Thực ra xóm của chúng tôi không có tên. Nó ở góc cuối của thung lũng Chóp Ri. Đứng từ lưng chừng đỉnh Chóp Ri, nhóng cổ nhìn xuống, thấy buồn cười ghê gớm: nó giống cái đuôi con thần lăn bị đứt không thể tả. Vào những buổi chiều sương mù từ đáy suối Roóc dâng lên kéo qua xóm từng đợt, cái xóm dài ngoằn ngoèo ấy như đang ngúng nguẩy trên một thảm lụa xanh. Tôi và thằng Chơn sau một cuộc hội ý chớp nhoáng, quyết định đặt cho nó cái tên chưa từng có trong lịch sử loài người: "xóm thần lăn".

Sương mù đã dâng lên, kéo qua xóm. Xóm Thần Lăn đang ngúng nguẩy. Nhà chúng tôi ở cuối xóm, tức là cô Thương đang đứng ở đầu mút đuôi thần lăn mãi miết nhìn về chân núi Chóp Ri, ngóng chúng tôi trở về.

Nói rằng cô Thương là mẹ nuôi hay mẹ đích thực của thằng Chơn đều đúng cả.

Bởi vì thằng Chơn còn có ai để gọi mẹ nữa đâu, ngoài cô Thương. Cô là mẹ duy nhất của nó. Cô chăm sóc nó, nuôi nấng nó cho đến khi nó lớn phổng lên, trở thành một đàn ông thật sự, cô sẽ hỏi vợ cho nó. Rồi khi vợ nó đẻ ra một nhóc con, thì cô lại tiếp tục bồng bế nuôi dạy con cái của nó nên người. Dài ơi là dài... nhưng đại khái như vậy.

Tôi thì khác, tuy "mẹ con" với cô và sự thực tôi thương cô như mẹ mình, nhưng tôi còn có mẹ ở thị trấn Ba Đồn và ba ở Hà Nội. Cơ quan ba tôi sơ tán lên Chóp Ri, tôi lên theo. Năm ngoái ba tôi phải đi học chính trị hai năm ở Hà Nội. Đáng lẽ tôi trở về thị trấn Ba Đồn, nhưng vì khoái chơi với thằng Chơn, tôi xin ba tôi ở với cô, đợi ba tôi về. Ba tôi và cô đồng ý. Thế là tôi trở thành con của mẹ Thương.

Vậy là tôi sướng hơn thằng Chơn: có hai mẹ. Còn thằng Chơn chỉ có hai người để bầu vú: mẹ Thương và chú Dũng. Nó không thể tưởng tượng sẽ sống như thế nào khi vắng bóng mẹ. Có lẽ vì thế mà mọi nỗi vui buồn, hy vọng của nó đều có liên quan đến hai người này.

Hơn một tháng nay cô Thương bỗng trở nên thất thường. Biểu hiện đầu tiên là cô không kể chuyện "Giăng Van-Giăng" cho chúng tôi nghe nữa. Trước đó, không bao giờ cô quên. Khoảng chín giờ đêm, trời bắt đầu trở lạnh, ba mẹ con chui vào màn. Thằng Chơn gác cả hai chân lên người cô, đầu kê lên cái gối mây, vênh tai lên nghe. Tôi nằm co quắp ở bên trái, vừa nghe vừa sờ cái cục thịt thừa ở tai cô. Tôi rất sợ thằng Gia-ve và thằng Tê-nac-đi-ê, khi nào chúng nó xuất hiện, tôi đều ôm chặt lấy cô. Thằng Chơn tỏ ra dửng dưng cảm hơn, nó hét lên: "Phải tay con thì coi chừng!"... cái mũi nó khịt khịt.

Giờ cô không kể nữa. Buổi tối, cô soạn bài qua quýt rồi lên giường nằm. Đôi khi cô lại thức rất khuya, ngồi lịm trong một góc tối. Rồi cô bắt thần chạy ra ngõ, đứng chờ vợ trong sương đặc, hai tay cô cào trong không khí như một người điên... Một đêm, tôi bò dậy đi tiểu thì thấy giường vắng tanh. Cô Thương và thằng Chơn? Tôi lò dò ra vườn, thấy thằng Chơn đang cầm đuốc đứng ngóng ra ngõ.

- Mẹ đi đâu rồi mà ạ!

- Đi lúc nào?

- Tao không biết. Tao ra đây thì không thấy nữa. Tao kêu mà mà như thằng điếc...

Chúng tôi bửa đi tìm. Tìm mãi mới thấy cô ngồi bên suối Roóc thờ thần ném từng viên sỏi xuống

nước...

Nói chung không phải lúc nào cũng vậy, nhưng thỉnh thoảng cô lại làm cho chúng tôi ngỡ ngàng, không hiểu ra làm sao.

Có lẽ cô bắt đầu trở nên thất thường từ ngày đau ruột thừa. Buổi chiều cô kêu đau bụng. Dầu cù là hết, chúng tôi chạy xăng lên tìm dầu, mới thấy một tí xíu ở đáy lọ, mừng rơn. Thằng Chơn ngồi bóp bụng cho cô, hỏi đi hỏi lại:

"Mẹ! Mẹ! Mẹ có muốn ị không?" khiến cô bực mình quát nó: "Đừng có hỏi bậy!". Nó im re. Tôi bật mồm cười khực khực. Đến khoảng chín giờ tối, cô ôm bụng quằn quại, rên rĩ: "Ồi trời đất ơi! Sao thân tôi cơ cực thế này!".

- Phải đưa mẹ đi trạm xá!

Thằng Chơn quyết định. Chúng tôi lao đi gọi người lớn. Chạy nhà nào cũng vắng hoe, toàn thấy con nít. Chúng tôi vắt chân lên cổ chạy sang xóm khác: lại chẳng thấy bóng ai. Kỳ lạ quá! Chúng tôi đập phăng hàng rào, đá luôn những con chó láo xược muốn chặn đường, cố tìm cho được một người. Giá như ở thành phố, không cần, ở thị trấn Ba Đồn thôi, thì chỉ khoảng một phút sau là mọi việc sẽ giải quyết xong xuôi. Đằng này, cái thung lũng quái quỷ này, mỗi nhà cách nhau hàng trăm mét, chưa tối đã đóng cửa ngáy pho pho, nên hơn một giờ sau chúng tôi mới biết tin này: toàn bộ người lớn đã kéo nhau đi mít-tinh chào mừng chiến thắng gì đó ở đầu thung lũng. Từ đây đến đó ba ki-lô-mét. Thằng Chơn ra lệnh:

- Mà chạy về nhà với mẹ. Tao đi gọi!...

Nói rồi nó vù đi. Tôi lao về nhà. Xộc vào buồng, tôi đứng khựng lại, rụng rời chân tay: cô Thương đã không ở nhà nữa. Tôi đốt đuốc chạy như điên khắp xóm, lưng sục cả hai bờ suối Roóc vẫn không thấy cô đâu. Điên ruột, tôi vút đuốc chạy về nhà, vừa chạy vừa khóc. Đến ngõ đã thấy ba bốn người đứng lơ nhố ở đó. Thằng Chơn lao đến túm áo tôi, hỏi:

- Mẹ đâu?

Toàn thân tôi run bắn, miệng lắp bắp:

- Tao không biết. Tao về...

Bốp! Nó tát tôi một cái nẩy đom đóm. Tôi ôm mặt lăn quay xuống đất, nghẹn ngào...

- Thôi, đừng đánh nhau! - Một người túm cổ áo tôi lôi dậy. - Có lẽ có người đã đưa mẹ đi trạm xá rồi.

Chúng tôi cùng nhau đến trạm xá. Quả nhiên đúng. Cô Thương đã lên bàn mổ. Ngoài phòng mổ có một người cao lớn đang hút thuốc, đó là thầy Hoài.

Chúng tôi không thèm chào thầy, đi vòng qua một lối hẹp đến cửa sổ buồng mổ nhón chân nhìn vào. Cửa sổ bị chắn bởi một tấm rèm, không nhìn thấy gì cả. Chỉ nghe tiếng lách cách vang lên đều đặn, thỉnh thoảng nghe "xoảng" một cái cực to và tiếng người quát khê "Từ từ".

- Mẹ chắc đau lắm - Thằng Chơn vẫn không thôi nhìn dán vào cửa sổ.

- Có thuốc tê... - Tôi thì thâm - Chỉ như con kiến cắn thôi.

- Mẹ mổ ruột thừa. - Thằng Chơn nói. - Tao và mày cũng có ruột thừa, mẹ nói vậy.

- Sợ, mày nhỉ.

Thầy Hoài đến bên, hai tay đặt vào vai hai đứa.

- Đừng lo, mẹ sẽ khỏi.

- Lo gì! - Thằng Chơn trả lời, mắt vẫn dán vào cửa sổ.

- Các em về thấy mẹ đi vắng chắc hoảng lắm nhì! - Thầy Hoài tỏ ra xởi lởi, muốn bắt chuyện.

- Hoảng gì! - Thằng Chơn vẫn đáp lại cộc lốc.

Thầy Hoài quay lưng, mặt sầm sầm. Đi một quãng tôi nghe thầy văng một tiếng tức tối: "Nhóc con!".

- Có thầy nhóc con ấy!

Thằng Chơn ngoái cổ nói vuốt đuôi một câu, cái mồm rộng của nó trề ra trông rất tức cười. May là thầy không nghe thấy...

Hôm sau cô Thương bắt đầu ăn được cơm. Chúng tôi mừng rú. Một cuộc săn gà ri từ sáng đến tối. Số bẫy gà ri lên đến con số kỷ lục: ba mươi tám cái! Kết quả là ngày nào chúng tôi cũng có thịt gà, đôi khi cả trứng gà nữa cho mẹ của chúng tôi bồi dưỡng. Cô Thương tỉnh táo dần, khỏe dần. Nhưng thằng Chơn bắt đầu cáu kỉnh, tức tối. Đôi khi nó quát tôi rất vô lý. Đó là vì thầy Hoài đến thăm cô Thương luôn luôn, nhiều hơn cả chúng tôi nữa. Số lượng chuối, cam, trứng gà thầy mang đến đựng chậ tủ, chất lên cả trên mặt tủ cũng không hết. Có hôm, chúng tôi vừa lấp ló ở đầu nhà trạm xá thì thấy thầy Hoài ngồi hẳn trên giường đang đưa chuối đút cho cô Thương. Cô Thương lác đầu, lấy tay chặn lại, thầy Hoài vẫn cứ dứ dứ quả chuối ở miệng cô. Thằng Chơn mặt đỏ phừng phừng, nó nhảy vào nói như hét:

- Có cơm đây mẹ, đừng ăn chuối!

Thầy Hoài cười xuề xòa, đưa tay xoa đầu nó: "Thương mẹ ghê nhì!". Nó hất tay thầy ra, lúi húi xới cơm. Nó xới một bát cơm đầy thịt gà ri đưa cho cô Thương:

- Mẹ gắng mà ăn cơm mẹ ạ, ăn chuối làm gì, không khỏe đâu.

Cô Thương tươi cười đỡ lấy bát cơm, ăn ngon lành. Vừa ăn cô vừa hỏi chuyện chúng tôi sống ở nhà như thế nào. Cô hỏi thật tỉ mỉ, cứ làm như cô xa nhà hàng năm trời. Cô đưa mắt nhìn thầy Hoài ra hiệu gì đó. Thầy Hoài gật gật và đi thẳng. Thằng Chơn nói:

- Mẹ thèm gì không mẹ? Mẹ đã hỏi bác sĩ xem đã ăn thịt nhím được chưa?

Cô Thương kéo tôi và thằng Chơn đến gần, xoa lưng, xem tóc chúng tôi hoài:

- Mẹ chỉ thèm các con ngoan, học giỏi thôi...

- Mẹ đừng chơi với thầy Hoài nữa mẹ ạ - Thăng Chơn đột nhiên đề nghị.

Cô Thương nhìn nó. Nhìn rất lâu. Từ trong khóe mắt của cô từng giọt nước mắt túa ra chảy ngoằn ngoèo, kéo thành vệt trên má...

- ừ, mẹ sẽ không chơi với thầy Hoài nữa.

- Mẹ hứa đi. - Thăng Chơn không hiểu sao cũng nước mắt đầm đìa. Nó cầm tay cô lắc lắc.

Cô kéo nó áp sát vào ngực mình, thì thầm:

- Nhưng... mẹ đã lỡ chơi với thầy rồi!

- Tại sao mẹ lại lỡ chơi?

- Là vì, mẹ gần gũi thầy quá, các con ạ...

- Tại sao mẹ lại gần gũi? Mẹ không được gần gũi mới đúng?

Cô Thương bập cả hai bàn tay vào má nó. Thăng Chơn nhìn cô với một vẻ mặt vừa ngạc nhiên, vừa giận dữ:

- Mẹ không được gần gũi mới đúng! - Thăng Chơn khẳng định lại lần nữa.

Cô Thương lắc đầu:

- Là vì mẹ thấy mẹ cô độc quá... mẹ... không biết...

- Tại sao mẹ lại cô độc hả mẹ? Mẹ có các con, có chú Dũng nữa!

- Các con thì bé quá, không hiểu được lòng mẹ. Chú Dũng thì xa quá, quá xa, xa lắm rồi các con ơi...

Và cô òa khóc. Khóc rất to. Thăng Chơn khóc theo. Tôi cũng méo máo. lát sau, cô Thương gạt nước mắt xoa đầu hai đứa tôi và bỗng nhiên hứa:

- ừ, mẹ hứa!

Nó cười, - thăng Chơn cười. Cái mặt thăng Chơn khi đang đầy nước mắt lại toét miệng cười trông giống như cái bình thủy tinh rạn.

Tôi cho rằng điểm khác nhau cơ bản giữa trẻ con và người lớn là ở chỗ trẻ con không được phép nói dối, còn người lớn thì tha hồ. Trẻ con nếu nói dối sẽ bị quở mắng, phạt giam, hoặc tệt hơn, vùi chực roi vào đất. Còn người lớn thì họ chẳng việc gì cả. Khi đã lỡ mồm hứa hoặc thề thốt điều gì rồi không thực hiện thì họ chỉ "à" và cười xòa một cái. Thế là xong. Làm người lớn thật sướng.

Cô Thương thì không đến nỗi tệ như thế nhưng rõ ràng cô đã thực hiện sai lời hứa với thăng Chơn. Từ lúc cô ra viện, thầy Hoài đến chơi luôn luôn, cô vẫn tiếp đón niềm nở. Thậm chí cô còn cho thầy ăn cháo hàm thịt nhím nữa... Thăng Chơn buồn vô cùng, nó không hiểu ra làm sao cả. Chưa lần nào nó dám trách cô Thương. Đối với nó, cô Thương làm cái gì cũng đúng, nghĩ cái gì

cũng hay. Chỉ có nó là luôn luôn sai bét. Thế là nó dồn sự căm phẫn của mình vào thầy Hoài...

Bây giờ nó nằm vậy không nhúc nhích, tôi không dám giục nó về, mặc dù tôi đã thấy vài tia chớp đỏ hần lên nền trời đen kịt ở phía tây thung lũng. Tôi nằm xuống cạnh nó, đầu óc hướng về nơi "con cá trắm" tìm về, đó là cửa Gianh - nơi chú Dũng đang chiến đấu. Nếu chú Dũng quay lên thung lũng lần nữa, lần nữa thôi thì thằng Chơn sẽ sướng không tả được, vì cô Thương cũng chẳng chơi với thầy Hoài nữa đâu. Cô sẽ cùng chúng tôi ngồi quanh bếp lửa chơi với chú Dũng suốt đêm, như hôm nọ.

Chú Dũng đã gửi súng lục lên!

Đó là sự kiện long trời lở đất đối với chúng tôi.

Buổi trưa chúng tôi đi học về, cô Thương cầm cái bọc giấy báo chờ sẵn ở ngõ:

- Cái gì đây, mẹ đồ các con...

Như đã được báo trước, thằng Chơn lao tới chộp lấy gói giấy báo.

- Súng lục! A ha ha!...

Thằng Chơn cầm súng lục nhảy cẫng. Nó tung khẩu súng lên xuống mấy lần liền:

- Tao đã bảo mà! Chú Dũng đời nào quên...

Nó xoay xoay khẩu súng ngắm nghía, miệng chép chép, hai tai đỏ rực. Đó không phải là súng thật, đó chỉ là thứ đồ chơi của trẻ con nhưng nó giống súng thật không chê vào đâu được. To gần bằng súng lục thật, nhẹ hơn một chút và không có chỗ lắp đạn, nhưng bóp cò thì cò nhảy và nghe "tách, tách", đầu nòng tóe lửa. Cả thung lũng Chớp Ri này đồ thằng nào có súng như thế này. Chỉ có chúng tôi mới có, bởi vì chúng tôi có chú Dũng.

Thằng Chơn giơ súng lên cao, bắn liên tục mấy phát liền rồi trao cho tôi. Tôi vuốt ve khẩu súng một chập rồi chìa ra phía núi Chớp Ri bóp cò. Đã quá!... Thằng Chơn giật lấy khẩu súng giắt vào thắt lưng, nó khệnh khạng như một lão tướng bụng phệ, tiến tới cái ba-lô "Đi đánh thằng đế quốc Mỹ" của nó nghiêm trang đặt khẩu súng vào một góc đã bố trí sẵn. Nó đã có vũ khí quan trọng số một trong chiếc ba-lô. Nhưng sau đó một phút nó lại rút khẩu súng lục ra, giắt vào lưng quần. Mấy ngày sau đó nó không hề rời khẩu súng một chút nào. Tôi nì nài mãi nó mới động lòng cho tôi bắn mấy phát. Toàn thể bọn con nít ở thung lũng nhìn chúng tôi sử dụng thành thạo khẩu súng với những cặp mắt thèm khát bốc cháy. Ít lâu sau xuất hiện hàng loạt khẩu súng gỗ bôi đen bằng mực Cửu Long. Cũng công nhận có giống nhưng sao có thể bóp cò "tách tách" và tóe lửa như khẩu súng chúng tôi được! Xi...

Chúng tôi quyết định viết thư cho chú Dũng sau cái ngày học xong bài "Tập viết thư".

- Tưởng gì, chứ viết thư... dễ ợt!

Thằng Chơn vênh mặt nói với tôi như vậy rồi giục:

- Lấy giấy bút ra, tao đọc mày chép. Bọn mình phải viết thư thật tuyệt vào, nhé!

Tôi cầm bút sẵn sàng. Nó mở vở học, mắt nheo nheo có vẻ "nghiên cứu" tợn.

- Bắt đầu... "Ngày tháng năm".

Tôi đề: "Ngày 21 tháng 8 năm 1967". Thằng Chơn thấy tôi đề xong, lại xướng:

- Bây giờ ... "Tùy theo đối tượng gửi thư (là anh, em, bạn bè, bố mẹ...) Nó kêu to... Sao không có chú, chú bộ đội? Chúng tôi nghĩ ngợi rất lâu. Bậy thật, bài giảng gì mà chú bộ đội lại không có trong đối tượng gửi thư. Bí quá, thằng Chơn quả quyết:

- Chắc là họ ghi sót, mày ghi vào thư đi: "Kính gửi chú Dũng!". Rồi à? Bây giờ là "Phần mở đầu bức thư: Ghi lý do gửi thư...". Mày chép đi:

"Lý do gửi thư: Chúng cháu rất nhớ chú, lại vừa nhận được thư và khẩu súng lục của chú". Xong chưa?

- Xong.

- Bây giờ đến "Nội dung bức thư" mới gần đây... Cần kể lại sức khỏe, học tập, tình hình địa phương (hoặc gia đình)". Ghi thế nào mày nhỉ?

- Mày đọc cho tao chép kia mà?

- Thôi được - Nó gãi đầu - Chép đi: "Tình hình sức khỏe: mẹ Thương vừa mới cắt ruột thừa. Tình hình học tập: cả hai đứa cháu đều học giỏi. Tình hình gia đình: mẹ Thương gầy hơn dạo chú đến chơi. Tình hình địa phương: bọn cháu không biết". Xong chưa?

- Xong.

- Từ từ... Để tao nghiên cứu cái phần "Kết luận bức thư (cuối thư)" cái đã...

Cô Thương bước vào nhà khi thằng Chơn đang chúm mũi vào cái phần "kết luận bức thư". Cô nom thấy bức thư, cười vang:

- Cha mẹ ơi, viết thư thế này à?...

Tôi và thằng Chơn nhìn nhau: "Tại sao mẹ lại cười nhỉ?". Hai đứa nhìn bức thư vền vền có mấy dòng, ngỡ ngàng quá, thằng Chơn vò nhúm lại, xé luôn. Nó nói:

- Mẹ viết thư cho chú Dũng đi. Lâu quá rồi mẹ chẳng viết gì cho chú Dũng cả.

Cô Thương đang tươi tỉnh, nghe thằng Chơn nhắc, thốt nhiên mặt cô cứng lại, biến sắc:

- ờ... để tối mẹ viết.

- Không! Mẹ viết bây giờ chứ! Mẹ viết... các con học chó!

Nói rồi nó lúi húi lục cặp sách lấy bút và một lô giấy pơ-luya chìa ra trước mặt cô.

- Mẹ ngồi xuống đi, viết đi. Mẹ!

Thằng Chơn kéo áo cô, năn nỉ. Cô ngồi xuống, cầm lấy bút viết.

- ờ, thì mẹ viết...

- A, hoan hô... mẹ viết đi. - Thằng Chơn cười tít mắt.

Chúng tôi chăm chăm nhìn xuống trang giấy. Cô Thương nắn nót ghi một dòng chữ thật to, thật đẹp: "Anh thân yêu của em". Thằng Chơn trông thấy dòng chữ nắn nót ấy mắt sáng lên. Nó hấp háy mắt, nháy tít "Tao đã bảo mà, mẹ không đời nào quên chú Dũng đâu!". Cô Thương dừng bút, ngồi chờ đợi, mắt cô tròn trĩnh nhìn mãi cái lọ mực. Rồi, hình như mọi ý nghĩ đều từ cái lọ mực ấy tuôn ra, chảy tràn trên trang giấy: "Anh thân yêu của em ơi! Anh Dũng ơi! Anh có nghe em gọi không? Anh ơi, đêm nào em cũng nhớ anh. Đêm nào em cũng nhớ anh. Đêm nào em cũng nhớ anh...".

Chúng tôi há hốc mồm nhìn hàng trăm dòng giống nhau như thế cứ liên tiếp hiện ra nhanh đến mức không còn theo dõi kịp. Một lát, cô Thương bỗng ngừng phất đầu, mắt đỏ rực. Cô vứt bút ra xa, gục xuống bàn, bật òa một tiếng khóc đau đớn, tủi nhục...

Tôi và thằng Chơn giật mình thảng thốt.

Hình như có một kẻ nào đó ngồi trong trán của tôi. Nó thì thầm: "Hãy xem lại bức thư! Hãy xem lại bức thư!". Mấy ngày sau tôi cảm giác như là mình đang gặp một chuyện gì đó, một chuyện gì thật khủng khiếp. Kẻ ngồi trong trán tôi luôn nhắc nhở hãy xem lại bức thư chú Dũng gửi lên dù tôi đã đọc quá nhiều lần. Tôi đứng ngồi không yên vì ý nghĩ kỳ quặc đó. "Xem lại bức thư", xem làm gì? Thế mà kẻ ngồi trong trán tôi vẫn cứ kiên trì nhắc nhở...

Tôi đã xem, vâng, đúng như vậy. Mặc dù tôi tin các thằng trong trán nó nói bậy. Tôi lục ba-lô thằng Chơn, bức thư đã nhàu nhưng vẫn còn rất rõ nét. Vẫn chẳng biết thêm gì ngoài những điều chú Dũng đã kể. Tôi định nhét trả lại bức thư vào chỗ cũ thì bắt gặp chữ ký của chú Dũng. Bỗng nhiên ngực tôi như có một mũi kim châm. Tôi dán mắt nhìn và nhận ra: đây là chữ ký giả. Trong tất cả các bức thư chú Dũng gửi lên trước khi chú lên thăm ba mẹ con chúng tôi, cái chữ "g" cuối cùng bao giờ cũng đánh một nét uốn cong rất đẹp về phía trên. Thế mà ở đây, cái nét uốn cong này được chấp nối ba lần! Không biết trời xui đất khiến thế nào tôi lại thông minh đến như vậy. Tôi xem lại toàn bức thư và ngỡ ngàng nhận ra: hoàn toàn không giống một chút nào nét chữ của chú Dũng. Chữ y, chữ k, chữ r... chú Dũng không bao giờ viết vậy. Mắt tôi hoa lên, đứng lạng ngắt. Rồi tôi chạy ào xuống bếp. Cô Thương đang thái rau lợn.

- Mẹ! Đây không phải chữ chú Dũng! Không phải thư chú Dũng! Ai đã viết mạo.

Cô Thương trợn mắt nhìn tôi, quát:

- Im!

Tôi giật lùi một bước, nhìn. Cô bươn đến, kéo tôi vào lòng, nói run run:

- Con đừng nói với Chơn! Đừng nói... mẹ lạy con! Chú Dũng... đã hy sinh rồi!

Tôi không khóc. Mười tám năm rồi tôi vẫn nhớ đĩnh ninh rằng, lúc đó tôi không khóc. Tôi đứng run rẩy như một người sốt rét ác tính lên cơn. Tôi nghĩ về thằng Chơn, cái thằng bạn khốn khổ ấy nó vẫn không hay biết gì cả!

Cái thằng khốn khổ ấy, từ ngày có khẩu súng, suốt ngày liến thoắng như một thằng ngốc:

- Con xông lên mẹ ạ! Con xông lên! Ba thằng Mỹ chỉ cách con một gang tay. Con đứng dậy, chống nạnh đàng hoàng, con bắn. Con chỉ bắn một phát thôi mẹ nhé, chúng nó chết lăn quay. Sạch sành sanh...

Cái thằng khốn khổ ấy, nó vẫn đinh ninh rằng chính chú Dũng đã gửi thư và khẩu súng lên. Chú Dũng của nó không thể chết, không đời nào chết, dù bom đạn bằng trời. Chao ôi, tôi thương nó quá!

Chỉ đến chiều tôi đã khẳng định chắc chắn chú Dũng đã không có trên đời này nữa. Khi cô Thương lên lớp tôi lục trong giáo án, tìm thấy một bức thư viết dở của cô gửi cho H. nào đó mãi sau này tôi mới biết là thầy Hoài. Tôi đọc hàng trăm lần vì bức thư viết rất khó hiểu:

Tất cả là vì thằng Chơn. Tôi không thể chết vì thằng Chơn cần có tôi. Chính vì thế tôi đã phải sống. Tôi sống được là nhờ anh, anh là cái nạng đỡ của tôi. Đầu tiên tôi nghĩ thế, cho là thế. Nhưng giờ thì tôi thấy hình như không phải thế. Bên cạnh anh tôi càng chết dần thêm. Nhưng anh lại như một ma lực quái quỷ làm cho tôi không thể trốn chạy khỏi anh được. Anh Dũng đã hy sinh, còn anh thì không thay thế được. Ngày mai khi biết tin này thằng Chơn sẽ ra sao? Trời ơi, nó có thể chết vì anh không bao giờ thay thế được người đã khuất. Vậy phải làm sao. H? Phải làm sao?

Trời ơi, thế là chú Dũng hy sinh thật rồi!

Buổi tối, cô Thương đang chong đèn soạn bài, tôi nằm ôm lưng thằng Chơn. Tôi sờ lưng nó, sờ chân tay, tóc, mũi mồm nó, sờ cả "chim" nó. Sờ mãi mà không biết chán. Không hiểu sao tôi nằm cạnh nó mà tôi nhớ nó quá. Còn nó thì cứ ấy tôi ra:

- Đùng! Nhột tao! Tao đá một phát văng ra ngoài suối Roóc bây giờ!

Thằng Chơn đã cầm cái chùm bẫy gà ri lên rồi, lại ngồi bệt xuống ngạch cửa. Nó dăm dăm nhìn về đỉnh núi Chóp Ri. Chiều nay cầu vồng lại xuất hiện. Nó hiện ra lặng lẽ, tự sáng dần lên, rõ dần lên một vẻ đẹp dịu dàng. Trên đỉnh cầu vồng cách một gang tay là đám mây hình con cá trắng. Nó vẫn như thường lệ, từ phía sau đỉnh núi Chóp Ri nổi lên, nằm lơ lờ, bình thản như một con cá no nước. Tôi ngồi cạnh thằng Chơn, không biết nói gì, làm gì. Chúng tôi ngồi rất lâu, tưởng không bao giờ đứng dậy nữa.

Tối hôm qua có một chuyện xảy ra đã làm cho chúng tôi choáng váng.

Khi đó không rõ là mấy giờ nhưng khuya lắm. Thằng Chơn đã nằm nói mơ oang oang và nghiêng rằng ken két. Tôi không ngủ được, nằm chập chờn với những ý nghĩ quái đản và ghê rợn. Cô Thương cũng chưa ngủ, tôi biết, dù cô cố thờ thật đều. Rồi tôi nghe có tiếng gõ cửa, gõ rất nhẹ. Tiếng một người đàn ông lão ào ào:

- Thương! Thương ơi!...

- ...

- Thương!

- ...

- Thương ơi!

Cô Thương trở dậy, không thắp đèn, rón rén đi ra mở cửa. Họ thì thào gì đó rất lâu rồi rời ngạch cửa đi rất khẽ ra ngõ. Tôi đập đập thẳng Chơn. Nó choàng dậy.

- Gì vậy?

- Mẹ đi rồi.

- Đi đâu?

- Tao không biết, đi rồi...

Chúng tôi lao ra ngõ, lén đuối theo. Họ đang đi xuống suối. Một người đàn ông cao hơn, đi lệch vai, nép sát bên cô Thương.

- Thầy Hoài! - Thăng Chơn rít lên.

Tôi bịt miệng nó. Hai người đang khoác tay nhau. Thịnh thoảng thầy Hoài lại cúi thấp xuống. Mỗi lần như vậy, cô Thương đứng lại. Một lát, cô đẩy thầy ra. Họ hôn nhau! Trời đất ơi, chú Dũng ơi, họ hôn nhau! Suýt nữa thì tôi kêu toáng lên. Thăng Chơn đứng thừ người, không chịu bước thêm một bước nào nữa. Rất lâu sau, nó cúi xuống tìm một hòn đá cực to, ôm chặt. Hai người đi về suối Roóc. Chúng tôi bám sát, chỉ cách hơn mười bước chân. Đến bờ suối họ ngồi bên nhau thì thào, thì thào...

Chúng tôi nằm sát xuống. Thăng Chơn định rướn thẳng người ném đá. Tôi ôm chặt nó. Nó ẩng ra, tôi nghiêng răng ôm chặt nó. Thăng Chơn cắn tay tôi đau điếng.

Trong khi đó, ở bờ suối đã diễn ra một cảnh tượng làm cho tôi bàng hoàng. Họ vật nhau, vật thực sự. Tôi không thể tưởng tượng được trong khi yêu nhau người ta lại vật nhau khủng khiếp như vậy. Thăng Chơn buông rơi hòn đá, nó cũng bàng hoàng... Hai cái bóng đen cứ giày xéo nhau, lẩn lẩn tới gần mép nước thì dừng lại. Họ ngồi dậy, lại thì thào, thì thào...

Thăng Chơn úp mặt xuống cỏ, nấc lên đau đớn.

Chúng tôi quay lui. Không nói với nhau một câu nào, lảo đảo trở về nhà như những kẻ mất hồn. Thăng Chơn nhào lên giường, cuốn hết chăn vào người. Nó nằm bất động chừng mười phút thì vùng dậy thắp đèn. Nó hối hả tìm bức thư chú Dũng. Và nó nhìn mãi vào bức thư. Thật là khủng khiếp, thì ra trong trán nó cũng có một thằng người!

Tôi tưởng nó sẽ rú lên. Nhưng không. Sau khi đã nhận ra lá thư ấy là lá thư giả nó vuốt thật thẳng lá thư, rồi cẩn thận đặt vào chỗ cũ. Nó không hỏi tôi, lặng lẽ lên giường. Nó nằm sấp, hai tay duỗi thẳng. Những lúc như vậy không bao giờ tôi dám nói với nó một câu gì...

Cô Thương từ ngoài ngõ chạy ào vào nhà. Đến sát giường cô khựng lại, thở hổn hển. Cô lui dần từng bước một cho tới sát góc học tập của chúng tôi thì dừng lại. Chúng tôi xoay người nằm im, ngủ (!). Lát sau cô Thương từ từ bước ra, lên giường ôm thẳng Chơn khóc rưng rức.

Thăng Chơn bỗng biến thành một thằng câm. Nó không nói một câu nào, một tiếng nào. Nó nằm

trên giường cho đến trưa. Cô Thương hỏi có phải nó ốm không? Có phải buồn không? Có phải giận mẹ không? Nhất nhất nó câm như hến. Nó trở dậy khi trời đã xế chiều, lẳng lặng làm thêm mấy cái bẫy gà ri. Nó vào vào, ra ra... vật vờ như một cái bóng. Cô Thương hoảng sợ trước thái độ của nó. Cô ôm nó lay lay:

- Con nói đi chứ? Con nói một tiếng thôi... Nói đi con. Chờn...

Mặc, nó vẫn im lặng. Nó đưa mắt ra hiệu bảo tôi ra rừng. Tôi theo nó. Chúng tôi lại lên rẫy săn của cụ Thoong thăm bẫy nhím và đặt bẫy gà ri. Có hai con sập bẫy. Mọi lần hề thấy bẫy có nhím là nó lại reo lên:

- Đấy, tao đã bảo mà...

Nhưng giờ thì không. Nó nhét vào túi dệt trao cho tôi rồi cầm cúi đi thăm bẫy khác. Hết bẫy, như lệ thường, chúng tôi lại tìm đến cây hồng leo, chỗ chạc nằm, ngồi ngắm về cửa Gianh. Cửa Gianh vẫn chỉ một vệt xanh thẳm, tua tủa những cọc đen mọc ngược lên chọc vào những đám mây màu tro. Thằng Chờn ngồi búi chặt vào nhánh cây lớn chăm chú nhìn về phía đó. Nó hồi hộp chờ đợi những đám mây nhỏ xíu như những quả trứng gà xuất hiện. Tôi biết nó sợ những đám mây sẽ không bao giờ trở lại nữa. Hai tháng dương nó có những giọt mồ hôi lấm tấm, thần kinh nó chắc căng thẳng đến tột độ. Rồi, khi nó vừa thấy một đốm nhỏ hiện ra trên cái vệt xanh thẳm ấy, nó rú lên sung sướng:

- Trời ơi, lại đánh nhau! Lại đánh nhau! Chú Dũng đang nã pháo! Chú Dũng...

Nó đứng dậy cuống quýt, suýt nữa thì đâm nhào xuống đất.

- Oánh mạnh vào chú Dũng ơi! Oánh mạnh vào chú Dũng ơi...!

Tôi lặng lẽ nhìn nó quay cuồng trên nhánh cây. Tôi không còn sức lực nào mà hét lên cùng với nó nữa.

- Oánh mạnh vào chú Dũng ơi! Oánh mạnh vào...

Nó quay lại, mắt nó đầm nước mắt, nghiến răng quát tôi:

- Hét đi chứ! Đồ ngu!

Tôi quay lại, lẳng lặng tuột xuống đất. Tôi không thể nói gì với nó được. Chính nó cũng đã biết chú Dũng đã hy sinh. Nhưng nó không thể tin điều đó có thể xảy ra. Tôi nhắc lại sự thật ấy thì lập tức nó sẽ đập tôi một cái ngã quay lơ. Bởi vì nó sợ sự thật ấy được khẳng định.

Chúng tôi quay về khi "con cá trắm" đã quay đầu về phía biển. Thằng Chờn ném hai con nhím cho cô Thương đương chẻ củi trong bếp rồi lủi thủi quay ra ngồi ở ngạch cửa. Tôi lại ngồi cạnh nó. Cầu vồng vẫn chưa tắt, "con cá trắm" đã dịch xa khỏi đỉnh núi Chóp Ri nhưng vẫn còn rất lớn. Thằng Chờn lại câm lặng. Nó ngồi như chết, nhìn trân trân về đỉnh núi Chóp Ri. Thỉnh thoảng nó lại ngó ra ngõ, vẻ như chờ ai. Chờ ai nữa? Đã hơn một tháng nay giờ này chỉ có thầy Hoài đến. Trước đó hề thầy đến là chúng tôi téch đi ngay. Nhưng bây giờ thì không, hình như thằng Chờn quên mất cái giờ cần phải "téch" đi chơi. Nó ngồi lì, chờ đợi...

Té ra nó chờ thầy Hoài thật. Và khi thầy đến đã xảy ra một chuyện khủng khiếp...

Thấy thầy Hoài vừa bước vào ngõ thẳng Chơn vùng dậy:

- Thầy không được vào đây!

Nó dạng chân đứng chắn đường. Thầy Hoài vẫn tươi cười đứng đĩnh bước:

- Cho thầy vào một chút, rồi thầy đi ngay.

- Không được!

Nó tỏ ra rất cương quyết, ngăn chặn thầy. Thầy Hoài sửng lại, hơi ngạc nhiên. Cả tháng nay, cứ buổi chiều là thầy đến chơi có thấy nó nói gì đâu?

- Nhưng tại sao...

Thầy Hoài hỏi và ẩy nhẹ nó ra, tiến vào. Nó túm áo thầy lại:

- Không được! Thầy không được lấy mẹ em!

- à...

Thầy cười to, đưa tay vuốt tóc nó. Tất nhiên là nó hát ra. Thầy lại cười.

- Mẹ em đã có chú Dũng! Thầy không được!...

- à...

Thầy Hoài gật gật đầu.

- Đúng như vậy!... Nhưng thầy đã lấy mẹ của em đâu?

- Lấy rồi! Thầy không được vào nhà... Đứng lại!

Thằng Chơn luống cuống khi thấy thầy Hoài đã bước đến ngạch cửa. Nó nhảy vào nhà ẩy thầy ra. Đến đây thì thầy không chịu được nữa. Thầy nhăn mặt quát:

- Này, đừng có hỗn!

- Cút đi!

Thầy Hoài mở to mắt nhìn nó rồi bật cười. Một tiếng cười đầy khinh bỉ và giễu cợt:

- Tôi nói cho em biết... em không có quyền cấm tôi. Tôi không cướp không mẹ của em... Hừ, chú Dũng. Em không biết chú Dũng đã chết rồi à?

Một cái lọ mực ném thẳng vào mũi thầy cùng với tiếng thét đến lạc giọng của thằng Chơn:

- Nói láo!

Thầy Hoài ôm mặt đầy mực Cửu Long cúi gục xuống. Một lát, thầy ngẩng lên, nghiêng răng. Bóp!

Một cái tát nẩy lửa giáng xuống mặt thằng bé chín tuổi! Đến lúc này, dù là cái thằng vốn hèn nhát, tôi đã nhảy bổ vào thầy. Chúng tôi điên dại ôm lấy thầy, cắn xé.

Cô Thương chạy ra, kêu lên:

- Trời đất ơi!...

Chúng tôi bị cô giằng ra khỏi thầy Hoài. Cô ôm chặt chúng tôi, ngó chăm chăm vào thầy Hoài.

- Tại chúng nó... hỗn quá! - Thầy Hoài lúng túng nhìn cô, vừa chùi mặt vừa nói. Cô Thương cúi xuống lau mặt cho thằng Chơn, lau mũi... và cô ngẩng lên hỏi một câu lạnh tanh:

- Thế à?...

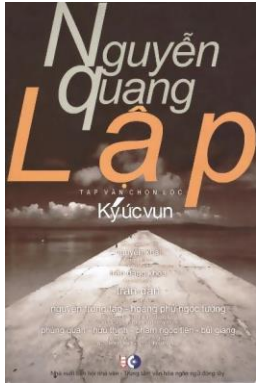
Thầy Hoài cười khẩy một cái rồi quay lui. Cô Thương thả chúng tôi ở đấy, thẫn thờ đi vào buồng. Tôi lấy dầu xoa cho thằng Chơn. Nó tỏ ra bình thản lạ thường. Đáng lẽ khi thầy Hoài quay lưng nó phải òa lên khóc mới đúng. Thế mà nó chẳng khóc gì cả. Nó quay vào góc học tập ngồi chống cằm, mắt nhìn ra cửa sổ. Một lát, nó lục ba-lô, lấy ra "bức thư của chú Dũng" và khẩu súng vứt ra ngoài cửa sổ. Đó là những sản phẩm của thầy Hoài, nó tin chắc như vậy. Tôi chạy vào. Bỗng nhiên nó nhào đến ôm tôi rất chặt. Tôi quàng lấy người nó rất mạnh.

Đó là lần đầu tiên tôi và nó ôm nhau. Hơn một năm sống với nó, tôi luôn luôn bị nó quát nạt, đá đít. Chỉ lần ấy, cũng là lần cuối cùng, chúng tôi áp mạnh vào ngực nhau khi mà cơn mưa đã ập xuống thung lũng Chớp Ri.

Tối hôm đó nó bỏ nhà ra đi cùng với chiếc ba-lô "Đi đánh thằng đế quốc Mỹ" của nó. Đi đâu không biết, mười tám năm rồi tôi vẫn không biết nó đi đâu. Cô Thương đã tìm nó khắp nơi. Cô xin nghỉ dạy không ăn lương một năm trời để tìm nó, vẫn không thấy. Có lẽ nó đi vào lúc rạng sáng. Bởi vì vào khoảng bốn giờ sáng tôi choàng tỉnh. Trên giường không còn ai. Tôi chạy ra: cô Thương đang cầm đuốc chạy bời bời khắp xóm. Tôi chạy theo cô. Tôi và cô lùng sục tất cả những nơi mà nó vẫn thường lui tới nhưng vô hiệu. Cô Thương đã ngất đi sau đó một ngày. Người ta đưa cô đi trạm xá. Còn lại một mình tôi ôm cột nhà ri rĩ khóc gọi tên thằng Chơn. Gọi từ chiều này sang chiều khác mà nó chẳng về. Khi đã tuyệt vọng tôi sức nhớ buổi chiều trước lúc nó đi, ở đỉnh Chớp Ri cầu vồng đã xuất hiện cùng với đám mây hình "con cá trắm". Khi đó trong tôi bỗng hừng hực một niềm tin: nó đã khoác ba lô "Đi đánh thằng đế quốc Mỹ" lao lên cầu vồng, bước tới đám mây hình "con cá trắm". Nó nằm ôm quả thủ pháo trên tay, phục kích máy bay Mỹ... Để rồi sau đó nó theo "con cá trắm" xuôi về phía cửa Gianh, nơi có chú Dũng đang chờ...

Thị trấn Ba Đồn - Huế - 1986

[Người đàn ông sau cánh cửa xanh](#)



Vì sự hèn hạ của chính mình mà tôi khóc

Mỗi khi đám hàng xóm rách chuyện của tôi, với một khoái cảm kỳ lạ của đàn ông thành thị, vừa rung đùi vừa giễu Trí là dở hơi, thông thái rơm hay ếch ngồi đáy giếng, còn Trí thì ngược nhìn tôi như kẻ đồng minh cuối cùng, tôi lại cảm thấy tội tội. Nhưng dù có muốn tôi cũng không biết phải bênh vực Trí thế nào. Trí óc tôi ngẩn, nó phản bội tôi, tôi lại phản bội Trí.

Đám đàn ông trong xóm gồm có tôi, Hùng “thịt lợn” làm nghề mổ lợn, Hải Kêu bộ đội về hưu nay gác cổng nhà tang lễ, Ba Trạc cũng bộ đội về hưu làm đồ sắt, Thái “lốp” buôn lốp, Đông “Gioăng” không ai biết làm gì và cậu Biền trượt đại học giờ làm nghề thợ mộc.

Sang nhất là Hùng, mạnh mẽ nhất cũng là Hùng. Câu cửa miệng của anh ta là: “Này ông Trí ạ. Ông nên bán quách cái đồng giấy lợn đi cho đỡ chuột. Ông mà nghiên cứu được thì có mà...”

Có mà thế nào, họ không nói ra, nhưng Trí cứng họng.

Nói vậy chứ anh em trong xóm cũng quý nhau. Miệng xà tâm phật, tiền bạc chẳng có cho nhau nhưng được cái thật lòng.

Một hôm, Trí mời tôi đến nhà, cho tôi xem giá sách. Toàn những quyển sách dày như cục gạch, cả mới lẫn cũ.

- Tác phẩm của tôi đấy – Trí nói, tôi nghe giọng Trí có phần cay đắng.

Tôi choáng người. Những quyển sách này, thực tình, chỉ một quyển cả đời tôi cũng không đọc hết. Nhưng khi nghe tôi thuật lại, mấy ông hàng xóm gạt đi: “Ui dào, thời buổi này, có tiền là in được tất. Gì mà chả in được. Ông có tác phẩm nhón nào đưa đây, tôi in cho, còn dày bằng mấy ấy chứ!”. Đến lượt tôi cứng họng.

Những chuyện xảy ra với Trí, tôi chẳng biết nói thế nào. Tôi nhớ, một lần cả xóm tụ tập nhân dịp Hùng “Thịt lợn” mua được chiếc T.V Liên Xô vỏ đỏ. Trí góp lời:

- Trên thế giới bây giờ người ta phần lớn dùng T.V màu, thậm chí có điều khiển từ xa, chứ không còn phải bấm tay như thế này nữa rồi các bác ạ.

Chủ nhà cụt hứng, đốp ngay:

- Vâng nhà em “nạc hậu”, chỉ dùng đồ thái, đâu dám dùng đồ hiện đại cho hại điện!

Đám Hải Kèo, Ba Trạc, Đông “Gioăng”, Thái “lốp” cũng ùa vào:

- Đòi thừa nhà ai T.V, lại không cần nút bấm. Thế thì điều chỉnh làm sao?
- Em cũng chưa nghe ai nói - Đông “Gioăng” có vẻ tự lự.

Cậu Biên thợ mộc nháy nháy mắt làm ra vẻ trịnh trọng:

- Có chứ. Chắc là nhà bác Trí có nhân điện!

Không thể địch với chùng ấy cái mồm, Trí lắc đầu, nhìn tôi cầu cứu, nhưng tôi cúi đầu, giả vờ không để ý.

Một buổi tối, cũng vào lúc cả xóm tụ tập vì chuyện gì chẳng rõ, Thái “lốp” mang đầu về một tờ Hà Nội Mới, đọc oang oang.

- Thấy chưa, tôi đã nói là có loại T.V. điều khiển từ xa, vậy mà ông Trí cứ khăng khăng là không.
- Đấy, ông Trí néh, có phải cứ chúi mũi vào đồng sách vở là được đâu!
- Tôi khuyên ông néh, cứ bán quách cái đồng giấy lộn của ông đi cho đỡ chuột, mà cô ấy lại được vài buổi đi chợ.

Trí định phản bác lại nhưng Hải Kèo, Ba Trạc, Đông “Gioăng”, Hùng “Thịt lợn” và cậu Biên đều cười ồ lên vui vẻ:

- Thôi bác ạ, chính bác nhớ nhầm. Chúng tôi đã bảo bác là Tây nó giỏi lắm, nó làm cả T.V điều khiển từ xa, nhưng bác không chịu tin. Chẳng lẽ chùng này con người lại đồ thừa cho bác!

Tôi vô cùng hoang mang. Trong cái trí nhớ mù mịt của mình, tôi nhớ hình như Trí là người nói đúng. Nhưng suy nghĩ một lát, tôi lại có cảm giác ngược lại: “ừ, chẳng nhẽ chùng ấy con người đều nhớ nhầm?” Thế là tôi đánh trống lảng:

- Thôi, thôi, có gì quan trọng đâu mà các bác!

Những chuyện như thế xảy ra rất nhiều lần, khi thì với chuyện đi giày (Trí nói đi giày là nóng hay không nóng?), khi thì với chuyện mì chính (Trí nói ăn mì chính có hại hay không có hại?), và thậm chí cả chuyện tránh thai, đẻ đái (Trí nói thất ống dẫn tinh sau này nói lại được hay không nói lại được?), khiến tôi suy nghĩ rất nhiều. Linh cảm mách bảo tôi rằng con người đọc chùng ấy quyển sách chắc phải là người hiểu biết, nhưng mặt khác tôi lại tin vào đa số. Nhiều cái đầu phải hơn một cái đầu chứ. Thiếu số phục tùng đa số, chẳng phải chúng ta đều được học như thế đó hay sao? Thế là tôi nảy ra ý định kiểm tra.

ở đời, anh cứ cần cái gì thì y như rằng chẳng thấy nó đâu. Bát phở chẳng hạn. ở cái đất Hà Nội này nhìn đâu chả thấy hàng phở. Thế mà cứ lúc nào anh định ăn phở là đi rạc cẳng chẳng thấy một hàng! Cái ý định kiểm tra của tôi cũng vậy. Chờ mãi mà chẳng có dịp nào.

Đầu những năm Tám mươi của thế kỷ trước, loại xe Cúp màu ốc bươu được dân buôn theo tàu Vốt cô đem về Việt Nam. Đèn tròn long lanh, đập phát nào ăn phát ấy, chạy từ Hà Nội xuống Hải Phòng chưa hết hai lít, ngay lập tức nó đánh bật anh Mô kích về về của đám lưu học sinh Đông

Đức. Hết tối này đến tối khác cả xóm ngồi bàn về nó và bao giờ cái đề tài cũng chuyển sang sự ngợi ca người Nhật trước khi kết thúc bằng chuyện tiểu lâm.

- Mẹ kiếp, máy êm hơn máy đàn bà một con!

Với cánh đàn ông, dù là đàn ông trong cái ngõ tòi tàn của chúng tôi, chiếc xe màu ốc bươu ấy vẫn trở thành niềm mơ ước cháy bỏng.

Thế nhưng Trí tương ngay một câu:

- Này, nhưng tôi thấy cái bình xăng hơi dở. Theo tôi, đáng lẽ họ phải biến cả phần dưới yên thành bình xăng, như thế vừa chứa được nhiều xăng, vừa đẹp dáng. Chứ cái anh Cúp này, bình xăng đã bé lại thù lù một cục, cộng thêm hai cái đèn xi nhan như hai nắm đấm, thô lắm.

Như thường lệ, Trí chưa kịp dứt lời, những tiếng phản bác đã ồ lên:

- Cái gì, ông đùa đấy à? Đầu óc người Nhật chứ có phải cút đâu!

Hải Kèo nói, Ba Trạc nói, Đông “Gioăng” nói, Thái “lốp” nói, Hùng và cậu Biền cũng nói.

Riêng tôi không nói. Tôi mừng như bắt được vàng. “Bình xăng dưới yên, bình xăng dưới yên” – tôi nhủ thầm trong bụng – “Trí nói bình xăng dưới yên. Lần này mình phải ghi nhớ thật kỹ”. Lần này tôi sẽ không ba phải nữa. Lần này tôi sẽ đóng vai trò phân xử đúng sai. Cả Trí lẫn đám đàn ông trong xóm đều không hề biết kế hoạch của tôi.

Sau đó còn nhiều cuộc tranh cãi khác, nhưng tôi kiên quyết không chú ý đến nữa. Tôi biết mình đầu óc ngẩn, không thể nhớ nhiều. Tập trung vào câu nói của Trí đã đủ mệt rồi.

Nhà Trí ở đầu ngõ, hôm nào đi làm về tôi cũng đạp xe chậm lại, ngoái nhìn cái cửa gỗ sơn xanh đã bạc phếch của anh và đọc thầm trong bụng: “Bình xăng ở dưới yên. Trí nói bình xăng ở dưới yên”.

Có những hôm Trí đang làm gì đó trong nhà, trông thấy tôi, anh đẩy cửa ra:

- Có gì mà tươi thế!

- Tươi chứ, tươi chứ! – Tôi nói lấp lửng, vừa buồn cười vừa cảm thấy thú vị với cái bí mật nhỏ nhỏ của mình. Và tôi còn nghĩ thầm “Tôi đang bảo vệ ông đây, ông có biết không!”

Câu chuyện kết thúc một cách ngớ ngẩn, sau đó khoảng ba năm.

Cuối những năm 1980, những chiếc Su 100 đầu tiên xuất hiện và tiếp theo là loại Rim hai đầy kiêu hãnh. Lại Hùng, anh hàng thịt tốt số, dắt về con Rim đầu tiên của xóm. So với nó, cái anh Cúp ngày xưa mới thấm hại làm sao!

Đám đàn ông lại có cứ tụ tập. Khi tiệc rượu đang tràn cung mây, Trí đứng lên nói với một giọng nhỏ nhẹ, đầy tự tin. Anh vẫn chưa quên cuộc tranh cãi.

- Các ông thấy chưa, mấy năm trước tôi đã nói rằng phải làm bình xăng chạy dài suốt yên xe, đúng không.

- Cái gì, ông nói thế nào ấy chứ. Chính chúng tôi, chính mồm tôi đây này, tôi nói rằng thế nào người Nhật họ cũng cải tiến nữa, năm nào họ cũng cải tiến, họ sẽ biến toàn bộ phần dưới yên thành bình xăng, vừa chứa được nhiều xăng vừa đẹp dáng. Mà họ chẳng chịu dừng ở đấy đâu, họ còn cải tiến nữa! Còn ông thì cứ khăng khăng là con Cúp đã đẹp lắm rồi, sửa thế nào được. Có anh em đây làm chứng.

Đồng “Gioăng” hòa theo:

- Tôi còn nhớ khi đó tôi nói sảng với ông, rằng đầu óc người Nhật có phải cứng đâu! Ông nhớ không? Thế nào ông Ban? Sao ông toàn chơi cái kiểu ngậm miệng ăn tiền thế là thế nào?

- Tôi nhớ, tôi nhớ. Ông Trí ông ấy nói rằng bình xăng ở dưới yên...

- Con khi! Thì ai bảo bình xăng ở trên yên! – Hùng “Thịt lợn” mở khoá đánh tách rồi ngửa cái yên xe còn bọc nguyên ni lông – Bình xăng chẳng ở dưới yên thì ở dưới cái rốn mẹ thằng ăn mày à! Nói thế mà cũng nói!

Tôi đặng cả miệng, chẳng biết nói sao.

Cũng may, Đồng “Gioăng” đã sốt ruột:

- Thằng Hùng đúng. Thằng nào có xe, có rượu, thằng ấy nói đúng, xong chưa!

- Đúng! – Tất cả đồng thanh.

Hải “Kèo” vuốt ve cái mặt đồng hồ, xuýt xoa:

- Đã quá các bố ạ. Bố Hùng là nhất đấy!

- Nào cạn chén. Trăm phần trăm nhé! – Tất cả đều hò hời.

Tôi cũng cạn chén và tặc lưỡi.

Chiều hôm sau, đi làm về, tôi lại nhìn thấy Trí đứng sau cái cánh cửa gỗ sơn xanh đã bạc phéch của anh nhưng giả vờ không biết.

- Thôi, kệ xác. Ừ, chẳng lẽ chừng ấy cái đầu đều nhằm cả.

Giấc ngủ kỳ lạ của ông Lương Tử Ban

Bay mãi miết, bay trong tâm lặng...

Bài thuốc ấy dân biển ai cũng nhớ. Có người thủy thủ nọ mắc một căn bệnh lạ, chân tay mềm nhũn, thuốc gì cũng không chữa khỏi. Người ta buộc phải chở anh ta về quê, coi như đem về để chôn cất. Lúc được cáng lên bờ, anh ta bỗng tỉnh lại, đòi đi bộ. Chiều lòng kẻ hấp hối, người ta đặt anh ta xuống. Thế rồi như có phép lạ, chân vừa chạm đất bệnh tình của anh ta biến mất. Anh ta trở lại tàu và còn đi biển thêm hai mươi năm nữa.

*

Gần sáng, không biết lần thứ mấy, ông Lương Tử Ban lại ngồi dậy và quyết định thử bài thuốc của dân biển. Ký ức mờ tối và ẩm ướt bảo Lương Tử Ban rằng ông đã thức gần trắng đêm.

Những buổi tối mùa hè nóng nực và ẩm ướt như thế này, cái trần nhà mà bình thường ông vẫn có thể với tay tới càng thấp xuống. Ánh sáng hắt vào từ ngọn đèn đường soi rõ từng đàn bọ xít bay tíu tít vào ra. Chúng vào qua những lỗ gác cốp pha sắt trần có từ khi xây dựng ngôi nhà mà chẳng hiểu vì sao người ta không trám lại.

Nhìn chăm chăm vào bầy bọ xít trên trần, ông tự hỏi, như một thói quen, chúng ở đâu đến?

Lương Tử Ban đã trải qua một cuộc đời chìm nổi, chẳng ai biết đã qua những đâu, nhưng chẳng còn gì trên đời mà ông không biết. Thế mà ông lại luôn luôn ngạc nhiên về lũ bọ xít này. Phải có một lý do gì để chúng đến đây, như mật mời gọi ong bướm, như phân súc vật quyến rũ bọ hung. Trong căn phòng như cái hầm này có gì? Một lần ông đã dùng chổi đập. Đó là một sai lầm chết người. Mùi hăng của những con bọ chết lập tức dâng lên nghẹt thở nhưng lại kích thích đồng loại của chúng kéo đến. Chúng tràn vào căn phòng như một cơn lũ. Suốt đêm đó ông phải ở ngoài thêm.

Lương Tử Ban thử ngoáy đầu. Những đốt sống cổ, những khớp xương vai kêu răng rắc. Đúng lúc đó ông quyết định thử bài thuốc của dân biển. Ông ngả tẩm lưng ê ẩm xuống nền gạch và chợt hiểu ra rằng bài thuốc đó hoàn toàn không phải là đồn đại. Một cảm giác khoan khoái tràn ngập thân thể ông. Hơi lạnh của đất mơn trớn những chỗ da thịt lộ ra khiến ông có cảm giác như người khát được một hơi nước mát. Nhưng còn một điều gì đó làm ông ngỡ ngàng. Điều gì? Ông nhìn quanh và chợt hiểu ra: trần nhà dường như cao hơn. Những con bọ xít trên trần trở nên bé li ti như một bầy kiến. Ông cũng không còn nhìn rõ những cái lỗ cốp pha đen đũi trên tường.

Ông nhắm mắt lại thường thức sự khoan khoái, rồi từ từ mở mắt ra để mình chứng cho sự khoan khoái ấy. Đúng, niềm khoan khoái này, khoảng không gian tự do này là có thật. Để có nó, đâu có phải là điều khó khăn. Vậy mà đến tận hôm nay ông mới phát hiện ra! Trong cuộc đời, nhiều khi ta bỏ qua những niềm hạnh phúc chỉ vì lười biếng và thụ động. Ông thầm nghĩ. Ông cố tạo ra trong đầu một khoảng trống rỗng. Và ông tạo được thật. Một khoảng trống rỗng lâng lâng ông chưa từng biết trong cuộc đời trần tục của mình. Phải một lúc lâu sau nghĩ ý nghĩ mới lại trở lại. Và lập tức ông nhớ ra một điều hệ trọng. Một ý nghĩ khiến ông mỉm cười:

- Này, Lương Tử Ban ơi, anh có thể làm gì nữa không?

- Có chứ.

- Vậy anh định làm gì?

- Anh thử đoán xem.

- Hãy xem nhé. Hãy xem rồi biết!

Lương Tử Ban tự nói với mình như thế, vừa nói vừa mỉm cười đắc thắng. Ông lấy con dao rựa dưới gầm giường, cạy mấy viên gạch lát nền. Gạch cũ, bờ bưng bực. Ông đào như một sự nhấm nháp, không vội vã nhưng cũng không lười biếng, giống như cách người ta nhấm nháp một cốc rượu ngon. Chẳng mấy chốc ông đã dọn xong một khoảng rộng bằng chiếc chiếu con. Chà! Ông reo lên khoái trá. Cái gì thế kia. Cái trần nhà của ông đầy ư? Đâu có, đó là một bầu trời. Còn lũ bọ xít? Chúng đã biến rồi. Chúng đã biến thành những vì sao nhỏ. Những vì sao đen. Những vì sao đen. Chà chà! Ông lại reo lên lần nữa. Ông chống tay lên rồi thả

cho người rơi xuống. Những hòn cuội và đá nhỏ lổn nhổn dưới lưng khiến ông cảm thấy như đang được tắm mát. Ông cởi hết quần áo. Một hai, ba! Một hai, ba! Đã quá. Một thứ tắm mát tuyệt diệu. Ông lăn qua phải, qua trái, nằm sấp rồi nằm ngửa. Ông đắm lịch bịch xuống đất như những võ sĩ tập đấm trước khi vào trận.

- Này, Lương Tử Ban ơi, anh có định làm gì nữa không?

- Có chứ.

- Vậy anh định làm gì?

- Anh thử đoán xem.

- Hãy xem nhé. Hãy xem rồi biết!

Lương Tử Ban lại tự nói với mình như thế, vừa nói lại vừa mỉm cười đắc thắng. Ông ra thềm, xách vào cái cuốc chim. Trong lòng, ông cũng vui như một con chim. Khi vui, những nhát cuốc nhẹ nhàng như múa. Càng xuống sâu đất càng ẩm và mềm. Lương Tử Ban ơi, đất ẩm và mềm! Chẳng mấy chốc ông đã đào xong một cái hố sâu ngang bụng. Thử xem nào, ông quăng cái cuốc chim, thử nằm xuống hố. Chà! Cái gì thế kia. Cái trần nhà của ông đấy ư? Đâu phải, bầu trời đó chứ, một bầu trời lồng lộng. Một bầu trời cao lồng lộng...Vời những vì sao đang rì rào rì rào hát xa xăm. Nhưng phải đào thêm nữa...

Lương Tử Ban vừa làm vừa hát thầm. Ông hoàn thành công trình của mình khi trời đã tang tảng sáng. Ông nằm xuống, thiếp đi một giấc ngon lành. Đó là giấc ngủ lạ lùng nhất trong đời ông.

*

Những kẻ không am tường hoàn toàn sai lầm khi loan tin Lương Tử Ban tự đào huyệt chôn mình.

Người thổi kèn Trom-pet

"Xin hát về bạn bè tôi

Những người sống với mọi người ..."

(Lời một ca khúc)

Khi đó anh ngược lên, ngỡ ngác trước mệnh mông cát trắng. Em chỉ đứng cách anh có một quãng, sau một mô cát cao, thế mà anh chẳng thấy. Anh đi. Rồi chạy. Nhìn bóng anh cuống quýt trên bãi cát em buồn cười quá. "Ngốc ơi, em đây này!". Em kêu lên khe khẽ. Anh đứng khựng lại, nín thở lắng nghe. Nhưng đại gì em lại gọi anh nữa! Em đang trốn anh cơ mà ...

- Hừ ... o ...

Anh quay ngoắt lại, ngỡ ra. Em cười to. Nhìn mặt anh ngẩn tò te, em cười rữ rượi. Anh cúi gằm mặt, khoát mạnh tay:

- Cứ như là ... !

Rồi anh thả mình xuống cát, ngồi bó gối:

- Trốn ... Trốn gì mà lạ thế?

Em cười, oà đến ôm lấy cổ anh:

- Ngốc ơi, người ta chỉ đứng sau có một quãng ... Thế mà cứ khoe: "Mất anh một trăm phần mười! Thế mới biết con trai là chúa bốc phét nhá!" ...

Anh cười trừ, vòng tay sau lưng ôm lấy em. Rồi đứng bật dậy, bế xốc em chạy như điên trên bãi cát. Anh hôn ... hôn ... hôn ...

- Buông ra, cát vào cổ em hết rồi này!
- Mặc kệ! Bắt đền ... này! Bắt đền ... này!
- Thôi, em xin ... chào, quý ơi!

Cười to cả hai đứa. Bãi cát mênh mông thế kia chẳng ai nhìn thấy đâu, anh nhỉ?

... Bây giờ đoàn văn công của em đã rời trận địa từ hôm trước, thả em một mình với anh ở đây. Em biết anh thích lắm nhưng em thì buồn và lo quá. Liệu em có đuổi kịp đoàn không? Liệu em có kịp phục vụ bộ đội đang cố đập tan chiến dịch "Tái chiếm Q.T" không? Nếu không kịp thì chuyển công tác vào chiến trường của em thật vô tích sự. Nhìn anh, em thở dài: anh có biết em đang buồn lo điều gì đâu! Anh đang tràn trề hạnh phúc thế kia mà!

- Em ốm đúng thời cơ - Anh nói vui.- Nếu em ốm ở một trận địa khác thì quá lắm anh cũng chỉ được thưởng thức một vài điệu múa của em, và thế là chẳng có chuyện gì mà nói nữa.

- Anh đang biểu dương trận ốm của em đấy à?

Anh cười hiền lành, kéo đầu em sát má anh. Đúng là em vừa qua một trận sốt chưa từng có trong đời. Khi xe vừa qua khỏi đèo Ngang, thốt nhiên em thấy ớn lạnh. Sau đó em buồn nôn, đầu nhức buốt, cuối cùng em đổ vào lòng Kim Thoa - diễn viên hát, chuyên "sô- lô" cho đoàn. Rồi em chẳng biết gì nữa. Mấy ngày liền em nhức nhối, lơ lửng như hôn mê, cứ tỉnh được lúc nào là em lại khóc. Trời ơi, sáu năm ở Hà Nội sao không ốm đau gì, chưa một lần em chịu hoãn lại một buổi biểu diễn, thế mà vào đây chỉ mong phục vụ bộ đội vài lần thì phải nằm chết đờ một chỗ. Càng khóc em càng kiệt sức, đến nỗi nhìn thấy thanh gỗ mít bắc ngang hầm, em tưởng nhầm là rắn, nhiều lần em rú lên ...

... Rồi trong em chập chờn hình bóng anh chàng thổi kèn trom- pét. Anh không biết đâu, tay ấy khá trai lắm, cao hơn em một tấc chứ không lùn tịt như anh đâu. Tay ấy buồn cười ghê lắm! Khi nghe em thông báo là em đã đăng ký vào danh sách những người xung phong đi phục vụ chiến trường, anh chàng đứng như trời trồng, nhìn em chằm chằm. "Thật à?". "Thật". - "Tại sao lại đi?" - "Thích!" - "Không thể thích như thế được!" - "Cứ thích!" ... Anh chàng lắc đầu thờ dài và cầm lấy cây kèn lưng thưng ra hành lang thổi một bản nhạc rầu rĩ: "Tôi đã xa em .. toe! toe! .. Màu trong tôi ... toe! toe! ... Trái tim tôi ... toe! toe!". Em nhớ khi đó Hà Nội đang vào mùa hoa sữa.

Cho đến phút cuối cùng chia tay, anh chàng thổi kèn trom-pet vẫn cố gắng không tin điều đó là sự thật. Tay ấy cho đó chẳng qua là hành động bột phát, liều lĩnh của em. Tay ấy vẫn coi em như một lãng tử, thích giang hồ, mạo hiểm. Có lẽ cũng không sai lắm đâu. Tính em ngang ngược lắm, bướng lắm. Đầu tiên khi em cầm bút đăng ký vào danh sách chỉ vì em thích xê dịch, thích được biết cái nơi mà ngày nào người ta cũng ca ngợi hết lời trên đài, báo. Nhưng sau đó khi thấy tay phò đoàn và hai nhạc công chính của đoàn, những người buộc phải đi, đã chạy chọt xin cho bằng được ở lại Hà Nội, một vài người cũng "đăng ký xung phong" nhưng không phải vì tự nguyện, chỉ vì sợ bị chê cười, sợ bị kiểm điểm ... thì em nhận ra tầm quan trọng của chuyến đi cùng với ý nghĩa thiêng liêng của nó.

Em đi. Anh chàng thổi kèn trom-pet không tiễn em, chỉ đứng suốt đêm thổi kèn trên gác thượng... Thế mà trong cơn sốt mê man em đã mơ màng tưởng thấy anh chàng đang ngồi cạnh em, bón cho em từng thìa cháo hành, rồi bằng một cái so vai rất điệu, anh chàng nâng cây kèn có một vết xước đầu loe kèn thổi một bản nhạc vui Cu-ba mà em rất thích. Chào ôi, chỉ cần có thế thôi là đủ cho em yêu anh ấy rồi, không cần một lời ngỏ nào hết. Nếu anh ấy cùng đi với em chuyến này thì anh sẽ chẳng có em đâu, em sẽ yêu anh ấy để "trả công" cho bốn năm anh ấy theo đuổi em... Sao anh xịu mặt thế? Ghen à? Xấu quá kia! ... Nhưng ngốc ơi, đó là "giả sử" kia mà, còn bây giờ em đã thuộc về anh rồi, tất cả...

Đa phu

1. Năm 1996 một hôm đọc bài báo Lùn lùn nhưng vẫn vui tươi của thằng Đạt, nó kể mấy cặp

vợ chồng lùn lẩy nhau rất hạnh phúc, mình hỏi nó thật không hay là mày bịa đó? Nó nhăn răng cười, nói anh làm báo già đòi rồi còn hỏi tui câu nó.

Mình nói công nhận mày bốc phét tài. Nó nói cũng có hai ba cặp, nhưng chuyện không hay ho chi, tui bịa ra cả. Mình nói mày cứ đưa tao đi đến đó, biết đâu tao lại tìm được chuyện hay thì sao. Nó nói có một cặp vợ chồng thiệt hay, tui chưa viết, anh có muốn tui đưa đi coi. Mình ok liền.

Nó chở mình về Thị trấn Gio Linh, rẽ vào một quán cắt tóc. Một anh lùn tịt, chỉ chừng 8 tấc đang cắt tóc cho khách. Anh đứng trên cái bục cao 4 tấc hình vành khuyên, đi lại cắt tóc cho khách, nói lia xia, toàn chuyện thơ phú. Anh nói Nguyễn Trãi mãn như ri, tui mãn như ri. Tú Xương mãn như ri, tui mãn như ri. Hồ Xuân Hương mãn như ri, tui mãn như ri... toàn những bài thơ nhạt lại những bài thơ nổi tiếng, khách hàng thích lắm xuýt xoa khen hay hê hê!

Thằng Đạt giới thiệu đây là anh Kiện, còn đây là nhà văn Nguyễn Quang Lập, nổi tiếng lắm đó. Anh Kiện nhìn mình cười, nói ai chớ Nguyễn Quang Lập thì biết rồi, Mùa hạ cay đắng. Mình hỏi anh xem kịch đó rồi à, anh nói coi rồi, hai ba lần, đoàn ông Xuân Đàm diễn, lạ chi.

Hoá ra tên tuổi văn nghệ sĩ trong tỉnh anh biết sạch. Thằng Đạt nói vợ anh Kiện đẹp lắm, cao mét bảy. Mình trợn mắt, anh cười nói chi mà lạ hê, tình yêu chỉ tính dài ngắn không tính cao thấp, đúng không hê.

Mình cười nói đúng đúng. Anh nói Giang Nam mãn như ri: xưa yêu quê hương vì có chim có bướm/ có những ngày trốn học bị đòn roi, tui mãn như ri: xưa chúng mình yêu nhau vì rờ chim vọc bướm/ có những ngày lẹo chắt bị đòn roi. Mình cười phì, nói anh lấy vợ đẹp vì tài thơ phải không. Anh nói đúng rồi, thời buổi ni mỗi thơ mà câu được gái hơi bị hiếm, nhưng tui câu được đó, gái sộp hẳn hoi, rứa có tài không.

Buổi trưa mình hẹn anh Kiện đi uống bia, anh nói về nhà tui uống rượu, bữa ni có nhà văn uống cái đã, tiền bạc kiếm sau. Nhà anh Kiện ba gian nhà ngói, nền gạch hoa, toilet gạch men sáng bóng, bệ xí bệt, vòi tắm hoa sen... những thứ mà dân ở đây chưa ai quen dùng. Hồi đó mình vào khách sạn, không biết dùng cái bồn tắm ra sao thì nhà anh đã có cái bồn tắm lớn, ngạc nhiên quá trời. Anh nói tại con vợ tui thích, chớ mình ở quê dùng mấy thứ ni phức tạp lắm. Lắm khi hông hóc không biết hỏi ai.

Thằng Đạt nói chắc chị bồng anh vô bồn tắm giải quyết vấn đề phải không? Anh cười hê hê, nói rứa đó rứa đó. Vợ tui ngược lắm, thích mãn trong bồn tắm đầy nước, sục sục soạc soạc mới hay. Vừa lúc chị vợ anh đi xe máy chở hai thằng con về. Chị cao đúng mét bảy, trắng trẻo, không xinh nhưng có duyên. Hai thằng con không đứa nào lùn, đứa 4 tuổi, đứa 7 tuổi, đứa 7 tuổi còn cao hơn cả anh.

Anh nói Lan ơi, có nhà văn Quang Lập, nhà thơ Tiến Đạt đến chơi. Chị nói rứa à rứa à, vội vã chạy vào. Tưởng chị bắt tay mình, nhưng không, chị bế xốc nách anh Kiện lên, tự nhiên như không, hôn chụt chụt mấy cái liền, nói chổng tui giỏi hê, mời cả nhà văn nhà thơ đến chơi.

Chị nhanh nhẹn bày rượu, rang lạc, nướng mực cho ba anh em nhậu, rồi ra ngồi cùng. Chị bế anh Kiện đặt lên đùi, ve vuốt chân tay anh, nói duyên số tui tui rặng mà may khiếp, trời cho tui tui lẩy nhau, rồi hôn anh đánh chụt, nói nựng yêu nắm mừ yêu nắm mừ.

Mình hỏi anh chị gặp nhau khi nào, sao yêu nhau dữ dội vậy? Anh cười hê hê, nói vợ tui mê tui tha dệp luôn, khóc đứng khóc ngồi đòi lấy tui cho được đó. Chị cười ré cú anh cái, nói điều. Rồi nói mô có, tui hay ra sông tắm đêm, anh Kiện lặn giỏi lắm, toàn rúc vô háng tui, ngứa quá chịu

không nổi, he he he...

Thằng Đạt nói chị lấy anh, ba mẹ bà con chòm xóm không nói chi à. Chị nói ba tui cầm roi đuổi tui chạy khắp làng. Mẹ tui nói mồm thằng Kiện với không tới háng mi, mi lấy hấn làm răng. Tui nói không với tới thì tui nhắc anh lên, mẹ lo chi rứa hè!

Chị nói cười như không, nói đuổi đánh không được, ba mẹ tui chấp nhận, nhưng mẹ tui kêu vô buồng hỏi, nói mi nói thiệt đi, mi đã kiểm tra chim cò hấn chưa, lỡ bằng đầu đũa thì tan đời con ơi. Tui nói mẹ hay chưa tề, yêu nhau là vì rung động trái tim, ai lại kiểm tra mấy thứ đó. Mẹ tui chửi oang làng chuyễn xóm, nói rung động cái mả cha mi, trái tim cái cổ tổ mi, ngu lắm!

Chị cười he he he, nói tức cười, sau đêm tân hôn mấy đứa bạn gái xúm lại hỏi răng rồi răng rồi, bằng chừng mô bằng chừng mô. Rồi chị ôm bụng cười rữ. Anh nói hoá ra đàn bà mồm nói con tim, bụng mơ con cặc. Chị sầm mặt, nói anh nói chi nói lại em nghe? Anh cười bẽn lễn nói anh xin lỗi, anh nói đùa mà. Chị lại hôn anh đánh chụt nói nựng yêu nắm mừ, yêu nắm mừ.

Mấy tháng liền sau đó đi đâu mình cũng kể chuyện vợ chồng anh Kiện, coi như một mẫu tình yêu hiếm hoi, không có cô gái nào yêu chồng như chị Lan cả. Thằng Đạt ngồi nghe chỉ tùm tùm cười không nói gì. Một hôm không biết vì chuyện gì, mình lại nhắc đến vợ chồng anh Kiện, chị Lan. Thằng Đạt nói anh ngu lắm, mình hỏi răng, nó nói ngu chớ răng, của anh Kiện rồi chỉ bằng đầu đũa thôi, tui sờ rồi. Mình nói bằng cái gì mà người ta có con, lại thương yêu nhau là được. Thằng Đạt cười phì nói anh ngu toàn diện vững chắc luôn. Mình tức, nói mày ngu thì có. Thằng Đạt ôm lấy mình hôn đánh chụt, giả giọng chị Lan nói nựng ngu nắm mừ ngu nắm mừ.

2.Chuyện anh Kiện chị Lan rồi cũng quên, mình lo chuyễn cả nhà ra Hà Nội cũng không để ý nữa. Thịnh thoáng thằng Đạt gọi điện, nói anh đi thăm bà Lan với tui không. Mình nói không, tao bận. Nhưng thằng Đạt không chịu, kè cho được lên Hướng Hoá với nó. Thằng Đạt nói anh sắp đi rồi nên tui mới cho anh biết một sự thật hào hùng, he he. Mình nói hai con bà Lan không phải con ông Kiện chớ gì. Nó nói ề he, chừng đó nhằm nho chi.

Gần đến Thị Trấn Hướng Hoá chừng một cây thì thằng Đạt rẽ trái cho xe chạy vòng vèo đường đất chừng vài cây rồi lao thẳng vào sân một nhà sàn mái ngói vách gỗ gọn gàng xinh xắn, nằm sát rừng cà phê mít. Chị Lan xuất hiện ở cửa, cười cái rất tươi rồi nói vô đây vô đây. Mình rí tai thằng Đạt nói chuyện gì giống chuyện tình báo vậy mày. Nó cười khịt khịt, nói ề he, nhiều chuyện còn hay hung. Chị Lan tươi cười nói anh Lập không nhớ chứ hồi học ở Huế em vô nhà anh rồi đó, em đi theo con Oanh. Hoá ra mình gọi bằng chị là trật, cô Lan này còn nhỏ hơn mình bốn tuổi. Lan cười cười nói nói, nhắc vợ chồng thằng Thịnh hàng xóm của mình, nói anh Thịnh ngày xưa học giỏi hung, cô Trần Thuỳ Mai chấm luận văn cho 11 điểm. Mình trợn mắt, hoá ra quen nhau cả.

Lan học trước thằng Đạt hai năm, lứa thằng Thịnh, tức nguyên Thế Thịnh, giờ đang làm trưởng chi nhánh miền Trung báo Thanh niên. Lan yêu thằng Tín con một ông to ở Huế. Thằng Tín học đến lớp 9 thì bỏ, suốt ngày chỉ có 3 việc: rượu chè, đua xe và chim gái, không học hành gì cả.

Một đêm thằng Tín ẫn Lan vào gốc cây ngay sát hàng rào sân trường mức đến mức đại, chẳng may bị ông bảo vệ chụp được. Thằng Tín chạy thoát, còn lại Lan đứng trơ, quần bò chặt lại hoảng hốt cập rập, kéo mãi không lên, chạy cũng không được. Bảo vệ nói kéo quần lên về ban giám hiệu với tui. Lan đứng trơ mắt nhìn, còn vén áo lên, nói con có cái ni, chú muốn làm chi thì làm, đừng méc với nhà trường. Bảo vệ trợn mắt chỉ tay, quát cha tổ mi có đậy lại không. Lan khóc rống lên chú ơi là chú ơi... đã hở ra rồi đậy làm răng đậy mần chi, đây ni đây ni.... chú ơi!

Bảo vệ nghiêm giọng nói cô kéo quần lên đi, khoe gù lại khoe thứ đó, con ni không biết xấu hổ là chi à bay. Lan kéo mãi không được, ông nói cha tổ mi tụt ra thì mau rửa, rồi giúp cô kéo quần lên, lập tức cô giữ chặt tay ông, vừa khóc vừa hô hoán, nói vợ làng... chú bảo vệ hiệp tui đây nời!

Chuyện âm ỉ cả trường, chi bộ ông bảo vệ họp kiểm điểm, dọa đuổi việc ông. Thế cùng ông tụt quần, hoá ra ông bị bom phạt mất cả hạ bộ, cái háng có một vết sẹo to đùng. Ông nói thừa chi bộ, giờ mô tui cũng đảng viên ưu tú. Lan bị đuổi học, ông bảo vệ mừng húm, nói may nhờ đế quốc Mỹ cắt cu tui, không thì gay go hung.

Bị đuổi học đã xấu hổ lại con có chửa hai tháng với thằng Tín, Lan đành dùng mẹo đi tắm, lừa mặt anh Kiện vào háng rồi cưới, làng xóm ồn ào dị nghị cô cũng mặc kệ. Anh Kiện thì sướng như bắt được vàng, nói ai nói chi kệ cha họ, chỉ cần hai đứa mình chung tình là được rồi.

Mình hỏi Lan anh Kiện có biết hai thằng cu là không phải con anh không, cô nói không. Thằng Đạt nói nhưng anh Kiện biết anh không làm ăn chi được mà, răng anh tin. Lan cười nói mần được chớ, có điều như con nít lồm bồm trong ao thôi, rửa là được rồi he he he.

Mình định hỏi đứa thứ hai là con ai thì thằng Tín phóng cái xe u-óat về, đỗ xích trước cửa, Lan vội a ra nói chồng em đây nì, chồng thiệt của em đây nì. Lan ôm lấy thằng Tín hôn chùn chụt nói đi lâu rửa, nhớ chi nhớ rửa mừ. Thằng Tín hôn Lan một cái rồi bắt tay mình nói Lập à, mới lên à, cứ làm như quen biết nhau rồi.

Thằng Tín bày bia rượu, uống ba bốn ly mới biết nó làm ở đội thuế đặc nhiệm kiểm soát máy cái cửa khẩu của tỉnh. Nó có vợ con ở Huế, làm cái nhà này để mỗi khi nó lên đây công tác lại rủ Lan lên sống chung năm bữa nửa tháng. Lan hành nghề buôn hàng lô Lao Bảo- Đông Hà, bỏ nhà đi bao lâu cũng chẳng ai nghi.

Lan quì sau lưng thằng Tín, hót cổ nó, nói vợ chồng tui em vất vả lắm, lâu lâu mới được chung tình, rồi hôn thằng Tín chùn chụt nói nựng tội năm mừ, tội năm mừ. Thằng Tín nói chuyện tình tui tui đủ cho ông Lập viết văn cả đời, không phải đi thực tế. Lan nói e cả chục cuốn tiểu thuyết còn dư. Thằng Tín nói nhiều chuyện chảy nước mắt ông ạ. Lan thở hắt ra, nói anh đừng nói nữa em khóc chừ đó. Mình hỏi thằng Tín cả hai thằng cu là con ông cả à. Nó gật đầu thờ dài, nói tôi phải biểu không thằng Kiện lùn cả hai đứa, đau thế. Lan hôn thằng Tín chùn chụt nói nựng tội năm mừ, tội năm mừ.

Ai không biết thằng Tín một thời đầu trộm đuôi cướp, mới gặp thì nể nó lắm. Nó ăn nói lịch lãm, thái độ khoan thai, y chang ông lãnh đạo về cơ sở. Nó chạm ly mình, nói nhà văn nhà báo các ông là cần lắm, cần lắm. Chỉ cần các ông không bẻ cong ngòi bút là xã hội được nhờ. Lan nói đúng đo đúng đo, xã hội bây giờ sa đoạ lắm, tởm tởm. Thằng Tín nói tiếc nước mình không có Lép xờ xít tôi, không có Gốc rờ xít ki để họ làm mấy bài vạch mặt bọn quan tham. Lan nói đúng đo đúng đo, quan tham bây giờ nhiều như dòi, tởm tởm. Thằng Tín nói các ông nhà văn nhà báo phải lên tiếng chứ, nhà trường đem thơ Hồ Xuân Hương ra dạy cho con nít là sai. Thơ Hồ Xuân Hương là thơ lớn cặc. Lồn cặc là gì? Nó là vấn đề như nhuốc. Lan nói đúng đo đúng đo, Hồ Xuân Hương tởm tởm.

Mình rĩ tai thằng Đạt nói con Lan yêu thằng Tín thật không, thằng Đạt nói không yêu sao đưa hàng qua cửa khẩu dễ dàng được, một tháng hơn tấn hàng về chợ Đông Hà đó. Mình nói mày tắm đầu được mấy người hay thế này, thằng Đạt cười khịt khịt nói ề he, còn nhiều chuyện hay hung.

3. Cuối năm 1996 mình ra Hà Nội ở cái nhà nhỏ bằng gỗ mũi phở Lò Sũ. Thăng Đạt kéo một đoàn bốn năm thằng nhà báo trẻ, bây giờ là nhà báo đại ca cả rồi, thằng Sơn, thằng Thi, thằng Dục... tấp vào nhà mình ăn nhậu, cãi nhau, thơ phú tùm lum.

Mình hỏi thằng Đạt tiền đâu mà ăn chơi nhảy múa ghê thế. Thăng Đạt cười khịt khịt, nói gái cho. Mình nói phải con Lan không. Đạt nói không, thằng Tín vào tù rồi, tiền đâu nữa mà cho. Mình hỏi sao bị tù, thằng Đạt nói thằng Tín bảo kê một lô hàng 100 con rim qua cửa khẩu, có người tố, lập tức nó bị tóm. Mình nói ba thằng Tín đâu rồi, Thăng Đạt cười khịt khịt, nói ề he đương chức nó ăn ai, về hưu mần chi tốt.

Mình hỏi bây giờ con Lan ra sao. Thăng Đạt nói thì lại về bày ao ra cho cu Kiện lợi lồm bồm chơ rãnh. Mình cười nói mày có vẻ thạo con Lan lắm nhỉ! Nó cười khịt khịt, nói anh nghi chi tui tội rứa hè. Mình nói chà, thôi đi, tao còn lạ gì. Thăng Đạt cười khịt khịt, nói tui nói nhỏ anh nghe, con ni no hair, no hair... Nó nói tui theo con ni thời sinh viên, thọc tay vào thấy trơn lít, kéo quần ra coi, thấy trắng hếu, y chang của con nít, sợ quá bỏ chạy luôn. Mình cười khi, nói cút, mày mà bỏ chạy! Nó nói thiệt chơ, chơi đàn bà no hair xui lắm. Đố, thằng Tín bị tù vì con Lan no hair đâu phải vì tiêu cực. Mình nói cút, tao không tin. Nó nói tui hỏi anh cả tí thằng bảo kê sao mình thằng Tín bị bắt? Mình nói xài no hair mà xui tao chẳng tin. Thăng Đạt kêu cha cha cha anh ni không tin tui à bay. Nó nói anh có nhớ thằng Ba cờ la ma ta không, mình nói lạ gì, thằng này vẫn lê lét đi làm nhân sự các tỉnh, giàu có cực vạn. Thăng Đạt gật đầu, nói bây giờ con Lan là vợ hờ thằng đó. Mình trợn mắt há mồm, nói nhưng thằng Ba cờ la ma ta là bạn thân thằng Tín mà. Thăng Đạt cười khịt khịt, nói ề he rứa mới hay.

Thằng Ba cờ la ma ta ở Hà Nội, làm báo tự do, quen hết lượt ông to bà nhỏ từ Nam ra Bắc, lang thang hết tỉnh này sang tỉnh nọ bày đặt nhân sự nhắc ông này lên đạp ông kia xuống, tổng tù ông này tha bổng ông kia, cứ y như nó dưới một người trên muôn vạn người vậy, rất kinh. lạ cái ai cũng biết nó là thằng nào nhưng ai cũng tỏ ra nể sợ nó lắm. Nó uống rượu với các quan tỉnh nói năng nghênh ngang, thằng thằng ông ông. Thịnh thoảng nó bật mobile gọi bà chị à, em đang ngồi với thằng X thằng Y đây, bà chị nói chuyện với nó chút. Ông X ông Y cầm máy nghe tiếng bà chị thì mặt xanh như đất nhái, vâng vâng dạ dạ líu cả lưỡi.

Mình nói thằng Ba cờ la ma ta mà không cứu được thằng Tín a, vô lý. Thăng Đạt cười khịt khịt, nói ngu mà hần cứ, con Lan lớn mông cao mu rứa mà. Thăng Đạt kể nghe có người tố, thằng Tín biết nguy vội chạy ra Hà Nội gặp thằng Ba cờ la ma ta cấp cứu. Thằng Ba cờ la ma ta cười nhẹ không, nói chi mà lo rứa hè, chuyện vặt, mời tao một bữa đ. thật hoành tráng rồi tao lo cho. Thằng Tín mời Ba cờ la ma ta vào Huế, thuê ba em xin xuống đò ba đêm hết 900 đô. Ba cờ la ma ta vỗ vai thằng Tín nói eng tam mình cả mà, vụ ni nhỏ, chỉ cần một cái là xong thôi, cần chi ba cái.

Nói thế nhưng khi ra Hà Nội nó gọi điện bảo thằng Tín mày cầm ra cho tao chục nghìn (đô). Thằng Tín đang búi việc, bảo Lan cầm ra. Được vài hôm Lan chạy vào nói anh Ba cờ la ma ta nói đây là vụ điểm, khó gỡ lắm, đưa thêm hai chục ngàn nữa. Lan cầm hai chục ngàn ra Hà Nội ở lại cả tháng, thằng Tín gọi điện hỏi rằng rồi rã rồi, con Lan nói sắp rồi sắp rồi anh yên tâm. Tóm lại thằng Tín bị bắt, bị bỏ tù 4 năm, Lan cũng biệt vô âm tín.

Mình nói con Lan dám lặn biệt tăm a, ra tù thằng Tín nó làm thật. Thăng Đạt nói chỉ biệt khi thằng Tín mới vô tù thôi, bây giờ thịnh thoảng nó vẫn vô thăm thằng Tín, mang cả đồng quà, ôm thằng Tín khóc lóc tội nắm mờ tội nắm mờ, he he.

Mình nói ba thằng Tín không làm chi được a. Thăng Đạt cười khịt khịt, nói làm chi, đương chức thì rứa thôi, về hưu cái là chống tiêu cực ầm ầm, chẳng qua trâu cọt ghét trâu ăn, he he. Mình nói

mày nói phét tao không tin. Thăng Đạt ôm đầu mình hôn chụt chụt nói ngu nắm mù, ngu nắm mù.

Bốn năm sau, năm 2000, mình về thị xã Quảng Trị, đưa bạn bè đi Lavang chơi. Lavang được coi là một trong 7 nơi trên thế giới Đức Mẹ hiện hình, khách du lịch thăm rất đông, mình thì đã quá quen, không thăm nữa, chỉ ngồi ở quán chờ chúng nó.

Uống chưa hết chai bia Huda thì thấy Lan khoác tay một ông to béo, từ gót giày lên đỉnh đầu vô cùng sang trọng, từ ô tô bước ra. Lúc đầu mình không nhận ra Lan, cô trẻ đẹp gấp mười, phong nhã phi đồn hết mực. Gần bốn mươi tuổi mà da dẻ nõn nà, ngực tròn căng, núm nính chuôi ra cổ áo. Lan tát nhẹ má mình cái nói anh Lập vô khi mô, ngồi chi đây, rồi quay lại vuốt vuốt cái bụng bự của người đàn ông, nói chồng em đây nì. Mình quá ngạc nhiên.

Người chồng lịch sự bắt tay, nhìn mình thân thiện, nói à Nguyễn Quang Lập- Mảnh đất lắm người nhiều ma, tôi đọc rồi thích lắm. Mình chưa kịp đính chính anh lại nói nhưng cái Bến không chồng của anh hay hơn, mang âm hưởng thời đại hơn, nó giống như kịch Cách mạng của Nguyễn Đình Thi rất sâu sắc. Mình ngọng mồm chẳng biết nói thế nào.

Anh mời mình ngồi nhậu, ây yếm khoác vai Lan, nói quê vợ tôi có hai nơi không thể không đến, đó là Lavang và Cửa Tùng, tuyệt vời! Lan ép má bên vai anh nũng nịu, nói quê em nghèo chết, anh không giúp đỡ chi cả. Anh vuốt nhẹ tóc mai Lan, nói anh thấy vợ tôi hay không, suốt ngày kêu hộ cho cán bộ tỉnh.

Lan lườm yêu anh, nói anh toàn cho tỉnh người ta, không cho tỉnh em, tức nắm mù tức nắm mù. Anh lại vuốt tóc mai Lan, nói có thấy tỉnh em kêu gì đâu. Lan ngúng nguẩy, nói rằng không kêu, tức nắm mù tức nắm mù. Anh hôn nhẹ tóc mai Lan, nói không ai như vợ tôi, yêu quê hương hơn cả bản thân mình. Lan ngúng nguẩy, nói anh toàn khen em, không chịu cho quê em, tức nắm mù tức nắm mù.

Một người lóm thóm chạy đến, gập mình bắt tay anh, nói dạ nghe tin anh ra, dạ tụi em tìm anh miết, dạ mời anh lên gác chụt. Anh xin lỗi mình đi theo anh này. Đợi anh đi khuất mình hỏi nhỏ Lan, nói Ba cờ la ma ta đâu rồi. Lan nói chết rồi. Mình hỏi sao chết? Lan hặc nhẹ, dẫu môi nói thì chơi gái, rượu, nửa đêm nhảy ra tắm, chết thôi. Lan nói mấy thằng buôn thần bán thánh, miệng hôi mùi rượu, tay tanh mùi l. chết nguyên xác là may.

Mình hỏi thằng Tín ra tù làm đâu. Lan lại hặc nhẹ, dẫu môi nói mần chi, ra tù thất tha thất thểu, nghe nói chữa xe máy ở Huế. Lan nói mấy thằng chưa đỡ ông nghề đã đe hàng tổng, ba hoa chích choè, tù 4 năm là may. Mình lại hỏi nhỏ, nói đại gia này có vợ rồi à, nó cười phì, nói vợ lão chết rồi, may, em là vợ chính thức ke ke ke.

Chưa kịp hỏi anh cu Kiện thì chồng Lan xuống, kéo theo ba bốn người, hình như là dân vai vế trong tỉnh. Họ khúm núm bắt tay Lan, nói chị mới ra chị mới ra, ua châu châu chị nhớ quê như ri cảm động quá cảm động quá. Lan cười rất tươi, nói em phải lỗi cổ chồng em về với tỉnh mình đó, mọi người nói ua châu châu quý hoá quá quý hoá quá. Một người nói ai cũng có tấm lòng yêu quê như chị Lan thì tỉnh mình giàu hung. Mọi người ồ lên, nói đúng rồi đúng rồi. Lan vỗ bụng chồng, lườm, nói đó, nghe anh em người ta nói chưa, rồi áp má vào vai chồng, tay xoa xoa bụng chồng, nói tức nắm mù tức nắm mù!

Thấy chẳng ai quan tâm đến, mình tên tò chào rồi đi, cũng không ai để ý. Gặp thằng Đạt mình nói con Lan có chồng đại gia mày biết chưa? Nó nói biết rồi, Ba cờ la ma ta là đệ tử của ông này đây. Mình nói rứa a rứa a. Nó nói chơ rằng, không rứa con Lan rằng mà quen được. Mình kêu to, nói

kinh hồn cái bướm không lông.

Mình và thằng Đạt phi về Gio Linh thăm anh cu Kiện. Anh ngồi ăn với ba đứa con. Hai thằng đầu và cô con gái 4 tuổi. Anh Kiện nói con ni là con thằng Ba cờ la ma ta. Mình nói anh biết hết à? Anh cười hặc, ề he ngu chi không biết. Thằng Đạt nói biết rằng anh im lặng? Anh thả cái bát khóc oà, nói vì tui muốn có con... nhwng mần rãng mà có được. Rồi tụt quần, nói của tui ra ri để đái làm rãng. Mấy đứa con anh vỗ tay cười như nắc nẻ.

Anh Kiện xoa đầu bé gái, nói con Lan đẻ xong con ni thì đòi li dị. Tui nói cút cha mi đi, li dị cái mả tổ mi, mất công tao ra toà! Rứa là nó đi. Thả cả ba đứa con nhẹ không, y như đánh rắm xong bỏ đi, để người khác ngửi. Mình nhìn anh, nói thôi, anh có ba đứa con cũng được rồi. Anh Kiện nói chơ rãng, tui có ba đứa con, nó có bốn chồng, coi thử ai hơn ai. Thằng Đạt nói ề he, không khéo mai mốt con ni trị quốc bình thiên hạ chớ không phải chuyện chơi. Anh Kiện nói bình cái đầu buổi thì có, thiên hạ ngu cả à.

Anh Kiện bày rượu ra, nói uống với tui một ly rồi tui nói với các anh một câu. Mình với thằng Đạt uống với anh hết gần hai chai rồi mà anh vẫn không chịu nói. Thằng Đạt nhắc đi nhắc lại hai ba lần, nói anh nói chi thì nói đi. Anh Kiện cười cái hặc, nói trí thức các anh tởm lắm. Mình hỏi sao. Anh Kiện lại cười cái hặc, nói sao trắng chi hê, trí thức mấy anh cái chi cũng biết mà không chịu nói, ngậm miệng ăn tiền, ngu ngu tởm tởm, còn tởm hơn cái bướm không lông.